**VĂN BẢN 1:**

*Mùa hè năm đó là mùa hè quê ngoại.*

*Cuối năm lớp chín, tôi học bù đầu, người xanh như tàu lá. Ngày nào mẹ tôi cũng mua bí đỏ về nấu canh cho tôi ăn. Mẹ bảo bí đỏ bổ óc, ăn vào học bài sẽ mau thuộc. Trước nay, tôi vốn thích món này. Bí đỏ nấu với đậu phộng thêm vài cọng rau om, ngon hết biết. Nhưng ngày nào cũng phải buộc ăn món đó, tôi đâm ngán. Hơn nữa, dù dạ dày tôi bấy giờ tuyền một màu đỏ, trí nhớ tôi vẫn chẳng khá lên chút nào. Tôi học trước quên sau, học sau quên trước. Vì vậy tôi phải học gấp đôi những đứa khác.*

*Tối, tôi thức khuya lơ khuya lắc. Sáng, tôi dậy từ lúc trời còn tờ mờ. Mắt tôi lúc nào cũng đỏ kè. Ba tôi bảo :*

* *Nhất định đầu thằng Chương bị hở một chỗ nào đó. Chữ nghĩa đổ vô bao nhiêu rớt ra bấy nhiêu. Thế nào sang năm cũng phải hàn lại.*

*Mẹ tôi khác ba tôi. Mẹ không phải là đàn ông. Mẹ không nỡ bông phèng trước thân hình còm nhom của tôi. Mẹ xích lại gần tôi, đưa tay nắn nắn khớp xương đang lồi ra trên vai tôi, bùi ngùi nói :*

* *Mày học hành cách sao mà càng ngày mày càng giống con mắm vậy Chương ơi !*

*Giọng mẹ tôi như một lời than. Tôi mỉm cười trấn an mẹ:*

* *Mẹ đừng lo! Qua kỳ thi này, con lại mập lên cho mẹ coi!*

*Không hiểu mẹ có tin lời tôi không mà tôi thấy mắt mẹ rưng rưng. Thấy mẹ buồn, tôi cũng buồn lây. Nhưng tôi chẳng biết cách nào an ủi mẹ. Tôi đành phải nín thở nuốt trọn một tô canh bí đỏ cho mẹ vui lòng.*

*Dù sao, công của tôi không phải là công cốc. Những ngày thức khuya dậy sớm đã không phản bội lại tôi. Kỳ thi cuối năm, tôi xếp hạng khá cao.*

*Ba tôi hào hứng thông báo:*

* *Sang năm ba sẽ mua cho con một chiếc xe đạp.*

*Mẹ tôi chẳng hứa hẹn gì. Mẹ chỉ “thưởng” tôi một cái cốc trên trán:*

* *Cha mày! Từ nay lo mà ăn ngủ cho lại sức nghe chưa!*

*Ba tôi vui. Mẹ tôi vui. Nhưng tôi mới là người vui nhất. Tôi đàng hoàng chia tay với những tô canh bí đỏ mà không sợ mẹ tôi thở dài. Dù sao thì cũng cảm ơn mày, cơn ác mộng của tao, nhưng bây giờ xin tạm biệt nhé! Tôi cúi đầu nói thầm với trái bí cuối cùng đang nằm lăn lóc trong góc bếp trước khi cung tay cốc cho nó một phát.*

(Trích *Hạ đỏ*, Nguyễn Nhật Ánh, Nxb Trẻ, 2019)

**VĂN BẢN 2**

*Ở ngõ nhà tôi có một cây bạch đàn to, mỗi hôm ra ngóng bố mẹ tôi lại lấy mảnh trai cứa lên thân cây một vạch. Cho đến buổi chiều hôm ấy anh tôi đếm trên thân cây thấy vừa tròn mười lăm vạch. Chiều ấy khi trời đã tối hẳn, anh tôi đã dắt thằng út em vào nhà, tôi vẫn còn đứng nán lại nhìn một lần nữa phía con đường mòn. Tôi bỗng hét lên sung sướng vì đã nhìn thấy bóng dáng thân quen của bố mẹ đang đi về phía chúng tôi. Buổi chiều muộn ấy là một buổi chiều tràn ngập niềm vui, thằng út em sà vào vòng tay, dụi dụi vào ngực mẹ như nó vẫn còn nhớ mùi hương của sữa. Anh cả vừa hát vừa nhảy chân sáo đi đằng sau. Bố công kênh tôi trên đôi vai đã gầy sọp đi vì vất vả. Tối ấy cả nhà trải chiếu ra giữa sân ngập tràn ánh trăng, mẹ lại hát ru em ngủ, bố kể nốt câu chuyện cổ tích ‘‘Cây khế’’ còn dang dở 15 ngày trước…*

***Rồi khi em út tôi bị ung nhọt mọc đầy người, bố mẹ lại một lần nữa gồng gánh niềm tin xuôi tàu về Hà Nội. Nhà chỉ còn hai anh em chăm nhau nhưng vẫn không quên chiều chiều lại ra ngõ ngóng. Mấy đứa trẻ con trong xóm chơi bắn bi với tôi bị thua nên ghét tôi lắm, cứ chiều thấy anh em tôi ra ngõ là chúng lại xúm vào trêu rất ác: ‘‘Đồ mồ côi! Anh em nhà mồ côi bị bố mẹ bỏ rơi. Ê ồ! Ê ồ!’’ Tôi vừa gào khóc vừa nhặt đất đá ném lũ trẻ.*** *Anh cả cõng tôi trên lưng đi về phía con đường mòn, chúng tôi cứ đi từ khi mặt trời bắt đầu xuống núi đến khi tôi mỏi mắt cũng không nhìn rõ hướng đi. Lúc ấy tôi khóc khản cả cổ còn anh trai thì luôn miệng dỗ dành:*

*- Em gái ngoan nào, để anh cõng em đi tìm bố mẹ đi tìm em út nhé. Rồi mai anh đi hái quả đùm đũm chín mọng đỏ cho ăn nhé.*

*Đấy là lần đầu tiên chúng tôi nhìn thấy ga tàu, hai đứa trẻ con cõng nhau đứng lọt thỏm giữa sân ga im ắng, khách xuống tàu đã về hết tự lúc nào. Anh tôi đứng lặng rất lâu, tôi thấy có vài giọt nước ấm rơi xuống đôi bàn tay đang bá vào cổ anh. Tôi biết là anh đang khóc, nhưng sau đó anh lại xốc tôi lên và cõng quay trở lại con đường mòn khi nãy.*

 *Tôi không thể nhớ nổi có biết bao buổi chiều đã đi qua cuộc đời chúng tôi buồn bàng bạc như thế. Bởi em tôi bệnh rất nặng, phải mấy năm sau em mới thật sự khỏi bệnh. Trong lúc bố mẹ tôi gồng gánh trên đôi vai mình những gian nan, vất vả chạy chữa khắp nơi để cứu lấy sinh mạng em tôi, thì anh trai đã phải lớn lên trước tuổi để che chở, bao bọc thứ niềm tin nhỏ bé trong tôi. Từ tình yêu thương đó tôi lớn lên từng ngày một, tôi hiểu ra rằng những chuyến đi của bố mẹ có ý nghĩa lớn lao như thế nào, tôi cũng hiểu rằng anh cả là một người anh thật tuyệt vời. Lúc bố mẹ vắng nhà anh đã đứng vững, đã làm cái “nóc nhà” để che chở vỗ về và cả tha thứ cho bầy em bé nhỏ của mình.*

*Cho đến mãi sau này tôi cũng không bao giờ quên những buổi chiều anh trai tôi dắt tôi ra ngõ ngóng người thân trở về. Cây bạch đàn ở ngõ đã bao lần thay vỏ, những vết khắc năm xưa đã không còn nữa nhưng vết khắc tuổi thơ thì vẫn luôn hằn trong tâm trí chúng tôi. Để sau này khi dòng xoáy cuộc đời có cuốn chúng tôi về đâu đi nữa thì những buổi chiều ngang qua cuộc đời sẽ giúp tôi tìm về nguồn cội để biết yêu thương và được yêu thương thật nhiều trong vòng tay ấm áp của gia đình.*

(Theo tác giả Vũ Thị Huyền Trang, *Ga tàu tuổi thơ*, báo *Tài hoa trẻ,* số 750 ngày

15.02.2012)

**VĂN BẢN 3**

**Cha tôi**

 *Nhà tôi có bốn người.*

 *Cha tôi thế hệ 5X, chớm già. Hơn nửa thế kỉ có mặt trên đời thì bốn mươi năm*

*cha mặc áo nhà binh, cầm súng và xa nhà. Mẹ thế hệ 6X, sinh sau cha hơn một giáp,*

*luôn chịu cảnh xa chồng. Chị Mai tôi thế hệ 7X đã gần ba mươi tốt nghiệp đại học, chị đi làm cho một doanh nghiệp Nhật Bản, suốt ngày ăn cơm tiệm.*

 *Tôi, thế hệ 8X, mười chín tuổi, tốt nghiệp phổ thông hạng làng nhàng, thi vào đại học hai lần đều trượt. Sống theo ý mình luôn là cảm hứng thường trực và tự do muôn năm. Sống tự do theo ý thích, tôi suốt ngày chơi bời, đàn đúm. …đầu tóc thì đổi kiểu xoành xoạch, hết nhuộm hoe hoe vàng lại hấp màu lông chuột.*

 *Cha khoác ba lô về hẳn nhà, nghỉ hưu. Một ba lô quân phục màu phân ngựa. Hai đôi giầy đen một cũ một mới. Một mũ kê pi. Chín cái huân, huy chương đỏ rực, vàng chóe. Một đôi dép đúc mòn vẹt gót. Nghe nói cha cất giữ từ hồi ở Trường Sơn.*

*(…) Đến tận lúc về, con bé bạn tôi còn chưa hết hãi:*

*- Khiếp! Ông già mày ghê quá. Hỏi tao mà cứ như mật thám hỏi cung các chiến sĩ*

*cộng sản trong nhà tù đế quốc thực dân ấy.*

*- Bố tao nghiêm thế. Nhưng mà thương vợ con và mọi người lắm.*

*- Tao đếch thích kiểu thương ấy. Bận sau nếu có chuyện gì tao với mày ra quán cà phê cho tiện.*

 *Cánh cổng khép lại. Tôi mang theo nỗi ấm ức của thằng con trai mới lớn.*

*- Cha cứ làm kiểu này thì con hết bạn, hết chỗ chơi. Từ bây giờ có giời bảo cũng chẳng đứa nào dám đến nhà mình nữa.*

*- Mẹ con con ăn uống, đi lại, ngủ nghỉ, chơi bời không ổn chút nào. Ma túy, tệ nạn xã hội đầy ra đấy. Các con còn non nớt. Rất dễ sa ngã.*

 *Tôi tức quá cãi lại:*

*- Bao nhiêu năm qua không có cha, mẹ con con vẫn sống tốt cơ mà. Cả cuộc đời cha ở trong quân đội, ngoài việc sinh bọn con ra cha đã làm được cái gì cho cái nhà này*

*chưa mà cha trách mắng mọi người...*

 *Nói chưa dứt, mắt tôi đã hoa cả lên. Một cái tát nổ đom đóm mắt từ bàn tay thô ráp quen cầm súng nhà binh. Tôi ngã dúi. Cha quát to:*

*- Chả nhẽ cha đi bộ đội bao nhiêu năm cống hiến cho đất nước là để cho con nói với*

*cha bằng cái giọng chợ giời ấy hả? Bà ấy đâu rồi? Con hư tại mẹ!*

 *Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà. Bà tôi mất từ lâu lắm rồi còn mẹ ở cửa hàng mỹ phẩm vẫn chưa về, chị Mai ngoan ngoãn thì đi học thêm Anh văn. Dường như lòng tự trọng của đứa con trai mới lớn chấm hết. Tất cả kìm hãm, dồn nén sự khó chịu của tôi từ lúc cha về đã quá đủ. Cha - một người cha đi biền biệt bao nhiêu năm để rồi bỗng dưng về nhà xới tung lên mọi thứ với kỷ luật nhà binh. Tôi nói với cha:*

*- Thôi cha! Đừng bao giờ nói với con về những ngày tháng cha đi bộ đội. Thời oai*

*hùng xa lắm lắm rồi, cha ạ.*

 *Sắc mặt của cha tôi đỏ hồng lại tím nhanh dễ sợ. Môi ông lắp bắp:*

*- Mà... mày... nói... ca... cái... gì?*

*Ông ôm đầu, đau đớn, ngồi phịch xuống giường gấp.*

*- Chẳng có gì cả! Con nói là, - Tôi nhấn mạnh từng chữ - con chán ghét cha và cả những điều cha nghĩ, những gì cha nói và cha làm. Cha đã biến cả nhà ta thành trại*

*lính.*

 *Tôi cãi lại cha và tôi lao khỏi nhà. Tôi bỏ đi lang thang trên phố. Đêm tôi không về. Sau này, khi “trời yên biển lặng”, tôi mới biết: Suốt đêm ấy, cha lo lắng sợ tôi dạt vòm đi bụi đời. Ông điện thoại báo hung tin về thằng con quý tử bỏ nhà cho bạn bè, đồng đội đã phục viên, xuất ngũ, nghỉ hưu biết. Người nọ vội vã gọi người kia lan truyền theo cấp số nhân, như thể chiến tranh sắp nổ ra, huy động gần hết một “tiểu đoàn quân” đi tìm... tôi.*

Trích *Cha tôi*, Sương Nguyệt Minh, vănnghe.ninhbinh.gov.vn

**VĂN BẢN 4**

**CHIỀU DÀY CỦA BỨC TƯỜNG**

 *Chỗ này ngày xưa tôi treo một bức tranh phong cảnh.*

 *Bức tranh ấy đã làm tôi như được gần thiên nhiên hơn giữa các toà nhà khối hộp góc cạnh khô khan và đơn điệu.*

 *Còn bây giờ chị treo ở đấy cái lồng bàn nhựa xanh.*

 *Chỗ kia là chỗ của chiếc lá phong tôi mang từ Nga về với bao kỉ niệm. Rồi gió to, rồi nắng to, rồi độ ẩm lớn, tất cả đã ập tới đập vào cái lá mỏng manh ấy cho đến khi nó chỉ còn là những cái gân nhỏ xíu yếu ớt và cuối cùng tan ra, bay đi. Nhưng với tôi bao giờ chiếc lá phong vẫn cứ ở chỗ đó, ở chỗ của nó.*

 *Còn bây giờ cái tủ đã che kín khoảng tường ấy.*

 *Chỗ kia nữa với những dáng người buồn vui trên bức tường, có được từ những lần tôi nhìn rất lâu vào những vệt vôi vô tình và tưởng tượng ra, nay phủ lớp ve xanh.*

 *Chẳng còn ở đấy dáng người giống dáng tôi hồi bé.* *Không thấy đâu hai mái đầu đang chụm lại thì thẩm.* *Cái mũi cao hếch với hàng mi rợp buồn ở góc tường kia làm tôi thẫn thờ bao* *lần giờ nơi nao?*

 *Tất cả, tất cả đều xa lạ, xa lạ quá...*

 *Cuộc đến thăm căn phòng cũ đã không như tôi tưởng.*

 *[...] Về đến nhà mình, nhìn mọi vật trong phòng, tôi bỗng nhớ tới người chủ cũ của nó.* ***Không biết chỗ hiện nay tôi đặt giá sách người chủ cũ đã gửi gắm tình cảm gì vào đó? Bức tường ấy đã chứng kiến những gì trong phần đời của họ?***

 ***Chẳng hiểu lớp vôi quét đã phủ lên những kỉ niệm nào của người chủ trước đây?***

 *Rồi tôi chợt giật mình nhận ra: Lớp kỉ niệm của tôi trên những bức tường sẽ luôn nằm ở giữa lớp kỉ niệm của người đến trước và người đến sau tôi.*

 *Và những bức tường cứ dày lên cùng với những lớp kỉ niệm ấy.*

(Phạm Sông Hồng, *Chiều dày của bức tường*, Trần Hoài Dương tuyển chọn, Tuyển tập truyện ngắn hay Việt Nam dành cho thiếu nhi, tập 3, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2016)

**VĂN BẢN 5**

**ÁO TẾT**

 *Con bé Em cười tủm tỉm khi nghĩ tới cái áo đầm màu hồng mà má nó mới mua cho:
- Tết này, mình mà mặc cái áo đó đi chơi, đẹp như tiên cho mà coi.
 Nó nghĩ và nó muốn chia sẻ với con Bích, bạn nó.
 Con Bích ở trong hẻm, nhà nó nghèo, má nó đi bán bắp nướng ngoài đầu hẻm, con bé Em thích con Bích vì nó hiền, với lại ngồi kế nhau từ lớp một tới lớp năm, làm sao mà không thân cho được. Hôm hai mươi sáu, học buổi cuối năm, hai đứa nôn Tết quá trời nên tính trước, nếu mùng một con bé Em đi về ngoại thì mùng hai hai đứa đi tới nhà cô giáo. Bây giờ con bé Em tính trong đầu, tới bữa đó chắc nhiều bạn nữa, cho nên nó sẽ mặc cái áo đầm mới thắt nơ, bâu viền kim tuyến cho tụi bạn lé con mắt luôn.
 Con Bích đang ngồi nướng bắp thế cho má nó đi xách cặn cho heo. Bé Em muốn khoe liền nhưng bày đặt nói gièm:
- Còn mấy ngày nữa Tết rồi hen, mầy có đồ mới chưa?
- Có, má tao đưa vải cho cô Ba thợ cắt rồi, má tao nói gần Tết đồ nhiều, dồn đống, chắc tới hai mươi tám mới lấy được.
- Vậy mầy được mấy bộ?
- Có một bộ hà.
Con bé Em trợn mắt:
- Ít quá vậy?
- Con Út Mót với Con Út Hết được hai bộ. Tao lớn rồi, nhường cho tụi nó.
- Vậy à?
Bé Em mất hứng hẳn, nó lựng khựng nửa muốn khoe, nửa muốn không.
Nhưng rõ ràng là con Bích không quên nó:
- Còn mầy?
- Bốn bộ. Má tao mua cho đủ mặc từ mùng một tới mùng bốn, bữa nào cũng mặc đồ mới hết trơn. Trong đó có bộ đầm hồng nổi lắm, hết sẩy luôn.
- Mầy sướng rồi.
Con Bích nói xong vẫn cười nhưng mắt nó xịu xuống, buồn hẳn. Nhà nó nghèo, sao bì được với nhà con bé Em. Hồi nhỏ nó chuyên mặc áo con trai của anh hai nó để lại. Áo nó thì chuyền cho mấy đứa em, tới con Út Hết là đồ đã cũ mèm, mỏng tang, kéo nhẹ cũng rách. Được cái mấy chị em nó biết thân, lo học chớ không so đo chuyện cũ mới. Má nó nói hoài: "Nhà mình nghèo quá hà, ráng vài năm nữa, khá giả rồi má sắm cho". Con bé Em nhìn con Bích lom lom rồi cúi xuống, trở trở trái bắp nướng:
- Bộ đồ mầy may chắc đẹp lắm, bữa mùng hai mầy mặc bộ đó đi nhà cô hen?
Rồi tới mùng một, mùng hai, bé Em lại rủ con Bích đi chơi. Hai đứa mặc đồ hơi giống nhau, chỉ khác là con Bích mặc áo trắng bâu sen, con bé Em thì mặc áo thun có in hình mèo bự. Cô giáo tụi nó khen:
- Coi hai đứa lớn hết trơn rồi, cao nhòng.
Hai đứa cười. Lúc đó con bé Em nghĩ thầm, mình mà mặc bộ đầm hồng, thế nào cũng mất vui. Bạn bè phải vậy chớ. Đứa mặc áo đẹp, đứa mặc áo xấu coi gì được, vậy sao coi là bạn thân. Nhưng Bích lại nghĩ khác, bé Em thương bạn như vậy, tốt như vậy, có mặc áo gì Bích vẫn quý bé em. Thiệt đó.*

*(Áo Tết,*[*Nguyễn Ngọc Tư*](https://dembuon.vn/tags/nguyen-ngoc-tu/)*, in trong Bánh trái mùa xưa, Nxb Văn học)​*

 *\* Nguyễn Ngọc Tư là một trong những nhà văn nữ nổi tiếng nhất của Việt Nam đương đại. Bà sinh năm 1976 tại tỉnh Cà Mau, trong một gia đình nông dân nghèo. Bà bắt đầu viết văn từ năm 1997 và nhanh chóng gây được tiếng vang với những truyện ngắn mang đậm chất Nam Bộ, như "Sông nhỏ lở quanh", "Nước chảy mây trôi", "Cánh đồng bất tận".. Tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư thường tập trung vào đề tài cuộc sống của người dân miền Tây sông nước. Bà có một vốn sống phong phú và một khả năng quan sát tinh tế, giúp bà khắc họa thành công những con người và mảnh đất Nam Bộ. Nguyễn Ngọc Tư là một nhà văn giàu cảm xúc và có lối viết độc đáo. Bà sử dụng ngôn ngữ giản dị, mộc mạc nhưng vẫn giàu chất thơ, tạo nên những câu chuyện vừa chân thực vừa lãng mạn. Bà đã được trao tặng nhiều giải thưởng văn học uy tín, trong đó có giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam, giải thưởng Văn học ASEAN, và giải thưởng Sách hay của Hội Xuất bản Việt Nam. Một số tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Ngọc Tư: Truyện ngắn: Sông nhỏ lở quanh, Nước chảy mây trôi, Cánh đồng bất tận, Biển Đông ngày ấy.. Tiểu thuyết: Nước chảy mây trôi, Cánh đồng bất tận, Ngọn đèn không bao giờ tắt.. Thơ: Cỏ hoang..*

**VĂN BẢN 6**

*[..] Có những ngày mà tự nhiên không hiểu tại sao, ta thấy khó chịu, và hay gắt gỏng, không muốn làm việc gì. Tôi đang ở vào một ngày như thế mà chiều trời hôm ấy lại ảm đạm và rét mướt càng khiến cho cảm giác đó rõ rệt hơn.****Tôi đi vài bước trên con đường phố vắng người. Một cái xe tay đằng xa đi lại, anh phu xe co ro vì rét, hai tay giấu dưới manh áo tơi tàn. Theo lệ như mọi khi, tôi mặc cả:
- Xe đi không? Bốn xu về gần nhà bò Yên Phụ.*** *- Thầy cho sáu xu.
- Không, bốn xu là đúng giá rồi.
Tôi vừa nói vừa bước đi. Người phu xe đã có tuổi, cứ kéo cái xe theo sau tôi mà lẩm bẩm: "Bốn đồng xu từ đây về nhà bò". Cái tiếng nhà bò anh ta nhắc đi nhắc lại làm cho tôi khó chịu. Tôi biết đó là một cách của các phu xe cứ đi theo sau khách để làm cho người ta bực tức, tôi lại càng ghét và quay lại gắt:
- Có đi hay không thì thôi! Đừng có theo sau người ta mà lải nhải.
Thấy tôi gắt, người phu xe đứng lại, không dám theo nữa. Nhưng để tôi đi một quãng xa, anh ta ới gọi:
- Lại đây đi mà.*

*Rồi anh ta hạ càng xe xuống, cứ đứng yên chỗ ấy đợi chứ không kéo lại phía tôi. Cái cử chỉ ấy làm tôi sinh ghét thêm, đã toan không đi, nhưng lúc ấy không có cái xe nào khác. Tôi giận dữ bước mạnh lên xe, vừa mắng:
- Anh thật là lắm chuyện, không đi ngay lại còn vẽ.
Anh xe cãi lại:
- Từ đây về đấy thầy cho được bốn đồng xu thật rẻ quá!
- Thì ai bảo anh đi? Không có tôi đã gọi xe khác.
Người phu xe khẽ thở dài, yên lặng nhấc xe lên. Lúc bấy giờ tôi mới ngả mình ra phía sau, nhưng thấy cái đệm cứng như gỗ đập vào lưng, tôi cúi xuống bên nhìn cái tay xe.
Tôi đoán không sai, chính là một cái xe hiệu "con lợn" cái tên hiệu cũng xứng đáng một hạng xe tàng ở ngoại ô mà tôi vẫn phải đi. Anh xe này đã vào đây kéo trộm, vì xe ngoại ô không được phép vào thành phố đón khách, nếu không tuân lệnh thì bị phạt từ ba đến bốn đồng bạc. Sự tồi tàn của cái xe làm tôi càng ghét anh xe nữa.
- Xe khổ thế này mà anh lại còn đòi cao giá.
- Xe thế mà thầy chê thì còn thế nào nữa!*

*Anh xe bướng bỉnh cũng không chịu kém. Tôi nói câu gì là anh ta đối lại liền. Sau cùng, giận quá, tôi dẫm mạnh chân xuống sàn xe, gắt:
- Thôi, câm họng đi, đừng lải nhải nữa. - Sự giận dữ làm cho tôi quên rằng anh xe cũng chỉ có trả lời những câu mắng của tôi mà thôi, và chính tại tôi gắt với anh ta nhiều quá.
Nhưng lúc bấy giờ tôi chỉ thấy tức người kéo xe ấy đến cực điểm, vì hắn dám cãi lại tôi mà không sợ.
Xe đi khỏi nhà máy nước thì gặp một người đội xếp tây đi xe đạp lại, theo sau một người đội xếp ta. Tôi nhận thấy anh xe kéo tôi có ý luống cuống và sợ hãi. Có lẽ vì thế mà người cảnh sát để ý, đi giáp vào cái xe kéo để xem dấu hiệu.
- Ê! Đứng lại!
Người kéo xe dừng chân… Anh ta quay lại tôi hớt hải van xin:
- Lạy thầy… thầy nói giúp con... thầy làm ơn…
Dưới ánh đèn tôi thấy mặt anh xe tái mét. Những vết răn in sâu xuống trên mặt già nua hốc hác, chân tay người khốn nạn ấy run bật lên và tôi thấy cái rung động chuyển cả vào chiếc thân xe.
Người cảnh sát tây đến, nói bằng tiếng ta hơi sõi:
- Mày chết nhé! Mày sẽ bị phạt!
Người phu xe ấp úng nói thì ông ta khoát tay bảo im, rồi quay lại tôi hỏi, lần này bằng tiếng Pháp.
- Người này kéo ông từ trong phố ra hay ông đi khứ hồi?*

*Tôi liếc mắt nhìn anh kéo xe. Trong bóng tối của vành nón qua ngang mặt, tôi thấy hai mắt anh ta long lanh nhìn tôi, như khẩn cầu van xin yên lặng. Tôi biết lời nói của tôi sẽ làm anh ta bị bắt hay không. Những khi nói chuyện với các phu xe khác, tôi được biết rằng nếu người khách nói là đi khứ hồi từ ngoại ô, thì người xe không việc gì. Nhưng lúc ấy, lời van xin của anh xe kia không làm cho tôi động lòng, mà lại làm cho tôi ghét anh thêm. Tôi trả lời người đội xếp:
- Tôi đi từ phố hàng Bún.
- Vậy phiền ông xuống xe.
Rồi anh ta nhìn anh phu xe, cười một cách tinh quái:
- Allez! Đi về bót!
Khi anh phu xe run sợ và hai người cảnh sát đã khuất đầu phố, tôi mới quay đi thong thả trên bờ hè. Cơn giận của tôi đã hết rồi. Sự hối hận dần thấm thía vào lòng tôi, tôi thấy một cái chán nản bực tức rung động trong người. [..]*

(Nguồn:Tuyển Tập Thạch Lam. XXB văn học, 2018)

**VĂN BẢN 7**

# CỦ KHOAI NƯỚNG

# *[...]Trong chốc lát đống cành khô bén lửa và đợi đến khi nó chỉ còn lớp than hồng rực Mạnh mới vùi củ khoai vào. Cậu ngồi im lắng nghe một sự dịch chuyển vô cùng tinh tế dưới lớp than, cùi trắng muốt đang bị sức nóng ủ cho thành mật. Từng khoảnh khắc với Mạnh lúc này trở nên vô cùng huyền diệu. Rồi có một mùi thơm cứ đậm dần, cứ quánh lại, lan tỏa, xoắn xuýt.*

#  *[...] Chợt cậu thấy có hai người, một lớn, một bé đang đi tới. Ông già ôm theo bọc tay nải còn cậu bé thì cứ ngoái cổ lại phía làng. Cậu nhận ra hai ông cháu lão ăn mày ở xóm bên. Hôm nay, chẳng có phiên chợ sao ông cháu lão cũng ra khỏi nhà nhỉ. Vài lần giáp mặt cậu bé và thấy mặt mũi nó khá sáng sủa. Bố mẹ nó chết trong một trận lũ quét nên nó chỉ trông cậy vào người ông mù lòa. Mạnh lén trút ra tiếng thở dài khi ông cháu lão ăn mày đã đến rất gần. Có thể thấy rõ cánh mũi lão phập phồng như hà hít tìm thứ mùi vị gì đó. Cậu bé vẫn câm lặng, thỉnh thoảng lén nhìn Mạnh.*

# *- Mùi gì mà thơm thế? - ông cậu bé lên tiếng - Hẳn ai đang nướng khoai.*

# *- Ngồi nghỉ một lát để ông xin lửa hút điếu thuốc đã cháu.*

# *Ông lão lần túi lấy gói thuốc lào. Thằng bé giúp ông tháo khỏi lưng chiếc điếu nhỏ xíu. Mùi khoai nướng vẫn ngào ngạt và Mạnh đành ngồi chết gí, không dám động cựa. Chỉ khi ông lão nhờ, cậu mới cúi xuống thổi lửa. Chà, ông cháu lão mà ngồi dai là củ khoai cháy mất. Đã có mùi vỏ cháy. Lửa sẽ lấn dần vào cho đến khi biến củ khoai thành đen thui mới thôi. Dường như đoán được nỗi khó xử của Mạnh, ông lão bảo:*

#  *- Tôi chỉ xin lửa thôi...*

#  *Mạnh như bị bắt quả tang đang làm chuyện vụng trộm, mặt đỏ lên. Nhưng ông lão mắt lòa không thể nhìn thấy còn cậu bé ý tứ nhìn đi chỗ khác.*

# *- Thôi, chào cậu nhé. Ta đi tiếp đi cháu!*

# *Ông lật đật đứng dậy, bám vào vai cậu bé, vội vã bước. Cậu bé lặng lẽ nhìn Mạnh như muốn xin lỗi vì đã làm khó cho cậu. Cái nhìn đĩnh đạc của một người tự trọng, không muốn bị thương hại khiến Mạnh vội cúi gằm xuống. Ôi, giá như có ba củ khoai, chí ít cũng là hai củ. Đằng này chỉ có một... Mạnh thấy rõ tiếng chân hai ông cháu xa dần. Nhưng chính khi ấy, khi củ khoai nóng hổi, lớp vỏ răn lại như từng gợn sóng nằm phơi ra trước mắt Mạnh, thì nỗi chờ đón háo hức lúc trước cũng tiêu tan mất. Giờ đây củ khoai như là nhân chứng cho một việc làm đáng hổ thẹn nào đó. Dù Mạnh có dối lòng rằng mình chẳng có lỗi gì sất nhưng cậu vẫn không dám chạm vào củ khoai... Hình như đã có người phải quay mặt đi vì không dám ước có được nó. Có thể ông nội cậu đã từng nhìn củ khoai nướng cho ông làm nên sự nghiệp bằng cái cách đau đớn như vậy.*

#  *Mặc dù rong trâu về từ chiều nhưng mãi tối mịt Mạnh mới vào nhà. Giờ đây mới là lúc cậu sống trọn vẹn với cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá. Cậu nhắm mắt lại mường tượng giây phút cậu bé kia mở gói giấy báo ra. Nửa củ khoai khi đó sẽ khiến cậu ta liên tưởng đến phép lạ, có thể lắm chứ! Và rồi cậu thấy lâng lâng đến mức chính mình tự hỏi liệu đây có phải là giấc mơ?*

**VĂN BẢN 8**

 *Ở cái xóm nhỏ ven thành phố này, người ta nhắc tới anh Hết còn nhiều hơn chủ tịch tỉnh đi họp. Ðứa nào hỗn hào, lười biếng, má nó biểu: "Lại coi thằng Hết kìa! Ba mươi mấy tuổi đầu rồi, ngày đi làm thuê, làm mướn, không có chuyện gì nó chê, chiều về lụi hụi chui vô bếp nấu cơm, giặt giũ cho cha già, hiếu thảo thấy mà thương".*
 *[..] Tía anh Hết năm nay 72 tuổi. Tuổi này, người ta hay đau yếu nhưng ông vẫn còn sỏi lắm. Ông già khó tính, thêm tật lãng tai. [..] Chừng năm năm trước, ông còn vô bếp nấu cơm, mắt mũi tèm nhèm để lửa táp vô vách lá, nhà cháy rụi. Anh Hết cất lại nhà trên nền cũ đầy tro*

 *[..]*
 *Bữa nào anh Hết cũng chổng mông thổi lửa, rồi dọn cơm sẵn, ngồi dựa cửa trước chờ tía anh về. Có bữa chờ tới mỏi mòn, để bụng đói ngồi ngủ gà gật. Người ở xóm biểu cứ ăn trước đi chớ chờ gì, anh cười, mâm cơm có ấm cúng, tía tôi mới vui miệng, ăn nhiều. Nhưng có bữa, anh mới vừa giở cửa chui vô nhà, ông già đã ngồi nhai cơm cháy, bị nghẹn, mắt ầng ậng nước. Anh thương tía quá chừng vội vàng chạy đi vo gạo.*

 *Anh Hết mồ côi má từ mới lọt lòng. [..] . Tía anh không đi bước nữa, ngày ngày cột sợi dây võng dài từ nhà trên xuống bếp, vừa đưa vừa nấu nước cháo, hát vọng lên, "Chớ ầu ơ. Cây khô đâu dễ mọc chồi.". Chừng này tuổi rồi, mỗi khi anh đặt lưng xuống bộ vạc, lại nhớ ngơ nhớ ngẩn lời hát của tía anh ngày xưa. Buồn lắm, nghe đứt ruột lắm. Càng nhớ anh càng thương ông. Câu được vài ba con cá rô, anh bắc cái ơ lên kho quẹt, tỉ mẩn lọc phần thịt dành cho tía, phần xương xẩu phần mình. Những trưa nắng tốt, tranh thủ giờ cơm trưa anh xin phép chạy về, dắt tía anh ra ngoài hè tắm rửa, kỳ cọ. Những tối trời mưa, anh lúp xúp cầm cái nón mê đi đón ông già. Ði cạnh, che đầu cho ba, nghiêm trang như đang chở che cho sinh linh nào đó nhỏ bé lắm, yếu ớt lắm.*
 *Nhưng ông già đâu có yếu, ông xách gậy rượt đánh anh hoài đó chớ. Tía đầu bạc rượt thằng con đầu xanh chạy cà tưng đuổi nhau lòng vòng quanh mấy cây me già ngoài mé lộ. Ðám trẻ xúm lại, vỗ tay như coi hát bội. Hỏi anh Hết sao không chịu chạy nhanh để bị dính đòn, anh bảo, chạy thì được, nhưng càng nhanh thì tía anh càng mệt, chịu có mấy roi nhẹ hều, nhằm gì [..]*

(*Trích Hiu hiu gió bấc, Nguyễn Ngọc Tư, theo* *fanpage* *Nguyễn Ngọc Tư đăng ngày 13/08/2015)*

**VĂN BẢN 9**

*Hồi còn nhỏ, nhỏ xíu, tôi chưa có bạn gái. Suốt ngày chỉ chơi với…mẹ tôi và bà nội tôi. Mẹ tôi rất thương tôi nhưng vì mẹ sợ ba nên ít khi mẹ che chở được tôi trước những trận đòn của ba tôi. Bà tôi thì lại khác. Bà sinh ra ba nên ba phải sợ bà. Điều đó thật may mắn đối với tôi.*

*Hồi nhỏ tôi rất nghịch, ăn đòn khá thường xuyên. Điều đó buộc đầu óc non nớt của tôi phải tìm cách đối phó với những trận đòn trừng phạt của ba tôi. Mỗi lần phạm lỗi, hễ thấy ba tôi dợm rút cây roi mây ra khỏi vách là tôi vội vàng chạy sang nhà bà tôi. Bà tôi thường nằm trên cái sập gỗ lim đen bóng, bên dưới là những ngăn kéo đựng thuốc bắc của ông tôi. Bà nằm đó, miệng bỏm bẻm nhai trầu, tay phe phẩy chiếc quạt mo cau với một dáng điệu thong thả.*

*- Bà ơi, bà!- tôi chạy đến bên chiếc sập, hỏn hển kêu.*

*Bà tôi chỏi tay nhỏm dậy:*

*- Gì đó cháu?*

*- Ba đánh! – Tôi nói, miệng méo xệch.*

*- Cháu đừng lo! Lên đây nằm với bà!*

*Bà tôi dịu dàng trấn an tôi và đưa tay kéo tôi lên sập, đặt tôi nằm khuất sau lưng bà, phía sát tường. xong, bà tôi xoay người lại, nằm quay mặt ra ngoài.*

*Lát sau, ba tôi bước qua, tay vung vẩy con roi dài, miệng hỏi:*

*- Mẹ có thấy thằng Ngạn chạy qua đây không?*

*- Không thấy.*

*Bà tôi thản nhiên đáp và tiếp tục nhai trầu. Tôi nằm sau lưng bà, tim thót lại vì lo âu. Tôi chỉ cảm thấy nhẹ nhõm khi nghe tiếng bước chan ba tôi xa dần. {….}.*

*Bà tôi không bao giờ từ chối yêu cầu của tôi. Bà vừa gãi lưng cho tôi vừa thủ thỉ kể chuyện cho tôi nghe. Những câu chuyện đời xưa của bà tôi nghe đã thuộc lòng…. Tuy vậy, mỗi khi bà kể chuyện, tôi luôn luôn nằm nghe với cảm giác hứng thú hệt như lần đầu tiên, có lẽ do giọng kể dịu dàng và âu yếm của bà, bao giờ nó cũng toát ra một tình cảm trìu mến đặc biệt dành cho tôi khiến trái tim tôi run lên trong một nỗi xúc động hân hoan khó tả. Và tôi ngủ thiếp đi lúc nào không hay, với trái tim không ngừng thổn thức.*

                                                     ( Nguyễn Nhật Ánh. *Mắt biếc*, Nxb Trẻ, 2021)

**VĂN BẢN 10**

**AI BIỂU XẤU**

(Nguyễn Ngọc Tư)

 *“...Bạn diễn đạt hơi thiếu biểu cảm. Giọng bạn đuối đi khi đến cao trào. Một điểm nữa là ngoại hình bạn bị hạn chế. Mà đây là thi Tiếng hát truyền hình chứ không phải tiếng hát phát thanh...”. Lời nhận xét này của một thành viên ban giám khảo cuộc thi tiếng hát truyền hình tỉnh trong đêm chung kết. Tôi thấy một chút điếng dại đi thoáng qua trên gương mặt thí sinh, khi giữa sân khấu lấp lóa ánh đèn, trước hàng ngàn người và đông đảo bạn xem truyền hình trực tiếp, anh bị chê... xấu.*

 *Hẳn anh không muốn mình xấu. Hẳn cha mẹ anh cũng không muốn sinh con xấu. Nhưng vào cái lúc vị giám khảo đến từ thành phố văn minh kia “âu yếm” (quả thật vẻ mặt ông rất hồn nhiên) nhận xét về ngoại hình mình, anh sẽ oán giận cuộc đời, oán giận mẹ cha đã tạo ra anh giữa đời này, làm cho anh tới nông nỗi này, chết đứng trên sân khấu. Mà anh vẫn phải gượng gạo cười, chờ người ta chê xong, cảm ơn, và rời sân khấu trên đôi chân không phải của mình, gương mặt không còn là của mình, di chuyển một thân xác đã khô những máu, thân xác cũng không còn là của anh.*

 *Tôi bỗng nghĩ mình may, phải biết hát hò, có khả năng tôi cũng đi thi. Và cái cô Hà Há Ha mang số báo danh Không Không Có cũng bị trời trồng bởi “ngoại hình hạn chế” hay “tên bạn rất không hợp để làm… ca sĩ”. Bất ngờ? Không, ta vẫn biết vậy khi nhìn vào gương, khi nghĩ về mình, nhưng ta vẫn đau một cách không kiềm chế. Và ánh đèn đêm đó, vẻ mặt vô tư của vị giám khảo đó, biển người đó, bài ca đó… mãi mãi là nỗi ám ảnh không nguôi được. Chỉ muốn làm cát, làm nước, làm giun dế cho rồi…*

 *Sao ngay từ đầu, trong thể lệ cuộc thi, người ta không đưa ra điều kiện “ngoại hình đẹp” như mấy nhà hàng vẫn thường dán thông báo tuyển tiếp viên. Nhất thiết phải dán mấy cái hình mẫu Jude Law, Lương Triều Vỹ hay Mai Phương Thúy để người ta hiểu đẹp là phải như thế này. Bởi mỗi người có một quan niệm khác nhau về cái đẹp, như tôi, lam lũ, đen đúa, bụi bặm… là đẹp, thì bạn nói bạn thích vẻ dịu dàng, thuần khiết, mỏng manh, sang trọng… Người dự thi, sau khi ngó qua tiêu chí và mấy tấm hình mẫu thì dù có giọng đẹp như Lê Dung, Tuấn Ngọc, Mỹ Linh cũng ngó lại cái “ngoại hình hạn chế” mà rút lui không nuối tiếc.*

 *Để không phải trút tâm huyết gan ruột mình hát cả chục bài, vượt qua bốn năm vòng thi; để không nuôi chút vui, chút hy vọng, khát vọng gì khi qua mỗi ải; để không phải xót lòng nghe người đời hỏi, “ê, sao ba má bạn đẻ bạn xấu vậy?”. Để đi qua một giấc mơ dài, chợt tỉnh bất ngờ vì bị dội vào người thứ nước lấy lên từ những dòng sông băng, buốt nhức, cắt da cắt thịt. Tỉnh dậy, để thấy đời buồn vì những chuyện không đâu.*

 *Cảm giác và nói ra cảm giác là hai chuyện khác nhau, một cái là của riêng mình và cái kia tác động đến người khác. Ai cũng nghĩ như vị giám khảo kia, nhưng không phải ai cũng thiếu tế nhị, thừa tàn nhẫn để thể hiện nó bằng lời, công khai giữa đám đông.*

 *Tôi nhớ có lần, bạn bè hỏi tôi sao mà lúc này quan tâm quá nhiều tới nhan sắc. Tôi cười thầm, ngoài miệng nói vậy thôi, chứ thật ra tôi tin là mình cũng… có chút duyên ngầm. Nhưng tin cũng chẳng làm gì, vì tôi biết với “ngoại hình hạn chế”, chắc chắn tôi không thể thi “tiếng hát truyền hình” (nếu có giọng ca khá), không thể làm nhân viên tiếp thị (nếu chẳng còn viết văn được nữa), và nếu khó khăn hơn nữa, để nuôi đám con ăn học, tôi cũng không tìm được một chân bưng bê trong quán bia.*

 *Ai biểu xấu?!*

Nguyễn Ngọc Tư, Đảo ( tập truyện ngắn), NXB Trẻ, 2014

**VĂN BẢN 11**

**TỪ THIỆN**

 **(Tạ Tư Vũ)**

 *Bà Hai ngồi thu lu trên cái đẩu, cái gọng kính trễ xuống sống mũi như chực rơi ra, bà Hai đang tính toán số hàng người ta quyên góp ngày hôm nay. Chợt bà Hai ngẩng đầu hỏi với ông Hai: “Con Tư hàng khô lúc nãy gửi gì vậy ông?”.*

 *Ông Hai xoa xoa bàn tay, nhìn sàn nhà ngổn ngang, buông thõng: “Hai thùng mì trứng, 5 ký đường với bao quần áo”. Bà Hai cặm cụi ghi vào sổ. Trời vẫn mưa ầm ầm như trút nước. Bà Hai bán xôi bên hông chợ Bà Chiểu. Xe hàng xôi của bà nổi tiếng hơn chục năm nay.*

*[...] Ông Hai bàn với bà Hai vận động mọi người ở chợ ủng hộ huyện miền núi ở tỉnh X làm từ thiện. Ông bà chỉ nhận hàng hóa, không nhận tiền. Bà Hai nghỉ bán bữa giờ, xem tivi thấy cảnh những con người cheo leo trên mái nhà vì lũ. Bà cũng thấy cảnh con bò bị chìm ngập giữa dòng nước, hếch cái mõm lên trời hít chút không khí tàn.*

 *Bà chặc lưỡi nghĩ thầm, có đi trăm chùa, cho không ngàn gói xôi cũng chẳng bằng giúp người ta lúc ngặt nghèo. Nhìn mấy đứa con nít ngây thơ, quân áo tả tơi bấu víu nhau chạy lũ thấy thương hết sức, cứ nghĩ tụi nó là con mình thì lại càng thương. Thế là vợ chồng ông Hai đội mưa ngày ngày vào chợ đi vận động quyên góp. Uy tín bà Hai bán xôi thật oách, chỉ mới năm ngày phát động mà gần như cả chợ nhiệt liệt tham gia. Từ quầy hàng khô, hàng rau, hàng thịt, bọn bán quần áo trên lầu, cả mấy đứa cho vay kiếm lời ngoài chợ cũng ủng hộ. Như hôm qua, thằng Tâm Hôi chuyên chở nước đá chạy nguyên chiếc xe ba gác máy đỗ xịch trước nhà bà Hai. Miệng ngậm điếu thuốc, quần xắn đầu gối, khệ nệ khiêng vào nhà bà Hai mười thùng nước tinh khiết ủng hộ đồng bào. Tâm Hôi cũng không quên trả luôn bà Hai tiền ba gói xôi còn thiếu. Bà Hai ngồi cười rung ghế: “Boa luôn đó con trai!”.*

 *Mới sáng sớm mà mưa mù trời. Tư Mắm, Tâm Hôi qua nhà bà Hai để giúp mọi người vận chuyển hàng cứu trợ. Mọi người đang lăng xăng với lỉnh kỉnh hàng hóa thì một chiếc taxi bất chợt xuất hiện trước nhà. Tài xế bóp kèn tin tin gọi người ra nhận hàng ủng hộ. Tâm Hôi và ông Hai khệ nệ khiêng vào nhà thùng hàng to đùng. Tư Mắm khui thùng hàng ra để kiểm thì chợt há hốc mồm:*

 *“Trời đất, cái gì vậy trời...?”. Mọi người quay qua nhìn Tư Mắm với bộ đầm dạ hội trên tay. Tâm Hội cười khà khà: “Cái này mới ác liệt nè.”, rồi huơ huơ hai đôi giày cao gót đỏ chót. Hàng loạt cái váy ngắn cũn cỡn, áo hai dây sexy cùng với quần áo đi khiêu vũ nằm lăn lóc trên sàn nhà. Bà Hai thở dài.*

 *Tư Mắm chửi đổng: “Mẹ nó, ai rảnh thiệt. Người ta đói ăn đói mặc thì không cho cái gì nó thực tế. Cho chi mấy cái thứ tào lao gì đâu. Lũ lụt trốn lên nóc nhà bận đầm dạ hội à. Từ thiện kiểu gì vậy trời..”. Tâm Hôi quấn cái đầm dạ hội màu nhung gấm đi giữa nhà õng ẹo: “Mời anh Hai làm với em vài bài nào..”. Mọi người cười rần rần.*

 *Bà Hai ngồi thừ nơi bậu cửa nhìn màn mưa xiên xéo trước nhà. Bụi mưa lấm tấm làm thành màn sương mỏng trên nền gấm đỏ bộ đầm dạ hội mà Tư Mắm vứt lăn lóc ngay góc cửa. Nhìn thùng hàng với những cái áo hai dây sexy mỏng tang, phất phơ theo từng cơn gió lạnh buốt, bà Hai kín đáo thở dài.*

 *Yêu thương mà, nếu người ta quá vội để hời hợt nhìn nhau, thì mình cũng nên gắng sức để thương yêu đó trọn vẹn. Bỏ qua một tấm lòng mới là kỳ cục. Bà Hai nhẩm tính thùng hàng này bán đi cũng mua được hơn chục ký gạo. Mưa bắt đầu tạnh dần. Ông Hai mỉm cười ngồi nhìn bà Hai từ góc tối trong nhà. Bóng bà Hai nhỏ thó, liêu xiêu bên bậu cửa với mái đầu bạc mờ những giọt mưa. Bà đang nhẩm tính gì đó bên những đôi giày cao gót chỏng chơ, sặc sỡ.*

(https://tuoitre.vn -1200-tu-thien-1210210.htm)

**VĂN BẢN 12**

**ANH CÚT LỦI**

 *Ong thợ đang hút mật bỗng nghe một tiếng “soạt” dưới cây bìm bìm. Ong thợ nhìn xuống. Thì ra đó là một anh Cun Cút vừa lủi đến. Cun Cút đang run rẩy nép sát vào bụi. Ong thợ ái ngại hỏi:*

*- Gì vậy, anh Cun Cút?*

*- Nó... Nó xua tôi!*

*- Nó là ai vậy?*

*- Là thằng Bồ Chao.*

 *Ong thợ mỉm cười. Cun Cút hổn hển nói tiếp:*

*- Nó còn là thằng Cáo già. Có lúc nó còn doạ cả mụ Mèo hoang, thằng Chó dữ, con Rắn độc, cả lão Quạ đen nữa. Quả thật nhiều lần Ong thợ nhìn thấy Cun Cút. Lúc Cun Cút lủi trong bụi tre, lúc chạy tránh trong lau lách, lúc đứng nấp trong bụi rậm, lúc ở chỗ này, khi ở chỗ khác, nay đây mai đó rất tội nghiệp. Ong thợ hỏi:*

*- Vậy nhà anh đâu?*

*- Không nhà.*

*- Nên có một ngôi nhà để ở. Khi ta đã có được một ngôi nhà vững chắc, có rào giậu tử tế thì không phải lủi, phải tránh gì nữa. Loài ong chúng tôi xem việc xây dựng là việc vô cùng quan trọng. Chúng tôi xây dựng hàng nghìn căn phòng ở trên những thân cây cao, đến bọn Cáo già cũng không thể mon men mò đến được.*

 *Cun Cút vỡ lẽ gật gù:*

*- Rất đúng! Tôi phải làm ngay cho tôi một ngôi nhà. Tôi phải chấm dứt cuộc đời luôn luôn lủi tránh.*

*[...] Chương trình xây nhà của Cun Cút khá quy mô và tỉ mỉ. [...] Đến lúc phải bắt tay vào việc. Nhưng Cun Cút chợt nghĩ: “Gì mà phải vội! Ngày mai rồi sẽ bắt đầu cũng chẳng sao. Hôm nay là tiết xuân, phải đi chơi một vòng đã.”. Cun Cút đi dọc bờ ruộng, dòm dòm ngó ngó, la cà tìm cách bắt chuyện với bọn Cóc, bọn Nhái đang ngồi đợi bọn Kiến với Sâu bò ra. Một ngày trôi qua. [...] Hôm sau, Cun Cút lại bắt tay vào việc. Nhưng cũng lại chợt nghĩ: “Gì mà phải vội! Ngày mai rồi bắt đầu cũng được chứ sao! Đêm qua phải lủi mấy lần mệt quái! Hôm nay phải nghỉ cái đã, nhất là phải ngủ thêm một giấc. Không có gì tốt cho sức khoẻ bằng một giấc ngủ ngon. Đó chính là lời của bác sĩ giỏi nói với ta vậy.”. Cun Cút chui vào bụi, ngủ gà ngủ gật. Một ngày nữa đã trôi qua. [...] Và cứ thế, ngày nào Cun Cút cũng muốn bắt đầu nhưng rồi cũng có lí do để hoãn việc, lúc thì thấy đau đầu, lúc thì thấy chóng mặt, lúc thì nắng gắt quá, lúc thì sẽ có cơn mưa,...*

*[...] Chương trình xây dựng từ mùa này đến mùa khác, từ năm này đến năm khác vẫn còn nằm trong dự định. Ong thợ gặp Cun Cút hỏi:*

*- Nhà cửa đã xong chưa?*

*- Chưa xong gì cả.*

*- Thế khâu nguyên liệu đã đến đâu rồi?*

*- Cũng chưa có gì cả.*

*- Gì chứ gỗ tốt với tre trúc thì có thiếu gì. Tre gỗ bạt ngàn, làm gì cho hết. Nhưng đã nghĩ là phải làm. [...] Chúng tôi không bao giờ để đến ngày mai một việc có thể làm ngay hôm nay được. Cứ lấy cớ này cớ nọ để lùi việc lại ngày mai, có lúc đó cũng là hình thức của sự tránh việc, của sự lười biếng. Anh lười biếng hay kiếm chuyện nói quanh.*

 *Cun Cút có nhiều lí do để lùi việc làm nhà. Mãi cho đến ngày nay, Cun Cút vẫn phải chui bờ, ở bụi.*

(Theo Võ Quảng “*Những truyện hay viết cho thiếu nhi”*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2019).

**VĂN BẢN 13:**

 *Má buồn thiệt buồn khi nhắc lại hồi con gái má chừng mười, mười hai tuổi, “nhà mình nghèo quá, má không lo cho bây được đủ đầy…”. Tôi cười giòn, trời đất, thiệt thòi gì đâu, má quên rồi sao? Những củ khoai lang còn ấm má mang về khi tan chợ, những bộ quần áo mới má thắt thẻo chắt mót từng lọn rau, bó cải để sắm cho con, chiếc xe đạp nhỏ – món quà từ tháng lương của ba để con tới trường… Và con có cả một vạt sân vàng nắng…*

 *Tôi nhớ, sân nhà mình chỉ nhỏ bằng hai tàng cây trứng cá. Nó lọt thỏm giữa ngôi nhà xam xám thấp tè và những giồng rau xanh biếc ngoài kia. […]. Ranh giới giữa sân với vườn rau là những cái mương nhỏ tạo thành do má tôi lấy đất lên giồng. Sát hàng ba có một luống hẹ kiểng, trổ bông tím rập rờn suốt hai mùa nắng, mưa. Nhà tôi nghèo nên trồng loại bông coi cũng bình thường quá đỗi, lúc Tết, cũng chỉ thêm bông vạn thọ, mồng gà… bởi những cây hoa bình dị ấy chính tay tôi gieo trồng giáp biên sân. Bữa hai chín Tết, má phơi lá chuẩn bị gói bánh, tôi ngẩn ngơ nhìn “bức tranh” sân của mình, trời đất, sao mà đẹp dữ vậy không biết, viền quanh những tàu chuối xanh rờn là hàng trăm đóa hoa vàng rực rỡ. Tôi đứng ở đó, tự hào nhìn sự sống nở hoa từ bàn tay nhỏ nhoi, xương xẩu của mình (bàn tay xưa rày chỉ biết cầm đũa ăn cơm và… chơi chuyền).*

 *Rồi hoa tàn, rồi mùa nắng hết. Mưa bắt đầu xập xoài, báo mùa đang đi tới. Tôi lóp ngóp xách rổ chận bắt mấy con cá rô ốm nhách, dài nhằng, mình đầy nhớt xăng xái lóc lên sân. Mặt sân đã ngấm mưa, đất vỡ ra, tràn xuống những chỗ nẻ […]. Chà chà, chỉ cần đủ ba nắng, sân - thiên - đường của mình lại ráo hoảnh, sạch bong cho mà coi.*

*Bây giờ nhớ lại, thấy lạ, lạ quá chừng… Sân nhà mình hồi ấy có rộng mấy đâu, chỉ có khoảng trời là lồng lộng phía trên đầu, nhưng đã đi hết cả tuổi thần tiên rồi, sao tôi vẫn còn nhớ tiếc. Chứ không à? Những đứa bạn dễ thương, những trò chơi tuổi nhỏ, cái xích đu tự tạo mắc lên cành cây bằng mấy cọng dây chuối, con dế gáy te te hoài dưới tấm đá chẻ bên góc nhà, tôi nhớ cả tiếng má rầy khi tôi trốn ngủ trưa lén ra sân gạch đụi nhảy dây. […]. Coi lại, hồi nhỏ, tôi lang thang ngoài sân, vườn nhiều hơn trong nhà, trên mình đầy sẹo lớn nhỏ… Lúc tan bạn rồi, còn một mình, tôi vẫn thường thẩn thơ ở đó, mơ màng nghe bầy chim sâu, chim sẻ ríu rít cãi nhau, ngó con bướm nhỏ vỗ cánh thấp tha thấp thỏm…*

 *Má cũng thường ra sân, nhưng không phải để thảnh thơi chơi đùa, không phải để ngắm mặt trời lặn, đón trăng lên… Buổi sớm, má ra quét lá, tiếng chổi xao xác trong tiếng gà. Buổi chiều, má hay ngồi chỗ góc sân, nghe tôi nhảy từ trên cây xuống cái phịch như ai quăng bịch muối, má than (mà cười): “Con nhỏ này chắc Mụ bà nắn lộn” … mà tay vẫn thoăn thoắt bó rau chuẩn bị cho buổi chợ sớm mai. Độ gần cuối tháng mười, lúa về sân, ba má ngồi quây lúa giữa trưa, bóng hai cây trứng cá đã bị tỉa thưa cành không đủ sức ngăn bớt cái nóng bừng bừng, mồ hôi chảy dài, bê bết tóc. Mỗi lần giở đệm lúa lên, hơi nước ướt đầm mặt đất, không hiểu sao, tôi cứ tưởng đấy là mồ hôi của má ba mình. Dường như không lần nào đứng trên mảnh sân - thiên -đường của tôi, má ba không tất tả, bận bịu, lo toan… Nên cái hồi con mời, mười hai tuổi, nhà mình nghèo, má (và cả ba) thiệt thòi nhiều nhất. Còn con lúc ấy giàu có, đầy đủ lắm, má à. Má không tin con sao?*

(Theo “Sân nhà” - Nguyễn Ngọc Tư,Thời Báo Kinh Tế Sài Gòn 4-11-2004)

**VĂN BẢN 14**

*Mùa giáp hạt về, nồi cơm độn toàn khoai sắn. Bà nghẹn ngào nói với đàn cháu nhỏ: “Sắp hết gạo rồi, các cháu ráng chịu khổ một chút. Hồi bà còn bé như các cháu, đến mùa giáp hạt, ngay cả khoai sắn cũng không có mà ăn...”. Nghe bà kể, tôi chợt nhớ về nạn đói năm 1945 mà trong tiết học Lịch sử mấy hôm trước, thầy giáo đã tái hiện rất chi tiết. Đời bà khổ từ lúc lọt lòng cho tới tận về già, khi đã gần bước sang tuổi tám mươi vẫn còn chịu cảnh bần hàn, cơ cực. Thương bà, sau bữa cơm, tôi dặn đứa em không được vòi vĩnh, làm nũng bà.*

*Rồi thì gạo trong chum hết sạch, bà phải tất tưởi mang rá sang nhà bên vay gạo. Dù gạo trong chum cũng đã vơi cạn, nhưng chẳng chút đắn đo, bà hàng xóm vẫn niềm nở cho bà tôi vay mấy bát gạo liền, lại còn cho thêm khúc cá đồng kho mặn.*

*[…] Những ngày tiếp đó, để tiết kiệm chút gạo ít ỏi mới vay được, bà cháu tôi đành phải ăn cháo rau má trộn với muối lạc, ba phần gạo, đến bảy phần là rau má thái nhỏ. Nuốt thìa cháo nóng vào lòng rồi mà cổ họng vẫn còn đắng đót. Đứa em tôi không quen ăn cháo rau má nên nôn thốc, nôn tháo. Bà thương trào nước mắt, liền buông đũa, lật đật nhóm bếp nấu cơm cho em.*

*Đêm nằm bên bà, tôi nghe rõ tiếng bà thở dài trầm buồn, mỏi mệt. Suốt mấy đêm liền, bà cứ thao thức trở mình mà không sao chợp mắt nổi. Tôi biết những ngày như thế này, bà có hàng trăm thứ phải lo nghĩ. Chủ nợ mấy quán tạp hóa ngoài chợ cũng đã đánh tiếng. Bà ngày càng gầy sọp đi. Khóe mắt hốc hác. Da dẻ xuống sắc vàng vọt. Tài sản có giá trị lớn nhất trong nhà lúc ấy là con nghé non chưa tròn hai năm tuổi, bà đành ngậm ngùi bán đi. Còn nhớ hôm đó, khi người đàn ông đi đôi ủng da màu đen lẳng lặng dắt con nghé ra khỏi cổng, tôi và em tôi đã chạy theo òa khóc nức nở. Số tiền bán con nghé cũng chỉ vừa đủ trang trải nợ nần và mua thêm nửa yến gạo.*

*Trong một bữa tối, nhường phần cơm trắng cho đàn cháu nhỏ, bà ăn củ chuối luộc chấm nước mắm. Bà cười bảo: “Lúc trưa bà ăn cơm giờ vẫn còn no lắm. Với lại bà thích ăn củ chuối hơn”. Tự dưng lồng ngực nhói lên nghèn nghẹn, tôi đáp lại: “Cháu cũng thích ăn củ chuối hơn ăn cơm. Bà xem kìa, cơm trắng vẫn còn nhiều quá!”. Bà ôm hai đứa cháu nhỏ côi cút vào lòng, đôi mắt lại rơm rớm nước...*

*(Trích Mùa giáp hạt - Phan Đức Lộc, Nguồn: https://baoquangbinh.vn/van-hoa-van-nghe/201504/mua-giap-hat-2124378/)*

**VĂN BẢN 15**

 Nhà mẹ Lê là một gia đình một người mẹ với mười một người con. Bác Lê là một người đàn bà quê chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay nhăn nheo như một quả trám khô. Khi bác mới đến phố, ai ai cũng chú ý đến đám con của bác: mười một đứa, mà đứa lớn mới có mười bảy tuổi! Đứa bé nhất hãy còn bế trên tay.

 Mẹ con bác ta ở một căn nhà lá. Chừng ấy người chen chúc trong một khoảng rộng độ bằng hai chiếc chiếu, có mỗi một chiếc giường nan gãy nát. Mùa rét thì trải ổ rơm đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc. Đối với người nghèo như bác một chỗ ở như thế cũng tươm tất lắm rồi. Nhưng còn cách kiếm ăn? Bác Lê chật vật, khó khăn suốt ngày cũng không đủ nuôi từng ấy đứa con. Từ buổi sáng tinh sương, mùa nực cũng như mùa rét, bác ta đã phải trở dậy để đi làm mướn cho những người trong làng. Những ngày có người mướn ấy, tuy bác phải làm vất vả, nhưng chắc chắn buổi tối được mấy bát gạo và mấy đồng xu về nuôi lũ con đói đợi ở nhà.

[…] Mùa rét năm ấy đến, giá lạnh và mưa gió lầy lội. Đàn con bác Lê ôm chặt lấy nhau rét run trong căn nhà ẩm ướt và tối tăm vì đèn đuốc không có nữa. Mấy gia đình ở phố chợ đều đói rét và khổ sở. Nhưng mỗi nhà đều lặng lẽ, âm thầm và chịu khổ một mình, không than thở với láng giềng hàng xóm lời gì, ai nấy đều biết cũng nghèo khốn như nhau.

 Một buổi chiều, mà đàn con đã nhịn đói suốt buổi, bác Lê vá lại manh áo rét, gọi đứa cả đến rồi bảo:

- Ở nhà trông các em, tao vào ông Bá xem có xin được ít gạo nào không?

- Ban sáng u đã vào nhà người ta có cho đâu, cậu Phúc lại còn bảo hễ u vào nữa thì cậu ấy thả chó ra cắn.

 Bác Lê đáp:

- Nhưng biết làm thế nào! Không có thì lấy gạo đâu ra mà ăn? Thôi tao cứ liều vào lần nữa xem sao.

 Nói xong, bác Lê mở cửa liếp ra đi. Trong lòng bác vẫn có chút hy vọng trong buổi sáng lúc vào xin gạo. Ông Bá đã đuổi mắng không cho. Bác nhớ lại cải cảnh sang trọng, ấm cúng trong nhà ông Bá. Những chậu sứ, câu đối thếp vàng sáng chói. Không lẽ ông Bá giầu có thế mà không thí cho mẹ con bác được bát gạo hay sao?

Ở nhà, đàn con bác ngồi nhìn nhau đợi trong ổ rơm. Bác đi đâu không thấy về. Thằng Hy lắng tai nghe tiếng chó cắn trong làng rồi bảo chị nó:

- Hình như u về đấy chị ạ.

 Thằng cả đi lại bên cửa bếp nhìn ra ngoài. Bỗng có tiếng chân người rầm rập, đến tiếng gọi, rồi lũ trẻ thấy bác Đối và một người nữa khiêng bác Lê vào trong nhà. Trên bắp chân người mẹ, máu đỏ chảy ròng ròng. Thằng cả hiểu ngay mẹ nó bị chó ông Bá cắn. [...] Thằng Hy vừa mếu máo vừa hỏi:

- U làm sao thế, u?

Bác Lê nén cái đau, giảng cho con biết:

- Thật cậu Phúc ác quá! Đã không cho thì thôi lại còn thả chó ra đuổi, tao đã chạy mà không kịp, nên nó cắn phải. May gặp bác Đối, chứ không biết bao giờ mới lê được về đến nhà.

Bác ngừng lại nhìn đàn con ốm yếu, rồi thở dài:

- Thế là mẹ con lấy gì ăn cho đỡ đói bây giờ.

Thằng Hy òa lên khóc, con Tý cũng khóc theo. Bác Lê giơ tay ôm chúng nó vào lòng nghĩ thân phận mình, bác cũng ứa nước mắt.

 (Trích *Nhà mẹ Lê* - Truyện ngắn Thạch Lam – NXB Hội Nhà văn 2008)

**VĂN BẢN 16**

 *Sau Tết Nguyên Đán một tháng là thời gian thích nhất ở rừng. Cây cối đều nhú lộc non. Rừng xanh ngắt vầ ẩm ướt. Thiên nhiên vừa trang trọng vừa tình cảm. Điều ấy một phần là do mưa xuân. Khoảng thời gian này mà đi trong rừng, chân giẫm lên lớp lá ải mục, hít thở không khí trong lọc, thỉnh thoảng lại được thót mình bởi một giọt nước trên cây rỏ xuống vai trần thì thật tuyệt thú. Tất cả những trò nhố nhăng đê tiện vấp phải hàng ngày hoàn toàn có thể rũ sạch bởi một cú nhảy của con sóc nhỏ trên cành dâu da.*

 *Chính dịp đó ông Diểu đi săn. Ý nghĩ đi săn nảy sinh khi thằng con học ở nước ngoài gửi về biếu ông khẩu súng hai nòng. Khẩu súng tuyệt vời, nhẹ bỗng, hệt như một thứ đồ chơi, thật nằm mơ cũng không thấy được. Ở tuổi sáu mươi, đi săn trong rừng vào một ngày xuân kể cũng đáng sống.*

*…*

Ông Diểu thấy buồn tê tái đến tận đáy lòng. Ông nhìn cả hai con khỉ và thấy cay cay sống mũi. Hóa ra ở đời, trách nhiệm đè lên lưng mỗi sinh vật quả thật nặng nề. “Thôi tao phóng sinh cho mày!” – Ông Diểu ngồi yên một lát rồi bỗng đứng dậy nhổ bãi nước bọt xuống dưới chân mình. Lưỡng lự giây phút rồi ông vội vã bỏ đi. Hình như chỉ chờ có thế, con khỉ cái vọt ngay ra khỏi chỗ nấp, chạy vội đến chỗ con khỉ đực nằm.

  *Ông Diểu rẽ sang một lối đi khác. Ông muốn tránh sẽ gặp người. Lối này đầy những bụi gai ngáng đường nhưng hoa tử huyết nhiều không kể xiết. Ông Diểu dừng lại sững sờ. Loài hoa từ huyền cứ ba chục năm mởi nở một lần. Người nào gặp hoa tử huyền sẽ gặp may mắn. Hoa này màu trắng, vị mặn, bé bằng đầu tăm, người ta vẫn gọi hoa này là muối của rừng. Khi rừng kết muối, đấy là điềm báo đất nước thanh bình, mùa màng phong túc.*

 (*Muối của rừng*, Nguyễn Huy Thiệp, Tập truyện *Tình yêu, tội ác và trừng phạt, NXB Trẻ, 2012)*

**VĂN BẢN 17:**

 ***Tôi muốn kể với các bạn về thầy giáo dạy vẽ của tôi. Thầy dạy chúng tôi cách đây đã mười bảy năm, khi đó chúng tôi mới học lớp 5, mà thầy thì mái tóc đã bạc phơ...***

 *Hồi ấy, thầy bao nhiêu tuổi, tôi không rõ. Chỉ biết thầy dạy học đã lâu, nhiều cô giáo, thầy giáo trong trường từng là học trò của thầy.[...] Thầy dạy chúng tôi kẻ chữ, vẽ cái sọt giấy, lọ mực, viên gạch, thỉnh thoảng mới có một bài "vẽ tự do" cảnh chùa hoặc lao động ở vườn trường. Thầy dạy rất ân cần, tỉ mỉ, chỉ bảo cho chúng tôi từng li từng tí: cách tô màu, đánh bóng, cả cách gọt bút chì thế nào cho đẹp và dễ vẽ. Nhưng thú vị hơn cả là những câu chuyện của thầy. Thầy thường nói say sưa với chúng tôi về hội họa, về màu sắc và đường nét, về cái thế giới thứ hai, thế giới rực rỡ, kì lạ của những bức tranh, những cánh cửa mở tới những khu vườn tốt lành và đẹp đẽ. Có những lần, thầy đưa chúng tôi về nhà thầy chơi, về gian gác hẹp xếp đầy sách vở và tranh ảnh. Thầy đưa chúng tôi xem những quyển tranh của các bậc danh họa. Thầy cũng cho chúng tôi xem những bức tranh thầy vẽ, những bức tranh nhỏ, vẽ rất tỉ mỉ những bình hoa nhiều màu, những ngôi nhà, những em bé hàng xóm,... Thầy vẽ chậm, vẽ kỉ, không hiểu có đẹp hay không, nhưng tranh của thầy ít được mọi người chú ý. Chúng tôi có đi hỏi, nhưng chẳng thấy ai biết đến họa sĩ Nguyễn Thừa Bản.*

 *Chẳng hiểu vì thầy không có tài hay không gặp may, tuy thầy rất yêu hội họa, dành hết sức lực và tiền bạc cho nó. Vợ con thầy đều đã mất từ lâu. Thầy bảo giờ đây, nguồn vui của thầy chỉ là công việc và các em học sinh. Chúng tôi đều rất quý và thương thầy. Có lần đến lớp, vẻ mặt nghiêm trang và xúc động, thầy nói với chúng tôi:*

*- Ở triển lãm mĩ thuật thành phố, người ta có bày một cái tranh của tôi...*

*Thầy mỉm cười, rụt rè khẽ nói thêm:*

*- Các em đến xem thử...*

 *Chiều hôm ấy, mấy đứa chúng tôi rủ nhau đến phòng triển lãm. Trong gian phòng chan hòa ánh sáng, bức tranh của thầy Bản treo ở một góc. So với những bức tranh to lớn trang trọng khác, bức tranh của thầy thật bé nhỏ trong một chiếc khung cũ. Bức tranh vẽ rất cẩn thận một lọ hoa cúc, mấy quả cam, những cánh hoa vàng rơi trên mặt bàn... Mọi người đi lướt qua, chẳng ai để ý đến bức tranh của thầy. Chúng tôi ngồi xuống cạnh bàn dùng để ghi cảm tưởng của người xem: chẳng thấy ý kiến nào khen ngợi hoặc nhắc đến bức tranh tĩnh vật của thầy giáo chúng tôi. Lúc ấy, chúng tôi thấy thầy Bản cũng đến, thầy đi lại trong phòng triển lãm, nhìn người xem rồi lại nhìn về bức tranh của mình, bồn chồn, hồi hộp. Rồi sau cảm thấy đứng mãi đây không tiện, thầy lại lóc cóc ra lấy xe đạp đạp đi.*

 *Càng thương thầy, chúng tôi càng giận những người xem vô cùng. Nảy ra một ý, chúng tôi bàn khẽ với nhau, rồi mở quyển sổ ghi cảm tưởng, chúng tôi thay nhau viết:*

*“Trong phòng triển lãm này, chúng tôi rất thích bức tranh của họa sĩ Nguyễn Thừa Bản!”*

*“Bức tranh tĩnh vật của hoa sĩ Nguyễn Thừa Bản rất đẹp. Họa sĩ là một người có tài năng và cần cù lao động. Kính chúc họa sĩ mạnh khỏe...”*

 *Rồi chúng tôi kí những cái tên giả dưới các ý kiến đó. Ngoài mấy đứa chúng tôi, không ai biết việc này.*

 *Vài hôm sau, thầy Bản đến lớp. Bối rối vì cảm động, thầy báo tin:*

*- Các em ạ... Bức tranh ở triển lãm của tôi... cũng được một số người thích... Họ ghi những cảm tưởng... Ban tổ chức đưa cho tôi đọc... tôi có ghi lại...*

 *Thầy húng hắng ho, rồi nói thêm, vẻ ân hận:*

*- Bức tranh ấy tôi vẽ chưa được vừa ý... Nếu vẽ lại, tôi sẽ sửa chữa nhiều...*

 *Thương thầy quá, chúng tôi suýt òa lên khóc. Thầy không chỉ làm cho chúng tôi yêu hội họa, thầy còn là một tấm gương về sự cần cù, lòng trong sạch, tình yêu thương trân trọng với công việc bình thường của mình. Thầy không phải là một nghệ sĩ nổi tiếng như các bạn của thầy, nhưng đối với chúng tôi, hình ảnh hiền hậu khiêm nhường của thầy đáng quý trọng biết bao.*

 *Có lẽ đến giây phút cuối của cuộc đời, thầy cũng không biết rằng chính chúng tôi - những học trò nhỏ của thầy - đã viết vào quyển vở cảm tưởng trong kì triển lãm ấy.*

 *Bây giờ, thầy Bản không còn nữa!*

 *Tối ấy, ngồi với nhau, chúng tôi nhắc nhiều chuyện và nhớ nhiều đén thầy....*

*Thưa thầy giáo dạy vẽ kính yêu!*

*Viết những dòng này, chúng em muốn xin thầy tha lỗi cho chúng em, và muốn một lần nữa được thưa với thầy rằng chúng em cảm ơn thầy, mãi mãi biết ơn thầy.*

 (Xuân Quỳnh, *Thầy giáo dạy vẽ của tôi*, Trần Hoài Dương tuyển chọn,

Tuyển tập truyện ngắn hay Việt Nam dành cho thiếu nhi, tập 5, Sđd, tr. 180 - 182)

**VĂN BẢN 18:**

*[...]Chú Thuận mở túi vải đeo vai lấy cái bánh da lợn cầm nơi tay. Chú bước vào phòng ngủ. Thăng đang ôm gối nằm chèo queo trên giường, mặt quay vào vách. Chú Thuận nói:*

* + *Ba mua bánh cho con nè! Thằng nhỏ quay mặt ra.*
	+ *Con không ăn đâu!*
	+ *Con đau bụng hả?*

*Thăng lắc đầu. Chú cúi xuống đỡ Thăng ngồi dậy. Chú đặt tay lên trán Thăng thấy nhiệt độ bình thường. Chỉ có đôi mắt nó đỏ hoe và còn ngấn nước mắt. Chú Thuận hỏi:*

* + *Con không thuộc bài bị cô giáo phạt?*

*Thăng lắc đầu:*

* + *Con tức thằng Tín học cùng lớp.*
	+ *Nó đánh con hả? Sao con không thưa cô giáo?*
	+ *Chuyện này thưa không được.*
	+ *Vậy con kể cho ba nghe.*
	+ *Hồi chiều, thằng Tín mang tới lớp một chiếc xe hơi “điện tử”, có thể điều khiển xe quẹo phải quẹo trái nhờ một cái hộp nhỏ. Con xin nó cho con lái thử nhưng nó không cho.*
	+ *Nó không cho thì thôi, có chi mà tức?*

 *Thăng nhăn mặt.*

* + *Đâu phải vậy? Nó không cho mượn, con nói không cần. Con sẽ về nói ba mua cho con một chiếc giống vậy. Thằng Tín nhăn mũi cười, rồi nó nói sao ba biết không?*

*Chú Thuận lắc đầu cười.*

* + *Ai biết nó nói sao?*
	+ *Nó nói: “Đồ chơi này bên Mỹ gửi về, ba mày là công nhân, sức mấy có tiền mà mua”. Lúc đó, con muốn oánh nó quá nhưng không hiểu sao con oánh không được. Nó đâu có khỏe hơn con. Thằng đó ốm nhách. [...]*
	+ *Thằng Tín nói đúng con à! Ba không có tiền mua cho con chiếc xe giống như nó đâu.*
	+ *Vậy con chịu thua thằng Tín sao? Chú Thuận suy nghĩ một hồi rồi nói:*
	+ *Được rồi. Tối nay ba sẽ làm cho con một đồ chơi độc đáo. Bảo đảm thằng Tín sẽ chạy theo con năn nỉ cho nó mượn.*
	+ *Sức mấy mà nó năn nỉ con. Nó sẽ về nói ba nó mua cho nó. Nhà nó giàu lắm ba à!*
	+ *Con tin ba đi. Đâu phải thứ gì cũng mua được!*

*[...]Tới 1 giờ chiều, học sinh lớp 4A mới vào lớp, nhưng hơn 12 giờ tụi nhỏ đã tụ tập trước hiên xem thằng Tín biểu diễn lái xe hơi “điện tử”.*

*Chiếc xe sơn màu vàng óng ánh trông thật đẹp. Hai cái đèn pha phía trước luôn chớp chớp. Thằng Tín cầm cái hộp nhỏ điều khiển. Nó bật công tắc hình mũi tên qua trái, chiếc xe quẹo trái. Bật công tắc xuống dưới, chiếc xe chạy lui. Nó ấn chiếc nút đỏ, còi xe kêu tin tin. Cả bọn trẻ vỗ tay reo hò thích thú. Có đứa gạ cho nó một cây cà rem để được lái xe một vòng. Nó bĩu môi không thèm. Có đứa gạ cho nó hòn bi nhôm đã chà giấy láng coóng, nó cũng lắc đầu.*

*Đột nhiên, có tiếng gì như chim kêu làm bọn trẻ đang ồn ào liền im lặng lắng nghe. Một đứa nói:*

* + *Tiếng chim sáo, tụi bay ơi! Một đứa khác quả quyết:*
	+ *Đó là tiếng cu cườm. Chú tao có nuôi một con kêu y hệt vậy.*

*Một đứa - chắc là giỏi môn văn - nói:*

* + *Đó là tiếng hót “lảnh lót” của chim họa mi.*

*[...]Cả bọn lại im lặng nghe tiếng chim kêu. Một đứa nói:*

* + *Hình như con chim ở trong lớp mình, tụi bây ơi!*
	+ *Vào bắt đi!*
	+ *Từ từ, không nó bay!*

*Cả bọn nhẹ bước vào lớp học. Thằng Tín cũng ôm chiếc xe vào theo. Thăng đang ngồi trên thành cửa sổ thổi một ống sáo dài chừng gang tay. Nó bịt mở các lỗ trên ống sáo làm phát ra những tiếng kêu khác nhau. Chiếc sáo đó, ba Thăng đã thức suốt đêm để làm. [...]*

*Cả bọn trẻ đều đứng trố mắt nhìn Thăng. Một đứa xuýt xoa:*

* + *Chiếc sáo ngộ quá ta!*

*Một đứa khác quả quyết:*

* + *Đó là ống tiêu. Bác Năm tao cũng có một ống giống y vậy.*

*Một đứa khác - chắc là đứa giỏi văn - nói:*

* + *Đó là ống dịch “thần thông”*

*Thằng Tín cũng say mê ngó Thăng. Nó cầm chiếc xe hơi đến gạ:*

* + *Mày cho tao mượn ống sáo, tao cho mày mượn chiếc xe “điện tử”.*

*Thăng lắc đầu, miệng vẫn thổi sáo. Thằng Tín nói:*

* + *Mày bán bao nhiêu, tao mua!*

*Thăng nhảy xuống khỏi thành cửa sổ. Nó cầm ống sáo đứng chống nạnh nhìn Tín. Rồi bắt chước ba, Thăng nói lớn:*

* + *Đâu phải thứ gì cũng mua được!*

**(Đoàn Thạch Biền, *Đâu phải thứ gì cũng mua được* , Tuyển tập truyện ngắn dành cho thiếu nhi, tr25 NXB trẻ)**

**VĂN BẢN 19:**

**THUỐC TIÊN**

 *Ông nội mất. Bà nội buồn hẳn đi, già hẳn đi. Tối tối, để giải khuây, bà hay gọi hai chị em Quỳnh An, Quỳnh Chi ra trải chiếu ở góc sân, dưới vòm hoa sứ trắng muốt, nghe bà kể chuyện xưa. Đêm trăng sáng, tóc bà nội trắng phơ phơ. Những bông sứ rơi rụng quanh chỗ ba bà cháu ngồi cũng trắng như màu tóc ấy. Những câu chuyện thần tiên bà kể như được ướp trong hương sứ trắng lung linh, lung linh...*

 *Rồi những đêm như thế thưa dần, thưa dần. Hình như bà nội sắp hết chuyện để kể cho hai chị em? Cũng có thể vì dạo này bà đau ốm luôn, chẳng ngồi lâu được nữa. Hai chị em cũng dần dần ít để ý đến những bông sứ trắng. Mùi hương của nó quen quá, quen như mùi quết trầu của nội, nhiều lúc chẳng nhớ ra. Vả lại, ở lớp có nhiều chuyện vui hơn. Hàng ngày, đi học về, hai đứa tranh nhau kể cho mẹ nghe. Cây sứ gần như bị quên lãng. Nó chỉ còn được hai chị em nhớ tới lúc cầm chổi quét sân. Mùa hoa đến, góc sân lớp lớp hoa sứ rụng, quét hoài cũng chán, có hôm còn phát... bực mình. Nhưng, cây sứ như chẳng hay biết. Những bông hoa trắng vẫn rơi, vẫn rụng khi không níu nổi thân cành nữa.*

 *Có một buổi sáng, thật lạ lùng, Quỳnh An, Quỳnh Chi dậy quét sân như lệ thường. Đang mùa hoa sứ mà chẳng thấy bông hoa nào rụng. Quỳnh An phát hiện điều này trước:*

* + *Lạ nhỉ! Hay là mẹ đã dậy sớm, quét sân rồi?*

*Bé Quỳnh Chi ngơ ngác nhìn quanh. Ồ, thì ra những bông sứ rụng trong đêm đã được ai gom vào tờ báo cũ ở góc sân đằng kia. Từ trong nhà, nội khập khiễng bước ra:*

* *Nội gom làm thuốc đó! Sợ hai đứa quét mất, nội dậy sớm gom trước.*
* *Hoa sứ làm thuốc gì hả nội? - Quỳnh An ngạc nhiên. Nội thủng thẳng:*
* *Nhiều người mách, hoa sứ phơi khô, nấu nước uống, trị huyết áp cao tốt lắm. Nội làm thử. Chẳng may sáng nay dậy nhặt hoa, lỡ một bước, trẹo cả chân đây!*

*Nhìn cái chân tập tễnh của nội, Quỳnh Chi buột miệng:*

* *Khổ thân nội, sao không để hai đứa con nhặt cho?*
* *Thấy hai chị em ngủ ngon, nội tính gọi, lại thương... Hai chị em lặng nhìn nhau, ra là thế!*

*Vừa quét sân, hai đứa vừa lầm rầm trò chuyện:*

* *Hoa sứ chữa bệnh huyết áp, nghe như... thuốc tiên ấy!*
* *Biết đâu chữa được cả bệnh đau lưng cho nội?*
* *Bệnh mất ngủ nữa chứ?*
* *Vậy thì tuyệt nhỉ!*

*Rồi chẳng biết hai đứa bàn nhau những gì sau đó. Trưa, đi học về, mỗi đứa đều lấy từ cặp sách ra một bọc ny lông toàn hoa sứ. Sứ trắng, sứ đỏ, thứ thơm ngát, thứ chẳng thơm tí nào...*

* *Ở đâu ra nhiều thế? - Nội cười rạng rỡ, hỏi.*
* *Ở sân trường tụi con đó nội! - Quỳnh Chi nói trước.*
* *Con có ghé cả sân chùa ở gần nhà cô giáo nhặt thêm cho nội nữa đấy.*

*Khóe mắt nhăn nheo của nội như giãn ra. Lấy một tờ báo lớn trải rộng, nội chọn từng bông, vừa chọn vừa giảng giải:*

* *Thứ này là sứ đỏ, không dùng được. Còn thứ này thì không thơm, không có nhụy vàng, cũng hỏng. Còn lại đúng là “nó” cả rồi! Thêm của nhà mình, nội gom được đây kia, tha hồ dùng...*

*Bất ngờ, nội dang hai cánh tay run run, ôm cả hai chị em vào lòng, nghẹn ngào:*

* *Nhưng mà hai cái “hoa” này mới đúng là "thuốc" của nội đây! Thuốc tiên cũng chả bằng...*

*Nội hôn tới tấp lên tóc, lên má. Hai chị em ngượng nghịu, nóng bừng cả mặt, năn nỉ mãi, nội mới chịu buông tay ra.*

*Đã lâu lắm rồi, cả hai mới nghe mùi quết trầu thơm thế, ấm nồng đến thế!*

**(Cao Xuân Sơn, *Thuốc tiên* , Tuyển tập truyện ngắn dành cho thiếu nhi, tr25 NXB trẻ)**

**VĂN BẢN 20:**

 *Con bé phát hiện ra thế giới sống động trong khu vườn nhỏ ấy vào buổi chiều. Cơn mưa từ đâu kéo đến giăng kín trời, đất vườn nồng lên mùi ngái ngái. Con bé đứng bên cửa sổ, luồn tay qua khung cửa gỗ để những giọt mưa nặng trĩu trượt dài trên tay mình trước khi tung tóe trên nền gạch đỏ. Đôi chân của con bé cũng không ngừng nhún nhảy theo điệu nhảy hân hoan của mưa.*

 *Mưa ngớt dần. Cánh tay vẫn lì lợm vươn ra để níu lấy mấy giọt mưa cuối cùng. Tức thì, con bé thu tay lại khi nhận ra có thứ gì đó bám nhẹ trên tay mình. Ồ! Con chuồn chuồn kim! Con bé nhìn chuồn chuồn kim mảnh mai không chớp mắt. Màu xanh trên thân nó như bầu trời kỳ diệu hiện ra trước mắt. Chuồn chuồn kim chợt run rẩy, hai cánh ướt nhẹp khép vào nhau.*

 *- Bố! Bố! Bố ơi!*

 *Con bé vừa chạy đi vừa gọi thét lên, xé tan cả điệu nhạc tí tách yên bình sau cơn mưa. Xòe bàn tay có chuồn chuồn ra trước mắt bố, con bé hốt hoảng:*

 *- Con chuồn chuồn bị cảm mất bố ơi!*

 *Ông Tấn chau mày, buông tiếng thở dài:*

 *- Con đem nó ra ngoài sân rồi mau vào tắm gội đi! Đừng nghịch ngợm nữa!*

 *Con bé bỏ lại sau lưng lời nhắc nhở của bố và chạy vụt vào trong bếp.*

 *Lần đầu tiên sau cơn mưa, con bé huơ tay mình trên đống than hồng. Chỉ là để ủ ấm cho con chuồn chuồn kim bé nhỏ.*

 *Đêm đó, con bé sẵn sàng nhường gối êm cho chuồn chuồn kim nằm im trên đó và thủ thỉ với nó:*

 *- Em còn lạnh không?*

 *- Nhà em ở đâu?*

 *- Em thích chơi ở đâu nè?*

 *- Mai chị sẽ dẫn em đi chơi nha.*

 *... Nhưng chính chuồn chuồn kim lại dẫn đường cho con bé đến thế giới kỳ lạ trong khu vườn. Cơn mưa đêm qua đã gột sạch tất cả bụi bặm trên những tàu lá. Những đốm nắng vàng mơ đậu đầy trên thảm cỏ. Và, ở góc vườn, mấy con bọ ngựa màu xanh đang ngủ say trên tàu lá chuối, vài con cánh cam vừa cựa mình, hai con bướm trắng đang khẽ rung đôi cánh mềm mại như sắp sửa bay lên. Rồi, con ếch cốm, con cóc nâu, con dế mèn... Một, hai, ba... bảy... chín, mười. Con bé đứng tròn mắt nhìn cả thế giới đang động đậy quanh mình. Thoắt cái, con bé lại chạy vụt đi.*

 *... Đêm đêm, đàn đom đóm đến phiên gác, thắp đèn lung linh cả góc vườn. Con bé lần theo thứ ánh sáng huyền diệu đó bước vào thế giới của riêng mình. Đó là thế giới thần tiên giữa bóng đêm. Con bé như người khổng lồ đang bước vào xứ sở của những người bạn tý hon.*

 *Không! Con bé là người mẹ tí hon của mười đứa con tí hon.*

 *Con bé quên cả bữa cơm để chăm sóc con cánh cam bị ốm.*

 *Con bé quên cả trưa nắng hè để đi tìm con bướm trắng lạc đường.*

 *Con bé quên cả bóng đêm để xem con chuồn chuồn hoa đã ngủ say chưa...*

 *(“Thế giới của con”* -Dương Hằng - Trích trong “*65 truyện ngắn hay dành cho thiếu nhi*” - NXB Kim Đồng, 2022, tr 509 - 511).

**VĂN BẢN 21:**

 *(Tóm tắt phần đầu: Do xích mích cùng con trai và con dâu, bà của Minh - nhân vật “tôi”, chuyển đến sống cùng người em của mình. Tình cờ nghe được cuộc trò chuyện của những người hàng xóm, “tôi” mới biết bà đang đi bán bỏng ở bến tàu.)*

*Thì ra****bà tôi****lâu nay vẫn đi bán bỏng ngoài bến tàu. Khổ thân bà quá! Bà ơi, cháu thương bà lắm. Bà có nghe thấy tiếng cháu gọi thầm bà không? Lúc này bà làm gì, ở đâu? Sao bà không về với cháu đi bà!*

*Ôi, tôi như nhìn thấy bà tôi đang len lỏi đi dọc các toa tàu, giơ gói bỏng lên trước mặt hành khách nài nỉ: “Ông ơi, bà ơi mua bỏng giúp tôi đi!”. Nhưng con tàu vô hình cứ mang các hành khách chạy đi, để lại bà tôi tóc bạc, lưng còng, đứng chơ vơ giữa hai vệt đường ray… Chính tôi, tôi cũng vô tình như con tàu, tôi chẳng để ý gì đến bà tôi, tôi chỉ nghĩ đến những con quay, những quả bóng của tôi thôi! Nhiều lúc bà tôi đến chơi, mới ngồi với bà được một tí, tôi đã vội bỏ đi với những trò chơi của tôi rồi! Không, không thể để thế được. Tôi đã mười hai tuổi, lớn rồi, tôi cũng có quyền bàn chuyện nghiêm chỉnh với bố mẹ tôi chứ! Nghĩ rồi, tôi chạy ào xuống nhà. Tôi thấy mẹ tôi đang rửa bát, còn bố tôi đang xách nước lên.*

*– Bố mẹ ơi, – tôi gọi giục giã, – bố mẹ vào cả đây con có chuyện này muốn nói.*

*– Thằng này hôm nay lạ thật. – Bố tôi nói. – Có chuyện gì mà*[*quan trọng*](https://diendankienthuc.com/forums/nhung-bai-tho-hay.898/)*vậy?*

*– Thì con cứ nói đi, – mẹ tôi nói, – mẹ vừa rửa bát vừa nghe cũng được.*

*– Không, cả mẹ nữa, mẹ vào đây con mới nói.*

*Mẹ tôi vào, nhìn tôi lo lắng:*

*– Hay con có chuyện gì ở lớp?*

*– Không.*

*– Hay con đánh nhau với bạn nào?*

*– Không. Chuyện nhà ta kia. Bố mẹ ơi, bố mẹ có thương bà không?*

*– Sao tự nhiên con lại hỏi thế? – Bố tôi hỏi lại tôi. – Mà bà làm sao kia mà thương?*

*– Bà chẳng làm sao cả. Bà đi bán bỏng ở bến tàu ấy, người ta bảo thế. Bố mẹ có biết không?*

*– Biết, – bố tôi có vẻ lúng túng, – nhưng thế thì sao.*

*– Còn sao nữa! – Tôi nghẹn ngào – Bà già rồi. Sao bố lại để bà như thế? Khổ thân bà!*

*– Bố có bắt bà phải thế đâu, – mẹ tôi trả lời thay cho bố, – vì bà thích thế chứ.*

*– Thích ư? Con chắc là bà chẳng thích đâu. Đời nào bà lại thích đi bán bỏng hơn ở nhà với con, với bố mẹ. Bà yêu thương bố mẹ và con lắm kia mà. Ôi, con cứ nghĩ đến những ngày nắng, ngày rét mà bà thì già thế, bà sao chịu nổi, bà ốm rồi bà chết như bà Thìn bên cạnh ấy thì sao. – Nói đến đây tôi oà lên khóc. – Ước gì bây giờ con đã lớn để con nuôi được bà!*

*Bố mẹ lặng lẽ nhìn tôi rồi lại nhìn nhau. Bố tôi đặt một bàn tay lên vai tôi rồi nói:*

*– Thôi con nín đi. Bố hiểu rồi. Con nín đi con!*

*Tôi cảm thấy giọng bố tôi hơi run và bàn tay nóng ran của bố truyền hơi nóng sang vai tôi. Mẹ tôi cũng nghẹn ngào:*

*– Con nói đúng, bố mẹ có lỗi với bà. Con đi ngủ đi, sáng mai bố mẹ sẽ xuống Vĩnh Tuy đón bà về đây.*[*Gia đình*](https://butnghien.com/categories/gia-su-pho-thong.920/)*ta lại sum họp như trước.*

***Tôi ngoan ngoãn nghe lời mẹ, lên giường nằm nhưng không làm sao chợp mắt được. Tôi cảm thấy phấp phỏng, vừa lo lại vừa vui. Chỉ sáng mai thôi, tôi lại được sống cùng với bà như trước. Nhưng nói dại, không hiểu sáng mai bà tôi có còn gặp được tôi không? Bà tôi vẫn thường hay nói với tôi: “Bà sống được ngày nào hay ngày ấy. Người già như ngọn đèn trước gió, không biết tắt lúc nào”.***

 (Xuân Quỳnh, [*Bầu trời trong quả trứng*](https://diendankienthuc.com/threads/bau-troi-trong-qua-trung.81858/), NXB Kim Đồng, 2005)

**VĂN BẢN 22:**

**THẰNG GÙ**

Làng tôi có một đứa trẻ bị tật nguyền. Nó tên là Đức, một cái tên hẳn hoi nhưng tất cả bọn trẻ chúng tôi đều gọi tên nó là thằng Gù. Lên mười tuổi mà thằng Gù vẫn chưa đi học, chẳng hiểu do mặc cảm hay do điều gì khác. Nhiều hôm từ trong phòng học (phòng học của chúng tôi ở tầng hai), tôi thấy thằng Gù chăn trâu ngoài cánh đồng. Cái hình người gấp khúc, chỗ đỉnh gù cao hơn chỏm đầu khiến tôi nhận ngay ra nó. Nó và con trâu giống như hai chấm đen nổi lên giữa màu xanh rười rượi của cánh đồng. Nó đứng nhìn về phía trường học. Tiếng đọc bài đồng thanh của chúng tôi vang vang lan tỏa ra xung quanh. Chắc nó nghe được tiếng đọc bài. Cái chấm đen gấp khúc, bé nhỏ dường như bất động. Chỉ có con trâu thỉnh thoảng lại vươn cổ lên kêu “nghé ọ” một hồi dài.

Thằng Gù lảng tránh tất cả các trò chơi của chúng tôi. Những tiếng trêu chọc: “Ê, con lạc đà châu Phi”, “Tránh ra chúng mày ơi cho bà còng đi chợ” làm nó càng cúi gập người xuống, mắt dí vào bụng. Nó im lặng len lét vòng qua chỗ chúng tôi đang chơi đùa. Có lần, nó bỏ chạy. Bọn trẻ cười ré khi thấy cái hình gấp khúc đó cứ như lăn về phía trước. Chao ôi, thằng Gù ...

[...] Một buổi chiều mưa vừa dứt, nắng mới tưng tửng hé sáng vạt đồi, chúng tôi chợt nghe tiếng đàn ghi ta vang lên từ chiếc loa nén nào đó. Có người hát rong về làng. Đây quả là cả một sự kiện đối với cái làng đang mê mệt, thiếp lặng đi sau những trận mưa ròng rã này. Chúng tôi ùa ra xem. Người lớn, trẻ con, vòng trong, vòng ngoài lố nhố vây quanh đoàn người hát rong. Tôi gọi là đoàn vì họ có tới ba người. Hai đứa trẻ và một người đàn ông mang kính đen, đeo cây đàn ghi ta trước bụng, Trong hai đứa trẻ, có một đứa giống hệt thằng bé tật nguyền của làng tôi. Nó cũng bị gù.

**Nó biểu diễn nhiều trò. Buồn cười nhất là trò trồng cây chuối. Không phải nó trồng cây chuối bằng tay và đầu như lũ trẻ chúng tôi thường làm. Nó trồng bằng cái lưng gù. Đoạn gấp giữa đỉnh gù và đầu thành cái đế đỡ đôi chân khẳng khiu của nó dựng đứng. Mỗi lần nó trồng cây chuối mọi người lại cười ồ. Có người hứng chí vỗ tay hét: “Trồng lại đi, thế thế ...”. Nghe tiếng hô, thằng gù đỏ căng mặt mày, lên gân tì cái lưng gù xuống đất cố duỗi thẳng đôi chân. Phải trồng cây chuối nhiều lần nên trán nó ướt nhầy mồ hôi. Đã thế tiếng hô “Làm lại đi” vẫn thúc giục không ngớt.**

Giữa lúc đó thì nó chen chân vào. Thằng Gù của làng tôi. Tiếng cười rộ: “À, hai thằng gù. Đức ơi, mày trồng thêm cây chuối nữa đi”. Tôi nín thở nhìn theo nó. Nó chen vào làm gì, cho tiền những người hát rong chăng? Tiếng ghi ta điện vẫn bập bùng, rấm rứt. Nó từ từ đi đến bên “cây chuối” người. Đỡ thằng bé gù đứng thẳng lại, nó bỗng quắc mắt nhìn vòng người vây quanh. Bất ngờ nó thét:

- Thế mà cười được à? Đồ độc ác!

Sau tiếng thét của nó, đám đông bừng tỉnh. Tiếng cười tắt lặng. Người đàn ông đang gảy đàn cũng dừng tay sững sờ. Tất cả các cặp mắt dồn về nó. Khuôn mặt thằng Đức đẫm lệ. Nó móc túi áo ngực lôi ra những đồng tiền được gấp cẩn thận đặt vào lòng mũ của người hát rong. Đôi vai nó rung rung thổn thức. Cái vòng người đang vây quanh tự nhiên gãy vỡ. Đứt từng quãng. Không ai bảo ai, từng người một lặng lẽ tan dần. Tất cả bọn trẻ chúng tôi đứa nào cũng cúi gằm mặt xuống. Tiếng sấm ì ùng từ dãy núi dội đến. Hình như trời lại sắp mưa.

 *Theo* Hạ Huyền

(*Con gái người lính đảo*, Truyện đọc thêm môn Giáo dục công dân và môn Ngữ văn ở THCS, NXB Giáo dục, 2003)

**VĂN BẢN 23**

**Chiếc lá**

*Chim sâu hỏi chiếc lá:*

*- Lá ơi! Hãy kể chuyện cuộc đời bạn cho tôi nghe đi!*

*- Bình thường lắm, chẳng có gì đáng kể đâu.*

*- Bạn đừng có giấu! Nếu bình thường vậy, sao bông hoa kia lại có vẻ rất biết ơn bạn?*

*- Thật mà! Cuộc đời tôi rất bình thường. Ngày nhỏ, tôi là một búp non. Tôi lớn dần lên thành một chiếc lá và cứ là chiếc lá như thế cho đến bây giờ.*

*- Thật như thế sao? Đã có lần nào bạn biến thành hoa, thành quả, thành một ngôi sao, thành vầng mặt trời đem lại niềm vui cho mọi người như trong các câu chuyện cổ tích mà bác gió thường rì rầm kể suốt ngày đêm chưa?*

*- Chưa! Chưa một lần nào tôi biến thành một thứ gì khác tôi cả. Suốt đời tôi chỉ là một chiếc lá nhỏ nhoi bình thường.*

*- Thế thì chán thật! Bông hoa kia đã làm tôi thất vọng. Hoa ơi, bạn chỉ khéo bịa chuyện.*

*- Tôi không bịa chút nào đâu. Mãi mãi tôi kính trọng những chiếc lá bình thường như thế. Chính nhờ họ mới có chúng tôi - những hoa, những quả, những niềm vui mà bạn vừa nói đến.*

#  (Theo Những truyện hay viết cho thiếu nhi của Trần Hoài Dương, NXB Kim Đồng, năm 2019)

**VĂN BẢN 24:**

**CHỊ EM HỌ**

*Cả họ xem Hà như một tấm gương sáng. Hà sạch sẽ, vô cùng lễ phép, năm nào cũng đi thi học sinh giỏi văn. Thuỳ – một chị họ của Hà – nhận xét: “Thi giỏi văn có gì là hay?”. Dù thế ba mẹ Thuỳ vẫn quyết định đổi trường cho nó. Thuỳ mắt ngấn nước cãi: “Con không thích học chung với họ hàng! Con học ở đây quen rồi, ở đây có bạn nhiều!”. Hai người lớn nghiêm nghị bảo: “ở đâu cũng sẽ có bạn thôi!” và mọi chuyện coi như được khoá lại.*

*Trong nhà, Thuỳ không có bạn, nói đúng ra, không ai rảnh mà làm bạn với Thuỳ. Chỉ có ngoại, nhưng ngoại lại ở xa. Ngoại nói: “Nó như con bụi đời con!”. Ngày đầu từ trường mới về, Thuỳ đạp xe ngay đến nhà ngoại. Trên đường đất, mưa tuôn nhẹ nhàng, đều đều, tưởng như không bao giờ tạnh nổi. Thuỳ nằm dài trên phản gỗ, bảo: “Con Hà chán lắm ngoại ơi!”. Ngoại cười: “Đúng rồi!… nó ngoan nhưng cứ rù rì, buồn lắm… Thế hai chị em có đi với nhau không?”.*

*Thuỳ cau có, dài giọng: “Không!… ra chơi, nó đứng tựa lan can vài giây rồi vào lớp ngồi tiếp. Con hỏi: “Đi chơi không?”. Nó bảo ở dưới sân đông, mệt lắm. Thế là con phải ngồi lại vì con có quen ai đâu!”. Thuỳ nhìn mưa len lỏi qua những tàn dừa, buồn rầu. Nó nhớ lớp xưa, trường xưa, nhớ đám bạn lắm mồm, nói suốt 5 tiết vẫn không hết chuyện. Ngoại bảo: “Con mệt thì ngủ đi!” rồi an ủi: “Không sao đâu, con Hà hiền, ngoan lắm!”. Thuỳ mơ màng ngủ, nó mơ thấy mình hỏi Hà sỗ sàng: “Có bệnh gì không mà sống lờ đờ như người ốm vậy?”. Hà trả lời ngây ngô: “Không bệnh, nhưng sợ đông người!”. Trong mơ cũng có mưa, và gió ẩm ướt thổi quanh, mát rượi.*

*Mẹ hỏi: “Sao không rủ em Hà đi học cho vui?”. Thuỳ dắt xe lách qua khe cửa hẹp vanh, trả lời vội vàng: “Thôi, nó đi chậm như rùa, con lại thích đi học sớm!”. Nó tự nhủ: “Dở quá, từ đầu năm tới giờ, chưa khi nào mình là người đầu tiên vào trường cả!”. Luôn luôn có những kẻ đến sớm hơn Thuỳ, hoặc là một cái xe dựng cô độc trong bãi còn vắng tanh, hoặc một anh chàng đứng tựa lan can lớp học nhìn như quét khắp sân trường rộng lớn. Thuỳ tự an ủi: “Chắc chúng nó gần nhà!” rồi ung dung vào lớp. Trên bảng đen,* *bài giảng lớp học chiều qua xen lẫn những câu viết đùa chữ to, chằng chịt. Thuỳ cất cặp rồi một mình giở ghế lên sẵn cho tổ trực, nó nghĩ: “Mình thật khoẻ, mình phải làm thật nhanh trước khi có người khác giúp!”. Xong việc, cũng là lúc tổ trực vác chổi vào, cả bọn xúc động, hỏi: “Thùy làm đấy à?”. Hầu như ngày nào cũng thế mà vẫn không hết bất ngờ, chỉ có Hà ái ngại nhìn Thuỳ, nó nói nhỏ: “Chị làm thế làm gì, việc tụi nó mà!”. Thuỳ đáp cụt lủn: “Rảnh thì làm!”, nó muốn nói thêm: “Tao cũng không thích mày, mày trốn quét lớp luôn!”, rồi lại thôi, nghĩ làm thế người ta sẽ cười hai chị em, đành lặng lẽ đi chơi chỗ khác.*

*[...]*

*Như cả họ đã dự đoán, cuối cùng Hà cũng lên truyền hình. Cả nhà chăm chú ngồi xem cảnh Hà ngồi đọc bài đêm khuya, bên cái đèn con mới tinh. Hà cầm chổi dịu dàng quét lớp.. Đến cảnh Hà giúp mẹ làm cơm, rửa chén… Thuỳ muốn kêu lên: “Ơ, mọi ngày dì Tư có để nó làm gì đâu!”, nhưng kìm được, sợ mọi người lại bảo mình ganh! Nó chỉ hét lên bực tức khi thấy nhỏ Sương đứng cười bẽn lẽn bên Hà, kiểu bạn thân, cùng tiến: “Con này vẫn hay nói xấu con Hà, thế mà cũng vác mặt lên đây được!”. Mẹ bảo: “Còn hơn mày không bao giờ được lên đâu!”.*

 *Thuỳ nghĩ, có cho lên, khéo mình cũng xin thôi. Nếu chị phóng viên hỏi: “Hằng ngày em làm gì?” chẳng lẽ lại tả, em hùng hục đi học sớm để bưng ghế, kéo bàn, em hay đạp xe lăng quăng ngoài đường. Rồi còn bạn thân, biết chọn đứa nào, bỏ đứa nào, cả một lũ lau nhau, ai mà lên ti vi cho hết được, rồi khéo lại giận nhau, lại bảo: ” Mày quên tao” mà từ xưa tới nay, có khi nào Thuỳ quên ai được!.*

(*Truyện ngắn Phan Thị Vàng Anh*, NXB Trẻ, 2011)

**VĂN BẢN 1:**

**NGƯỜI Ở**

*Hè này, bố đi công tác xa, mẹ phải thuê người giúp việc. Đó là Tuyết, chỉ trạc tuổi tôi nhưng siêng cực kỳ. Thấy tôi hay đi học thêm, nó có vẻ ngạc nhiên lắm. Nhất là khi thấy tôi xin mẹ tiền học, nó cứ đứng ngẩn người nhìn.*

*(…)*

*Không ngờ, một lần, nó xem tờ kiểm tra toán của tôi rồi thốt lên:*

*– Toán mà cậu cũng bị xơi ngỗng ư?*

*Tôi giật lấy tờ giấy trên tay nó, trừng mắt:*

*– Đây là*[*toán*](https://vi.wikipedia.org/wiki/To%C3%A1n_h%E1%BB%8Dc)*học thêm, toàn loại nâng cao, khó cực kỳ chứ có phải dễ như toán nhà quê cậu đâu mà đòi nhiều điểm.*

*Tưởng là nó cũng tin như lần tôi giải thích bài văn tả con lợn. Nào ngờ, nó phì cười:*

*– Hô… hô… Toán học thêm gì mà… dễ thế.*

*Tôi ngạc nhiên, hỏi lại:*

*– Cậu dám nói bài toán này dễ ư? Vậy thì giải đi xem nào.*

*Nó gật đầu rồi lấy bút giải, một loáng đã ra đáp số giống như cô giáo chữa ở lớp. Đến nước này thì tôi cũng chẳng cần sĩ diện làm gì nữa, chỉ dặn nó đừng để mẹ tôi biết kẻo lại bị ăn mắng.*

*Từ đó, tôi thực sự cảm phục Tuyết và càng ngày hai đứa càng thân nhau hơn. Năm học mới sắp đến, tôi thấy buồn vì sắp phải chia tay Tuyết. Nhưng Tuyết lại tỏ ra vui lắm. Nó khoe với tôi:*

*– Minh ơi… Mình đã kiếm đủ tiền để đi học tiếp rồi.*

*Thấy tôi không hiểu, Tuyết giải thích:*

*– Nhà mình nghèo, chỉ đủ tiền cho em mình đến lớp thôi. May mà mình tìm được việc làm trong hè, mới có tiền cho năm học mới. Ôi, mình mừng lắm…*

*Tôi không thể ngờ được một người như Tuyết lại phải làm người ở để kiếm tiền mới được đến lớp. Chẳng bù cho tôi, cái gì cũng có mà…*

*Tuyết bỗng bùi ngùi:*

*– Về nhà, mình sẽ rất nhớ bạn và…*

*Theo ánh mắt của Tuyết, tôi nhìn lên giá sách, thầm thấy xấu hổ vì rất nhiều cuốn tôi chưa đọc. Biết Tuyết vẫn ao ước có nhiều sách như mình, tôi kéo nó lại giá sách:*

*– Tuyết thích quyển nào, tớ cũng tặng.*

*Tuyết cảm động:*

*– Minh tốt quá… Nhưng mình chỉ lấy những cuốn trùng nhau thôi. Trên giá sách này, mình thấy nhiều cuốn sách tham khảo in trùng nhau, chỉ khác mỗi cái bìa… Vả lại, Minh cũng phải xin phép mẹ nữa chứ.*

*Tất nhiên là mẹ tôi đồng ý rồi. Mẹ còn nói:*

*– Nhân dịp này, hai mẹ con mình sẽ về thăm gia đình Tuyết.*

*Nghe vậy, tôi mừng quá, chỉ biết vỗ tay “hoan hô mẹ”. Còn Tuyết, không hiểu vui hay buồn mà miệng thì cười, còn mắt cứ chấp chấp… A… Tôi hiểu rồi. Nó lại xúc động ấy mà…*

(Thái Chí Thanh, Người ở, https://vanvn.vn/)

**VĂN BẢN 26**

**HÀNH TRANG LÊN ĐƯỜNG**

*Có một*[*hòa thượng*](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%B2a_th%C6%B0%E1%BB%A3ng)*muốn đi học tập ở nơi xa. Sư thầy hỏi:*

*– Khi nào con đi?*

*– Tuần sau con sẽ đi. Đường xa, con đã nhờ người đan vài đôi giày cỏ, sau khi lấy giày con sẽ lên đường.*

*Sư thầy trầm ngâm một lát rồi nói:*

*– Nếu không thì thế này, ta sẽ nhờ các tin chúng quyên tặng giày cho con.*

*Không biết sư thầy đã nói với biết bao nhiêu người nhưng ngày hôm đó, có đến vài chục người đem giày đến tặng, chất đầy cả một góc căn phòng thiền. Sáng hôm sau, lại có người mang một chiếc ô đến tặng cho hòa thượng. Hòa thượng hỏi:*

*– Tại sao tín chủ lại tặng ô?*

*– Sư thầy nói rằng hòa thượng chuẩn bị đi xa, trên đường có thể sẽ gặp mưa lớn, sư thầy nói với tôi liệu tôi có thể tặng hòa thượng một chiếc*[*ô*](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C3%94_%28v%E1%BA%ADt_d%E1%BB%A5ng%29)*?*

*Thế nhưng hôm đó, không chỉ có người đó mang ô đến tặng. Đến buổi tối, trong phòng thiền đã chất khoảng 50 chiếc ô các loại. Giờ học buổi tối kết thúc, sư thầy bước vào phòng thiền của hòa thượng:*

*– Giày cỏ và ô đã đủ chưa?*

*– Đủ rồi ạ! – Hòa thượng chỉ vào đống ô và giày cỏ chất cao như ngọn núi nhỏ trong góc phòng. – Nhiều quá rồi thầy ạ, con không thể mang tất cả đi được.*

*Sư thầy nói:*

*– Vậy sao được. Trời có lúc mưa lúc nắng, có ai tiên liệu được con sẽ phải đi bao xa, phải dầm bao nhiêu lần mưa gió. Nhỡ đâu giày cỏ đi rách hết cả, ô cũng mất, lúc đó con phải làm sao?*

*Ngừng một lát, ông lại tiếp tục:*

*– Trên đường đi, chắc chắn con sẽ gặp không ít sông suối, mai ta sẽ có lời nhờ tín chúng quyên thuyền, con hãy mang theo…*

*Đến lúc này, vị hòa thượng mới hiểu ra ý đồ của sư phụ. Hòa thượng quỳ rạp xuống đất, nói:*

*– Đệ tử sẽ xuất phát ngay bây giờ và sẽ không mang theo bất cứ thứ gì ạ.*

(Theo báo điện tử https://toancanh60s.com/)

**VĂN BẢN 27**

**CƠM MÙI KHÓI BẾP**

 Bốn năm từ ngày lấy vợ, Tết này anh mới đưa được cả vợ và con về quê. (...) Lần này cả nhà mới được về quê, cho đứa con ăn Tết quê nội lần đầu.

 Bà mẹ ngoài sáu mươi đon đả chạy ra tận ngõ đón. Lưng bà đã bắt đầu cong hình đòn gánh. Tay phải bà cắp bồng đứa cháu nội, tay trái vẫn chèo móc thêm một túi xách. Đặt xong đồ đạc vào góc nhà, bà bảo: “Chắc bây đói bụng rồi, để mẹ đi nấu cơm cho ăn”.

 Cô con dâu còn mệt hơi xe đáp: “Chúng con ghé ăn trên thị xã rồi mới về đây”. Nói xong cô quay sang chồng: “Bún nuốt chả trôi nữa là cơm”. Bà hơi chạnh lòng: “Về tới xứ mình rồi còn ăn chi dọc đường dọc sá cho tốn tiền. Thôi ra rửa ráy, để mẹ đi pha nước chanh cho bây uống. Chanh vườn nhà mình chứ không phải chanh Tàu đâu. Uống vô cái khỏe liền”.

[...] Hôm sau bà lọ mọ dậy từ lúc trời chưa hửng sáng, nhóm lửa rơm, bắc nồi cơm. Thằng cháu nội ba tuổi chạy xuống thấy khói bếp bốc ngùn ngùn, khiếp quá hét toáng lên: “Cháy nhà”.

 Anh chị đang ngủ giật mình vùng dậy. Anh bảo nhà đã có bếp gas, mẹ nấu gì thứ rơm đó nữa cho cực. Bà cười: “Tụi bây ăn cơm nồi cơm điện thành phố rồi, về quê mẹ nấu cơm lửa rơm cho thơm mùi đồng mùi rạ. Mà cơm nấu rơm mới có miếng cháy ăn giòn. Mấy hồi anh nhỏ, bữa ăn không có miếng cơm cháy là giãy nãy lên bướng bỉnh chẳng chịu ăn. Nhớ không.”

[...]Cô con dâu bảo: “Mẹ bày ra nấu bữa sáng làm gì cho cực. Chúng con ra quán ăn miếng là rồi việc”. “Bây nói chi lạ. Ăn uống phải đàng hoàng chớ. Bữa sáng là quan trọng lắm. Không ai thương bằng cơm thương đâu con. Ăn cơm chắc bụng no lâu. Mấy cái thứ bún cháo nước õng ệu, chỉ nhoáng là đói lại liền à.” – Bà vừa san cơm ra chén vừa nói.

 Ba chén cơm trắng, đĩa cá đồng kho nghệ. Anh háy mắt qua vợ, ý bảo ăn đi, ăn lấy lòng mẹ một miếng. Chị lại háy mắt qua anh lắc đầu, có mà sức Thánh Gióng mới nuốt trôi. Thằng cu con nhìn chằm chằm chén cơm. Cuối cùng chỉ có anh trệu trạo làm được ba miếng, như là ăn tượng trưng cho mỗi người một miếng. Tranh thủ lúc mẹ đi ra giếng, anh lùa cả ba chén cơm trắng vào lại nồi.

 Sáng hôm sau bà lại dậy sớm. Lại nhóm bếp rơm nấu cơm. Xong bữa nồi cơm không vơi được là mấy, vẫn đầy như lòng mẹ. Anh gắng ăn được nửa chén. Chén lòng san đôi cho mẹ cho vợ. Anh dối mẹ chở vợ con đi xem chợ Tết, đi thăm thú làng quê, thực chất là để ghé quán cho vợ con ăn bún ăn cháo.

 Anh tự nhủ sáng mai phải thức sớm ngồi nấu bếp với mẹ như xưa. Tự nhủ sáng mai phải ăn chén cơm đầy với mẹ, nhai một miếng cơm cháy giòn thơm. Nhưng lâu ngày giờ về quê gặp lại bạn bè người thân, chỗ này mời chén rượu, chỗ kia mời bữa cơm. Cơm rượu quê hàn huyên câu chuyện ngày dài tới tận khuya. Hôm sau thức dậy đã sáng trọt sáng trời, cổ họng khô khốc không ăn nổi cơm dẻo, huống hồ là miếng cơm cháy.

 Chưa hết Tết, mới ngày mùng bốn anh lại phải đưa vợ con vào Sài Gòn. Bà mẹ dậy sớm làm gà, nấu cơm. Vẫn một mình bà cặm cụi với cái bếp. Bà xúc đầy cơm vào chiếc ca mèn. Gà luộc cho vào hộp đựng. “Bây đem lên xe mà ăn. Cơm dọc đường dọc sá không ngon đâu”.

[...]Vào tới Sài Gòn ca mèn cơm vẫn còn một nửa. Vợ định đem đi đổ. Anh can, bảo để đấy, phơi khô cất giữ làm kỷ niệm.

 Qua tháng ba nghe tin mẹ bệnh, anh tức tốc về nhà. Nằm trên giường, gặp con, câu đầu tiên bà hỏi: “Con ăn chi chưa. Mẹ không bắc cơm được. Thôi ra đầu chợ ăn tạm. Bữa nào khỏe mẹ nấu cơm cho ăn. Tội nghiệp”.

 Nhưng mẹ không khỏe nữa, yếu dần, được thêm hai bữa thì nhắm mắt.

 Đưa mẹ ra đồng xong, về nhà nhìn chén cơm trắng đặt trên bàn thờ, anh thấy nhói lòng. Ân hận. Thế là hết cơ hội được ăn với mẹ một chén cơm sáng thật đầy, để nghe mẹ nói câu “Không ai thương bằng cơm thương”. Tiếc nuối. Thèm miếng cơm cháy mẹ nấu quá. Giòn và thơm, mùi hương đồng mùi nước quê, cả mùi khói bếp. Chỉ có mẹ mới nấu được miếng cơm cháy ngon như thế.

 Hôm lên đường vào Sài Gòn, anh dậy sớm nấu chén cơm đặt lên bàn thờ mẹ. Anh tự mình vo gạo, tự mình nhóm bếp rơm. Loay hoay một hồi. Bếp nhà đầy khói. Và khói…

(*Theo Hoàng Công Danh, Chuyến tàu vé ngắn, NXB Trẻ, trang 49 – 54 2016, TPHCM)*

**VĂN BẢN 28**

**MÓN QUÀ SINH NHẬT**

 Nhân kỉ niệm ngày sinh năm nay của tôi, bạn bè đến chơi vui vẻ quá. (...)Vui thì vui thật, xong tôi vẫn bồn chồn không yên. Không hiểu sao cái Trinh, đứa bạn thân nhất của tôi, giờ này vẫn chưa đến. Chẳng lẽ nó lại quên ngày vui của tôi? Không, con bé vốn chu đáo lắm kia mà! Bạn bè đã bắt đầu ra về lác đác, tôi cũng bồn chồn. Tôi không trách Trinh nữa mà bắt đầu lo. Hay là... Trinh đã gặp tai nạn gì giữa đường chăng?

   Tôi đang đăm chiêu nghĩ ngợi, chợt cái Thanh reo lên:

   - Kia rồi! Chị Trinh kia rồi!

   Tôi quay phắt ra cửa, nhìn thấy Trinh đang tươi cười đi vào sân. Tôi chạy ào ra, xô đổ cả ghế. Thấy Trinh bình thường, tự nhiên tôi thấy tủi thân và giận Trinh. Tôi trách:

   - Sao bây giờ mới đến? Tưởng quên người ta rồi? Ghét!

   Trinh cười lỏn lẻn, đầu hơi nghiêng nghiêng trông thật hiền lành. Nhìn nét cười ấy không thể nào mà giận cho được. Tôi phát vào lưng Trinh một cái rõ đau, rồi hỏi:

   - Xe đâu không dắt vào, lại để ngoài cổng hả?

   Trinh vẫn cười không ra tiếng, lắc lắc đầu hất lọn tóc nặng ra sau, nói nhỏ như có lỗi:

   - Xe sáng nay anh Toàn đi sớm.

   - Thế đi bộ xuống đây à?

   Trinh không trả lời, chỉ mỉm cười gật đầu.

   Tôi giận mình quá, thế mà cứ trách Trinh mãi. Đi bộ thảo nào bây giờ mới đến. Nhà Trinh mãi trên Quảng Bá, xuống đây cũng phải đến năm, sáu cây số, chứ có gần gì.

   Tôi kéo Trinh vào ngồi giữa bạn bè. Trinh mở chiếc lẫy mây nhỏ, thận trọng lấy ra mấy bông hồng vàng. Tất cả đều sửng sốt reo lên. Cái Thanh vội cầm chiếc cốc đi múc nước. Mấy bạn khác cũng xúm lại trầm trồ nhìn ngắm. Trinh lại khẽ nâng lên một cành ổi. Còn nguyên cả lá và lúc lỉu đến năm, sáu quả tròn to, láng bóng. Lại những tiếng xuýt xoa bàn tán. Trinh cười quay sang tôi:

   - Trang còn nhớ chùm ổi này không? Không à? Quả của cây ổi găng góc ao đấy thôi!

   Tôi "à" lên một tiếng, mi mắt bỗng nong nóng và sống mũi cay xộc. Tôi nhớ ra rồi. Lâu lắm, từ mấy tháng trước, lúc ổi đang ra hoa, tôi có lên nhà Trinh chơi. Trinh dẫn tôi vào vườn, đến góc bờ ao, Trinh nói nhỏ, vẻ bí mật:

   - Trang! Trang! Lại đây tớ cho xem cái này, hay lắm!

   Trinh lom khom, luồn qua những cành ổi la đà gần sát mặt đất, rẽ lối cho tôi luồn theo. Đến góc ao, Trinh vít một cành ổi xa nhất, thích thú chỉ cho tôi xem một chùm hoa trắng muốt. Trinh thì thào:

   - Cậu xem có thích không? Cả chùm mọc sát nhau nhé! Cây ổi này là giống ổi găng ngon nhất vườn đấy. Quả to, cùi dày, ăn giòn và thơm chẳng kém gì lê. Tớ phát hiện ra chùm hoa này, tuyệt không? Một, hai, ba,... sáu, bảy, tám... phải hơn chục hoa là ít. Mà lại nở chụm vào một đầu cành mới thích chứ!

   Thấy tôi chăm chú nhìn cành hoa ổi, Trinh nói tiếp:

   - Tớ đang có một "âm mưu" này, Trang ạ. Rất thú vị nhé!

   Tôi gặng hỏi mãi, Trinh cũng không chịu nói. Trinh bảo chưa muốn nói bây giờ vì muốn dành cho tôi một sự bất ngờ. Và bây giờ thì chùm ổi đã chín vàng trên hai bàn tay tôi. Nâng chùm ổi trên tay, giọng tôi run run:

   - Cái "âm mưu" Trinh nói dạo ấy là chuyện này đây phải không?

   Trinh vẫn lặng lẽ mỉm cười, chỉ gật đầu không nói.

   Cảm ơn Trinh quá. Món quà sinh nhật Trinh mang đến cho mình mới quý giá làm sao! Nó không phải là món quà mua vội vàng trên vỉa hè, trong cửa hiệu, chỉ cốt bỏ tiền ra mua là được, mà nó là cả một tấm lòng trân trọng của Trinh. Trinh đã ấp ủ, nâng niu, hằng nghĩ đến suốt bao ngày nay. Trinh đã săn sóc chùm ổi ấy, để mắt đến nó, từ khi nó chỉ mới là những chiếc nụ nhỏ xíu, rồi nở hoa, rồi kết quả. Trinh đã mong ngày, mong đêm, tìm mọi cách giữ chùm quả ấy lại nguyên vẹn để hôm nay có được chùm quả vàng tươi thơm mát này...

(Trích tác phẩm Món quà sinh nhật, Trần Hoài Dương, Những ngôi sao trong mưa)

**VĂN BẢN 29:**

*Sáng sớm hôm sau, trong gió bấc lạnh, Tâm đã mở cổng gánh hàng ... lên chợ. Sương trắng còn đầy ở các ngõ trong làng; mùi rơm rác và cỏ ướt thoang thoảng bốc lên, mùi quen của quê hương và của đất mầu khiến Tâm thấy dễ chịu và thêm can đảm. Nàng rảo bước cho mau chóng đến chợ.*

*Cái đòn gánh cong xuống vì hàng nặng, kĩu kịt trên mảnh vai nhỏ bé theo nhịp điệu của bước đi. Chịu khó, chịu khó từng tí một, hết bước nọ sang bước kia, cứ thế mà đi không nghĩ ngợi. Tâm thấy ngày nay cũng như mọi ngày, ngày mai cũng thế nữa; tất cả cuộc đời nàng lúc nào cũng chịu khó và hết sức, như tấm vải thô dệt đều nhau. Có phải đâu chỉ một mình cô; trong những lũy tre xanh kia, bao nhiêu người cũng như cô, cũng phải chịu khó và nhọc nhằn, để kiếm tiền nuôi chồng, nuôi con, nuôi các em. Tâm không chán nản cũng không tự kiêu, chỉ thấy yên tâm chắc chắn, như nhiều người khác cũng làm việc, cũng sống như nàng. Tâm cứ bước đều chân và đến chợ hãy còn sớm. Nàng bày hàng trên khoảng đất nàng vẫn ngồi xưa nay. Ánh sáng đầu tiên của mặt trời lấp lánh trên mặt kính các ô hàng. Các màu đua nhau thắm tươi dưới ngón tay xinh xắn của Tâm: những cuộn chỉ mượt, những cái cúc xà cừ, những gương lược sáng loáng. Cái gì cũng sạch sẽ ngăn nắp, nhỏ nhắn như công việc, như ý nghĩ của cô hàng xén.*

*(Trích Cô hàng xén, Thạch Lam, Thạch Lam tuyển tập, NXB Thời đại, 2011, tr.210-211)*

**VĂN BẢN 30**

*Cụ Kép là người thích uống rượu ngâm thơ và chơi hoa lan. Cụ đã tới cái tuổi được hoàn toàn nhàn rỗi để dưỡng lấy tính tình. Vì bây giờ trong nhà cụ cũng đã thừa bát ăn. Xưa kia, cụ cũng muốn có một vườn cảnh để sớm chiều ra đấy tự tình. Nhưng nghĩ rằng mình chỉ là một anh nhà nho sống vào giữa buổi Tây Tàu nhố nhăng làm lạc mất cả quan niệm cũ, làm tiêu hao mất bao nhiêu giá trị tinh thần; nhưng nghĩ mình chỉ là một kẻ chọn nhầm thế kỷ với hai bàn tay không có lợi khí mới, thì riêng lo cho thân thế, lo cho sự mất còn của mình cũng chưa xong, nói chi đến chuyện chơi hoa. Cụ Kép thường nói với lớp bạn cũ rằng có một vườn hoa là một việc dễ dàng, nhưng đủ thời giờ mà săn sóc đến hoa mới là việc khó. Cụ muốn nói rằng người chơi hoa nhiều khi phải lấy cái chí thành chí tình ra mà đối đãi với giống hoa cỏ không bao giờ biết lên tiếng. Như thế mới phải đạo, cái đạo của người tài tử. Chứ còn cứ gây được lên một khoảnh vườn, khuân hoa cỏ các nơi về mà trồng, phó mặc chúng ở giữa trời, đày chúng ra mưa nắng với thờ ơ, chúng trổ bông không biết đến, chúng tàn lá cũng không hay thì chơi hoa làm gì cho thêm tội*

*Đến hồi gần đây, biết đã đủ tư cách chơi cây cảnh, cụ Kép mới gây lấy một vườn lan nho nhỏ. Giống lan gì cũng có một chậu. Tiểu kiều, đại kiều, Nhất điểm, Loạn điểm, Yên tử v. v… Chỉ trừ có giống lan Bạch ngọc là không thấy trồng ở vườn. Không phải vì lan Bạch ngọc đắt giá mỗi giò mười đồng bạc, mà cụ Kép không trồng giống hoa này. Trong một buổi uống trà đêm, cụ Kép nói với một người bạn đến hỏi cụ về cách thức trồng cây vườn hoa:*

*- Tôi tự biết không chăm được lan Bạch ngọc. Công phu lắm, ông ạ. Gió mạnh là gẫy, nắng già một chút là héo, mưa nặng hột là nẫu cánh. Bạch ngọc thì đẹp lắm. Nhưng những giống nhẹ nhàng ấy thì yểu lắm. Chăm như chăm con mọn ấy. Chiều chuộng quá như con cầu tự. Lầm lỡ một chút là chúng đi ngay. Những vật quý ấy không ở lâu bền với người ta. Lan Bạch ngọc hay ưa hơi đàn bà. Trồng nó ở vườn các tiểu thư thì phải hơn.*

*Thiếu hẳn loài Bạch ngọc, cụ Kép đã cho trồng nhiều giống Mặc lan, Đông lan, Trần mộng. Giống này khỏe, đen hoa và dò đẫy, hoa có khi đậu được đến nửa tháng và trong mươi ngày, nếu chủ vườn có quên bón tưới, cũng không lụi.*

*Chiều hôm nay, hoa Mặc lan chớm nở.*

*Chiều mai, mùng một Tết, hoa Mặc lan mãn khai đầy vườn.*

*Đêm giao thừa, bên cạnh nồi bánh chưng sôi sình sịch, bõ*[***[1]***](https://baitap365.com/bai-viet/152413-de-thi-hoc-ki-1-van-11-ket-noi-tri-thuc-de-so-1)*già đang chăm chú canh nồi kẹo mạch nha. Cụ Kép dặn bõ già phải cẩn thận xem lửa kẻo lơ đễnh một chút là khê mất nồi kẹo. Hai ông ấm, con trai cụ Kép, người lớn tuổi đứng đắn như thế, mà lại ngồi gần đấy, phất giấy vào những nan lồng. Thực là hai đứa trẻ con đang ngồi nghịch với lồng bàn giấy. Họ trịnh trọng ngồi dán hồ, vuốt giấy. Ông cụ Kép đứng kèm bên, mỗi lúc lại nhắc:*

*- Này Cả, thầy tưởng miệng lồng bàn, con nên đan to hơn miệng chậu. Con chạy ra, lấy cái que đo lại chậu xem. Nếu rộng thì hỏng hết. Đo lại chậu Mặc lan thôi.*

*Hai ông ấm, ngồi phất được đến mười cái lồng bàn giấy. Họ rất vui sướng vì họ tin đã làm toại được sở thích của cha già. Cụ Kép co ro chạy từ nồi mạch nha, qua đám lồng bàn giấy, đến cái rổ đá cuội đã ráo nước thì cụ ngồi xổm xuống, ngồi lựa lấy những viên đá thật trắng, thật tròn, để ra một mẹt riêng. Ông ấm cả, ông ấm hai lễ mễ bưng những chậu Mặc lan vào trong nhà. Cả ba ông con đều nhặt những hòn cuội xấu nhất, méo mó, xù xì trải xuống mặt đất những chậu lan gần nở. Mỗi lần có một người đụng mạnh vào dò lan đen, cụ Kép lại xuýt xoa như có người châm kim vào da thịt mình.*

*Nồi kẹo đã nấu xong nhưng phải đợi đến gần cuối canh hai kẹo mới nguội.*

*Bây giờ thêm được bõ già đỡ một tay nữa, cả ba ông con đều lấy những hòn cuội để riêng ban nãy ra mẹt, đem dúng đá cuội vào nồi kẹo, quấn kẹo bọc kín lấy đá, được viên nào liền đem đặt luôn vào lồng chậu hoa. Những viên đá bọc kẹo được đặt nhẹ nhàng lên trên lượt đá lót lên nền đất chậu hoa. Úp xong lồng bàn giấy lên mười chậu Mặc lan thì vừa cúng giao thừa. Ba ông con, khăn lượt áo thâm lạy trước bàn thờ đặt ngoài trời. Năm nay, trời giao thừa lành. Cả một buổi sớm, cụ Kép phải bận ở đình làng. Trước khi ra đình cụ đã dặn bõ già ở nhà phải sửa soạn cho đủ để đến quá trưa, cụ và vài cụ nữa đi việc đình làng về sẽ cùng uống rượu thưởng hoa. Bõ già đã bày ra giữa sân bốn cái đôn sứ Bát Tràng mầu xanh quan lục. Trước mặt mỗi đôn, bõ già đặt một án thư nhỏ, trên đó ngất nghểu hai chậu lan còn lù lù chiếc lồng bàn úp, và một hũ rượu da lươn lớn có nút lá chuối khô. Bõ già xếp đặt trông thạo lắm. Trong mấy năm nay, đầu mùa xuân nào bõ già cũng phải ít ra là một lần, bày biện bàn tiệc rượu Thạch lan hương như thế. Bõ già hôm nay lẩm bẩm phàn nàn với ông ấm hai:*

*- Năm nay cụ nhà uống rượu sớm quá và lại uống ban ngày. Mọi năm, cứ đúng rằm tháng giêng mới uống. Vả lại uống vào chiều tối. Đốt đèn lồng, treo ở ngoài vườn, trông vào bữa rượu hoa, đẹp lắm cậu ạ.*

*Ông ấm hai vui chuyện, hỏi bõ già:*

*- Này bõ già, tôi tưởng uống rượu nhấm với đá cuội tẩm kẹo mạch nha thì có thú vị gì. Chỉ thêm xót ruột.*

*- Chết, cậu đừng nói thế, cụ nghe thấy cụ mắng chết. Cậu không nên nói tới chữ xót ruột. Chính cụ nhà có giảng cho tôi nghe rằng những cụ sành uống rượu, trước khi vào bàn rượu không ăn uống gì cả. Các cụ thường uống vào lúc thanh tâm. Và trong lúc vui chén, tịnh không dùng những đồ nhắm mặn như thịt cá đâu. Mấy vò rượu này, là rượu tăm đấy. Cụ nhà ta quý nó hơn vàng. Khi rót rỏ ra ngoài một vài giọt, lúc khách về, cụ mắng đến phát thẹn lên. Cậu đậy nút lại không có rượu bay!*

*Phía ngoài cổng, có tiếng chó sủa vang.*

*Bõ già nhìn ra thấy bốn cụ tiến vào đã quá nửa lòng ngõ duối. Cụ nào cũng cầm một cây quạt thước, chống một chiếc gậy tre càng cua hay trúc đùi gà. Uống xong tuần nước, cụ Kép mời ba cụ ra sân uống rượu. Bõ già vòng tay vái các cụ và đợi các cụ yên vị rồi thì khom khom mở từng chiếc lồng bàn giấy một.*

*Một mùi hương lan bị bỏ tù trong bầu không khí lồng bàn giấy phất từ đêm qua, đến bây giờ vội tản bay khắp vườn cây […] Cơn gió nhẹ pha loãng hương thơm đặc vào không gian.*

(Trích *Hương Cuội*, Nguyễn Tuân, *Vang bóng một thời*,

NXB Văn học 2012)

**VĂN BẢN 31:**

*Dì Hảo chẳng nói năng gì. Dì nghiến chặt răng để cho khỏi khóc nhưng mà dì cứ khóc. Chao ôi! Dì Hảo khóc. Dì khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ. Dì thổ ra nước mắt. Nhưng đã vội phí nước mắt làm gì nhiều đến thế. Vì dì còn phải khóc hơn thế nhiều, khi hắn chán chửi, bỏ nhà mà đi, bỏ dì bơ vơ, đau ốm, để tìm cơm rượu. Trách làm gì hắn, cái con người bắt buộc phải tàn nhẫn ấy? Hắn phải ăn, phải uống, phải vui thú, đó là đời của hắn. Dì Hảo què liệt không còn những cái ấy để mà cho. Không, dì có trách chi con người tàn nhẫn ấy. Cũng như dì đã không trách bà tôi đã làm ngơ không cấp đỡ cho dì. Bà tôi có còn giàu như trước nữa đâu? Người đã già, đã ốm yếu, và khổ cực thay! Đã nghèo như lúc còn hăm hai. Cái cơ nghiệp người gây dựng thầy tôi buôn bán thua lỗ, chúng tôi học hành tổn phí nhiều, đã tan tác đi theo gió bốn phương. Người chỉ có thể đem đến cho dì Hảo mỗi ngày một xu quà, và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở.*

***(Trích Dì Hảo –Tuyển tập truyện ngắn Nam Cao, NXB VH, 2017, tr. 208)***

***VĂN BẢN 32***

***Bố tôi***

*Tôi đi học dưới đồng bằng. Còn bố tôi, từ nơi núi đồi hiểm trở, ông luôn dõi theo tôi.*

*Bao giờ cũng vậy, ông mặc chiếc áo kẻ ô phẳng phiu nhất, xuống núi vào cuối mỗi tuần. Ông rẽ vào bưu điện để nhận những lá thư tôi gửi. Lặng lẽ, ông vụng về mở nó ra. Ông xem từng con chữ, lấy tay chạm vào nó, rồi ép vào khuôn mặt đầy râu của ông. Rồi lặng lẽ như lúc mở ra, ông xếp nó lại, nhét vào bao thư. Ông ngồi trầm ngâm một lúc, khẽ mỉm cười rồi đi về núi.*

*Về đến nhà, ông nói với mẹ tôi: “Con mình vừa gửi thư về”. Ông trao thư cho bà. Bà lại cẩn thận mở nó ra, khen: “Con mình viết chữ đẹp quá! Những chữ tròn, thật tròn, những cái móc thật bén. Chỉ tiếc rằng không biết nó viết gì. Sao ông không nhờ ai đó ở bưu điện đọc giùm?”. Ông nói:“Nó là con tôi, nó viết gì tôi đều biết cả”. Rồi ông lấy lại thư, xếp vào trong tủ cùng với những lá thư trước, những lá thư được bóc ra nhìn ngắm, chạm mặt rồi cất vào, không thiếu một lá, ngay cả những lá đầu tiên nét chữ còn non nớt…*

*Hôm nay là ngày đầu tiên tôi bước chân vào trường đại học. Một ngày khai trường đầu tiên không có bố. Bố tôi đã mất. Nhưng tôi biết bố sẽ đi cùng tôi trên những con đường mà tôi sẽ đi, suốt cả hành trình cuộc đời.*

 (Theo Nguyễn Ngọc Thuần)

**VĂN BẢN 33**

**LÀM BẠN VỚI BẦU TRỜI**

Tèo năm nay tám tuổi, nhỏ hơn tôi và Nghị hai tuổi. Đó là một thằng nhóc mặt mày sáng sủa, không có vẻ gì là đứa trẻ nhà quê dù từ bé tới giờ nó chỉ sống ở nông thôn.

  Khi tôi theo thằng Nghị về nhà nó, Tèo vẫn nằm trên giường. Nó mặc chiếc áo ngắn tay màu đỏ đã ngả màu gạch cua và một chiếc quần cộc màu xám dài tới gối. Tèo kê đầu trên hai chiếc gối xếp chồng lên nhau, ánh mắt đang lơ đãng nhìn qua cửa sổ.

 Nghị giới thiệu:

-Anh Lam là bạn tao. Ảnh tới thăm mày đó, Tèo.

  Thằng Tèo nằm yên tại chỗ gật đầu chào tôi. Trông mặt thì nó có vẻ vui mừng khi có người đến thăm nhưng nó không thèm ngồi dậy khiến tôi bực mình:

-Mày có biết lịch sự là gì không hả Tèo?

-Em tao không ngồi lên được. - Nghị vội vàng giải thích.

  Hóa ra cách đây bốn tháng, Tèo bị ngã từ trên cầu xuống suối. Cầu thôn quê lát bằng những mảnh ván gập ghềnh, trẻ con bước không khéo ngã như chơi. Lúc Tèo trượt chân, con suối đang vào mùa khô, lòng suối cạn lởm chởm những đá. Tèo đập người vào đá, bất tỉnh nhân sự. Khi người làng vớt nó lên chở tới trạm xá, mắt nó nhắm nghiền, ngực thoi thóp thở, ai cũng tưởng nó chết. Thế nhưng Tèo vượt qua được, y như có phép màu. Tất nhiên nếu đầu nó chẳng may va phải đá, chẳng phép màu nào cứu nó nổi. Tèo không chết, nhưng cột sống bị tổn thương nặng. Từ hôm đó, nó nằm một chỗ.

  Đó là Nghị kể tôi nghe. Còn lúc tôi ngắm thằng Tèo và tự hỏi tại sao một thằng bé trông đáng yêu như thế lại gặp số phận thế này. Tèo không hề hé môi về tai nạn của mình. Giá như thằng Tèo muốn kể, nó cũng không có cơ hội. Vừa giới thiệu tôi với thằng Tèo xong, Nghị đã bô bô giành nói:

-À, tao nhớ ra rồi nghe Tèo.

-Nhớ chuyện gì vậy anh?

-Chuyện tao xem phim lần đầu đó. Lúc đó tao mới ba tuổi. Đó là một bộ phim chiếu cảnh thợ lặn.

-Thợ lặn hả anh?

-Ờ, thợ lặn. Người ta bỏ thợ lặn vào trong một chiếc lồng rồi thả xuống biển.

-Người ta thả xuống biển để làm gì?

Nghị khụt khịt mũi, vừa nói nó vừa liếc tôi:

-Lâu quá rồi tao cũng chẳng nhớ. Chỉ nhớ lát sau người ta kéo người thợ lặn lên. Kéo lên xong, người ta lại thả xuống. Thả xuống xong, người ta lại kéo lên.

-Em biết rồi. -Tèo mỉm cười. -Người ta chơi trò chơi đó anh.

-Trò chơi á?

-Ờ, hồi trước em cũng hay chơi trò đó. Em buộc một chiếc giày cũ vào sợi dây rồi thả xuống ao rồi kéo lên sau đó lại thả xuống...

-Đầu mày bị sao vậy hả Tèo? Mồi câu là chiếc giày, cá nào mà ăn?

Cá không ăn nhưng nó chui vào chiếc giày để đi ngủ. Nó sẽ tưởng chiếc giày là nhà của nó.

  Nghị thở hắt ra

-Mày điên quá rồi, Tèo

  Tôi chen ngang:

-Rốt cuộc mày có câu được con cá nào không?

-Lần đó em không câu được cá nhưng câu được một con diều.

 Trước ánh mắt dò hỏi của tôi và Nghị, thằng Tèo vui vẻ giải thích:

-Con diều giấy của anh Tí bị đứt dây đó anh.Cánh diều bay là là rồi đáp xuống chiếc giày của em… [..]

Cậu nhỏ luôn tươi tắn nụ cười trên môi, ước mơ luôn trong mắt, nồng hậu, dịu dàng, cậu truyền tình yêu và lòng tin vào cuộc sống, hồn nhiên coi thường mọi bất hạnh.Trên trời có mây đủ hình, có những cánh chim bay, thỉnh thoảng có những cánh bướm đủ màu lượn quanh cửa sổ. Những hạt mưa như có ai chấm lên người từng chấm lạnh. Như là ai đó dùng chiếc cọ nhúng vào mưa quét lên người chọc ghẹo...Thiên nhiên và con người hiền hòa đẹp dịu dàng mê mải, trong một không gian chỉ toàn những tươi vui và thương yêu ấm áp."...Dường như trái tim thằng Tèo luôn nhúng vào tình yêu. Nó luôn tìm thấy cơ hội để tha thứ cho cuộc đời, nhờ vậy tâm hồn nó lúc nào cũng bình yên....Bao giờ cũng nhìn thấy sự may mắn trong một hoàn cảnh không may mắn, bao giờ cũng tươi vui trong một số phận kém vui tươi, bao giờ cũng đối xử tốt với cuộc đời mặc dù không phải lúc nào cuộc đời cũng đối xử tốt với mình. Những phẩm chất đó có lẽ chỉ có ở thằng Tèo, đứa bé xem việc được làm bạn với bầu trời cao xanh và khoáng đạt là niềm vui lớn lao. Lớn lao hơn nhiều so với những mất mát của bản thân mình.Thiên thần đã ở lại với thị trấn Mặt Trăng và không ngừng làm tôi ngạc nhiên. Và tôi biết tại sao tâm hồn tôi đẹp dần lên mỗi ngày...

 **( Nguyễn Nhật Ánh, Làm bạn với bầu trời)**

**\* Tác giả**

Nguyễn Nhật Ánh sinh ngày 7 tháng 5 năm 1955 ở Quảng Nam là một nhà văn, nhà thơ, giáo viên nổi tiếng ở Việt Nam. Nguyễn Nhật Ánh có các bút danh là Chu Đình Ngạn, Lê Duy Cật, Đông Phương Sóc, Sóc Phương Đông,…Ông từng nhận được các giải thưởng  Văn học Trẻ hạng A (với tác phẩm “Chú bé rắc rối”), nhà văn được yêu thích nhất trong 20 năm (1975 – 1995), 20 nhà văn trẻ tiêu biểu trong 20 năm (1975 – 1995). Bên cạnh việc sáng tác thơ văn, Nguyễn Nhật Ánh còn tham gia tích cực vào việc viết kịch bản sân khấu, xây dựng các tiểu phẩm và trang báo dành cho thiếu nhi.

Các tác phẩm dành cho tuổi thơ nổi tiếng của ông như: “Kính vạn hoa, Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh, Bảy bước tới mùa hè, Làm bạn với bầu trời,...”Những tác phẩm viết về tình yêu của ông thì vô cùng nhẹ nhàng, nồng nhiệt có đôi chút hài hước dí dỏm như “Côgái đến từ hôm qua, mắt biếc...”Ngoài ra các tác phẩm của ông nhiều tác phẩm đã được chuyển thể thành phim, khi chuyển thể thành phim điện ảnh thì liên tục "cháy vé". Các bộ phim được chuyển thể thành phim có thể kể đến như là: Mắt biếc, Kính vạn hoa, Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh,...

**\* Tác phẩm**

Truyện dài "Làm bạn với bầu trời của Nguyễn Nhật Ánh là tác phẩm thứ 45 của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh được xuất bản tại NXB Trẻ. Tác phẩm chính thức phát hành trên toàn quốc vào ngày 12-9-2019

*Làm bạn với bầu trời* là truyện dài được trần thuật lại dưới góc nhìn của nhân vật Lam về những người sống quanh mình, trong đó Lam kể nhiều nhất về cậu em họ của bạn mình là Tèo. Tèo là đứa trẻ bất hạnh, vì một tai nạn ngoài ý muốn mà dù đang tuổi ăn tuổi lớn, cậu bé phải nằm liệt giường, không thể vui đùa như bao bạn bè cùng trang lứa. Thế nhưng ở cậu vẫn giữ được cho mình sự hồn nhiên ngây thơ và lạc quan đáng ngưỡng mộ.

**VĂN BẢN 34:**

**NGƯỜI CHA**

Khi tôi lên mười hai tuổi thì cha mẹ tôi chia tay nhau. Nói cho đúng là mẹ tôi bỏ cha tôi theo một người đàn ông khác về thành phố. Sau đó ít lâu cha tôi đã tìm mẹ tôi nhiều lần. Lần cuối cùng từ thành phố trở về, cha tôi đập phá lung tung. Rồi ông lỗi hai chị em tôi ra và nói:

- Mẹ chúng mày đã chết rồi. Từ nay tao cấm chị em mày nhắc tới mẹ. Đứa nào nhắc tới, tao giết.

Đêm ấy, tôi nằm ôm đứa em trai sáu tuổi và lặng lẽ khóc. Em tôi ngồi dậy trong đêm và hỏi:

- Chị ơi! Mẹ chết rồi hở chị?

- Không! - Tôi vội nói - Mẹ không chết. Mẹ đang ở thành phố. Mẹ sẽ về.

Và đêm ấy, cha tôi uống rượu say và khóc. Cũng từ ngày đó, đêm đêm cha tôi uống rượu. Rồi cha tôi say, ngủ ngay trên nền nhà. Tôi không làm sao đưa cha lên giường được. Tôi lấy chăn đắp cho cha và ngồi nhìn cha mà khóc. Những đêm không uống rượu ở nhà, cha tôi mò ra chợ uống rượu. Những đêm như thế, tôi chong đèn chờ cha. Có bữa, cha tôi ngủ lại ở lều chợ. Cũng vào năm đó, tôi phải bỏ học. Suốt ngày tôi lo việc giặt giũ, cơm nước cho cha tôi với đứa em. Cha tôi đi làm cả ngày. Tối về nhà, cha gục mặt ăn vội bữa tối. Hầu như chẳng bao giờ cha nói chuyện với chị em tôi.

Một buổi tối, nhìn cha tôi uống rượu, tôi không chịu đựng nổi. Tôi giằng lấy rượu từ tay cha tôi và nói như gào:

- Cha không được uống rượu. Cha không được uống.

Cha tôi mở mắt nhìn tôi. Cha chỉ tay vào mặt tôi và nói:

- Mày đã hại đời tao... bây giờ... mày còn cấm tạo uống à?.

Cha tôi đứng dậy, vơ lấy cái chối ở gần đó và đánh tôi. Vừa đánh tôi, cha vừa.. khóc. Nghe cha khóc, tôi không thể nào bỏ chạy được. Tôi nghiên răng, quỳ trên nền nhà chịu trận đòn của cha. Đến khuya, khi cha tôi đã ngủ mê mệt vì rượu, tôi mới lặng lẽ thu dọn những mảnh chai vỡ.

Đêm ấy, tôi mơ thấy những ngày hạnh phúc của gia đình tôi. Những bữa cơm tối đầm ấm. Mẹ tôi luôn gặp thức ăn cho cha con tôi. Rồi tôi mơ thấy mẹ tôi từ thành phố trở về. Cha tôi ra tận đầu thị trấn đón mẹ. Mẹ tôi gục mặt vào ngực cha tôi khóc mãi. Tôi gọi mẹ và tỉnh giấc. Ngôi nhà tối đen. Chỉ có tiếng ngáy của cha tôi nghèn nghẹn.

Chiều hôm sau đi làm về, khi ngồi xuống mâm cha tôi nhìn cánh tay tôi có những vết tím và hỏi:

 - Tay con làm sao thế kia?

Lúc đó, tôi thấy tủi thân vô cùng. Tôi muốn òa khóc và gào lên thật to: “Làm sao hở cha? Chính cha đã đánh con”. Nhưng nhìn thấy cha lo lắng và buồn bã tôi vội nói:

- Con chẻ củi. Cành củi đập vào tay.

- Lần sau phải cẩn thận đấy.

Cha tôi nói và gục mặt ăn hết bữa. Đến khuya, cha lại uống rượu. Tôi mắc màn cho em tôi đi ngủ. Khi thằng em tôi đã ngủ say, tôi úp mặt vào gối và nức nở âm thầm.

Một hôm, trong lúc cha tôi đi làm vắng thì mẹ tôi về. Hai chị em tôi ôm lấy mẹ và khóc.

- Bao giờ thì mẹ về ở với chị em con? Tôi hỏi.

- Mẹ không về đây nữa. Lần này mẹ về để đón các con lên thành phố ở với mẹ

Thế còn cha? - Em tôi hỏi.

- Cha ở lại đây - Mẹ tôi nói.

- Cha ở một mình à? Tôi hỏi.

- Ông ấy sẽ lấy vợ.

Nghe mẹ nói, tôi cúi đầu im lặng. Lát sau, tôi ngước nhìn mẹ và hỏi:

- Sao mẹ không về ở với cha?

- Mẹ không thể ở với ông ấy được - giọng mẹ tôi uất ức - Ông ấy sẽ giết mẹ. Nghe mẹ tôi nói, tôi thấy hoảng sợ. Tôi nhớ đến những trận đòn của cha tôi trong những đêm say rượu. Và thế là ngày hôm đó, chị em tôi đã trốn cha theo mẹ về thành phố.

Đêm đầu tiên ở thành phố, em tôi ngủ ngon lành sau một ngày mệt mỏi vì đi xe và sung sướng vì những đồ chơi mà mẹ tôi mua cho nó. Tôi thao thức mãi không ngủ được vì nhớ cha tôi sẽ thế nào khi chiều đi làm về không thấy chúng tôi. Nhưng khi vừa thiếp đi, tôi mơ thấy cha tôi say rượu và cầm chổi đánh tôi. Tôi thét lên và tỉnh giấc. Mẹ tôi từ buồng trong bước ra và hỏi:

- Con làm sao thế?

- Cha... cha đánh con.

- Cha hay đánh con à? Sao con không nói với mẹ.

- À, không. Cha không đánh con.

Lúc đó tôi đã tỉnh ngủ và vội vàng đáp. Mẹ tôi thở dài. Mẹ ngồi bên tôi một lát rồi đi vào buồng. Tôi nghe tiếng người đàn ông hỏi:

- Bao giờ thì cho chúng nó về?

- Em xin anh cho chúng nó ở đây. Em muốn chúng nó được học hành - Tiếng mẹ tôi nói nhỏ - Em sẽ cố gắng làm thêm.

- Tôi không cần cô phải làm thêm. Tôi cần cô chứ tôi không cần hai đứa con cô. - Anh hiểu cho em. - Giọng mẹ tôi van vỉ.

- Nếu cô muốn ở với chúng nó thì về nhà cô mà ở. Thôi được, tôi cho chúng nó ở đây với cô dăm ngày nữa rồi cô phải đưa chúng nó về.

Tôi nghe thấy mẹ tôi khóc. Mặt tôi cũng giàn giụa nước mắt.

Mấy ngày ở nhà chồng mới mẹ tôi, hầu như tôi câm lặng suốt ngày. Em tôi còn nhỏ, nó không biết gì. Suốt ngày nó mê mải với những đồ chơi của nó.

Rồi một hôm cha tôi xuất hiện. Tôi kêu lên gọi cha.

Cha tôi không nói gì. Cha nhìn chị em tôi rất lâu, rồi hỏi:

* Mẹ chúng mày đâu?

Tôi chưa kịp trả lời cha thì mẹ từ trên gác bước xuống. Thấy cha, mẹ sững lại.

- Ông đến đây làm gì? Mẹ tôi hỏi.

- Tôi đến đưa các con tôi về.

Chúng nó không phải con tôi chắc?

- Cô không xứng đáng làm mẹ chúng nó.

-Ông đừng nói ai xứng đáng hay không nữa. Ông hỏi chúng nó thích ở với ai? Đấy là quyền của chúng nó.

Mặt cha tôi chợt tái đi. Tôi thấy cha tôi thở rất mạnh.

- Nào? Chúng mày thích ở với ai? Mẹ hay bố? Nói đi!

Nghe mẹ tôi hỏi tôi cúi gằm mặt. Tôi không dám nhìn cha và mẹ tôi. Lúc đó tôi nghe thấy cha tôi họ. Và hiện lên trong ký ức tôi những buổi tối cha tôi nằm co quắp trên nền nhà vì say rượu. Và trong tâm trí tôi vang lên giọng cha tôi: “Tay con làm sao thế kia?”. Lúc đó tôi cắn môi kìm tiếng nấc, lúc sau, tôi nhìn thằng em tôi và hỏi:

- Em muốn ở với ai?

- Em muốn ở với chị!

Thằng em tôi nói và bước lại, nép sau tôi. Tôi thấy cha tôi đang nhìn tôi chờ đợi. Tôi thấy mẹ tôi đang nhìn cha tôi như thách thức.

- Ở với ai, nói đi?. Mẹ tôi lại lên tiếng.

Tôi nhìn mẹ tôi nức nở:

- Cho chúng con về quê.

Mãi đến khuya chúng tôi mới trở về thị trấn. Khi đến ngõ, em tôi reo lên

- Nhà mình đây rồi.

Ngôi nhà phảng phất mùi rượu và mùi ẩm mốc. Đêm đó, tôi dọn dẹp, thu xếp lại đồ đạc trong nhà cho cha tôi mãi tới khuya. Và đêm đó cha tôi không say rượu. Công việc làm ăn của cha tôi mỗi ngày càng khó khăn hơn. Chiếc xe bỏ của cha tôi không thể cạnh tranh được với một đàn xe lam và xe công nông ở cái thị trấn bé xíu này. Rồi một tai hoạ mới giáng xuống đầu gia đình tôi. Con bò kéo của cha tôi bị bệnh lăn ra chết. Cha tôi lại lâm vào những cuộc say không biết gì. Khi say, cha khóc và chửi mẹ. Nhưng sáng sáng, cha tôi vẫn dậy rất sớm. Cha tôi xin được chân bốc vác ngoài bến xe thị trấn. Cả ngày chỉ có hai đến ba chuyến xe. Vì vậy, cha tôi làm bất kỳ việc gì để có tiền duy trì sự sống của gia đình tôi.

Tối tối, uống rượu say, cha tôi chửi mẹ và lại dùng cán chổi đánh tôi. Khi cha đánh, không bao giờ tôi bỏ chạy. Hai tay tôi ôm lấy đầu để cho cha đánh. Đánh tôi xong, cha lại dậy sớm ra bến xe. Rồi cha tôi trở về nhà khi trời xẩm tối. Khi tôi xới cơm cho cha, cha tôi nhìn cánh tay tôi và lại hỏi:

- Tay con làm sao thế?

Tôi tìm mọi lý do để nói dối cha. Tôi không bao giờ muốn nói với cha rằng những vết tím trên tay tôi là do cha đánh. Có một lần bị cha hỏi, tôi cuống quá, vội nói:

- Thằng Tuấn đánh.

Cha tôi dằn bát cơm và gầm lên:

- Sao mày đánh chị như thế, hả Tuấn? Ai tắm rửa cho mày? Ai nấu cơm cho mày? Ai ru mày ngủ?

Thằng em tôi bị mắng oan, òa khóc. Đến khi đã ngủ tôi vẫn nghe tiếng nấc của em tôi. Nhưng đến một lần cái cán chổi đánh trúng khớp cổ tay tôi. Cổ tay tôi bị bong gân sưng vù. Tôi không thể nào giấu cha được. Buổi tối trong bữa ăn, tôi không. xới nổi bát cơm cho cha. Cha nhìn tôi hỏi:

- Tay con làm sao thế?

Tôi òa khóc. Lần đó, tôi không sao kìm được

- Cha ơi! Con đau lắm

- Làm sao thế? Cha tôi hoảng hốt- Ai đánh con? Đứa nào đánh con?

- Cha không đánh con - Tôi nức nở - Cha không đánh con.

- Đứa nào đánh? Cha tôi quát - Nói ngay, tao sẽ đập chết nó. Đứa nào?

Nghe cha hỏi vậy, tôi càng khóc to. Tôi khóc không phải vì đau đớn. Tôi khóc vì tủi thân. Tôi khóc vì cái giọng xót xa của cha tôi.

- Không nói đứa nào đánh mày thì tao đánh mày.

- Cha đừng đánh con nữa, đừng đánh con nữa.

Người cha tôi run lên. Mắt cha tôi đỏ hoe. Cha ôm tôi vào lòng. Hơi thở và vòng tay ấm áp của cha tôi làm tôi thêm tủi. Tôi khóc và nói:

- Đêm nào say rượu cha cũng đánh con bằng cái chối kia kìa. Nhưng con không nói với cha vì con sợ cha buồn thêm. Con có lỗi cha cứ đánh con, nhưng cha đừng uống rượu nữa.

Tôi thấy cha tôi rùng mình. Và cha tôi khóc. Tiếng khóc của cha tôi như tiếng “u... u” kéo dài trên đầu tôi bất tận.

Gần sáng tôi tỉnh giấc. Căn nhà vẫn sáng đèn. Tôi thấy cha tôi ngồi im phắc. Tôi rời giường đến bên cha. Tôi ôm lấy cổ cha:

- Cha hết rượu uống rồi ư?

Cha tôi lắc lắc đầu, cha từ từ nhắm mắt lại. Hai giọt nước mắt tứa ra.

- Cha đừng buồn nữa, cha nhé.

Cha tôi xoay người, ôm tôi vào lòng. Tôi nghe tiếng cha thì thầm:

* Từ nay cha không buồn nữa. Có đứa con như con thì cha chẳng bao giờ buồn nữa.

Tôi dụi mắt vào ngực cha. Đêm ấm áp và da diết vô cùng. Tôi thấy cha tôi gần gũi và tin cậy hơn bao giờ hết.

**VĂN BẢN 35:**

**MỘT CUỘC ĐUA**

*Buổi thứ ba...*

*Ngày thứ ba gã không la hét cũng không ném thứ gì. Gã nói chuyện, cùng tôi thi hát karaoke. Bà quản gia dường như không tin tiếng hát vọng ra từ phòng gã, sững sờ đứng chôn chân ở cửa. Gã thắng tôi dễ dàng.*

*- Tôi thích sự thách thức. Chính vì vậy mà tôi lao vào cuộc đua. - Gã thở dài.*

*- Giờ cậu dám đua nữa không ?*

*- Đua với ai khi thế này... ?*

*- Với tôi. Chúng ta đua ngoi lên dưới ánh mặt trời. Thời hạn 5 năm.*

*Gã không trả lời tôi, tư lự. Khi tôi bế gã từ xe lăn trở lại giường, gã nhìn vào mắt tôi :*

*- Cô có đôi mắt rất đẹp. Thăm thẳm nỗi buồn nhưng ánh nhìn quyết liệt. Đôi mắt ấy...*

*- “Khóc người một con”... (Bùi Giáng) - Tôi nhìn gã đáp.*

*Tôi qua trót lọt 3 buổi thử việc nhưng không “có duyên” với con Hai Triệu. Ngày hôm sau, một người đến tận chỗ tôi trọ gửi tiền công 3 buổi và một gói quà. Mở ra tôi thấy một bầy hạc châu đầu vào một đoá hồng. Đoá hồng là một cái thư, còn bầy hạc mười con xếp bằng tiền đôla thật. Tôi và con Thuý đọc :*

*“Cô không cần đến buổi thứ tư. Tôi vốn là một đứa sáng dạ, chỉ cần ba buổi là ngộ... Tôi nhận lời “đua” với cô, đua ngoi lên dưới ánh mặt trời để “còn hai con mắt khóc người một con”. Mười con hạc giấy này tôi tặng cô. Nó chỉ bằng chai rượu tôi uống trong những đêm đốt đời mình. Trước khi bay, người ta cũng cần đôi cánh. Đừng chảnh, hãy nhận nó vì tấm lòng thành của tôi. Hẹn gặp lại cuối đường đua”*

**(“ Một cuộc đua” của Quế Hương)**

**VĂN BẢN 36:**

TÌNH CHA

Mắt sáng ngời, cha tôi ôm thằng cu Tuấn, thằng cu Bị, một đứa cháu nội, một đứa cháu ngoại vào lòng, vừa hôn, vừa nựng chúng trong niềm hạnh phúc khôn tả. Nước mắt tôi lưng tròng.

Tôi thương cha. Cả một đời vượt qua bao nhiêu đớn đau, bệnh tật và khốn khó của đời sống vật chất mà không ít người trong hoàn cảnh tương tự đã nản chí, nản lòng, buông xuôi, mặc cho số phận đến đâu thì đến, nhưng với cha tôi thì không vậy. Cha mẹ tôi sinh hạ được hai người con, một trai, một gái. Nếu như không gặp những bất trắc trong cuộc đời thì gia đình tôi cũng khấm khá như bao gia đình khác. Cha tôi sinh ra và lớn lên ở một vùng quê hẻo lánh. Con nhà nghèo, nhưng cha tôi rất chịu khó học hành và học rất giỏi. Nhà quê ngày ấy không có điện như bây giờ, chỉ với ngọn đèn dầu hỏa ấy thế mà cha tôi được đi thi học sinh giỏi ở huyện, ở tỉnh. Sau này cha được vào đại học, rồi tốt nghiệp ra trường được phân công về công tác ở một nhà máy lớn.

Cha gặp mẹ qua một mối tình lãng mạn. Mẹ đến thực tập ở nhà máy, hai người quen nhau và sau này họ thành vợ thành chống. Hai anh em tôi ra đời trong tình yêu vô bờ bến của cha của mẹ. Đất nước vẫn còn giặc, cha lên đường nhập ngũ, hai năm vào chiến trường cha tôi bị thương. Vết thương quái ác làm cột sống của cha vẹo đi, chân teo dần, cha thành người bán thân bất toại... Cha ra bắc an dưỡng được hơn hai tháng thì mẹ xin cho cha về nhà để được trực tiếp nuôi dưỡng. Mẹ đi khắp mọi nơi tìm thầy, nơi nào họ mách có thuốc hay, thầy giỏi là mẹ lên đường, chẳng kể ngày hay đêm, hết đắp lại uống, đủ kiểu. Ba năm sau cha tôi như người từ cõi chết trở về. Cha túc tắc tập đi, tập tự tắm lấy, tự vệ sinh lấy... Sức khỏe của cha dần dần hồi phục. Mẹ mừng lắm, như trẻ lại mấy tuổi. Lúc đó chúng tôi đã vào học cấp ba, đời sống lại càng khó khăn hơn. Nhưng thật không may cho cha con tôi, mẹ tôi ngã bệnh, bà mất trong sự đớn đau vô hạn của cha con tôi. Cha nuốt nước mắt vào lòng, không khóc. Hằng đêm cha ngồi lặng lẽ như kẻ vô hồn trước di ảnh của mẹ. Nỗi đau cứ trải dài, thâu đêm suốt sáng...

Hai anh em tôi vẫn hằng ngày cắp sách tới trường. Ngoài suất lương thương binh của cha, lúc rảnh anh trai tôi đi bán bánh mì, tôi đi bán ngô nướng. Một hôm cha bảo:

- Thu này! Cha muốn xuống xóm Đán trông coi nhà cho bác Phú, bác ấy vào Nam với mấy cậu con, chẳng biết đến bao giờ mới về. Nhà ta cho thuê, còn ở Đán cha con ta trồng rau, nuôi con gà con lợn để có thêm thu nhập, lấy tiền cho con ăn học. Nhưng cha thì bệnh tình như vậy, ai làm hả cha?

- Cha sẽ làm, làm túc tắc con ạ!

Tôi đồng ý để chiều lòng cha. Ở nơi rộng rãi, cha bắt đầu trồng rau, nuôi thêm mấy con gà, rồi cha nuôi thêm đôi lợn. Nhìn cha đi lại khó khăn, lúc cúc chăm gà, chăm rau... trong lòng tôi dấy lên một nỗi niềm thương cha vô hạn. Nhưng thật trớ trêu, tai họa lại ập đến với cha tôi. Chỉ vì thấy cây trứng gà rậm rạp che khuất mất vườn trồng rau, cha bắc ghế trèo lên để phạt bớt mấy cành, nhưng chiếc ghế bị nghiêng, cha ngã nhào xuống đất, vết thương cũ lại tái phát. Cha phải nằm viện liền mấy tháng trời bệnh tình mới đỡ. Về nhà cha lại trồng rau, nuôi lợn, nuôi gà kiếm thêm đồng ra đồng vào.

Năm tôi thi đỗ vào Trường đại học Ngoại ngữ ở Hà Nội, cha cầm sổ đỏ đi thế chấp ngân hàng để lấy tiền cho tôi ăn học. Được gần một năm, không an tâm ngồi rỗi, cha lên tàu xuôi Hà Nội. Mấy ngày đầu cha cứ bước một, bước một đi quanh quẩn xem xét nơi này, chỗ kia, chung quanh nơi hai cha con ở trọ. Một thời gian sau ông làm quen được với một ông bạn già cùng tuổi, hai ông rủ nhau trông xe đạp, xe máy ở khu tập thể. Ông bạn của cha khỏe hơn thì nhận xe vào bãi rồi dắt xe ra trả, cha yếu hơn thì ghi phiếu nhận tiền, cứ như thế, ngày nắng cũng như ngày mưa, cha đã trụ lại đất Hà Nội gần 5 năm trời với tôi. Khi tôi học xong, xin việc làm ở Hà Nội ổng mới lại quay trở về Thái Nguyên trông coi nhà cửa. Anh trai tôi cũng đã ra trường, có việc làm, tuy đồng lương ít ỏi nhưng gia đình cũng bắt đầu không phải đi vay mượn nữa. Đời sống của cha con dần dần cũng đủ ăn đủ tiêu. Lúc này cha tôi thường giục tôi:

- Con lấy chồng đi để cha nhìn thấy cháu ngoại trước khi nhắm mắt!

Tôi vừa cười vừa nói với cha:

- Cha còn lâu mới chết, con còn đi học thêm nữa cha ạ!

- Con thương cha thì con lấy chồng sớm cho cha yên lòng.

Tuy cự nự như vậy, nhưng thương cha, tôi quyết định lấy chồng. Đám cưới của tôi giản dị nhưng vui. Cha là người vui nhất, ông chống gậy đi đi lại lại, khuôn mặt sáng bừng lên một niềm kiêu hãnh và hạnh phúc.

Tôi lấy chồng tròn năm thì anh trai tôi cũng xây dựng gia đình. Chị dâu tôi là một người phụ nữ đẹp người, tốt nết, khi chị đang yêu anh, không ít người gièm pha, bóng gió:

- Mày lấy nó là để hầu bố nó phải không?

Rồi thì:

- Gia cảnh nhà nó buồn đến chết, sáng nhìn thấy người què, chiều nhìn thấy

người què...

Nhưng chị dâu tôi thật sự yêu anh tôi. Anh chị làm đám cưới sau hai năm yêu nhau, rồi chị sinh cho cha tôi một đứa cháu trai đẹp như một thiên thần.

Tuy ở Hà Nội, nhưng tháng nào tôi cũng bắt chồng tôi đưa hai mẹ con về thăm cha. Mỗi lần về thăm cha thường bảo:

- Nhà mình tuy nghèo nhưng cũng đã yên ổn, các con có công ăn việc làm, các cháu ngoan, cha lấy làm hạnh phúc và mãn nguyện lắm rồi. Bây giờ mẹ con có gọi cha đi, cha cũng vui lòng!

Tôi nói với cha:

Chúng con được như ngày hôm nay là nhờ vào tình thương của cha, nói dại cha mà mất sớm thì chúng con chắc chẳng nên người! Cha phải sống mà nhìn các cháu của cha trưởng thành chứ!

Cha rơm rớm nước mắt, lặng lẽ nhìn về nơi xa xôi.

Cha vẫn vậy, vẫn chiếc gậy trúc nhấc một nhấc một, cười đùa với hai đứa cháu nội ngoại mỗi ngày. Tôi thường ngồi ngắm cha, trong lòng dạt dào tình cha con.

(Nguồn: https://nhandan.vn)

**VĂN BẢN 37:**

**GIANG**

Năm ấy tôi mười bảy tuổi, binh nhì, chiến sĩ của tiểu đoàn 5 tân binh.

Tiểu đoàn chúng tôi luyện quân ở Bãi Nai. Bấy giờ đã là vào cuối khoá huấn luyện ba tháng, kiểm tra xạ kích, đạt điểm cao nhất đại đội, tôi được thưởng hai ngày phép. Đại đội trưởng linh động cho tôi miễn bình tuần tối thứ Sáu. ''Đã được lãi một tối càng phải liệu mà về cho khuýp giờ điểm danh đấy nhá''. Anh dặn tôi thế, ra ý đe.

Chuyến về nhờ bám được xe quân sự chạy trên đường 6 nên phi cái vù đã tới nhà. Chuyến trở lại phải chen xe khách. Chín giờ tối chủ nhật mới điểm danh mà chỉ dám nấn ná cố cùng tới 12 giờ trưa là phải bứt khỏi nhà chạy nhào ra bến Kim Mã. Chen lên được một chuyến xe vào thời buổi gian khó ấy khổ sở đến thế nào, khỏi bàn. Thêm nữa lại ngày giáp Tết. Do may mắn và cũng là do ẩu tả ngồi lên nhau trên nóc xe nên đến nhập nhoạng tối thì tôi nhảy được xuống thị trấn Lương Sơn. Đói mèm, rét run, lại lớ quớ trượt chân ngã, tuột tung quai dép và lấm be bét.

Trật trưỡng tôi dò tới cái giếng xây ở đầu trấn để rửa ráy qua loa tý chút và xâu lại dép. Chỉ có một người đang múc nước ở giếng. Trời mưa nhưng rất mỏng, như sương, và chưa tối hẳn nên từ khá xa tôi đã nhận ra một cái dáng con gái. Khi tôi tới bên giếng, hai thùng tôn của gánh nước đã được đổ đầy, cô gái cuộn dây gầu, tra đòn gánh vào hai móc xích, và trước khi lên gánh, cô đội lại chiếc nón mà lúc cúi múc nước cô đã bỏ ra để ngửa bên thành giếng. Với con mắt lính 17 tuổi nhanh như chớp tôi lườm ngay thấy tên cô nàng viết bằng mực tím ở trong vành nón, cả tên, cả họ, cả đệm, và cả lớp học của cô nữa. Phạm Nhật Giang. 10 B.

Không để ý đến tôi, cô đặt gánh lên vai. Tôi nói, vội vã, nhưng thản nhiên, như thật:

- Kìa, Giang. Cho anh mượn cái gầu đã nào.

Cô gái hạ gánh, nhìn tôi.

- Chào anh, anh bộ đội... - Cô nói, ngập ngừng, nhưng có lẽ chưa kịp ngạc nhiên - Gầu đây anh.

Tôi xòe hai bàn tay bê bết bùn ra.

- Ôi anh bị lấm hết rồi.- Cô gái khẽ thốt lên - Thôi, để em.

- Ừ. Nhờ Giang vậy, chứ không thì bẩn hết cả dây.

Cô gái múc lên một gầu, hai gầu, xối từ từ cho tôi rửa kỹ hai bàn tay.

Khi tôi định đón lấy chiếc gầu, cô bảo:

- Cái gầu này khó múc lắm. Để em giúp anh.

Cô lại thòng nhanh sợi chão xuống bóng tối sâu hút bên dưới rồi thoăn thoắt, mềm mại, kéo gầu nước lên. Nhưng sự ân cần của cô còn hơn thế. Mỗi gầu nước múc lên cô không xối cho tôi tự gột mà cúi mình xuống, một tay nghiêng gầu nước dội nhè nhẹ, một tay cô cọ bùn đất ở bàn chân, ngón chân, bắp chân tôi. Ngây ra, tôi đứng yên, sững lặng cảm nhận cái ân tình hồn nhiên và bất ngờ ấy. Rất lâu, hai đứa chẳng nói gì, cô gái lặng lẽ gột rửa cho tôi, tôi thì bất động. Cô cọ kỹ cho tôi cả đôi dép đúc.

- Tươm rồi đấy, anh - Cô gái nói trong bóng tối.

- Cám ơn nhé, Nhật Giang!

Cô gái trở lại với nỗi ngạc nhiên:

- Ô kìa. Ừ nhỉ, sao anh biết tên em?

Tôi cười, không đáp

- À, em biết rồi. Anh tọa độ chứ gì mà. Các anh bộ đội chuyên thế. Cứ gọi: Lan, Hằng, Liên, Oanh thế nào cũng trúng, chứ gì?

- Nhưng Giang, lại Nhật Giang nữa, chắc không có hai người tên như thế đâu, đoán mò sao được.

- Chắc anh đóng ở gần đây.

- Chả gần lắm, tận xóm Đượm.

- Bao xa anh?

- Giang không phải người đây à?

- Vâng, em mới Hà Nội lên - Giang đáp, và chợt cô rủ tôi:

- Nhà em đang trọ ở ngay kia, anh vào nghỉ một lát.

Tôi do dự:

- Chín giờ, đơn vị điểm danh rồi... mà còn non chục cây.

- Còn sớm, mới sáu giờ kém mà, anh.

Tôi muốn hộ Giang gánh nước, nhưng cô không chịu. Tôi theo sau cô vào sâu một cái ngõ tối. Một mình Giang một túp nhà nhỏ, mái gianh vách đất. Không có đồ đạc gì. Một chiếc giường đơn, một ngọn đèn hoa kỳ trên chiếc chõng tre, bộ ấm tích, điếu bát. Một chiếc xe đạp Phượng Hoàng dựng ở gần cửa.

Tôi mở túi phòng hóa đeo bên hông lấy gói bít cốt mẹ dúi cho hồi trưa, và rót chè tươi trong ấm tích ra bát. Bít cốt chiêu với chè tươi, định thế. Thấy vậy đang lúi húi xâu lại quai dép cho tôi, Giang vội kêu lên:

- Ôi em quên. Có cơm mà, để em dọn mời anh.

Tôi gạt đi, nhưng Giang nài tôi chịu khó chờ cô xuống bếp hâm lại cơm canh mà ăn uống cho chắc dạ và nóng sốt.

Trong lúc chờ Giang, tôi ngả phứa ra giường cô, châm thuốc hút và lim dim mắt, thả khói. Chợt cửa ra vào mở. Một người đàn ông cao lớn bước mạnh vào. Tôi giật bắn mình, bật chồm dậy. Ông nọ vận đại cán vải dạ xanh sẫm, giầy da Cô-xư-ghin, quân hàm ve áo hai sao hai vạch.

- Cậu là ai? Đâu chui vào đây? - Nghiêm sắc mặt, ông trung tá hỏi, chằm chằm nhìn.

Tôi dập gót:

- Báo cáo, tôi...

Vừa khi đó Giang bưng mâm cơm đi từ sân sau vào.

- Bố về rồi đấy ạ - Cô vội vã nói - Bố ơi, đây là Hùng, bạn học lớp 10 với con. Anh ấy đóng quân gần đây. Chúng con tình cờ gặp nhau vừa nãy.

Ông trung tá dịu nét mặt, nhưng giọng vẫn nghiêm:

- Đóng gần đây à? Đồng chí đơn vị nào?

- Báo cáo thủ trưởng, tôi ở C7 K5 đoàn 91.

- Thế đồng chí đi đâu, sao giờ này còn tụt tạt ngoài đây?

- Báo cáo thủ trưởng, tôi về phép lên. Đơn vị chín giờ mới điểm danh.

- Thế đồng chí định để đúng điểm danh mới có mặt à? Phải về đơn vị sớm hơn chứ.

- Kìa bố - Giang kêu lên - Bố để cho anh ấy ăn cơm đã. Bố cũng ăn luôn với bọn con đi.

- Không đâu, tớ không ăn đâu! - Tôi hoảng lên - Tớ phải chào đây, Giang!

Ông bố Giang mỉm cười, vỗ nhẹ vai tôi, bảo:

- Từ đây về xóm Đượm sáu cây, còn kịp. Cậu ăn cơm đi, ngồi chơi với Giang. Bạn học lâu ngày gặp nhau. Nhưng rồi phải ráo chân lên. Vẫn phải về kịp trước điểm danh, rõ chưa!

- Thì bố xin hộ cho anh ấy, bố! - Giang nói, nũng nịu - Bố gọi cho cấp chỉ huy của anh ấy. Chúng con học cùng từng ấy năm, gặp nhau chuyện tới khuya chẳng hết.

- Không được - ông bố cười, lắc đầu - Bạn hữu gặp gỡ thế này là quý, nhưng con không có được nhũng nhẵng con cà con kê giữ bạn lại quá lâu. Đừng có để bạn phạm kỷ luật.

Ông nhìn đồng hồ.

- Sáu rưỡi rồi - ông nói - Hai đứa khẩn trương cơm nước đi. Tối nay bố không ăn với con được. Bố phải qua đơn vị. Phải họp khuya đấy. Con một mình ở nhà cửa giả cho cẩn thận.

Ông bước tới bên cửa, cầm lấy ghi đông chiếc xe đạp, và nhìn tôi, ông nói:

- Hùng ngồi chơi nhá. Nhưng nhớ giờ giấc đấy.

- Kìa bố, bố lấy xe đạp ạ! - Giang kêu lên - Con định đưa anh ấy về đơn vị cơ mà, bố! Bố chịu khó đi bộ, bố nhá. Chỗ bố gần ngay đây mà.

- Không! Đừng mà... - Tôi hãi quá - Giang đừng vậy...

Ông trung tá cười, bảo:

- Con gái con đứa thế đấy. Chiều bạn hơn bố. Nhưng bố nhất trí, bố để xe cho hai đứa. Chứ mà cuốc bộ thì con làm Hùng chậm giờ mất. Có điều đường đồi ban đêm hai đứa lai nhau cho cẩn thận, đừng có phóng nhanh kẻo ngã. Đưa Hùng tới đơn vị rồi lúc quay về một mình con cứ đạp từ từ, nhìn đường. Nhưng cũng gắng đừng có thong dong quá đấy. Trời lạnh thế này. Với lại con về khuya bố không yên tâm đâu.

Tối ấy, tôi lai Giang vào sâu trong Bãi Nai. Đồng rừng tối câm, lạnh lẽo. Con đường đồi quạnh vắng, không ngừng uốn lượn và gấp khúc. Gió bấc lúc thuận lúc ngược, nhưng mà tôi không thấy mệt, tôi đạp mải miết. Tôi chưa khi nào đèo con gái. Cả hồi năm ngoái học lớp 10, được bố mẹ ưu tiên sắm riêng cho hẳn một cái Mi-pha tha hồ tung hoành phá phách, tôi cũng chỉ đạp xe rong phố với những thằng bạn. Chưa từng bao giờ có một nữ nhi ngồi sau xe tôi, áp mình tin cậy vào tôi như thế này. Đây là lần đầu. Chiếc Phượng Hoàng nặng chịch mà chẳng nặng một chút nào. Tôi guồng cẳng đạp, bám theo vệt trắng mập mờ của con đường, lên dốc, xuống dốc, quành rẽ, lảng tránh, lao rất nhanh và phanh giật cục. Giang ngồi vững và thật êm sau tôi. Thỉnh thoảng chúng tôi mới nói chuyện, mà chỉ Giang nói. Giang là trò Trưng Vương, vừa tốt nghiệp lớp 10 trong năm, hiện giờ đã là sinh viên của trường Tổng hợp. Nhà cô trong ngõ Chợ phố Khâm Thiên. Túp nhà ban nãy là bố cô mượn của một người quen ở thị trấn để đón cô lên ăn Tết cùng ông. Mẹ cô mất năm ngoái, anh trai thì mới vừa đi Bê tháng trước.

- Tết ra chơi với bố con em, anh nhé. Nhà chỉ hai bố con mà cái thị trấn khỉ ho cò gáy này thì buồn ơi là buồn. Em sẽ nói khó để bố vào hẳn đơn vị đón anh. Rồi chúng mình xin phép bố lỉnh về Hà thành vài hôm. Bố em chiều em lắm, sẽ đồng ý thôi. Mà bố đã thuận thì nhất định thủ trưởng đơn vị anh cũng nhất trí.

Chúng tôi chia tay ở chân đồi Gừng, đầu con đường mòn dẫn vào xóm Đượm nơi đơn vị tôi trú quân.

- Hay là Tết em trốn vào đây với anh?

Giang hỏi, và không hiểu sao lại thở dài.

Tôi cứ đứng mãi ở ven đồi. Mặc dù không thể nhìn thấy gì trong màn đen dày đặc đêm cuối năm, tôi vẫn cứ nhìn mãi theo Giang. Chia tay, tôi đã không nói được một điều gì cả, đã không kịp ngỏ một lời nào. Cả địa chỉ của Giang nữa cũng không hỏi rõ. Chỉ biết Khâm Thiên, ngõ Chợ.

Hai hôm sau, tối ngày 27 Tết, tiểu đoàn tôi nhổ neo rời Bãi Nai. Hành quân qua Thường Tín, lên tàu ngay, không có 15 ngày phép thông lệ của lính Bê dài. Đây là một đợt tăng cường rất lớn cho chiến trường. Cả một Sư cùng lúc lên đường, gấp gáp tiến quân, vượt ngàn dặm Trường Sơn vào Nam. Vừa đặt chân lên đất Tây Nguyên đã vào ngay chiến dịch. Các đơn vị của Sư đoàn phiên hiệu khác đi nhưng vẫn giữ nguyên đội hình từ ngoài Bắc. Tiểu đoàn của tôi đánh trận mở màn, và đại đội của tôi là mũi chủ công. Trước giờ nổ súng, đích thân tham mưu trưởng sư xuống kiểm tra công tác chuẩn bị chiến đấu của chúng tôi. Mặc dù ông xuống ''kiềng'' cùng với một nhóm khá đông trợ lý và trinh sát, mặc dù ông cũng trang bị và nai nịt như mọi người, tiểu liên AK, dép đúc, mũ cối, áo lính tô châu, nhưng trong bóng rừng nhập nhoạng tôi vẫn nhận ra ông ngay. Ông chính là ''ông bô'' của Giang!

Tôi toan lỉnh, song ông trông thấy tôi tức thì. ''Kìa, Hùng, Hùng đấy hả Hùng!''. Giọng ông ngạc nhiên, mừng vui. Ông thân thiết xiết chặt tay tôi và không nén được, ông cảm động ôm lấy tôi. ''Giang nó cứ nhắc cậu mãi, Hùng ạ. Nó cứ buồn vì không gặp lại được cậu trước khi chúng ta lên đường'' Ông bảo: ''Giờ đây Giang nó ở lại ngoài đó có một mình''.

Gặp gỡ trước giờ nổ súng tất nhiên là chỉ thoáng nhanh, chỉ kịp nói mấy câu thế thôi. Tôi thì không nói được gì cả. Tôi chỉ ấp úng. Cả cái tên Hùng do con gái ông phịa vội ra, tôi cũng không thể cải chính.

Thời khắc gấp gáp không thể nấn ná, nhưng trước lúc đi, tham mưu trưởng sực nhớ một điều và vội vội ông nói với tôi: ''Giang nó có gởi cháu tấm ảnh của nó, nhưng tiếc quá, lại không mang theo đây. Để bữa sau vậy, Hùng nhé...''

Không có “bữa sau” ấy. Tôi không còn có dịp được gặp lại tham mưu trưởng. Cả tới mùa khô sau, được điều lên trinh sát sư đoàn, tôi vẫn không thể nào gặp lại được ông. Tham mưu trưởng của chúng tôi đã hy sinh vào cuối mùa khô năm đầu tiên sư đoàn chúng tôi lâm trận.

Chiến tranh, đời lính, tuổi trẻ, mọi sự là như thế, chỉ thế thôi, thoảng nhanh. Thoảng nhanh nhưng không tắt lịm. Chỉ thế thôi nhưng để rồi sau này cứ nhớ mãi. Trở thành nỗi đau. Những nỗi đau mất mát âm thầm.

Chắc là bây giờ Nhật Giang vẫn còn nhớ đến tôi, người lính trẻ vô danh hơn ba chục năm về trước. Tôi thì không bao giờ quên cô ấy, mặc dù thực ra là có gì đâu một tình cờ như thế, một gặp gỡ vẩn vơ, lưu luyến mơ hồ gần như không có thật mà năm tháng cuộc đời cứ mãi chồng chất lên muốn xóa nhòa.

(In trong ***Bảo Ninh – những truyện ngắn***, tái bản, NXB Trẻ, 2021, tr.25 – 35)

**VĂN BẢN 38:**

**ANH HAI**

Mẹ nói số anh Hai là số khổ. Ngủ thì không nằm trên giường mà cứ phải "kẻo cà kẻo kẹt" lắc lư trên võng mới ru được giấc nồng. Cả nhà đi ăn tiệc ở nhà hàng. Làm gì thì làm, cụng ly với ai thì cụng,

bận sau cùng Hai cũng "len lén" chọn chiếc ghế sát cửa để ngồi. Nhắm nhắm không ai để ý, Hai trốn ra ngoài bậc thềm ngắm trời nhìn mây. Vậy mà... lòng Hai lại tự tại hơn nhiều! Ở nhà, cơm trong nồi, Hai chỉ ăn phần cơm cháy dưới đáy, cơm thịt thì chê "nhạt nhẽo" con không nuốt được! Cha má thấy vậy ôm Hai khóc dữ lắm. Chỉ có lũ em thì vẫn há miệng... lùa cơm!!! Nhà nghèo, nó cám cảnh gì đâu không biết...

Xong lớp 9, Hai dùng dằng một hai đòi nghỉ học. Hai lang thang kiếm việc làm phụ cha má kiếm tiền nuôi em đi học. Mà có phải ít đâu, sau Hai còn có cả bảy đứa loi nhoi lúc nhúc như bầy heo con "chờ sữa...!" Nhờ có sự hy sinh thầm lặng của Hai, mà bảy đứa em thì đúng bảy vinh hiển rạng rỡ tổ tông. Cả thảy đều thành ông nọ bà kia. Rồi cũng một tay Hai tìm hiểu chọn vợ dựng chồng cho các em. Nước đẩy thuyền trôi - bông Lục Bình bị mạn thuyền nghiền nát...

Ngày gái út (đứa em thứ thứ 7) vu quy theo chồng, nhà hàng tiệc cưới Minh Anh (Phường Cát Lái

* Quận 2) cái nhà hàng to tổ bố nhất quận. Chiếc ghế cha má bị bỏ trống. Từ trước lúc thằng Ba lấy vợ thì cha má đã lần lượt bỏ cả nhà mà đi. Có còn ai nữa đâu để mà ngồi vào. Cả nhà dòm qua dòm lại như "gà con lạc mẹ" nháo nhác đi tìm Hai. Hàng loạt tiếng gọi thất thanh vang lên:
	+ Anh Haiiiiii...! Hai ơi...!
	+ Hai ơi... út tìm hai nè...!

Hai lặng lẽ đứng bên kia đường nhìn qua hôn trường. Đoạn đường này xe container kéo nhau chạy rầm rầm từ vòng xoay đi lên. Dòng xe nườm nượp lướt qua bỏ lại Hai một mình trơ trọi. Bộ Vest trên người Hai chợt... run lên bần bật! Hai ít học thiệt. Nhưng Hai cũng nhìn ra được một thứ sự thật phũ phàng, trong đó toàn người có học thức, địa vị xã hội, sự xuất hiện của mình chỉ khiến các em xấu hổ thêm mà thôi! Xòe tay mình ra, Hai không còn thấy đâu là những đường chỉ tay nữa. Mà hằn lên đó là chồng chồng lớp lớp những vết "cào cấu của thời gian!" Viết trọn vẹn một dòng chữ tên của mình, Hai còn toát cả mồ hôi. Dáng đứng xiêu vẹo qua tháng năm hy sinh vì đàn em. Một cái gì đó dâng lên nơi cuống họng Hai bứng nghẹn. Hai có một chút tủi phận... nhưng thiệt là nhanh cảm giác đó bị dập tắt. Hai ngước nhìn lên trời xanh mà thầm nói trong nghẹn ngào "... cha má ơi... rốt cuộc thì con cũng đã làm được điều cha má căn dặn...!"

Hai mỉm cười xoay người tính bước đi. Bỗng cánh tay bị níu lại. Cô em út trong chiếc xoa-rê trắng tinh khôi khư khư giữ vạt áo Hai. Út quỳ xuống:

* + ... Hai ơi... Hai đừng đi bỏ út... Hai không những là Hai mà Hai còn là cha là má... Hai ơi!!!!!

Hai chợt rùng mình và ngơ ngác khi thấy 6 đứa còn lại cũng đang tèm lem nước mắt! Ôm chầm bảy đứa em lớn xác mà còn mít ướt của mình vào lòng. Tụi nó giờ lớn quá, có còn nhỏ dại như ngày nào được một tay Hai che chở nữa. Bất giác Hai nhận ra một điều rằng công sức cả đời mình đã không uổng phí........

(*Tác giả:* Bùi Quang Minh)

**VĂN BẢN 39:**

**Văn bản truyện *Những* *ngày mới* (Thạch Lam)**

 *Cánh đồng lúa chín lóe vàng dưới mặt trời buổi trưa. Từng chỗ, ở thửa ruộng nào đã gặt rồi, gốc rạ lấp lánh như dát bạc. Phía xa, làng mạc ở chân trời rung động trong ánh nắng.*

*Tân nằm trên thảm cỏ, nhìn lên. Qua khe lá lung lay, chàng thấy trời xanh trong và mát. Mùi cỏ và mùi lúa thơm bốc lên xung quanh, Tân cảm thấy cái sung sướng của một người làm xong công việc. Chàng thấy vui vẻ, một mối tình nảy nở giữa tâm hồn Tân với những người thợ gặt giản dị và mộc mạc chung quanh chàng.*

*Họ làm việc xong cũng vui vẻ, sung sướng tuy những lúa gặt không phải là của họ. Tân cũng vậy, chàng biết rằng những bó lúa kia đem bán đi thì có lẽ không đủ tiền trả công người làm. Song những bông lúa ấy đối với Tân quý lắm và như có một ý nghĩa thiêng liêng, đấy là kết quả của cả một năm làm lụng khó nhọc và vất vả.*

*Tân nhìn xuống đồi, ngắm nghía những dải mây trắng lững thững ở phía xa. Từ khi trở về quê, chàng quen nhìn xét những đám mây mà trước kia ở tỉnh chàng không bao giờ để ý đến. Tân nhớ lại tất cả quãng đời niên thiếu của mình đã qua ở tỉnh thành. Ngay từ khi còn nhỏ tuổi, cha mẹ chàng đã gởi chàng ở nhà ông chú làm việc trên Hà Nội. Nhà chàng cũng không lấy gì làm giàu có, nhưng cũng vào bậc nhất nhì trong làng. Quanh năm cày cấy mươi mẫu ruộng ở ven đồi và chăm bón mấy nương chè, sắn, cũng thừa đủ chi dụng trong nhà.*

*Cũng như tất cả những nhà giàu khác ở trong làng, cái hy vọng của cha mẹ Tân là cho chàng đi học để trở nên thầy thông hay thầy ký... Mà lúc bấy giờ, chí nguyện của Tân cũng chỉ có thế, chàng hết sức chăm học nên năm mười tám tuổi đã đạt được cái hy vọng của gia đình.*

*Tân mỉm cười khi nghĩ đến cái tâm trạng của mình lúc mới đi làm; nghĩ đến cái anh chàng lúc nào cũng ăn bận chải chuốt như một cô gái, lúc nào cũng nghĩ đến cái quan trọng của mình. Hình như mỗi cử chỉ của thầy ký trẻ tuổi đều có ảnh hưởng đến mọi người.*

*Khi có nạn kinh tế, chàng mất việc. Cái chán nản của Tân và của cha mẹ chàng lúc bấy giờ thực đến cực điểm. Cha chàng buồn rầu từ trần. Còn chàng cứ lang thang ở Hà Nội mấy tháng trời, sống cái đời vất vưởng của anh thất nghiệp. Chàng đã biết cái thất vọng của những lúc đợi chờ, cái khổ sở của những đêm không có chỗ trọ, vì trong lúc ấy ở nhà quê có mình bà mẹ trông nom ruộng nương không xuể, và giá thóc hơn, nên không có tiền gửi cho chàng.*

*Nhưng một hôm rét mướt, một ý nghĩ bỗng nảy ra trong trí, nếu ở đây không đủ sống, tại sao không trở về quê sống cái đời giản dị của người làm ruộng?*

*Thế là hôm sau, Tân xách khăn gói về. Rồi từ đấy chàng hoàn toàn là một người nhà quê dễ dãi. Mới đầu Tân cũng thấy nhiều sự thiếu thốn khổ sở. Nhưng dần dần chàng nghiệm ra rằng những cái thiếu thốn đó, không phải là những cái cần dùng cho cuộc đời, mà là những cái thừa. Sự cần dùng là ăn với mặc, chàng đã có đủ. Dần dần chàng mới thấy cái đời chàng sống trước ở tỉnh thành là một cuộc đời phức tạp và vô vị, không có nghĩa lý gì. Chỉ việc có ăn ở theo mọi người, nghĩ ngợi theo mọi người, và đi tìm cái vui chốc lát trong những cuộc hành lạc để mua lấy cái chán nản về sau.*

*Tân tiếc hồi thủa nhỏ không sống ở thôn quê để được gần gũi với cảnh vật. Chàng thích sống bên cạnh những người nhà quê chất phác và mộc mạc. Bấy giờ chàng mới biết đến trời đất, đến thời tiết, đến sự thay đổi của mùa nọ sang mùa kia. Một cơn gió hay một cái mầm cỏ non, đối với chàng đều có ý nghĩa riêng.*

*Tân không dửng dưng như trước với những cái chung quanh mình. Tâm hồn chàng có liên lạc và rung động cùng với cảnh vật. Chàng có cái cảm giác rằng mình sống...*

*Buổi chiều, thửa ruộng của Tân đã gặt xong. Cả một cánh đồng chỉ còn trơ cuống rạ. Bọn thợ gặt đều thu xếp liềm hái để trở về. Trên con đường vào làng, các lực điền gánh những gánh lúa vàng nặng trĩu. Mặt trời đã xế phía bên kia đồi. Ở dưới thung lũng, sương mù lạnh trắng xóa lan ra lẫn với làn khói tỏa ở xung quanh các làng. Cỏ bên đường đi đã ướt. "Về phía xa, có ngọn lửa của ai đốt trên sườn rặng núi mờ ở chân trời. Tân với bọn thợ bước đều trở về nhà, ai nấy yên lặng không nói gì, như cùng kính trọng cái thời khắc của một ngày tàn. Trong cái thời khắc này, Tân như thấy cảnh vật đều có một tâm hồn, mà lớp sương mù kia là tâm hồn của đất màu, đã nuôi hạt thóc cần cho sự sống của loài người.*

*Khi vào đến con đường khuất khúc trong làng, trời nhá nhem tối. Qua hàng rào cây, Tân thấy lấp lánh đèn ở sân các nhà, tiếng néo đập lúa trên cối đá, tiếng hạt thóc bắn vào nia cót như mưa rào. Đâu đâu cũng thấy tiếng cười nói vui vẻ, cảnh đêm trong làng thôn quê vẫn yên lặng âm thầm thì chiều nay hoạt động vô cùng. Mùi lúa thơm vương lại trong các bụi cây hòa lẫn với mùi đầm ấm của phân cỏ, bốc lên khắp cả.*

*Về đến sân nhà, mọi người ăn xong lại bắt đầu làm việc. Đàn bà vừa đập lúa vừa hát, còn bọn thợ hái ngồi quây quần bên chiếc đèn con nói chuyện. Ai cũng cười đùa tự nhiên. Họ đã tận tâm làm việc suốt ngày. Những lượm lúa vàng sẫm đem đến cho họ cái vui của ngày được mùa, cái hình ảnh của sự no ấm trong đời.*

*Tân thấy mình cũng sung sướng như họ, chàng thấy tấm lòng mình rộng rãi ra, tâm hồn thân thiết, và yêu mến với cả mọi người.*

*Sau khi hẹn thưởng cho bọn thợ nồi cơm nếp mới, Tân bước ra ngõ, nhìn xuống dưới đồi. Trên trời, ngàn sao lấp lánh. Gió dưới ruộng đưa lên mùi rạ ướt và hơi sương lạnh. Cả một vùng đêm rộng rãi và bình tĩnh trên cánh đồng yên lặng.*

*Tân chợt thấy ở chân phía trời xa, cái khoảng ánh sáng mờ của tỉnh thành Hà Nội...*

*Chàng sung sướng nghĩ đến những ngày đầy đủ của mình ở chốn thôn quê này. Một cuộc đời mới đương chờ đợi chàng...*

(Trích truyện ngắn *Những* *ngày mới*, Thạch Lam, Dẫn theo *Tuyển tập Thạch Lam*)

**VĂN BẢN 40:**

 **BỐ TÔI**

*Tôi đi học dưới đồng bằng. Còn bố tôi, từ núi đồi hiểm trở, ông luôn dõi*

*theo tôi.*

*Bao giờ cũng vậy, ông mặc chiếc áo kẻ ô phẳng phiu nhất, xuống núi vào cuối mỗi tuần. Ông rẽ vào bưu điện để nhận những lá thư tôi gửi. Lặng lẽ, ông vụng về mở nó ra. Ông xem từng con chữ, lấy tay chạm vào nó, rồi ép vào khuôn mặt đầy râu của ông. Rồi lặng lẽ như lúc mở ra, ông xếp nó lại, nhét vào bao thư. Ông ngồi trầm ngâm một lúc, khẽ mỉm cười rồi đi về núi.*

*Về đến nhà, ông nói với mẹ tôi: “Con mình vừa gửi thư về”. Mẹ tôi hỏi: “Thư đâu?”. Ông trao thư cho bà. Bà lại cẩn thận mở nó ra, khen: “Ôi, con mình viết chữ đẹp quả! Những chữ tròn, thật tròn, những cái móc thật bén. Chỉ tiếc là không biết nó viết gì. Sao ông không nhờ ai đó ở bưu điện đọc giùm?” Ông nói: “Nó là con tôi, nó viết gì tôi biết cả.”. Rồi ông lấy lại thư, xếp vào trong tủ cùng những lá thư trước, những lá thư được bóc ra nhìn ngắm, chạm mặt rồi cất vào, không thiếu một lả, ngay cả những lá thư đầu tiên nét chữ còn non nớt.*

*Hôm nay là ngày đầu tiên tôi bước chân vào trường đại học. Một ngày ngày khai trường đầu tiên không có bố. Bố tôi đã mất. Nhưng tôi biết bố sẽ đi cùng tôi trên những con đường mà tôi sẽ đi, suốt cả hành trình cuộc đời.*

(Theo Nguyễn Ngọc Thuần, in trong “Bồi dưỡng học sinh vào lớp 6 môn Tiếng Việt” – Nxb Giáo dục Việt Nam, 2012.)

**VĂN BẢN 41: Văn bản: Truyện ngắn *Quê mẹ*  (Thanh Tịnh)**

*Chiều chiều ra đứng cửa sau
Ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều.*
 (Ca dao)

Cô Thảo ra lấy chồng đã ba năm. Anh Vận chồng cô hiện làm hương thơ ở làng Mỹ Lý. Anh Vận trước kia có theo học chữ quốc ngữ, nhưng đã hai năm thi yếu lược(1) không đậu nên anh ta lại thôi. Qua năm sau dân trong xóm bầu anh ta lên làm hương thơ trong làng. Ngày nào anh cũng đi nhà này qua nhà khác phát thư, rồi chiều đến lại phải ra tận đình để lấy hòm thư đem lên huyện.

Công việc của anh tuy vất vả, nhưng lương tháng – hay nói cho đúng lương năm – của anh trông ít quá. Làng chỉ trích cho anh ta ba mẫu ruộng và năm đồng bạc để làm tiền lộ phí. Nhưng năm đồng ấy thì không bao giờ anh nhận được. Vì các viên chức đã khéo léo trừ với món tiền phải đóng sưu này thuế khác gần hết.

Nhưng ở vùng quê, được một chức nghiệp như thế, anh Vận cũng cho là danh giá lắm. Và bà Lại, mẹ anh Vận, lúc nói chuyện với những người quen, cũng không quên tự hào được một người con ra đảm đương việc làng việc nước.

Cô Thảo ra lấy chồng vốn liếng không có nên không đi buôn bán gì hết. Cả nhà chỉ trông vào sáu mẫu ruộng tranh và ba mẫu ruộng làng để sống năm này tháng khác.

*(Gần đến ngày giỗ ông, Cô Thảo muốn xin chồng về làng. Nhưng mãi đến chiều cũng không nghe chồng nói gì, nên cô phải mượn đến chuyện cây thanh trà(2)  để nhắc xa xôi cho chồng nhớ. Anh Vận liền đến xin mẹ cho vợ về làng ăn giỗ. Mẹ chồng bảo cô mang buồng chuối mật về giỗ ông. Anh Vận cũng chạy quanh xóm mượn chỗ này chỗ khác cho cô Thảo thêm bốn hào nữa.)*

Tối hôm ấy cô Thảo không đi ngủ sớm. Cô đặt con ngủ yên bên chồng xong lại lật đật xách dao ra sau vườn chuối. Loay hoay một lúc lâu cô mới đem được buồng chuối mật vào nhà. Cô đem để vào một góc thật kín vì cô sợ nửa đêm chuột đến khới. Xong rồi cô mới qua bên nhà cô Thị mượn đôi hoa tai vàng và cái nón lá mới. Sắp đặt đâu đó xong xuôi cô mới lên giường nằm ngủ.

Trời tờ mờ sáng cô Thảo đã trở dậy sắm sửa đi về làng. Làng cô ở cách xa làng Mỹ Lý hơn mười lăm cây số. Vì vậy nên mỗi năm cô chỉ được về làng chừng hai ba lượt là nhiều. Xưa kia cô từng qua lại làng Mỹ Lý ngày một để bán gạo, nhưng sau lúc cô ra lấy chồng thì quê nhà đối với cô đã là nơi xa lạ.

Qua những con đường mòn chạy nấp theo bờ ruộng, cô lại nhớ đến quãng đời bán gạo của cô ngày trước. Trong trí cô hiện ra lần lần hình ảnh của cô Thu, cô Nguyệt, cô Hương, những cô bạn mà trước kia cô cho là thân nhất.

Nhưng đời các cô ấy cũng như cô, nghĩa là cũng có chồng, có con và quãng đời làm dâu cũng vất vả, cũng phẳng bằng như nhau hết.

Đi chưa được bốn cây số cô Thảo đã thấy mỏi. Cô tự nhận thấy sức cô yếu hơn trước nhiều lắm. Cô muốn đi đò(4) cho đỡ chân, nhưng sực nhớ đến những món quà cần phải cho em, cô lại gắng gượng đi nhanh hơn trước.

[…]

Về đến làng cô Thảo gặp ai cũng đón chào niềm nở(5). Lòng cô lúc ấy nhẹ nhàng và vui sướng lắm. Còn họ gặp cô đi đằng xa đã kêu réo(6) lên om sòm(7) như gặp được người sống lại. Họ hỏi thăm côchuyện này chuyện khác, mục đích là để xem cô ăn mặc độ này có khá hơn trước không. Cô Thảo thấy người làng chào hỏi mình vồn vã(8) nên đáp lại rất vui vẻ. Cô ta không quên lấy cái nón xuống, giả vờ quạt vào mình để mấy người đứng chung quanh được thấy đôi hoa tai vàng của cô.

Đến trưa hôm ấy thì cô về đến nhà. Mấy cậu em đua nhau ra níu áo chị. Cô Thảo xoa đầu đứa này đỡ cằm đứa khác, nụ cười trên môi cô không khi nào tắt. Trông thấy mẹ trong nhà đi ra cô mừng quá. Cô chạy lại đứng bên mẹ cảm động quá đến rưng rưng nước mắt. Một lúc sau cô đưa thằng Lụn cho mẹ ẵm rồi đi thẳng vào nhà để chào những người quen biết.

Bà Vạn cứ quấn quít bên cháu, bên con quên cả ngày giờ. Bà giới thiệu cô Thảo với người này người khác, bà nhắc đến chuyện cô Thảo lúc cô còn năm sáu tuổi. Bà kể đến đoạn nào bà cũng có ý khoe cô Thảo đức hạnh và khôn ngoan đủ thứ. Bà nói mãi mà không biết chung quanh bà không ai nghe bà hết.

Sung sướng nhất là cô gái có chồng về nhà mẹ. Cô Thảo tuy về giỗ ông nhưng không làm gì hết. Cô vào phòng mẹ nằm ngủ cả buổi chiều, mãi đến lúc gần cúng cô mới chịu đi ra ngoài.

Lúc cô đứng lễ thì ông Vạn, thân sinh cô, vuốt râu cười nói:

- Con phải lễ thế phần chồng con nữa. Nó làm gì bên ấy mà không qua.

Cô Thảo sau khi thụt lùi ra khỏi chiếu mới khẽ đáp :

- Dạ, nhà con mắc việc quan.

Cô Khuê, chị em chú bác với cô Thảo, đứng gần đấy trề môi nói tiếp:

- Thứ đồ làm hương thơ mỗi năm ăn ba mẫu ruộng mà cũng gọi là việc quan.

Ai nấy đều nghe thấy nhưng không ai cãi lại. Ông Vạn đứng cúi đầu xuống hơi ngượng. Còn cô Thảo gương mặt đỏ bừng, quay đầu nhìn xuống bếp. Nhưng ngay lúc ấy cô lại gặp cặp mắt của mẹ đang nhìn cô chòng chọc(9). Cô đau lòng quá đến để hai dòng lệ chảy dài trên má.

Sáng hôm sau, cúng cơm sáng xong xuôi, cô Thảo lại sắm sửa đi qua làng Mỹ Lý. Cô gọi mấy đứa em đến gần rồi cho mỗi đứa năm xu. Trong nhà ai cũng khen cô rộng rãi và biết thương em, nên cô vui sướng lắm. Đang lúc cao hứng cô còn hứa sẽ gửi cho mẹ hai cặp áo quần mới để mặc Tết nữa. Nhưng chính cô cũng không biết sẽ lấy đâu ra hai cặp áo quần ấy. Chỉ trong nháy mắt cô Thảo đã phân phát tất cả số tiền cô đã dành dụm trong một năm.

Lúc sắp sửa lên đường, bà Vạn cho cô nửa con gà và một gói xôi để về nhà chồng. Lúc ra đi cô cảm động quá, đứng bên mẹ và mấy em khóc nức nở.

Về nhà chồng, cô Thảo lại làm việc từ sáng sớm đến chiều, tối tăm cả mày mặt. Lúc nào cô cũng nhớ đến mẹ nghèo, đến em thơ, nhưng nhớ thì lòng cô lại bùi ngùi, trí cô lại bận rộn. Rồi chiều chiều gặp những lúc nhàn rỗi, cô lại ra đứng cửa sau vơ vẩn nhìn về làng Quận Lão. Nhưng làng Quận Lão ẩn sau đám tre xanh đã kéo một gạch đen dài trên ven đồi xa thẳm.

(Theo *Tổng tập văn học Việt Nam,* tập 33, NXB KHXH, 2000, tr 819-823)

**VĂN BẢN 42:**

***Con thú lớn nhất***

*Ngày ấy, ở Hua Tát có một gia đình ngụ cư không biết ở mường nào chuyển đến. Họ dựng nhà ở ngoài rìa bản, chỗ gần rừng ma. Nhà ấy chỉ có hai vợ chồng đều luống tuổi. Họ đi đâu cũng có nhau. Người vợ lúc nào cũng âm thầm, im lặng, suốt ngày không hề thấy nói một tiếng. Người chồng cao lớn, gầy guộc, mặt sắt lại, mũi như mỏ chim. Đôi mắt của lão đục và sâu hoắm, phảng phất những tia lân tinh lạnh lẽo. Người chồng là tay thợ săn cự phách. Khẩu súng kíp trong tay lão như có mắt. Mỗi khi khẩu súng giơ lên, ít khi có chim chóc hoặc thú rừng nào thoát chết. Đằng sau nhà lão, lông chim, xương thú chất đầy thành đống. Những đống lông chim xơ xác đen xỉn như màu mực tàu, còn những đống xương thú màu đá vôi thì lốm đốm những vệt nước tủy vàng khè, hôi hám. Những đống ấy to như những cái mả. Lão thợ săn như là hiện thân thần Chết của rừng. Chim chóc và thú rừng sợ hãi lão. Cánh thợ săn ở Hua Tát vừa ghen tị, vừa bất bình với lão. Lão không tha bất cứ con vật nào trong tầm súng của mình. Có người kể rằng đã tận mắt nhìn thấy lão bắn chết một con công đang múa. Một con công đang múa nhé: cái đầu cong như lá lúa, cái đuôi xòe nửa vòng cung với đủ mầu sắc, tia nắng mặt trời hắt ánh lửa lấp lánh như vàng, đôi chân kheo khéo lươn vòng. Chỉ có tình yêu thì mới lượn vòng tinh tế như thế. Con công đang múa, thế mà – “Đùng” – khẩu súng trong tay lão già giật lên, phụt ra một lưỡi lửa đỏ. Con công ngã gục, cái cánh có ánh cầu vồng ngũ sắc nhòe máu. Vợ lão già đến, khô đét, đen ngòm, âm thầm nhặt con công cho vào cái lếp( l) sau lưng.*

*Tuy vậy, suốt đời lão già chỉ săn được những con chim, con thú bình thường. Lão già chưa bao giờ săn được con thú lớn ba bốn tạ thịt. Khẩu súng lão chỉ bắn được những con vật nhỏ ngu ngốc. Đấy chính là điều lão già khổ tâm, dằn vặt.. Cả bản Hua Tát xa lánh vợ chồng lão, không ai nói chuyện, chơi bời với gia đình lão. Nhìn thấy vợ chồng lão, người ta tránh ngoắt đi. Cứ thế, lão thợ săn sống cô đơn bên người vợ âm thầm.*

*Cuối năm ấy, ở Hua Tát động rừng, cây cối xơ xác, chim chóc trốn biệt, không có dấu chân một con thú nào trong rừng. Chưa bao giờ người Hua Tát sống vất vả đến thế. Người ta đồn là Then (2) bắt đầu trừng phạt. Lão thợ săn ngụ cư kiếm ăn cũng rất khó khăn. Vợ chồng lão lang thang khắp rừng. Lần đầu tiên trong đời lão già gặp phải cảnh này. Ba tuần trăng, khẩu súng của lão không hề được nổ. Lão già dậy từ gà gáy canh ba vác súng đi đến tối mịt. Người vợ gầy của lão không còn đủ sức đi theo chồng nữa. Mụ ở nhà nhóm lửa chờ đợi. Ngọn lửa mụ nhóm như có ma ám, không đỏ mà lại xanh lét như mắt chó sói.*

*Lần ấy lão già đi vắng cả tuần liền. Người lão mệt lả. Đầu gối lão chùn xuống, các bắp thịt nhão ra tưởng chừng có thể dùng tay bấu được như bấu những con vắt nhẽo bết máu. Lão đã lết khắp nơi mà không gặp gì. Đến một con chim sâu, thậm chí một con bướm lão cũng không thấy. Lão hoang mang sợ hãi. Then  đã trừng phạt thế gian như lời người ta đồn đại hay chăng?*

*Cuối cùng, mệt lả, lão già kiệt sức phải lết về nhà. Đến con suối đầu bản, lão dừng lại nhìn về nhà mình. Nhà lão có ánh lửa, cái ánh lửa xanh lét, chắc là vợ lão vẫn thức đợi chồng. Lão nhắm nghiền đôi mắt đục và sâu hoắm lại. Ngẫm nghĩ một lát, lão lộn lại rừng. Mũi lão đã đánh hơi thấy mùi thú…Lão gặp may thật. Lão đã nhìn thấy nó. Cái con công ấy đang múa. Kìa, đôi chân con công di chuyển nhẹ nhàng về phía bên phải, cái đuôi xòe thành đường tròn lại dịch về phía bên trái, cái ánh xanh gay gắt trên túm lông dầu của nó rực rỡ làm sao! Lão già giương súng lên: – Đùng! Phát súng nổ. Lão nghe thấy tiếng rú thất thanh. Lão chạy lại con thú bị bắn ngã. Đấy là vợ lão. Mụ đi ra rừng đợi lão, tay mụ còn cầm bộ lông chim công.*

*Lão thợ săn nằm sấp xuống, úp mặt vào vũng máu trên lớp lá mục nồng nồng, ngái và hôi như mùi chuột.*

*Miệng lâo hộc lên như tiếng lợn lòi. Lão nằm thế rất lâu. Mây đen sà xuống thấp, khu rừng tối sẫm, nóng hâm hấp như da người sốt. Gần sáng, lão già .. bỗng đứng phắt dậy nhanh như con sóc. Lão nảy ý định lấy xác vợ lão làm mồi để săn con thú, con thú lớn nhất đời mình. Lão nằm trong bụi cây gần cái xác thối rữa của vợ lão một sải tay, đạn lên nòng, khắc khoải chờ đợi. Nhưng Then đã trừng phạt lão. Không có con thú nào đến với lão, chỉ có cái chết đến với lão.*

*Ba ngày sau, người ta lôi cái xác còng queo của lão ra khỏi bụi cây. Một vết đạn xuyên qua trán lão. Lão đã bắn được con thú lớn nhất đời mình.*

*(1) Giỏ đeo, (2)Ông Trời*

 (Những ngọn gió Hua Tát – *Tuyển tập truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp,* NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2002, tr. 320)

**VĂN BẢN 42:**

***Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:***

*Thông lệ hàng năm, những ngày đầu Xuân đình An Trị tổ chức đá gà để tưởng nhớ Tả quân Lê Văn Duyệt, để tống quái những chuyện không vui đã xảy ra trong làng và cũng để nhóm thêm lửa ấm tình làng nghĩa xóm. Tự bao đời, đã thành nếp văn hóa làng. Tổng Lụi cấm đá gà vui Xuân, nghĩa là cấm cái truyền thống do người làng vun đắp, giữ gìn bao thế hệ thì dễ dàng gì, dân làng nín thinh cam chịu!*

*– Mấy người kéo đến đây mần loạn à?*

*Tổng Lụi chụp mũ, đe nẹt.*

*[…]*

*– Đá gà trong ba ngày Tết, chẳng qua để giải trí. Không giải trí bằng đá gà, thì giải trí bằng trò vui khác. Nhà nước Bảo hộ cấm, Tổng cấm! Việc chi mà ầm ĩ?*

*Tổng Lụi xuống giọng nhằm làm giảm nhiệt tình thế.*

*Chú Sáu sấn tới dạy Tổng:*

*– Trưa mồng Một Tết, đình An Trị mở cửa trường gà và tổ chức đá* *gà, dâng hương tưởng nhớ Tả quân tướng công. Do lúc sinh thời, Tả* *quân thích đá gà. Đá gà của Tả quân không vì giải trí, giải khuây mà* *vì, muốn tỏ rõ năm đức lớn trong một con gà đá: Văn, Võ, Dũng,* *Nhân, Tín. Ngài giải thích: “Đầu có mồng, như đội mão là văn. Chân* *mang cựa nhọn như gươm giáo, là võ. Thấy địch trước mặt xông vào,* *là dũng. Kiếm được cái ăn, lập tức chia cho đồng loại, là nhân. Hằng* *ngày, cứ tới đúng giờ thì gáy, là tín”. Lúc làm Tổng trấn Gia Định* *Thành, ngài thường nhắc tướng sĩ: “Năm đức tính đó, chẳng những* *giúp cho văn thần, võ tướng trong sứ mệnh trị quốc an dân, mà còn* *giúp thế nhân hành xử đúng đạo làm người…”.*

(***Theo****Trần Bảo Định, trích truyện****Đá gà – cái thú giải khuây****, trong Đất phương Nam ngày cũ, 2017, NXB Hội Nhà văn*)

**VĂN BẢN 43:**

**NHỆN** **VÀ** **NGƯỜI**

*Trần Việt Chiến là con ngựa chiến. Ai cũng thừa nhận như thế, kể cả những người không ưa*

*Thuở măng non, Chiến đến trường, các giáo viên mẫu giáo đã coi anh như thần đồng. Ngồi ghế tiểu học, Chiến toả sáng như một ngôi sao báo trước với mọi người một tương lai rực rỡ. Lên trung học, Chiến luôn đứng đầu khối, xuất sắc tất cả các môn. Chưa hết, Chiến còn là học sinh giỏi cấp quốc gia. Thi vào đại học, Chiến đỗ thủ khoa cùng lúc hai trường. Bốn năm sau, Chiến hoàn tất văn bằng kĩ sư điện toán với thứ hạng cao nhất. Nhà trường giữ anh lại làm cán bộ phụ giảng một thời gian rồi gửi đi du học. Bốn năm sau, Chiến mang về văn bằng tiến sĩ hạng tối ưu.*

*Ngoài chuyện khoa bảng, Chiến còn được trời phú cho một số năng khiếu khác – hát hay, vẽ giỏi và hùng biện. Nhưng lắm tài thì nhiều tật. Tật thứ nhất của Chiến là bướng bỉnh. Sau ngày về nước, anh quyết liệt không trở lại trường đại học mà xin vô một tổng công ty. Tật thứ hai của Chiến là bừa bãi. Các vật dụng của anh la liệt tuỳ tiện trong nhà ngoài ngõ, có lẽ do chủ nhân ỷ vào khả năng lưu trữ tư liệu của mình còn hơn bộ nhớ của máy điện toán. Tật thứ ba của Chiến là thích sống đời đơn độc – đơn độc chứ không cô độc, cũng chị này em nọ nhưng chưa thấy đỗ lại bến nào.*

*Nhất nhân nhất hộ, anh hãnh hách đến cực đoan, không những người mà các loài khác cũng khó chung nhà chung cửa.*

***(Lược******một******đoạn:****Trong công việc cũng nhờ tài năng của mình mà Chiến có thể đứng ở những bộ phận rất cao, nhưng lại không thể thăng tiến. Đổi lại với anh là những chuyến đi công tác xa nhà.)*

*Sau một chuyến đi dài ngày, Chiến về lại nhà. Tắm táp xong, anh lao vào giường nằm chờ giấc ngủ nhưng không chợp mắt được. Bình thường, trong những trường hợp như thế, anh với tay lên đầu giường, kéo xuống một tập gì đó và đọc. Nhưng hôm nay, những hợp đồng kinh tế, những biên bản hội họp, những báo cáo dài dằng dặc, khiến anh chán chữ nghĩa. Mặc cho chúng nhắm mở tuỳ thích! – Anh tự nhủ. Nhưng khi nhìn lên trần mùng, mắt anh bắt gặp một vật lạ. Cái gì thế nhỉ? Một chiếc lá khô lơ lửng giữa mùng màn trắng xoá. Anh chớp mắt. Một chiếc lá khô từ vườn chui qua hai lớp cửa len vào mùng ta? Không bao giờ! Anh cuộn mình ngồi dậy, lần tới. Không phải lá, một con nhện rằn to tướng với những chân dài và những khoanh bụng ánh bạc. Nhìn kĩ, nhện ta đang an nhiên tọa thị giữa cái mạng tơ nõn mỏng manh. Đồ ngu! – Ngắm nghía một lúc, anh rủa thầm, nằm trở lại – Rõ ràng chú mày bủa lưới săn mồi. Nhưng có gì trong cái mùng này mà săn! Chợt nhớ một bức biếm hoạ vẽ một người câu cá giữa sa mạc, anh thích chí cười ha hả.*

*Tối đến, sau khi xem xong chương trình truyền hình, Chiến vào giường. Vừa ngã người nhìn lên, anh lại bắt gặp con nhện với cái mạng tơ bùng nhùng. Vậy là chú mày dám ngang nhiên chung chạ với ta, áp tận đến nơi nghỉ ngơi. Ngứa mắt, anh muốn bắt giết ngay con nhện. Nhưng chợt nghĩ lại, sá gì một con vật nhỏ nhoi thế kia mà mình phải nhọc sức. Lại nữa, phải cho nó chết đói dần mòn mới xứng với cái ngu có một không hai! Đợi đấy! Số mày đã tận, nhưng ta thề chẳng bao giờ động thủ. Anh nằm im và khởi sự chờ đợi con nhện chết. Và mỗi ngày hai bận, anh chờ đợi như thế suốt cả tuần nay. Nhưng nhện ta vẫn ngang nhiên tồn tại.*

*Rồi một chuyến công tác lưu động khác, Chiến tấn kĩ bốn phía mùng, chốt chặt các cửa trước khi đi. Tuy bận rộn nhưng mỗi khi có dịp nghỉ ngơi anh lại nghĩ tới nhện và hong hóng được thấy nó chết. Có lẽ cái ác trong anh kích thích. Anh nôn nao trên đường về nhà. Chú mày đã trắng mắt ra chưa? Áo thay chưa kịp cài nút, anh háo hức lao vào giường. Bắt chéo hai tay làm gối, anh hả hê căng mắt nhìn lên. Tuy có gầy đi nhưng nhện ta vẫn lì lợm sống! Thay vào phần hao hớt, một bọc trắng tròn trịa bằng cái nắp chai lủng lẳng trước mặt. Thì ra một quý bà! Nhưng sao đã không chết lại còn đẻ a?*

*Chiến quỳ thẳng người lên, muốn bứt tung màng tơ, bóp nát cái bọc trứng. Nhưng trời ạ, ngay trước mắt anh, bên kia cái màng tơ, một lỗ thủng – chỗ hợp ba góc của mỗi vuông vải. Với đôi mắt tinh và sáng như sao, Chiến nhận ra một đàn muỗi đang vo ve bên ngoài rồi lần lượt từng con chui qua cái lỗ ấy và dính ngay vào mạng. Đúng là một cái bẫy – một cái bẫy rất hiệu nghiệm! Vô vàn cánh muỗi lấp lánh. Nhưng mồi đâu mà nhử? – Anh hỏi rồi nhìn xuống người mình. Hèn gì! – Chiến giật mình.*

*Từ ấy, Trần Việt Chiến hết muốn làm con ngựa chiến.*

*(Trần Duy Phiên. Tạp chí Sông Hương, số 284, ngày 16/10/2012)*

*\* Tác giả:*

***Nhà văn Trần Duy Phiên****sinh năm 1942, tại Huế. Ông đến với văn chương khi còn đang theo học tại trường Đại học Sư phạm và Đại học Văn khoa Huế từ những năm 60 của thế kỉ XX, sớm tạo ấn tượng với một phong cách văn phong “sắc cạnh và bạo liệt khi miêu tả cái ác và sự thảm khốc của chiến tranh” (Huỳnh Như Phương). Tốt nghiệp đại học, Trần Duy Phiên lên dạy học ở Kon Tum và đây là mảnh đất ông đã gắn bó suốt 40 năm, trở thành quê hương thứ hai của nhà văn. Sau năm 1975, Trần Duy Phiên nghỉ dạy học, bươn chải nhiều nghề để kiếm sống. Từ khoảng giữa thập niên 80, Trần Duy Phiên sáng tác trở lại và xuất bản một số tác phẩm gây được chú ý. Nhiều sáng tác của Trần Duy Phiên mang đậm tư tưởng sinh thái, thể hiện cái nhìn mới về mối quan hệ của con người với thiên nhiên. Trong số đó có bộ ba truyện ngắn: Kiến và người, Mối và người, Nhện và người.*

**VĂN BẢN 44:**

*Ba đi làm về thấy bà già ngồi chình ình giữa nhà, ngay bộ bàn trà, một con mèo xám vắt ngang vai, và mẹ thì quỳ dưới bà ta, ôm bàn chân gầy như cọng củi vào lòng, cắt giũa những cái móng dài tựa phù thủy trung cổ trong tranh vẽ.*

*Đó là một bà già mặt nhàu nếp gấp, mầu da cũ mốc chừng như sắp thiu ôi, chỉ cặp mắt đôi khi lóe lên một tia nhìn lơ vơ, khó tả. Nó chẳng biểu lộ ý nghĩ nào ngoài việc phát ra tín hiệu còn chút sự sống trong cái xác khô khòng. Nghe tiếng ba bỏ giày ở cửa, mẹ vẫn không quay người nhìn, nói:*

*– Chồng con đó má. Ảnh đẹp trai hén!*

*Bà già không ra vẻ phản đối hay đồng tình, chỉ giương mắt đục ra ngó rồi lại tiếp tục lim dim tận hưởng sự nuông chiều, không một chút mặc cảm. Mẹ kể sáng đi chợ về thì thấy bà già đứng dựa cửa nhà đụt mưa, nhưng nước đã tạt ướt sũng ống quần, thấy tội nên mẹ mời bà vào nhà ngồi cho đỡ lạnh. Một hồi nghe thức ăn trong bếp dậy mùi, bà già kêu, “bây à, má đói”.*

*– Nghe thương đứt ruột.*

*Ba phát hiện ra mẹ không chỉ cho má ăn, còn tắm táp, kỳ cọ, cho bà mặc quần áo của mình. Bộ đồ rách tã kia mẹ đem giặt, phơi trên sào, đã thôi rỏ nước. Kéo mẹ ra một góc, ba thầm thì, coi chừng dân trộm cắp bất lương. Mẹ cười, “má không làm vậy với mình đâu”. Chữ “má” làm ba không thốt nên lời.(1)*

*Đêm đó mẹ nằm bên ba mà cứ bận tâm tới bà già với con mèo ngoài phòng khách. Không biết má nằm đất có bị đau mình không. Nghĩ má lạ chỗ ngủ không yên, mẹ ôm Bi và Quới ra ngủ chiếu với bà, cả bọn rầm rì quá nửa đêm. Không biết họ nói những gì mà bà già còn hứng chí ca, “sắm được sào dài sông bỗng cạn queo/mưa dầm nắng lửa mình ên chống chèo”. Giọng the thé, lẫn trong tiếng mèo phụ họa, nghe rợn. (2)*

*Má ở lại một đêm rồi biến mất. Bộ đồ mẹ đưa má mặc đỡ cũng được xếp thẳng nếp, đặt trên ghế dựa. Không lấy đi bất cứ thứ gì, bà già còn để lại con mèo tên Chó. Mẹ buồn suốt cả tuần sau đó, cứ thắc thỏm không biết má đi đâu, đang giữa mùa mưa dầm dề. Nghe giọng bao dung như thể nếu bà già ở lại, mẹ sẽ nuôi luôn.(3)*

*Khoảng thời gian ít ỏi bà già ghé qua, chẳng lưu lại gì ngoài những cọng tóc rơi trong phòng tắm, mà hôm sau khi làm công việc cọ rửa, mẹ đã dọn sạch. Sẽ giống một giấc mơ, nếu không có con mèo xám. Tính khí tự nhiên y hệt bà già, nó mạnh dạn đi lại trong nhà không một chút bỡ ngỡ, cả hành động nhảy vào nôi nằm dưới chân Bi ngủ, như quen thuộc lâu rồi. Tuyệt không thấy con vật ngó ra cửa trông chủ cũ, chừng như bụi mưa ngoài đó, mặt đường ướt nhoét làm nó ớn. (4)*

*Bỗng dưng ba có cảm giác, bà già vẫn ở lởn vởn đâu đây, qua cách mẹ bồn chồn ngó mây kéo bầy, những lần đưa nhau đi chơi phố đột nhiên mẹ bảo ba dừng xe, gửi Bi lại để chạy theo một người nào đó, rồi trở lại với vẻ mặt thất vọng. Một bữa bắt gặp con Chó (thật ra là mèo) đang thè lưỡi liếm bột ăm dặm trên miệng Bi, ba nổi khùng kêu mẹ liệng con mèo (tên Chó) đi phứt cho rồi. “Đâu được, của má đó, biết đâu má lại về tìm nó”, mẹ cười, xoa đầu con vật. Nghe giọng, khó biết mẹ đang nói về bà già lang thang, mà đến cái tên thật của bà ta mẹ cũng còn ngơ ngác.(5)*

(Trích*Vực không đáy*in trong tập truyện ngắn*Không ai qua sông*của Nguyễn Ngọc Tư, NXB Trẻ, 2016, tr.5-8)

**VĂN BẢN 45:**

**CON MUÔN LÀM MỘT CÁI CÂY**

*Đây là mùa đầu tiên cây ổi trước nhà thăng Bum bât ngờ ra hoa, bói qua. Đo qua là một sự kiện không hề nhỏ trong khu phố nhỏ này. Mấy năm trước cây ôi hầu như không ra trái (...). Mẹ đã mấy lần xúi ba chặt đi vì nghĩ đó là cây ổi điếc (...).*

*Ở phố, người ta chị trồng được những cái cây be bé, xinh xinh. Khoảnh đất trước nhà tô dân phố đề nghị trồng hoa, ví dụ như là hoa bằng lăng, vừa cho bóng mát, vừa có hoa rất đẹp... Ông nội Bum kế, lúc bà tố trưởng dân phố nói vậy, ai nây cũng chi nhớ tới cây băng lăng. Và thế là một con phố dọc dài những cây hoa băng lăng rất duyên. Lúc đo mẹ mang bâu, ông đã nghĩ tới một cây ôi. Một cây ối có vẻ lạc lõng nhưng cũng không hê làm mất duyên con đường vì phía trước ông vẫn trồng bằng lăng, phịa trong sân nhà mới là chỗ đứng của cây ổi. Là bởi vì hồi nhỏ ba Bum vô cùng thích ổi, có thể ở suốt ngày chuyền từ cành này qua cành nọ và ngồi hàng ngày trên chạc ba cây hóng gió (...). Hệt mùa hè thì người ba nó giống một con sóc đen trùi trũi hơn hẳn đám bạn. Ông muốn trồng ổi vì muốn có một cây như cái cây sum sê trong vườn nhà khi xưa để cho đứa nhỏ trong bụng mẹ sau khi chào đời có nơi leo trèo như ba nó. Với một đứa con trai nhỏ, chỉ cây ôi thôi cũng đã là thiên đương.*

*(...) Thăng Bum đã kê cho tụi bạn nghe câu chuyện ây cả trăm lân. Nó tự hào khoe thêm, ngày mới hai, ba tuổi nó đã biết cùng ông bắt sâu cho cây, vì thế cây mới có thể trưởng thành như này.*

*Dĩ nhiên là vì có tao mới có cây ổi đầy trái này cho tụi mày ăn - Mũi nó hêch lên, mặt kênh kênh nhưng không đứa nào thấy ghét vì hương ổi chín tỏa lan trong sân nhà nó ngọt lịm. Nó lại là thằng bé cực thảo ăn với bạn bè.*

*Cây ổi của nhà thằng Bum có vẻ đẹp kỳ lạ nhất trái đất vì ông đã cố ý bấm cho cây, tỏa ra nhiều cành cao thấp vũng chãi. Thằng Bum và bè bạn là trẻ con lớn lên ở phố nhưng vẫn có khả năng chuyên từ cành này qua cành khác nhẹ như sóc. Hái và chia nhau những trái chín thơm lừng. Ông nội bắc một chiêc ghê đâu ra sân, rất gần cây ôi, ngồi nghe đài, đánh mắt nhìn theo trông chừng, cười rất hiền lành.*

*"Con muốn làm một cái cây. Con muốn làm cây ổi trong sân nhà cũ của con. Con muốn luôn bên đám bạn leo trèo mùa ổi chín và thấy ông con ngồi cười hiền lành bên gốc ôi.."*

*Một ngày kia, thăng Bum viêt như thê trong bài văn cô giáo ra đê: "Em hãy nói về ước mơ của mình". Cô nói, câu văn Bum viêt còn chưa thật chuân nhưng điều ây không quan trọng băng việc nó làm cô cảm động rơi nước mắt. Cô bắt gặp sự cô đơn và tình cám sâu sắc của nó trong ước muốn làm một cái cây.*

*Cây ôi trong sân nhà cũ, nó đã nhớ bao năm mà chăng có dịp nào đê nói ra. Đó là khi ba mẹ nó chuyển từ Sài Gòn xuống Vũng Tàu, để phù hợp với công việc kinh doanh du lịch của ba. Nhà cũ nơi con phô nhỏ đã bán sau ngày mãn tang ông nội. Tât cả đồ đoàn dọn dẹp ra đi, chỉ có cây ôi ngôi lại trong sân trầm tư, lặng lẽ. Lúc ấy Bum chỉ ước ao răng có thê đê tât cả đô đoàn của nó ở lại mà mang được cây ôi đi theo. Mẹ nói không thê nào đưa một cái cây đi theo khi nó đã ngần ấy năm căm sâu rê vào lòng đât. Và vì thê, lâu thật lâu rồi nó không có dịp gặp lại cái cây ây. Có lân lên Sài Gòn, nó xin ba ghé qua thăm lại cây ôi, gặp lại đám bạn hàng ngày vân cùng nhau leo trèo. Ba quá bận bịu nên không kịp đáp ứng mong muốn của nó...*

*Khi cô giáo điện thoại nói với mẹ về một cái cây, mẹ và ba đã ngay lập tức bàn nhau trồng một cây ổi trong sân nhà. Ba bắt đầu suy nghĩ về việc bấm cành khi cây ổi bén rễ sao cho khi nó lớn lên sẽ có những cành cao cành thấp thật dễ cho lũ trẻ leo trèo. Mẹ nói với Bum về kế hoạch sẽ mời những người bạn thân ngày xưa đến chơi và cùng nhau trèo hái, chia nhau những trái ôi thơm lừng và ngọt lịm. Sài Gòn có quá xa Vùng Tàu đâu, đám bạn của Bum chỉ lên xe cười nói ríu rít vài câu chuyện là đã đên nơi rồi. Phố cũ và phố mới thực ra sẽ chẳng cách xa khi mà vẫn nhớ về nhau.*

*Thằng Bum cười toe toét mà mắt nó rưng rưng nước. Nó bỗng như nghe tiếng cười khanh khách, tiếng chòng ghẹo nhau của lũ bạn và nụ cười hiền hậu của ông trôi theo hương ôi chín ngọt lành...*

*(Võ Thu Hương, Góc nhỏ yêu thương, NXB Kim Đồng, 2018)*

**VĂN BẢN 46:**

*Trong tất cả những kỷ niệm ba tôi để lại, cái làm tôi nhớ nhất và tôi không hiểu tại sao lại nhớ đến thế, là con ngựa kim hoa trắng của ba tôi. Những buổi trưa hè oi ả, mệt nhọc mang ba tôi từ những cánh rừng xa về, nó vui mừng hí lên khi nhận thấy cái mái nhà thân thiết trên đấy đậu mấy con chim bồ câu. Chân nó đập lên những lối đi quen biết, mồm nó ngoạm những cây cỏ ngon lành. Tôi chạy ra đón ba tôi và thường thường người giao cương cho tôi cột nó lại. Dưới cánh những con muỗi bay vo ve, nắng hoa xôn xao, da nó động đậy, mỡ mượt trong một vẻ đẹp đẽ, oai nghiêm riêng. Rồi những buổi trưa không còn có trong đời tôi nữa, tôi theo người nhà dắt nó đi tắm, đánh nó bơi qua sông. Tôi sung sướng cười vang trên mặt nước lòa nắng, cưỡi trên mình con ngựa kim hoa mà tiếng hí quen quen, tôi chắc đã lâu ngày rồi, không còn rền qua cánh đồng ngập cỏ nữa.*

*Bây giờ đời tôi chỉ còn lại những trời quạnh vắng, những buổi trưa đột nhiên vọng một tiếng gà gáy lạ lùng. Tôi thoáng thấy bóng người cưỡi ngựa về sau hàng rào, đi ngược lại thời gian, run run như chỉ đợi một hơi gió mơ hồ là biến mất.*

*Mẹ tôi bán dần dần nhà cửa, ruộng vườn để trả nợ, và cả con ngựa trắng cũng bị đổi lấy tám mươi đồng. Hôm mẹ tôi định bán nó đi, tôi thấy lòng buồn vô hạn. Tôi không mấy lúc rời cái buồng nhốt nó ra nữa, lưu luyến như đứa trẻ con bị đuổi khỏi căn nhà cũ, còn tiếc rẻ những chốn ăn nằm, đồ đạc quen thân. Tôi cầm một nắm cỏ đút vào mồm con ngựa trắng, vỗ vào mớ lông bờm trắng toát của nó. Từ ngày ba tôi mất đi, nó gầy gò thiểu não, mắt nó ướt và có ghèn, thỉnh thoảng cất tiếng hí không nhất định, mà tiếng hí mới buồn thảm làm sao!*

(Trích *Con ngựa trắng của ba tôi*, Hồ Dzếnh, *Nhà văn và tác phẩm trong nhà trường, Thạch Lam, Hồ Dzếnh,*

NXB Giáo dục, 1999, tr. 139-140)

**VĂN BẢN 47:**

***(Gọi con*** – Bảo Ninh)

(Tóm lược phần đầu: Con cái thành đạt, hiếu thảo nhưng mẹ Tân lúc nào cũng “cứ rầu rầu, lặng lặng và cứ thích thui thủi thế”.  Sau khi mẹ mất, Tân mang chiếc rương – kỉ vật của mẹ để lại về nhà mình.)

*Tất cả những lá thư gói chung trong tờ báo cũ để dưới đáy rương đều là của mẹ gửi cho em trai của Tân. Trên tất cả các phong bì, tên người nhận đều là Nghĩa, tất cả đều được kiên nhẫn gửi tới một số hiệu hòm thư duy nhất, và tất cả đều là những lá thư do bưu điện huyện Lương Sơn kiên nhẫn gửi trả lại. Tất cả còn để nguyên chưa được bóc ra.*

*[…] Sang Tiệp tròn một năm, Tân được thư của mẹ báo tin Nghĩa vào bộ đội. Nhận giấy gọi vào Bách khoa trước giấy gọi nhập ngũ vậy mà Nghĩa nhất định không nghe theo lời bàn của cha mẹ. […] Bà cho Tân số hòm thư của Nghĩa và hối thúc anh viết ngay gửi sớm để em nó mừng. Bà kể là đã lên thăm Nghĩa ở trại luyện tân binh trên Bãi Nai – Hòa Bình, thấy nó vất vả, gian khổ, thương lắm. Hồi đó, đọc biết thế, nhưng bây giờ mở xem lá thư mẹ viết cho Nghĩa mới thấy thấu cái tình thương xót của mẹ đối với nó.*

*“Người ta bảo là ở rừng thì dù nhọc mệt thế nào cũng chớ có ngủ trưa, vì bị ngã nước đấy con ạ. Hại sức lắm, mà mẹ thì ở xa chẳng lo được cho con… Mẹ lại thường hay nghĩ đến cái tính liều của con. Con ơi, có báo động dù chưa tiếng tàu bay vẫn phải tăng xê xuống ngay. Tránh voi chẳng xấu mặt nào. Thương mẹ thương cha con phải tự thương xót lấy mình con nhé…”*

*Chỗ quà này mẹ gói ra hai mầu để con phân biệt. Gói bọc giấy xanh là kẹo, bánh, thuốc lá thì con mời anh em bè bạn với cấp chỉ huy. Riêng thuốc lá mẹ mong con hút ít. Nghe nói nơi các con đóng binh người dân tộc nấu rượu sắn nhiều lắm, mẹ lo. Uống rượu, hút thuốc hỏng đời con ạ. Còn trong gói đỏ là kim chỉ, đá lửa, pin, cặp ba lá, con phải cất kỹ. Các thức ấy không vặt vãnh đâu, ở Hà Nội đã khó kiếm, trong Khu Bốn với bên Lào lại càng quý báu. Nặng thêm một chút nhưng con gắng mang. Phòng khi ốm đau cảm cúm, nhất là chẳng may mà sốt rét thì đem đổi lấy thịt thà rau quả mà bồi dưỡng cho chóng lại. Mấy bà trong khối phố có con đi bộ đội trước con họ bày kinh nghiệm cho mẹ như thế…”.*

*Tân không hiểu gói quà ấy có đến tay Nghĩa không, bởi rõ ràng tất cả những phong thư anh đang thấy đây mẹ anh đều đã gửi lên Lương Sơn khi mà đơn vị của Nghĩa đã rời đi. Tất cả đều bị gửi ngược về hoàn trả, nhưng mẹ vẫn nhẫn nại viết và nhẫn nại gửi cầu may tới cái hòm thư đã hoang phế đó. Mấy bức đầu mẹ anh viết ngắn như là viết vội để gửi đi gấp. Không viết gì nhiều, những thư ấy chỉ hối Nghĩa mau biên thư về cho cha mẹ hay số hòm thư mới với lại hiện đang ở đâu, sức khoẻ thế nào. Nhưng theo dần năm tháng chiến tranh, thư của mẹ ngày một nhiều trang hơn và ngày một buồn bã hơn. Gửi đi bao nhiêu nhận lại bấy nhiêu, những lá thư của mẹ càng về sau càng như nhật ký, như là để gửi tới chính mình. Chữ mẹ nắn nót, dễ đọc dẫu mầu mực đã phai, dòng nối dòng đều đều, miên man che giấu niềm vô vọng. Mẹ kể rằng đêm qua mẹ nhìn thấy Nghĩa nhưng chưa kịp gọi thì đã tỉnh, tỉnh dậy thì đã chẳng còn lại gì, chẳng níu giữ được gì nữa cả, trong phòng tối đen, ngoài trời còi báo động hú vang.Khác với mẹ, cha chưa bao giờ thấy Nghĩa trong giấc ngủ, nhưng lại hay thoáng thấy con trai út của mình ngoài phố.*

*Lược một đoạn: Cha Tân mắc bệnh nặng, trước lúc qua đời vẫn cất tiếng gọi Nghĩa trong niềm nhung nhớ, khắc khoải.*

*Tất cả những điều ấy chưa từng bao giờ mẹ viết trong thư gửi ra nước ngoài cho Tân và anh chị của anh. Sau này cũng không bao giờ kể ra lời. […] “Khổ thân các con sinh ra gặp thời loạn lạc …”, lá thư ấy mẹ viết vào ngày cuối tháng Chạp năm 72. Đất trời bùng cháy, thành phố đổ vỡ, nhưng mẹ không rời Hà Nội. Hơi bom phá toang cửa kính, mẹ vẫn đêm đêm yên lặng ngồi chỗ ngày trước cha vẫn thường ngồi, và vẫn như hồi cha còn sống, mẹ pha một ấm trà để lên khay trên bàn giữa hai cái tách hạt mít.*

*[…] Mẹ biết chắc con còn sống, nhưng giờ đây con ở phương nào vậy con? Sao con lại có thể im lặng lâu như thế hở con? Không một bức thư, không một tin tức nhắn nhe nào cho mẹ, sao thế hở con, Nghĩa ơi? “.*

*Nghĩa ơi. Tiếng gọi ấy là lời cuối của lá thư cuối cùng mẹ của Tân viết gửi người con trai út. Không còn lá thư nào viết vào những ngày tháng sau đó nữa. Có lẽ vì sau đó là năm 73, hòa bình. Anh chị em Tân lần lượt đỗ đạt trở về.*

*Có những người con sáng giá như anh chị em Tân, mẹ là một bà mẹ hạnh phúc hơn bao bà mẹ khác. Nào ngờ mẹ không hề biết thế là hạnh phúc. Gương mặt mẹ suốt bao năm trời đến tận khi nhắm mắt xuôi tay luôn lẳng lặng một vẻ chờ đợi âm thầm, rụt rè và vô vọng. May thay, cũng giống như những bức thư mãi mãi ở yên dưới đáy rương bên đầu giường mẹ, nỗi đau lòng của mẹ không bao giờ thốt nên lời, người ta không biết tới. Nông nỗi thương tâm bất động của một người già có cái đáng quý là không làm ai phải để ý, bởi để ý tới thì không khỏi đau thắt trong lòng và không sao mà có thể bình tâm để yên ổn sống một cách dễ chịu cho nổi.*

**VĂN BẢN 48:**

**NGỌN ĐÈN KHÔNG TẮT**

*Người ta gửi tới nhà Tư Lai một lá thơ. Thơ đề “Kính gởi ông Hai Tương”. Cả nhà bối rối không ít. Ông Hai Tương đã ra người thiên cổ lâu rồi, thấy có người nhắc lại chồng, bà cụ Hai Tương nhớ quá ứa nước mắt. Khui lá thơ ra, thì ra là thơ mời nói chuyện khởi nghĩa.*

*Con Tươi ngồi chắt nước cơm ngoài sau bếp, than trong bụng: “Mấy chuyện đó kể muốn thuộc lòng rồi, bắt kể hoài, bộ mấy ổng hổng chán sao”.*

*Cái khởi nghĩa đó xảy ra đã lâu lắm rồi. Dân xứ này có người nhớ, người không. Cái người không nhớ thì cũng nhớ được hai ngày. Ngày thứ nhất là ngày giỗ chung những người khởi nghĩa bị giặc bắn ngoài chợ. Ngày thứ hai là cái ngày kỷ niệm khởi nghĩa. Xã tưng bừng dựng cờ đỏ chói, chạy xuồng máy rước mấy cụ lão thành lại đằng chỗ ủy ban ngồi uống nước trà, ôn lại chuyện cũ. Những chuyện mà các cụ cất vô trong tim, trong máu, buổi sáng nhớ, buổi chiều nhớ, buổi tối cũng nhớ.*

*(…) Hồi còn sống, ông nội thương con Tươi nhất. Tươi cũng thương ông nội, quấn quít bên ông. Công việc của nó là nấu cơm, chở nước, quét dọn nhà cửa. Thời gian rảnh ngồi nghe ông nội kể chuyện xưa, nghe bà nội kể chuyện còn xưa hơn nữa. Thằng Sáng suốt ngày chạy nhảy, ăn chực ở nhà hàng xóm, trề môi như đưa đò:*

*-Ông nội khó thấy mồ.*

*Tươi không nghĩ ông nội khó, nhưng ông nội hơi lạ lùng. Ông nội dắt Tươi ra biển đứng sục chân trong bùn, nghe nước biển lấp liếm đầu gối, nội chỉ hướng Hòn.*

*-Bây coi kìa, Hòn đó.*

*-Dạ, xa quá hen nội.*

*-Bây ơi – nội đột nhiên nghẹn ngào – tao nhớ Hòn quá.*

*(…) Má Tươi bảo: “Con Tươi đi theo ông nội riết nó… khùng”. Nó không khùng, nhưng nó già trước tuổi, nó già theo những câu chuyện xưa. Ông nội ngộ lắm. Ông nói cho nó biết sở dĩ bùn xứ nó mặn là vì có rất nhiều xương máu của chú, bác, cô, dì đã đổ xuống, trong đó đương nhiên là có máu của Thầy, của mấy anh em khởi nghĩa. Ông nói cho nó biết sống làm sao như cây đước thẳng tuột ưỡn ngực giữa sình lầy và còn nhóc chuyện nữa. Tươi cảm thấy mình phải có nhiệm vụ ghi nhớ những gì mà ông nội nói. Vì ba má nó lo làm ăn không có ở đây để nghe, vì thằng Sáng không muốn nghe. Rồi một bữa khác, ông nội nó ra bãi ngồi tới chạng vạng không chịu vô nhà. Ngồi coi biển đục ngầu, ngồi coi mặt trời lặn. Tươi năn nỉ ông vô nhà để ở ngoài này gió máy, cảm chết. Ông nội nó không chịu vô, vò đầu nó than:*

*-Tao thương Thầy quá. Nhớ Thầy quá. Tao thèm gặp Thầy, gặp anh*

*Ðâu ngờ cái lần nội nói đó, nội đi gặp Thầy thiệt. Xóm Rạch vắng một người già cỗi cằn ngồi hát Sử hận, mấy ông làm phim, viết sử tiếc đứt ruột ông già sống qua những tháng năm biến động và nhứt là đã trải qua cuộc khởi nghĩa trên Hòn (…)*

(Trích *Ngọn đèn không tắt, Tập truyện ngắn – In lần thứ 19*, Nguyễn Ngọc Tư, NXB Trẻ, tr5-9)

**VĂN BẢN 48:**

*Như bao bà mẹ khác, mẹ tiễn con gái về nhà chồng cũng sụt sịt lấy tay áo lau nước mắt. Mọi người xúm lại kêu, gả con về chợ, mắc gì mà khóc. Trong lòng những bà dì bà thím ở quê, về chợ nghĩa là ăn sung mặc sướng, đèn đóm sáng trưng, thiếu thứ chi chỉ cần bước ngay ra cửa là có, “mãn năm móng chân không dính miếng sình”.*

*Nhưng chỉ bữa sau đám cưới, cô dâu mới đã phải xoắn tay áo hì hụi tát nước, kê cao những vật dụng trong nhà. Sau trận mưa khuya đường sá biến thành sông, nước tràn vào lòng những căn nhà thấp hệt thung lũng, sau mấy bận người ta cơi cao mặt đường chống ngập. Nước mưa và triều cường cứ dùng dằng mãi trên đường không chịu rút. Cô thấy cái cảnh mình xoắn quần lội lò dò đi giữa rác rưởi và nước cống rảnh đen ngòm, có khác gì ở quê những ngày lụt. Thành phố cuối năm, những bữa tiệc nước không mong đợi cứ theo gió chướng mà về.*

*Nhưng cô dâu mới không vỡ mộng, cái nơi chốn cô vừa trở thành nông dân chính thức không lạ gì sau năm năm trọ học. Cũng có thể cô đã từng hơi thất vọng, vào những ngày đầu khăn gói đến đây. Thấy chợ cũng như cái xóm quê mình, mưa đầu mùa cũng gặp mấy con cá rô ốm ròm vác cái bụng lặc lè trứng lóc qua sân nhà trọ. Chạng vạng ễnh ương, nhắc nheng kêu sầu trời đất. Có bữa dậy thấy rắn nước nằm khoanh tìm hơi ấm trong giày. Đường sá quãng cuối năm thành sông, lút nửa vành bánh xe đạp. Ở cái nơi là chợ, lâu lâu thấy một ông già lùa đàn bò ngang qua, nhiều khu dân cư mới người tới chưa đông, cỏ dại mọc đầy. Cái anh trọ ở đầu dãy, suốt ngày vác trúm đặt lươn quanh quanh mấy mương cống, mà đủ sống.*

*/…/*

*Nhưng cư dân xóm chợ nào đã trải qua những tối dài nhàm chán không cách chi làm đầy, những khi khách xa đòi ngồi ở quán cà phê ngắm mấy dòng sông mà thành phố đã quyết liệt giấu chúng sau những dãy phố ken chật, những lần trẻ con níu áo hỏi ba ơi mình đi đây vậy, lúc ấy, mới thấy thành phố vẫn chưa đủ sáng, thứ ánh sáng không đơn giản chỉ là treo thật nhiều đèn màu chớp nháy.*

(Trích “*Bóng của thành phố*” của Nguyễn Ngọc Tư)

**\*** *Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976 tại xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau trong một gia đình nông dân. Cô học hết cấp Phổ Thông Cơ Sở đã nghỉ học, mong muốn xin làm việc tại một cơ quan văn nghệ báo chí tỉnh Cà Mau, môi trường thuận tiện có thể phát triển nghề cầm bút mà cô đam mê.[1] Các truyện ngắn đầu tay của Nguyễn Ngọc Tư viết về tình bạn ở đồng quê, được ba cô gửi tạp chí Văn nghệ Bán đảo Cà Mau và đã được đăng. Cô đã kết hôn và cũng đã có con.*

*Cô được biết đến với tập truyện mang tên Cánh đồng bất tận. Tập truyện nhận giải thưởng của Hội nhà văn Việt Nam năm 2006 và truyện ngắn cùng tên đã được chuyển thể thành phim điện ảnh năm 2010*

**VĂN BẢN 50:**

*Về ! Bạn xoa cái bụng ông Địa độn vải chang bang của mình, nói chờ con chút nữa má ơi. Sau, lúc kể với tôi bạn nói:“thì dặn cho có vậy, chớ bà già tao chờ tao tới suốt đời”. Tết đó bạn bốn mươi ba tuổi.*

*Tôi với bạn không thân, có khi cả tuần mới ngồi chung nhau ở bàn, ở nơi gần như duy nhất là quán cà phê Văn nghệ. Nhưng tôi quen má của bạn, một bà già tuổi trên bảy mươi, đẹp người. Mỗi tháng bà ăn chay bốn ngày. Bà bị say xe, đi Sài Gòn lần nào cũng gọt củ sắn đem theo nhai cho đỡ nhộn nhạo trong ruột. Buổi sáng đi chợ thay vì vô tiệm phở bà chỉ ăn nắm xôi, hay một ổ bánh mì trơn, số tiền còn lại bà chắt mót bỏ ống cho bạn cất nhà. Bà có cái đầu tóc mượn làm từ tóc rụng của mình, chính mình nhặt nhạnh. Đôi lúc đọc mấy mẩu chuyện con con bạn viết, truyện nào cũng có nhân vật má, bà kêu kiếm gì đó viết nhắc tới ba bây, kẻo ổng buồn.*

*Tôi chưa gặp bà má đó lần nào, những gì tôi biết đều do bạn kể. Ngoài cà phê đá, sữa đậu nành… ngồi với bạn, tôi được thưởng thức thêm món “bà già tao…”. Như một ám ảnh. Ngọt ngào. Quán nằm giữa lòng thành phố, nhưng có khi bạn làm tôi thấy bóng người đàn bà ngồi câu cá chốt giấy làm khô gởi ra chợ cho con, bà hái bông so đũa về nấu chua với cá rô đồng. Tôi thấy bà ngồi trong bếp, thêm lửa cho đáy nồi dày cơm cháy (món này bạn khoái). Những ngày Tết bà hay lảng vảng gần chỗ mấy đứa con chơi bài cào, hóng coi đứa nào thua nhiều, bà lén luồn tiền cho nó.*

*Và bạn luôn là người thua nhiều nhất. Bà má bận lòng với bạn nhất. Lần nào về trong mớ hành lý của bạn cũng nhồi nhét bao nhiêu là quần áo quăn queo, má lục lọi ra, ôm đi ủi. Qua cửa là bà ngó từ trên xuống dưới, lúc bảo cạo râu bớt đi lúc chê tóc dài quá phủ cả lỗ tai, mà để móng tay chi dài thượt thiệt ngứa con mắt. Bạn hí hửng, bị rầy mà vô cùng hí hửng, má càm ràm bạn coi bằng như má hát ru vậy.*

*Bạn không bao giờ nói kiểu như tao thương má, nhớ má lắm lắm. Tình cảm của bạn đặt vào những câu chuyện, những ký ức, những kỷ niệm có thể đã củ kỹ rồi hoặc còn tươi rói mới hôm qua, lần về thăm nhà gần nhất. Nơi bạn sống cách nhà sáu mươi cây số,* *lâu lắc vài ba tháng bạn mới về một lần, nhưng cảm giác bạn chưa bao giờ bỏ má đi đâu quá một ngày. Lá bay ngoài đường rơi bạn mơ màng “bà già tao tầm bốn giờ sáng là xách chổi đi quét lá ngoài sân…”.  Một người bán quà rong đi ngang qua bạn chép miệng, “bà già tao ưa bánh phồng nếp nướng…”. Ngồi trong quán ngó trời mưa, mà mắt bạn ngậm sương như thể trước mặt thấp thoáng dáng một người phụ nữ đang súc rửa mấy cái lu, đắp đất be quanh nền nhà chống ngập, lấy tấm cao su căng che cho mùng con khỏi dột.*

*Bạn là họa sỹ, kiêm viết văn xuôi, làm thơ kiêm diễn viên và ca vọng cổ nghe cũng mùi. Chữ của bạn luôn có hình ảnh bà mẹ tần tảo với đầu tóc mượn xức dầu dừa, kim tây cài miệng túi áo, chân đi dép Lào, nồng mùi dầu gió. Nhưng khi vẽ, hiện diện trên tranh bạn nhiều nhất là trẻ con. Những đứa trẻ đang giỡn đang chơi, xúm xít với nhau hồn nhiên ngước mặt ngó trời, bình an và nhẹ nhõm. Như thể khung tranh đã che khuất bà mẹ chúng đang ở gần đâu đó, đang bao dung dõi theo, ngó chừng bảo bọc cho, tôi có cảm giác đó. Nhưng cảm giác cũng đầy chủ quan, tôi bị ám ảnh bởi thứ tình cảm kỳ lạ mà bạn dành cho má, đôi khi chỉ vì một lần giọng bạn trở nên thảng thốt, “bà già tao nằm đau ở Sài Gòn…”*

*Đôi khi, tôi học từ những câu chuyện nhát gừng, vô chừng của bạn cách làm mẹ, làm con. Và cũng có lúc tôi hơi nghi ngờ, không biết chi tiết này câu chuyện kia có thật không. Nhưng điều đó không quan trọng, dù bạn viết truyện ngắn bằng lời, thì ba chữ “bà già tao…” từ cái miệng râu ria rậm rạp của bạn cũng lan ấm áp rung cảm sang tôi.*

*[…] Đến nỗi, tôi đoán chừng bạn không lấy vợ vì chưa tìm được người phụ nữ nào giống như má bạn. Và bạn còn nghèo má bạn còn mãi xót xa. Bạn còn lông bông văn nghệ văn gừng là má bạn còn cằn nhằn rầy la… Dường như bằng cách này bạn giành lấy tình thương của má, khi trót sinh ra dưới một mái nhà đông anh chị em. Má ở đầu nguồn, nên bạn mãi là con cá lìm kìm suốt đời bơi ngược nước ?*

*Ai đó sẽ nói rằng bạn ích kỷ, chỉ nghĩ tới bản thân mình, nhưng dường như quyền phán xét chỉ thuộc về người mẹ. Biết đâu bà cảm thấy vui, an ủi, khi những đứa con lớn khôn đã lần lượt rời khỏi tầm với của bà, chỉ bạn là mãi loay hoay, lẩn quẩn vướng quanh chân. Ứ hự cái thằng nghề nghiệp lêu bêu, chưa vợ, chưa nhà cửa…*

( “*Con trai và má”*, Nguyễn Ngọc Tư, *vannghesongcuulong.org.vn)*

*Chú thích:*

*– Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976 tại Đầm Dơi, Cà Mau. Là nữ nhà văn trẻ của Hội nhà văn Việt Nam. Giọng văn chị đậm chất Nam bộ, là giọng kể mềm mại mà sâu cay về những cuộc đời éo le, những số phận chìm nổi. Cái chất miền quê sông nước ngấm vào các tác phẩm, thấm đẫm cái tình của làng, của đất, của những con người chân chất hồn hậu nhưng ít nhiều gặp những bất hạnh.*

*–*Tác phẩm*“Con trai và má” được*Nguyễn Ngọc Tư*sáng tác vào tháng 03 năm 2010, sau đó được đăng tải trên báo điện tử vannghesongcuulong.org.vn*

**VĂN BẢN 51:**

**QUÀ MUỘN**

(**Tóm lược:** Ba mẹ ly hôn, nhân vật tôi và em Thu phải mỗi người sống một nơi. Tôi luôn than trách mẹ vì nghĩ mẹ yêu em Thu hơn. Để hiểu được lời mẹ nói, nhân vật tôi phải trải một thời gian dài với quá trình chung sống với người dì ghẻ chỉ hơn có 8 tuổi. Từ chỗ không tìm được điểm chung và sự yêu thương đến chỗ cảm thông chia sẻ cho người dì ghẻ, nhân vật tôi thay đổi cách đối xử khi dì ghẻ đẻ em bé mà “tôi” thấy sao nó giống Thu – cô em gái yếu ớt cùng cha cùng mẹ đến vậy)

*Sau bao ngày tháng, giờ đây tôi bỗng nhớ mẹ và em Thu đến cồn cào. Tôi nhớ hồi đó tôi hay giành đồ chơi với Thu và nó chẳng biết làm gì hơn là khóc ư ử….*

*Tôi chưa bao giờ quan tâm đến em Thu – Ba đã khiến tôi nhận ra điều này! Tôi ẵm bồng bé Bi, ru nó ngủ, may áo búp bê, mua đồ chơi cho nó. Tôi muốn làm thật nhiều cho bé để chuộc lại sự vô tâm đối với em Thu. Nhưng bé Bi là bé Bi, em Thu là em Thu và tôi bật khóc mỗi khi nhớ mẹ. Tôi lục mấy phong thư cũ, tìm địa chỉ của mẹ nhưng vô ích, con dấu ngoài phong bì với hai chữ Nha Trang lạnh lùng chẳng nói được gì hơn. Nha Trang trở thành một địa danh ám ảnh.*

*Giấy báo tôi thi đậu á khoa Đại Học Y Thành phố Hồ Chí Minh gởi về nhà. Ba mở tiệc mừng ngay ngày hôm sau. Tiếng cụng ly của khách khứa chúc mừng tương lai tôi vọng vào phòng khiến dì run vai lặng khóc. Tôi bồng bé Bi lên, bé nhìn tôi bằng đôi mắt lờ đờ rồi mệt mỏi ngả cổ trên vai tôi.*

*– Mai mốt Linh đi học…ở đây một mình…dì biết làm sao? – Dì nói nho nhỏ, thống khổ, tuyệt vọng, cô đơn. Dì già sọm như đã bốn mươi.*

*Tôi cắn nghiêm môi lại. Mẹ cũng đã từng thấy khổ tuyệt vọng và cô đơn như vậy. Mà hồi đó, tôi còn quá nhỏ để biết chia sẻ.*

*[…]*

*Thật là bất ngờ, tôi gặp mẹ ngay ngày đầu tiên đến trường Đại học. Trong phút giây, tôi và mẹ đứng lặng nhìn nhau. Mẹ già đi nhiều, tóc lốm đốm bạc. – Sao mẹ…đứng ở đây? Tôi ấp úng hỏi một câu ngu ngơ.*

*– Mẹ đợi con! – Giọng mẹ khàn khàn.*

*– Sao mẹ…không viết thư cho con?*

*– Biết ba con lấy vợ nên mẹ thôi không gởi. Mẹ ngại ba nghĩ rằng mẹ quấy rầy hạnh phúc của ba con.*

*– Mẹ ngại…ngại…Mẹ không nhớ đến con thì có! – Tôi dằn dỗi, như ngày xưa mỗi lần mẹ mua quà cho em Thu.*

*– Linh! – Mẹ dịu dàng gọi tên tôi – mẹ luôn hỏi thăm về con. Con có thấy là mẹ đang đứng đây không? Từ khi biết con đậu trường này, ngày nào mẹ cũng đến đây đợi.*

*Hai mẹ con mà phải đợi chừng đó năm tháng để gặp nhau ở một nơi xa lạ. Tôi gục đầu trên vai mẹ, bật khóc.*

*– Con về Nha Trang tìm mẹ…mẹ ơi!*

*– Hồi đó mẹ đưa em về Nha Trang với hy vọng khí hậu biển sẽ tốt hơn cho em con. Rồi nghe nói ở thành phố có nhiều bác sĩ giỏi nên mẹ đưa em về đây.*

*– Em Thu…sao rồi mẹ? – Tôi hồi hộp hỏi.*

*– Em con mất rồi! – Nước mắt mẹ rơi trên tóc tôi – Em con không ý thức được nguy hiểm nên đút tay vào ổ điện.*

*Đột nhiên tôi thấy nhẹ nhõm, nỗi nhẹ nhõm tàn nhẫn, kỳ quặc và đau đớn. Mẹ nghẹn ngào:*

*– Chết có lúc là giải thoát phải không con?*

*Nỗi đau trong mắt mẹ khiến cổ tôi cứng lại.*

*Tôi có thêm một đứa em trai, vì mẹ đã có chồng. Chồng của mẹ là một bác sĩ khoa tâm thần. Thật khó chịu khi biết mẹ có chồng. Việc mẹ có chồng khác hẳn việc ba có vợ! Không thể giải thích được vì sao lại như vậy.*

*Tôi cố tạo một vẻ mặt vô tư khi gặp cậu bé. Nó có khuôn mặt tròn và sóng mũi thanh tú của mẹ. Rồi khi đối diện với ông bác sĩ, tôi nhận ra đôi mắt nó là bản sao của đôi mắt ông.*

*Câu chào ngập ngừng trên môi, rồi tôi bật ra “Chào bác”.*

*Ông đáp lại câu chào của tôi bằng một nụ cười.*

*Ông đưa mẹ và tôi ra mộ em Thu. Ngôi mộ xây theo một kiểu là lạ, ngồ ngộ. Những viên đá hoa đủ màu đắp quanh mộ như những món đồ chơi bày ra bừa bãi. – Với dáng mộ này, bác mong em của cháu có được tuổi thơ ở thế giới bên kia – Ông nói bằng một giọng ấm áp, ân cần.*

*Tôi hình dung một cuộc sống có ông, mẹ, em Thu và đứa em tôi mới gặp. Thật khó mà hình dung được cuộc sống đó ra sao. Tuy nhiên, tôi hiểu ông rất yêu mẹ tôi. Vì yêu mẹ nên ông đã tặng cho em tôi tuổi thơ, dẫu muộn màng. Cũng như tôi thân thiện với dì vì nhớ mẹ, và nựng nịu vỗ về bé Bi vì tình yêu muộn màng dành cho em Thu.*

*Tôi chợt hiểu ra một điều cơ bản của cuộc sống. Những ai biết yêu thương sẽ sống đẹp hơn.*

(Nguyên Hương, Trích *Những truyện hay viết cho thiếu nhi*, NXB Kim Đồng)

**VĂN BẢN 52:**

“*Bây giờ chưa hết tháng ba nhưng mỗi tối từ chợ về, dì Diệu đã tranh thủ ngồi may đồ cho em bé. Đã biết là con gái nên bộ nào dì cũng dún bèo cổ, bèo tay, bèo lai áo… coi rất dễ thương ngộ mắt. (….) Dì vừa làm vừa tủm tỉm cười một mình, rồi vui quá xá là vui, một mình vui không hết, dì Diệu khoe:*

*– Tui sắp có con gái rồi nghen.*

*Một người dòm lom com vô cái eo thon thả của dì rồi cười:*

*– Nói chơi hoài, có thấy bầu bì gì đâu…*

*Dì Diệu cười ngặt nghẽo, cười đến khi cái mũi thon thon xinh xẻo của dì ửng đỏ lên:*

*– Bốn mươi mấy tuổi rồi, bầu bì gì nữa. Tui xin con nuôi. (….)*

(**Lược một đoạn**: Vì có một khối u nhỏ trong người, dì Diệu không thể có con. Dù chú Đức, chồng dì chỉ cần hai vợ chồng sống hạnh phúc nhưng dì Diệu luôn canh cánh trong lòng. Chị Lành là người lao động thuê nhà trong khu, là người phụ nữ quá lứa, khỏe mạnh, chất phác và rất hiền lành. Nhà chị nghèo, đang cần tiền gửi về cho gia đình. Chị Lành đắn đo nhiều lẽ, chị sợ những thâm tình ràng buộc, không làm tròn lời hứa với dì Diệu, sợ bà con dị nghị không chồng lại có con. Chị cần tiền mà cũng cần con… Nhưng vì dì Diệu quá tốt nên chị đồng ý thụ tinh nhân tạo).

*Dì Diệu bắt đầu chuẩn bị cho một đứa con ra đời. Dì mua mấy tấm hình em bé về dán trong căn nhà chị Lành. (….)  Dì biểu chị Lành phải siêng nhìn để sinh con ra nó sẽ xinh đẹp như thế. Chị Lành thắc mắc:*

*– Giống trong hình làm chi, giống ba giống má nó là được rồi.*

*Dì Diệu ngẩn người, ờ, dì bắt đầu nghĩ, đứa bé sinh ra sẽ giống ai, giống chú Đức đẹp người, giống dì trong trẻo, trẻ trung hay giống ……*

*– Nó sẽ giống cả ba người.*

*Dì chắc chắn như vậy.*

*Chị Lành thường lén trốn dì Diệu đi gánh nước. Hồi chưa có bầu thì gánh đầy, bây giờ gánh lưng thùng. Chị muốn gởi về cho má nguyên số tiền đó mà không mẻ một đồng nào. Bây giờ, có con, chị thương má nhiều thiệt nhiều. Dì Diệu có hôm dọn hàng về sớm, thấy chị Lành vắt vẻo đôi thùng trên đường mà lòng xót xa:*

*– Con của chị em mình giờ là cục máu mỏng manh lắm, em làm vậy không được đâu.*

*Chị Lành rân rấn nước mắt cái câu “con của chị em mình”. Dì Diệu dỗ, “em mà khóc hoài, em bé sinh ra mặt sẽ buồn cho mà coi”. Rất nhẹ và dịu dàng, lòng hai người đàn bà tự dưng chỉ nghĩ về chỗ đứa con.*

*(…) Dì* *Diệu cười, rồi làm như một cơn gió từ đâu xộc tới, tim dì riết lại một nỗi đau. Dì thèm biết bao nhiêu cái cảm giác che chở cho một sinh linh sống trong mình, để được thèm tới cùng, tới chảy nước dãi món ngọt, món chua, để có thể cảm nhận từ trái tim chứ không phải bằng bàn tay đôi bàn chân bé bỏng quẩy đạp bụng mình thon thót. Đó là những thứ cảm giác thiêng liêng không vay mượn, thuê mướn được: cảm giác làm mẹ.(….).*

*Chỉ còn một tháng hai mươi ngày nữa, đứa bé sẽ ra đời. Dì Diệu tính từng ngày, từng bữa. Chị Lành tính từng ngày từng bữa. Người trông cho mau, người trông đừng bao giờ đến. Dì Diệu cố quên cái vẻ mặt buồn bã, van nài của chị Lành. Chị Lành biết, khi đứa bé  ngoe ngoe cất tiếng khóc chào đời, là chị với nó sẽ phải chia lìa. Hợp đồng đã ghi rõ ràng như vậy. Chị thấy thương mình, thương con và thương dì Diệu. Chị rối rít ăn, rối rít ngủ vì biết rằng mai nầy rồi chẳng còn nhau…*

*Một sáng, chị Lành biến mất.*

*Dì Diệu kêu chú Đức về, nước mắt ròng ròng khi thấy bóng chồng qua cửa. Chú đau lòng bảo thôi bỏ đi, dì Diệu cãi, “em bỏ không đành, anh à”. Chú cũng thấy rằng bỏ không được. Máu mủ ruột ràng mình mà bỏ sao được. Hai người đi tìm xơ bơ xấc bấc. Không có, không gặp. Dì Diệu về quê, bà mẹ già chị Lành tay run bẩy, vừa đau vừa xót.*

*– Vậy ra nó không nói gì với cô sao… Tui hay tin nó hư hỏng, tôi từ nó rồi, tui tính bỏ nó luôn, nhưng thiệt tình tui thương nó lắm, phải nó về, tui cũng nuôi.*

*Dì Diệu lau nước mắt cho mẹ chị Lành, lòng nghĩ, làm sao mình lại để ra nông nỗi nầy. Dì không tiếc tiền của, công sức, dì cũng không tiếc tình thương dồn đắp cho chị Lành, dì chỉ cảm thấy xót xa cho mình “làm người thì ai lại đi giành con với người ta”, dì luôn dằn vặt vậy.*

*Dì Diệu bỏ sạp vải tối ngày chạy xe long rong ngoài đường để may ra tìm được bóng người …*

*Khi đã không trông chờ gì, một ngày, khi mở cửa, dì Diệu nhìn thấy chị Lành đang ngồi ngoài hàng ba và khóc.*

*Những người có tình có nghĩa, dễ gì bỏ được nhau.*

*Dì Diệu cắn cho môi vằn đỏ dấu răng, dì ôm chị Lành vào lòng rất chặt. Dì cảm nhận được từ trái tim bàn chân bé bỏng của đứa bé đang lòi chòi. Nó háo hức nằm giữa hai tấm lòng của hai bà mẹ.*

*Dì Diệu đi lấy tờ hợp đồng ra và đốt cháy thành một tờ tro mỏng. Đôi khi người ta hay bày chuyện nầy chuyện nọ để làm xao động cuộc đời đang hết sức yên bình, lãng nhách vậy đó…”*

(*Làm mẹ* – Nguyễn Ngọc Tư)

**VĂN BẢN 53:**

**ĐÊM ĐỢI LŨ**

*– Ông bà nói trật lất! Lão Sơn cụt lầm bầm, tiếc nuối hàng xà cừ trốc gốc đánh ùm xuống dòng nước ngầu đỏ chảy xiết.*

*Mấy năm trước, mưa nguồn cả ngày nước mới đổ về khúc sông La ngang nhà lão. Năm ngoái, mưa nửa ngày nước về mấp mé ranh vườn. Còn năm nay, mưa chừng sôi nồi cơm, nước đã cuồn cuộn nuốt hàng xà cừ sát mép sông. Vợ lão Sơn đang thu dọn đồ đạc, còn đám trẻ đã di tản về nhà ông bà ngoại từ trưa để tránh lũ quét. Màu xanh núi rừng ngày càng hút tầm mắt. Ông bà nói “Ăn của rừng rưng rưng nước mắt”. Bọn ăn của rừng giàu có vì không vốn bốn lời, chúng tậu nhà tuốt ở Sài Gòn có bao giờ biết mưa rừng lũ quét. Chỉ có đám dân nghèo bám đất bám rừng mới rưng rưng nước mắt vì thiên nhiên trả thù, vì môi trường sinh thái bị hủy diệt. Ông bà không nói trật lất là gì!*

*Có tiếng í ới rồi Hoè chui rào sang với bao quần áo trên vai. Lão Sơn đánh trận nửa đời, gửi lại trận mạc một cánh tay hồi mới tập vác súng. Lão từ rừng ra, còn chú lính địa phương quân Hoè từ phố xá lên vùng kinh tế mới lập nghiệp lại chui vào rừng để đốn củi, hầm than. Lão Sơn quý Hoè vì anh dám nói thẳng với đại diện chính quyền địa phương là con anh ta đói, trong khi chờ khoai sắn cho củ, anh chỉ lượm mót chút của rừng. Hoè thách thức lão Sơn cụt chặn bắt những chiếc xe chở gỗ lóng dài ngoằn chạy rầm rập từ rừng ra quốc lộ 1 hằng đêm của bọn đại lâm tặc, chứ bắt tịch thu gánh củi bao than của bọn tiểu lâm tặc như Hoè chỉ thêm mang tiếng… pháp luật không nghiêm minh. Ngày xưa, nếu không có những gốc cây gỗ đường kính hai, ba người ôm phải nối song mây vào dây dù mới căng được chiếc võng thì khối chiến sĩ đã bị bọn tàu gáo quạt tróc đầu.*

*Lão Sơn cụt đem chuyện những chuyến xe gỗ dài ngoằn hỏi bạn cũ giờ làm lãnh đạo. Bạn cười khẩy. Làm sao giữ nổi rừng trước làn sóng di dân ồ ạt, thôi thì biến rừng thành đồi trà, vườn cà phê, vườn cây ăn trái. Đó cũng là cách giữ độ che phủ cho đất, giữ nguồn cho nước bằng cách thay chiếc áo xanh cho rừng mà còn tạo ra của cải cho xã hội, đem lại cuộc sống sung túc cho bao người. Về những chuyến xe gỗ dài ngoằn rầm rập hằng đêm, người bạn lãnh đạo thề trên tình đồng đội năm tháng đổ máu chiến trường là hoàn toàn hợp pháp. Chỉ thời gian ngắn, lời thề theo người bạn cũ bay vào… trại giam vì giấy phép cho khai thác một thì bọn họ câu kết khai thác gấp mười. Rừng xanh nào mà còn*!

*Con tắc kè ló đầu khỏi cây cột ống tre thao láo nhìn hai người đàn ông uống trà trên bộ ván trước hiên, lạnh lùng buông hai tiếng “tắc kè” mà Hoè thường nhại “hết rừng”. Nước vẫn sôi sùng sục ngang khúc sông ôm quanh đất lão Sơn cụt. Vợ lão đang treo chiếc rổ đựng mẹ con bầy gà mới nở lên cây cột giữa nhà, góp chuyện:*

*-Tại sao người ta chặt cây gỗ cả người ôm rồi trồng lại cây con bằng chiếc đũa, hả ông cụt?*

*-Chuyện phá rừng nguyên sinh để trồng rừng non, bà phải hỏi mấy thằng Bảy Rưỡi.*

Lão Sơn cụt tưng tửng. Bảy Rưỡi là tên chung mà lão đặt cho bọn phá rừng. Từ anh Ba anh Bảy đến thằng Mỹ thằng Pháp, lão đều gọi chung là Bảy Rưỡi để khỏi mếch lòng vì cha mẹ có đẻ đứa con nào chỉ có nửa người đâu mà đặt là Rưỡi. Hoè xía:

*-Thằng Bảy Rưỡi – phó – chủ – tịch mới ra tù hôm*

Bọn phá rừng nổi tiếng ở quê lão mà báo chí gọi là “phá rừng vô địch quốc gia” bị kêu án mỗi thằng hai mươi năm tù, mới thụ án sáu, bảy năm đã được đặc xá về với vợ con; có thằng về chỉ còn con vì vợ đã ôm của ăn của rừng đi lấy chồng khác. Trường hợp này coi chừng ông bà nói đúng là “ăn của rừng rưng rưng nước mắt”, à ta!

*-Vợ chồng thằng Bảy Rưỡi – giám – đốc ra tòa ly dị rồi…*

Bà Sơn cụt ghé ngồi bên chồng, uống một tách trà cho thấm giọng mới thông tin sốt dẻo, sau khi cột chặt miệng cái bao nhét đầy những thứ giá trị nhất. Năm nào cũng chạy lũ nên bà có thừa kinh nghiệm chọn cái gì, bỏ cái gì mà không tiếc rẻ nếu lũ có quét cả nhà đổ xuống sông. (…)

(Trích *Những ngày trở gió*, Hồ Việt Khuê, NXB Hội nhà văn, 2018)

**VĂN BẢN 54:**

***Bài học quét nhà***

*(****Tóm lược đoạn trước****: Hồng đang thẩn thơ chơi một mình ở trong vườn… Hồng chỉ chơi có một mình. Chị Thảo về rồi. (Thảo là con ở trước kia vẫn giữ em Hồng). Hồng thấy thầy u dạo này hay gắt quá. Trước đó không như vậy. Hồng không hiểu vì sao. U hay mắng. Thầy hay đăm chiêu. Có lần thầy chán nản bảo u: “Tình hình nguy lắm rồi, mình ạ. Tôi sợ khó mà được hết năm nay”. Rồi thầy u cho chị Thảo về quê và nói Hồng đã gần 5 tuổi, có thể trông được em. Một lần mẹ sai Hồng quét nhà. Hồng lóng ngóng. Mẹ quát mắng và còn định tát Hồng. Hồng càng sợ, càng lóng ngóng thế là nhận một cái tát từ mẹ. Hồng nước mắt giàn giụa nhìn thầy cầu cứu mà không được. Hồng thẩn thơ, buồn bã trong một góc vườn.)*

*\* \* \**

*Tối hôm ấy, sau khi đã uể oải ăn xong bữa cơm nguội rắc vừng, Hồng uống nước rồi lẳng lặng vào giường ngủ. Một lát sau, người bố vào, nằm bên con, quạt cho con. Một bàn tay y vuốt ve những sợi tóc mềm như tơ. Con bé nhắm nghiền đôi mắt, không dẫy dọn. Nhưng nó chưa ngủ hẳn… Bỗng nó nghe thấy mẹ khẽ bảo:*

*– Hôm nay, tôi tức quá, tát cái Hồng một cái, rồi thương đứt ruột. Suốt hôm, nghĩ đến lúc nào, tôi lại khóc. Không biết tôi điên hay sao ấy.*

*Thầy Hồng bảo:*

*– Đấy là mình lo lắng quá. Tôi cũng vậy: lắm lúc tôi biết mình mắng nó bất công mà cứ mắng; tại ruột mình lúc nào cũng nóng như lửa đốt; hơi một tí là mình cáu.*

*– Ấy tôi cũng thế…*

*– Nhưng chúng mình phải coi chừng! Tôi thấy nó ít lâu nay chậm chạp và ngơ ngẩn lắm, không được nhanh nhẹn, ngộ nghĩnh như trước. Đừng mắng lắm, nó mụ người đi đấy. Mà mình bắt nó làm vừa chứ! Nó còn non tuổi lắm: Đến tháng chín này mới đầy năm tuổi. Đã làm, làm sao được?*

*– Thì ai chả biết! Hồng nó thì làm gì được? Có mà còn phải hầu nó chán.*

*– Thế sao mình cứ bắt làm? Mà nó làm không được thì lại đánh?*

*– Thì đã bảo: điên mà lại! Con bé thật có nết. Chỉ vì mình túng cho nên nó khổ… Mẹ nó! Ấy thế mà ngủ ù ỉ như lợn rồi đấy!…*

*Thật ra thì Hồng có ngủ đâu. Nó nghe thấy tất. Tự nhiên nó thấy nước mắt giàn giụa chảy ra đầy má. Nó không dám chùi, sợ thầy nó biết. Nhưng bỗng thầy nó quay vào, ôm lấy nó, áp môi vào má nó, ngạc nhiên một thoáng rồi bùi ngùi bảo:*

*– Tội nghiệp con tôi! Đang khóc mê đây này…*

*(****Bài học quét nhà,***Tuyển tập Nam Cao, NXB Văn học, trang 483,484

**VĂN BẢN 55:**

*[…]Ông Quải như chả chú ý tới những nghi ngờ của vợ về một ông khách mới quen lại quá tò mò. Ông vẫn tiếp tục kể cho tôi nghe những năm tháng đầu tiên ông trở về nhà sống với một người bố đã già đã yếu và hai đứa con còn nhỏ dại.*

*Về được hai năm thì bố chết, đưa bố ra đồng xong về nhà vét voi không được vài ống gạo. Trời mưa trong nhà như ngoài sân mới vay tiền mua trăm ngói, mà mua cũng khó khăn lắm, trèo lên cào mùn gianh rồi úp tạm ngói lên chống dột. Năm sau thì cưới vợ là bà nhà tôi bây giờ. Nhà đã khó nay lại đẻ thêm con đỏ nên càng khó. Bằng tuổi tôi người ta thì bồng cháu, mình tóc đã muối tiêu còn bồng con nhỏ là rất nghịch cảnh. Cũng may bà nhà tôi tháo vát, lại rất thương chồng và con chồng, khó đến mấy cũng chỉ cười. […]*

*Mươi năm trở lại đây nhà ông không phải lo đến miếng ăn nữa. Nhưng ông vẫn chỉ ăn cơm với dưa với mắm, đụng đũa vào cá rán, cá nấu, thịt gà, trứng vịt là nôn ói liền. Cái “không bằng người” ấy chả quy lỗi cho ai được, chỉ tại cái trò chơi khăm của ông giời đó thôi. Nhưng nhìn quanh thì vẫn không bằng  người, người ta làm được nhà gác thì ông mới chuẩn bị làm lại cái nhà đang ở, người ta đi xe máy thì bố con ông mới có cái xe đạp Trung Quốc. Vẫn là thua người, tính toán trí lực hơn người mà thua mưu cả đứa trẻ nên càng tức. Ông kể: Mấy năm nọ cả xã này đổ xô đi buôn long nhãn, nhiều người xây được nhà gác là nhờ cái đận ấy đấy. Tôi cũng buôn. Long nhãn của nhà được vài tạ, mua vào gần hai tấn nữa. Lúc mua có 100, 105 ngàn một ký. Giá lên 110, 115 ngàn vẫn không bán vì đám buôn đồ chừng phải lên đến 120, 125. Nào ngờ nó lại tụt dần xuống, tụt xuống rồi lại lên, cái trò cung cầu của cơ chế thị trường nó ưỡn ẹo đồng bóng lắm, gan thì được, nhát thì thua. Thi gan thì nhất tôi rồi. Đánh nhau mười năm với Mỹ không gan có mà chết sớm. Cái sống chết ở chiến trường có thể gan tới cùng, với lại chỉ có một mình mình đối mặt với cái chết, đòm một phát, coi như xong, chả bận bịu tới ai cả. Đằng này là cái no cái đói; sau lưng mình còn một bầy thê tử họ lại không muốn bị đói mãi nên chỉ dám gan đến cái mức nào đó thôi, rồi đành thở dài chịu thua vậy. Mua hơn 100 ngàn, bán có 65, 62 ngàn, lỗ non nửa. Đã bảo giời tính mà, ông giời không cùng phe với mình làm sao không thua.*

*Sau lần thua lỗ ấy, lỗ non chục triệu chứ đâu có ít, tôi lại khăn gói ra Quảng Ninh gánh than, được thêm đồng nào hay đồng ấy. Ông tính, một buổi gánh ba chuyến than, gánh từ 70 cân trở lên, chạy một đoạn đường ba bốn cây số, một ngày trừ ăn uống rồi cũng giắt lưng được ba chục ngàn, ấy là đã phải trả tiền bãi mất năm ngàn. Một năm gánh than, ăn đường ngủ chợ, về đến nhà đến vợ con cũng không nhận ra nhưng trả xong nợ. Coi như mất hai năm không thêm đồng nào, mọi sự chi tiêu đều trông vào hạt thóc. Mất toi hai năm mà tuổi đã trên năm mươi rồi, thế là lại gắt, chỉ dám gắt với vợ với con, tức ông giời chưa chịu buông tha mình, hờn dỗi với giời mà gắt.[…]*

(Trích “*Giận ông giời*”, Nguyễn Khải, https://nhandan.vn/gian-ong-gioi-truyen-ngan-cua-nguyen-khai-post408195.html).

**VĂN BẢN 56:**

*Một đêm mưa phùn ẩm ướt và tối tăm về cuối tháng chạp, hai anh em chúng tôi đi nghỉ sớm. Nằm trên giường, trùm chăn lên tận cằm, chúng tôi cùng nhau nói chuyện phiếm để đợi giấc ngủ.*

*[…] Ngọn đèn hoa kỳ vặn nhỏ để ở dưới đất chiếu lên trần và tường nhà những bóng tối kỳ dị, hơi lung lay. Còn chiếc màn đỏ rộng treo ở giữa nhà thì tối sẫm lại, rủ những nếp vải mỏng manh và tha thướt. Bên kia chiếc màn ấy, là giường của bà tôi và chị tôi nằm.*

***Vào hồi nửa đêm, chúng tôi sực thức dậy, gió thổi ào ào trong các lá cây và đập mạnh các tầu lá chuối; từng luồng chớp loáng qua cửa sổ. Một lát thì mưa rào rào đổ xuống mái nhà.***

***Anh tôi bảo:***

***– Có lẽ là một trận bão to.***

*– Bão thì càng thích.*

*Mà thích thật. Tưởng tượng không có cái khoan khoái êm ấm nào bằng cái thú đắp chăn nằm ngủ mà nghe mưa gió ở ngoài. Đêm lúc bấy giờ lạnh hơn, lại càng làm cho mình thấy cái ấm trong chăn là dễ chịu. Tiếng mưa reo và gió thổi như một thứ âm nhạc vui vui, ru ngủ người ta dần dần.*

*Hai anh em chúng tôi vừa cuộn kín trong chăn cho ấm vừa nói chuyện. Chúng tôi nghĩ đến, rồi thương hại những người lữ khách vào giờ này hãy còn đi trên con đường vắng, ướt như chuột lột và run như cầy sấy, đi vội vàng để tìm một chỗ trú chân. Chúng tôi lại ái ngại cho những nhà nghèo bên hàng xóm, giờ này vợ chồng con cái đều phải dậy để chống cái nhà lá mà mỗi cơn gió mạnh làm lung lay và để đem các chậu thau hứng những chỗ giột nước.*

*Khi người ta được yên ấm trong một căn phòng nhà gạch chắc chắn, không sợ mưa gió về phần mình, thì người ta dễ có lòng thương đối với những người xấu số hơn.*

*Chúng tôi đương ở vào cái tâm tính tốt đẹp ấy, thì bỗng nhiên anh tôi sẽ thích tay vào tôi bảo im rồi nói khẽ:*

*-Có nghe thấy gì không?*

*Tôi lắng tai: qua tiếng gió, tiếng mưa ở ngoài, tôi nghe có tiếng chiêm chiếp như tiếng chim kêu. Tôi bảo anh tôi:*

*-Tiếng chiêm chiếp như tiếng chim kêu phải không?*

*-Phải rồi. Tôi nghe thấy từ lúc nãy.*

*Hai chúng tôi lại chăm chú nghe: tiếng chiêm chiếp khe khẽ và yếu ớt hình như ở chiếc cửa sổ phía đầu cái màn đỏ đưa lại.*

*[…] Chúng tôi tưởng tượng ngay ra một con chim ướt át, sù lông ra vì rét, đến chỗ cửa sổ đòi vào vì nó thấy ánh sáng trong phòng ấm áp chiếu ra. Câu chuyện con chim gáy một hôm tránh bão tuyết, đến gõ cửa nhà vợ chồng người cày ruộng, được hai vợ chồng này nâng niu và rắc bánh cho ăn, câu chuyện ấy mà hồi nhỏ chúng tôi đã đọc trong quyển “bài tập đọc” bây giờ lại thoáng qua trong trí nhớ, làm chúng tôi đem lòng thương con chim kia vô hạn, và muốn cứu vớt nó.*

*Tôi bảo anh tôi:*

*-Hay là chúng ta mang nó vào trong này cho nó ấm.*

*-Mang thế nào được?*

*-Sao lại không được! Ta cứ việc mở cửa rồi dụ nó vào có khó gì. Chứ nếu để nó ở ngoài ấy thì nó chết mất.*

*-Ừ, phải đấy.*

(**Lược phần kết**: *Tuy hai anh em bàn nhau sẽ cứu con chim nhưng lại ngại vì trời mưa rét. Cuối cùng hai đứa trẻ nằm ngủ một mạch đến sáng. Sáng hôm sau, tỉnh dậy nghe chị Hai nói rằng tiếng kêu chiêm chiếp đêm qua không phải tiếng chim mà là tiếng cây tre ở đầu nhà bị gió lay. Chị định nói để cho hai đứa biết nhưng vướng thuốc nhuộm răng trong mồm, nên không nói ra thành lời mà cứ ú ớ như người nói mê. Cả hai anh em bật cười vì sự nhầm lẫn của mình.*)

(Trích *Tiếng chim kêu* – Tuyển tập Thạch Lam, NXB Văn học, 2013, tr.63-66)

**Chú thích**

– Truyện ngắn *Tiếng chim kêu* được sáng tác năm 1937, in trong tập truyện “*Gió lạnh đầu mùa”*.

– Thạch Lam (1910 – 1942) là nhà văn thuộc nhóm Tự lực văn đoàn. Ông có quan niệm văn chương lành mạnh, tiến bộ và có biệt tài về truyện ngắn. Truyện của Thạch Lam như một bài thơ trữ tình, giọng điệu điềm đạm nhưng chứa đựng tình cảm yêu mến, chân thành và sự nhạy cảm trước những biến đổi của cảnh vật và lòng người.

**VĂN BẢN 58:**

**CỎ LAU**

**Nguyễn Minh Châu**

 ***(1)****Trời lại mưa rồi, quê tôi là vậy, hai mùa mưa nắng rõ ràng. Mùa nắng thì dù cho đốt núi cũng đừng mong có mưa, mùa mưa thì không cần lập đàn cầu thì cũng như trút nước. Lại nói đến làng tôi gọi là làng Lau, bởi vì cách làng không xa là một ngọn đồi nhỏ, trên đó không có cây cối gì cả mà chỉ toàn lau là lau. Nếu không phải trong sách sử nói Đinh Tiên Hoàng ở Hoa Lư thì biết đâu lại có người nhầm làng tôi là quê hương của ông mất.*

*Ngoài sân mưa vẫn trút xuống xối xả làm tắm ướt con đường đất thịt, mưa như một tấm vải trắng ngăn cách tầm mắt của mọi người. Tôi nghĩ rằng trời mưa thế này dân làng cũng chẳng đi ra ngoài đâu, ai lại dại dột ra ngoài khi thời tiết thế này. À, mà không, có một người vẫn ở ngoài đó, là thằng Cỏ – bạn tôi. Nó khi trước vốn được nhặt ở trên đồi cỏ Lau nên ông nội (nuôi) của nó đặt tên là Cỏ. Nó lớn lên cũng bình thường như bao đứa trẻ khác nhưng lại hay trầm mặc, ít nói. Đến khi ông nội nó mất thì nó càng sống khép kín hơn. Mười hai năm học nó chỉ có một mình tôi là bạn… à, còn một người nữa, người con gái nó yêu tha thiết.*

*Mưa rơi thưa lại rồi tạnh hẳn đi, nhưng bầu trời vẫn chỉ là một màu xám xịt, cuối con đường đất đỏ trước nhà tôi bỗng có một thân ảnh thê lương mà cô độc bước đi. Là thằng Cỏ, cả người nó ướt sũng, mái tóc hơi dài ướt nhẹp phủ xuống che đi một con mắt trái âm u. Nhìn nó trong khung cảnh này thật là lãng tử. Tôi chắc rằng nếu có ông họa sĩ nào ở đây chắc chắn sẽ lấy bút ra mà vẽ nó và mời nó về làm người mẫu mất. Nhìn nó rảo bước về nhà tôi gọi nó:*

*–  Lát tao qua nhà mày đó, tắm rửa sạch sẽ, trải thảm đón anh mày. Nó ngẩng đầu lên nhìn tôi chợt nở ra nụ cười nhẹ đáp.*

*– Biết rồi, chổi nhà tao nhiều lắm, không sợ gãy hết đâu. Nói rồi nó lại lầm lũi bước về nhà. Tôi cũng quay vào nhà lấy đôi dép rồi chạy theo nó. Nhà của thằng Cỏ là căn nhà mà ông nội nó để lại, nhà gạch, nhưng đã cũ rồi, được xây từ thế kỷ trước. Ông nội nó khi trước vừa làm trưởng ấp cho quân Ngụy, vừa làm du kích, hai con trai của ông đều đi thoát li rồi hi sinh ở chiến trường K, vợ ông cũng mất sớm và ông sống một mình như thế cho đến khi nhặt được thằng Cỏ. Trong nhà mọi thứ đều rất đơn sơ, mọi thứ đều đã cũ, chỉ có những bằng khen, huy chương treo trên tường là lúc nào cũng sáng bóng.*

*– Sao mày cứ dầm mưa như thế, thế nào mày cũng chết sớm cho mà xem.*

*Nhìn đứa bạn ướt sũng cả người tôi hơi trách móc nó, nói vậy thôi chứ tôi biết vì sao nó dầm mưa, quả nhiên nó chỉ nhẹ nhàng nói.*

*– Mưa là lạnh, nhưng lòng tao ấm, mưa buồn nhưng có thể xoa dịu lòng tao, mày biết mà cứ hỏi tào lao.*

***(2)****“Li…la…li…la…”.*

*Một ngày không mưa hiếm thấy tôi và nó liền dạo lên quả đồi lau, nó mang theo cây đàn guitar, ngồi trên đám cỏ, trên miệng còn ngậm một cọng cỏ lau non. Nó nói cỏ lau non thơm mùi sữa lắm. Thằng Cỏ là một nghệ sĩ, ít nhất trong mắt tôi nó là như vậy, nhưng nó chỉ đánh những bản nhạc hàn lâm buồn mà nghe ngai ngái sao đấy, nhiều khi nghe tôi còn muốn đấm vỡ mặt của nó. Ngứa tai nhưng không hiểu sao tôi lại thích nhìn nó đánh đàn, khi tiếng đàn cất lên có vẻ như lòng nó cũng nhẹ nhàng hơn.*

*Chơi xong một hai bài gì đấy thằng Cỏ nằm lăn ra, miệng ngậm cọng cỏ non, hai chân bắt chéo vào nhau, nó hít hà vài hơi nói.*

*– Sau này tao muốn làm giáo viên, về quê dạy học, tao thấy muốn thay đổi cuộc đời thì phải có tri thức, phải có hiểu biết mày ạ, làng mình còn thiếu tri thức nhiều quá, đa số tụi nhỏ đều nghỉ học đi làm ở cấp hai cả rồi. Sau này tao sẽ về đây, ngửi hương thơm đất trời, gây sự nghiệp trồng người. Ha ha.*

*Cả hai chúng tôi đều có ước mơ làm giáo viên, nhưng tôi khác nó, Tôi muốn sau này được vào thành phố dạy học, ở đó có đầy đủ tiện nghi, có thể kiếm nhiều tiền qua dạy thêm, dạy kèm, chứ ở cái vùng đất khỉ ho cò gáy này biết bao giờ mới đổi đời được. Chắc chỉ có tâm hồn nghệ sĩ như nó mới nói đất thơm thôi.*

***(3)****Tôi ngồi trên bãi cỏ lau sau mùa mưa, trên miệng ngậm một cọng cỏ non hút vào cái chất dịch đắng chát của nó, nhưng tôi lại cảm thấy nó ngọt ngào và thơm mùi sữa. Thằng Cỏ nói đúng, nó thơm và ngọt thật, đó là mùi vị của quê hương. Phía dưới chân đồi là làng của tôi, qua mấy năm đã từ từ thay đổi, có lẽ chỉ có cái ngọn đồi lau này là không có gì đổi khác thôi, vẫn những ngọn cỏ lau đọng nước, mùi đất hoa thơm lừng sau trận mưa.*

*– Thầy ơi!*

*Bỗng có tiếng gọi, thì ra là mấy đứa học trò đi dạo trên đồi lau. Hôm nay tụi nó họp lớp thì phải, đâu đó trong gió thoảng qua tiếng đàn “li…la…li…la”. Tôi cười cười rồi đứng dậy đi về phía chúng nó, sau lưng tôi là một đám đất cao, bên trên lơ thơ mọc vài ngọn cỏ lau cao đến đầu gối người, một viên đá rõ ràng viết: “Nguyễn Văn Cỏ (1983 – 2005)”.*

\*[[1]](https://hocnguvan.net/de-doc-hieu-viet-bai-van-nghi-luan-khoang-600-chu-phan-tich-truyen-ngan-co-lau-cua-nguyen-minh-chau%22%20%5Cl%20%22_ftnref1) Nguyễn Minh Châu là nhà văn lớn, là cây bút tiên phong của văn học Việt Nam thời kì đổi mới. Hành trình sáng tác của ông chia làm hai giai đoạn: Trước thập kỉ tám mươi, ông là ngòi bút sử thi có thiên hướng trữ tình lãng mạn. Giai đoạn sau, ông chuyển sang cảm hứng thế sự với những vấn đề nghiêng hẳn về đạo đức, số phận con người và triết lí nhân sinh. Phong cách truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu là tự sự triết lí. Truyện ngắn **Cỏ lau**tiêu biểu cho hướng tiếp cận cuộc sống con người từ góc độ thế sự của nhà văn ở giai đoạn sáng tác thứ hai.

**VĂN BẢN 59:**

 *Tóm lược: Tần một chiến sĩ trên đường làm nhiệm vụ, con tau vận tải mà anh phụ trách gặp phục kích. Tần rơi xuống biển cả. Biển cả nuốt chửng Tần một cách thật thản nhiên. Anh thoáng nghĩ: thế là hết, chào các đồng chí. Nhưng vừa chìm xuống nước độ hai sải tay, anh lại nổi bồng lên, giống như một chuyển động tất yếu, thật là giản dị và hết sức khó hiểu! Không! Đời anh chưa hết. Chết vậy mà khó đấy!*

Theo sóng, Tần như cái xác dật dờ trên biển cả.

Ngày thứ mấy rồi, những nỗ lực của anh chỉ có thể dồn vào việc nhìn mặt trời, ngắm con sóng để tìm phương hướng và đưa mình truồi theo chiều sóng đổ. Nhưng buồn thay, chỉ những nỗ lực ấy thôi, chúng cũng đã hút cạn dần nguồn sinh lực ở anh rồi. Bây giờ thì nước mặn đã ngấm qua da thịt anh, xâm nhập vào lục phủ ngũ tạng anh, người anh đang nhão ra, có cảm giác nó sũng nước. Có cảm giác anh sắp hòa tan với biển. Không còn là một thực thể nữa, anh rơi vào trạng thái nửa mơ nửa thức. Bảng lảng xa gần trong anh những ý nghĩ kỳ quặc, những hình ảnh nhòe nhẹt, thực thực hư hư…

Và sau cùng thì có lúc anh nhận ra, có một gương mặt con gái vẫn thi thoảng lại chập chờn hiện về trong óc anh. Cô gái tóc tết đuôi sam, mặc áo xanh, da nâu hồng, rắn rỏi. Cô vẫy tay khi con tàu anh nhổ neo. Còn thuyền trưởng của anh là một ông già xuất thân ngư dân, một con người lý thú. Ông nói: Các chú phải đi biển cả đời mới hiểu biển được. Tất cả các dòng nước của các con sông lớn đều hợp lưu về đây mà không làm nó đầy. Tất cả các dòng nước từ nó chảy ra mà không làm nó vơi. Rồi ông thêm: Thần tình chưa? Ðó là lời của Trang Tử!

[…]

Phiêu du trên vòm trời bát ngát nên có thể nhìn thấy một sớm mai trên bờ biển nọ, dạt vào cùng vỏ sò, vỏ ốc, mai mực là hình xác anh. Mai mực, vỏ ốc, vỏ sò, cụm bèo thì quen quá rồi. Lạ chăng là hình xác anh. Và vì vậy, những người dân ở bờ biển nọ đã kéo đến và họ đưa anh vào một mái lều trên bờ cát, cạnh những con thuyền đang úp mặt để đốt hà. Anh đã chết rồi. Lấy gì ăn mà chẳng chết. Nhưng, người này là ai vậy? Người này là ai đây? Đó là một câu hỏi muôn thuở không thể trả lời ngay và rất có thể là chẳng bao giờ trả lời được. Vì có dấu chứng gì làm căn cứ để trả lời. Con tàu đi vào trong kia rất có thể sẽ gặp trắc trở, không tới đích hoặc có tới đích thì mọi người rồi cũng tản mát vào mớ công việc bận rộn, cấp bách khác. Người này là ai đây? Những vết chai sần trên bàn tay thủy thủ của anh ngâm trong nước đã nhão nát rồi còn đâu nữa. Anh và tên biệt kích người nhái, kẻ bán mình cho bọn xâm lược, thì cũng một cái mặt bợt bạt giữa đám râu tóc rậm cứng vì nước biển thôi!

Nhưng mà thôi, cuộc sống là vậy đấy, có gì mà phải than van. Tần mở mắt lần này, cùng với sự tan biến của ảo ảnh là cơn đói ngấu nghiến bào xé ruột gan. Đói quá, đói như sau một buổi làm việc căng thẳng trên boong tàu. Cơn đói đến đồng thời với sự cơn thức tỉnh của xúc giác. Ngứa ran lên, anh nhận ra khắp chân tay, mình mẩy như được bao bọc bằng một lớp vải rất dày nặng. Anh đưa tay sờ soạng. Trời! Thì ra từ cổ anh trở ra đến hai vai đã bám đầy một lớp rong rêu xanh lè. Ôi! Rêu rong biển cả đã bám vào anh, như bám vào một đồ cổ chìm dưới đáy biển. Anh thấy buồn buồn ở cổ. Một con cua gại gại cái mũi chân sắc nhọn lên da thịt anh. Anh cố nhô người lên trên ngọn sóng. Trên người anh là cả một công ty hải sản: ốc, cua, sò, tôm, hến. Chúng đến kết bạn với anh.

Bảy ngày sau, Tần theo sóng biển dạt vào đất liền. Da mặt bóc đi một lớp. Khắp người, da tróc những mảng lớn. Mắt thụt sâu. Tóc soăn rít. Lớp rong rêu kết một mảng trước ngực vẫn còn bám riết anh như những người bạn đồng hành tự nguyện dâng đời mình cho sự sống của anh.

Đất nước mình với diện tích 329.600 km2, chiếm phần phía đông bán đảo Trung Ấn trải dài trên những 3.260 km dọc theo bờ biển. Đất nước mình là đất nước của biển. Chà! Bài học đầu tiên! Ưu thế đặc hữu ấy, giờ thể hiện ở ngay số phận anh.

(Nguồn: Rơi xuống biển cả – Truyện ngắn của MA VĂN KHÁNG (nhandan.vn)

**VĂN BẢN 60:**

**CỔ TÍCH ẤM SỨT VÒI**

**(Trần Đức Tiến)**

*Trong quán nước bên đường, có một cái ấm pha trà đã cũ. Vòi ấm bị sứt một miếng nhỏ. Chủ quán mấy lần định thay, nhưng vì chưa có tiền nên cứ để dùng tạm. Vả lại trông thế nhưng ấm còn tốt chán. Bản thân chiếc ấm như cũng hiểu được hoàn cảnh của ông chủ. Nó tự nhủ: mình đã bị khuyết tật thì phải cố làm việc cho tốt. Thế là ấm luôn chú ý giữ cho mình sạch sẽ. Nó hãm trà bằng nước sôi thật khéo, bao giờ trà cũng vừa chín và tỏa hương thơm phức. Khi rót trà ra chén qua cái vòi bị sứt, nó cẩn thận không để nước rớt ra ngoài.*

*Cái ấm có phần hơi xấu xí ấy cứ tận tình phục vụ khách hết ngày này qua ngày khác. Lâu dần thành quen, ai vào quán cũng chỉ muốn dùng trà trong cái ấm sứt vòi. Mùa đông, có người pha trà xong, còn khum khum hai lòng bàn tay ôm lấy chiếc ấm thật lâu.*

*Một hôm, bỗng có một vị khách từ nơi xa đến. Nhìn thấy chiếc ấm hơi khác thường, ông ta nhấc lên, chăm chú ngắm nghía hồi lâu. Đoạn, cất tiếng nói với chủ quán:*

*– Ấm quý! Nếu ông bằng lòng để lại cho tôi, tôi sẽ trả cho ông thật hậu.*

*– Dào ôi! Bác khéo đùa! – Ông chủ nhìn khách nở nụ cười thật thà – Chẳng qua chỉ là cái ấm sứ bình thường, do vô ý tôi đánh mẻ một miếng ở vòi. Quán nghèo nên mới phải để dùng tạm…*

*– Ông bảo ấm bình thường à? Ba trăm năm mà bình thường à?*

*– Bác vừa nói gì cơ?*

*– Tôi bảo cái ấm này đã ra đời cách đây ba thế kỉ. Nếu tính tuổi thì tôi với ông còn phải gọi ấm là cụ tổ của cụ tổ đấy! Tóm lại là đồ cổ, quý hiếm cực kì.*

*Nghe giọng nói quả quyết của ông khách, cái ấm suýt rùng mình. Thiếu bản lĩnh một chút thì nó đã để cho nước sôi trào ra miệng. Nhưng nó kịp trấn tĩnh. Không ai tự biết mình bằng mình, ấm nghĩ thầm. Nó biết nó ra đời ở một cái lò gốm sứ ven sông, chỉ mới cách đây hơn chục năm. Cái ông khách tưởng như sành đồ cổ kia, hóa ra nhìn gà hóa cuốc.*

*– Thế nào? Ông để lại cho tôi chiếc ấm này chứ?*

*Chủ quán ngần ngừ, nhìn chiếc ấm như muốn hỏi: “Người ta tha thiết như thế, ngươi tính sao”?*

*Chiếc ấm im lặng. Nó không nói được, tất nhiên rồi. Đất có nung thành sứ thì cũng chả cất nên lời. Nhưng ấm biết suy nghĩ. Và ông chủ hiểu được những suy nghĩ của nó. Chính vì thế mà ông ngẩng lên nói với khách:*

*– Nó không đồng ý, bác ạ. Nó biết sứ mệnh cao quý của nó là biến những cái búp trà thành thứ nước uống tuyệt vời, như tất cả những cái ấm lão luyện khác. Bao nhiêu năm nay, nó đã tận tụy phục vụ khách hàng của tôi. Đến nỗi sứt mẻ cả mình mẩy mà vẫn không nề hà… Khách ở quán tôi ai cũng chuộng nó. Tôi không thể vì tiền mà phụ họ được.*

*Vậy là cái ấm sứt vòi vẫn được ở lại trong cái quán nước nghèo, làm cái công việc sở trường của nó là pha trà. Đôi khi nó nghĩ: May mà ông chủ quán không tham! Nếu không thì vị khách gà mờ kia đã mất oan cả đống tiền. Còn nó, dù được trưng bày trong tủ kính, hay quăng quật mua đi bán lại, sao cũng đến lúc thân phận bị lộ tẩy. Tưởng ba trăm năm, hóa ra có mười năm… Lúc ấy thì xấu hổ chết đi được!*

*Có hôm nào ghé quán nước nhìn thấy chiếc ấm ấy, bạn hãy tưởng tượng thêm những câu chuyện thú vị về nó nhé. Tôi cam đoan chiếc ấm sứt vòi nào cũng chứa trong mình khối chuyện lí thú, có khi cả chuyện cổ tích nữa ấy chứ!*

(In trong tập *Xóm Bờ Giậu*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2021)

**VĂN BẢN 61:**

**TÌNH NGƯỜI** (Nguyễn Văn Học)

*Thiện gấp lại sổ, tắt điện phòng, anh rời cơ quan lúc trời đã nhá nhem tối […]. Đến một con phố, vì mưa anh đi chậm. Anh mê man nghĩ về kế hoạch sắp tới. Thiện chợt dừng lại. Dưới gốc cây ven đường, có một người mặc chiếc áo len cũ, đang nửa nằm nửa ngồi rên rỉ. Là ai nhỉ? Lòng hào hiệp thôi thúc Thiện tiến lại gần xem là ai. Đó là một bà già nhăn nhó với cơn đau, toàn thân run bần bật. Thiện hỏi:*

*– Bà ơi, bà làm sao thế?*

*– Tôi bị ngã, đau quá. Gẫy tay rồi!*

*Thiện đỡ bà ngồi thẳng dậy và hỏi han tình hình. Bà già nói mình từ xa đến đây tìm thằng con lêu lổng, nó bỏ đi cả tháng không được. Mấy ngày qua bà lang thang tìm con. Phố xá rờn rợn đông. Đi đến cái dốc phố, vừa đói vừa mệt, mà những chiếc xe máy cứ lao vù vù, khiến bà sợ, trượt chân ngã gẫy tay. Lúc ngã trời nhá nhem tối, chẳng có ai để ý đến một người như bà. Nước mắt bà ứa ra. Đôi bàn tay nhăn nheo buốt giá. Anh thưa: “Để cháu đưa bà vào viện”.*

*Trong ít phút ngồi xe, bà lão đã kịp thổ lộ chuyện chồng mất sớm, chẳng đủ sức dạy dỗ hai cậu con trai. Con lớn cũng là kẻ vào tù ra tội, chẳng đỡ đần được mẹ và em. Con thứ lêu lổng. Ngày nhỏ bà còn bảo được. Giờ bà già rồi. Đôi chân biếng nhác của thằng con chạy nhanh hơn những lời dạy dỗ của bà. Lắm lúc bà thấy bất lực. Thế mới biết, người đàn ông có tầm quan trọng thế nào với mỗi tổ ấm…*

*Đến viện, Thiện đưa bà vào làm thủ tục, đưa đến phòng cấp cứu, đi chụp xương, xét nghiệm, lên phòng bó bột, rồi trở lại phòng điều trị. Nhìn đồng hồ đã hơn 10 giờ đêm. Bụng đói, người mệt. Ngoài cửa gió vẫn rít gào. Anh nghĩ việc của mình thế là xong. Vợ con anh ở nhà chắc đang mong lắm. Thiện chạy xuống căng tin bệnh viện mua một hộp cháo trao cho bà. Căn phòng còn những người thăm nuôi bệnh nhân xúm lại giúp. Rồi anh thưa:*

*– Bà hãy nghỉ ở đây, nếu mai rảnh cháu sẽ trở lại.*

*Lúc này, bà lão đã nói một câu làm anh đứng sững:*

*– Này, chú, chú đâm xe vào tôi, giờ lại bỏ đi ư? Chú phải ở đây chăm tôi chứ!*

*Thiện như rụng rời cả chân tay. Toàn thân muốn sụp xuống. Cái lạnh và sự bất ngờ khiến anh đứng không vững. Anh nhìn bà lão. Bà lão cũng nhìn anh trân trân. Nhiều con mắt đổ dồn về phía anh. Vài bác sĩ ở đó giữ anh lại, như thể họ sợ kẻ gây ra tai nạn cho bà già sẽ chạy mất. Bà lão tiếp:*

*– Các bác ạ, chú này đâm xe máy vào tôi đấy. Chú ấy phải ở lại đây!*

*Trời đất, tại sao thế này? Sao bà nói tôi đâm vào bà. Chính tôi là người đã cứu giúp bà, thế mà bà lợi dụng để ăn vạ. Tình ngay lý gian, anh không giải thích được, có giải thích cũng không ai nghe. Mấy bác sĩ đòi giữ lại giấy tờ của anh để anh khỏi chạy.*

*– Tôi ở đây là được chứ gì. Tôi cũng đã đóng tiền viện phí. Mọi người phải hiểu tôi chỉ là người đi đường, thấy bà lão gặp nạn thì giúp. Ai ngờ… – Thiện nói. […]*

*Thiện thờ thẫn trở về, lòng dớn dác buồn bã vì lòng tốt của mình bị người khác hiểu lầm và lợi dụng […]. Thiện sang nhà một ông bạn ở gần nhà, cốt để nói chuyện vui cho khuây khỏa. Nhưng chẳng may miệng anh lại thốt ra chuyện về bà lão nọ. Ai ngờ ông bạn lại lên lớp: “Trời, ông thương người thì thiệt đến thân. Thời đại này, những kẻ ăn vạ như thế nhiều lắm. Tốt nhất là thấy tai nạn, cứ đi qua càng nhanh càng tốt. Mình không giúp, đã có người khác. Tội gì!” […].*

*Dù bạn nói thế nào Thiện cũng tin mình đã làm đúng. Trong cuộc đời, thể nào cũng có những góc khuất của số phận, và có những ô vuông của cuộc sống dành cho tình người. Cuộc đời này phải có những người hy sinh lợi ích cá nhân để cho cái chung chứ.*

*Hai hôm sau, Thiện trở lại bệnh viện, bà lão đã đỡ đau nhiều, giờ có thể về và đợi ngày tháo băng. Anh không tỏ thái độ gì tức giận hay trách móc bà già đã lấy oán báo ơn. Anh vẫn từ tốn thưa gửi và cư xử lễ phép, nhẹ nhàng […].*

*Chi phí toàn bộ hết hơn hai triệu, Thiện vui vẻ chấp nhận. Anh đưa bà lão ra bến xe, còn mua cho bà một chục chiếc bánh mỳ về làm quà. Bà lão rưng rưng xúc động nhìn anh […]. Mắt bà lão rơm rớm nước, nhìn thẳng vào đôi mắt Thiện, tỏ đầy sự biết ơn và xúc động, nói:*

*– Chú à. Bà xin lỗi chú. Vì nhìn dáng người và nhìn thấy chú đeo hình cây thập tự trên cổ, bà biết cái lòng của chú tốt. Nếu lúc đó không làm vậy, bà biết trông cậy vào ai. Một mình bà ở cái chốn này, sẽ khó tìm được người giúp. Thôi, bà xin và cảm tạ tấm lòng chú.*

*Một lần nữa, bà lão khiến Thiện bất ngờ. Nhưng lần này là sự vỡ òa của cảm xúc tin yêu. Thì ra bà lão đã bấu víu vào lòng tốt của một người mà bà nghĩ tấm lòng anh ta rộng lượng. Tâm trạng Thiện được giải phóng khỏi những nghi ngờ. Bà làm vậy là bất đắc dĩ. Trong lúc không biết trông vào ai nơi đất khách quê người bà đã nói dối. Thiện mỉm cười. Bà già vớt vát thêm:*

*– Chú tha lỗi cho già này nhé. Chính chú đã cho bà thấy ở đời còn nhiều người tốt.*

*Thiện chào bà, bà bước lên xe. Anh quay về cơ quan, nhủ lòng sẽ giữ kín chuyện, bởi nếu nói với vợ, sẽ lại bị phê phán vì thương người mà thiệt thân.*

(Dẫn theo http://www.kinhtedothi.vn, 01/12/2018)

**VĂN BẢN 62:**

*Thằng con tôi 11 tuổi, học lớp sáu. Qua mùa thi chuyển cấp, nhân một buổi chiều cho con đi chơi mát, nó kể… Đang hỏi nó về chuyện thi cử, nó chợt hỏi lại tôi:*

*– Ba! Có bao giờ thấy có một bài luận văn nào điểm không không ba? Con số không cô cho bự bằng quả trứng gà. Không phải cho bên lề, mà một vòng tròn giữa trang giấy. Thiệt đó ba. Chuyện ngay trong lớp của con, chứ không phải con nghe kể đâu.*

*Tôi chưa kịp hỏi, nó tiếp:*

*– Còn thua ba nữa đó, ba. Ít nhứt ba cũng được nửa điểm. Còn thằng bạn của con, con số không bự như quả trứng.*

 *Thằng con tôi ngửa mặt cười, có lẽ nó thấy thú vị vì thời học trò của ba nó ít nhứt cũng hơn được một đứa.*

 *Số là cách đây vài năm, có một nhà xuất bản gởi đến các nhà văn, nhà thơ quen biết trong cả nước một câu hỏi, tôi còn nhớ đại ý, nhà văn, nhà thơ thời thơ ấu học văn như thế nào, nhà xuất bản in thành sách “Nhà văn học văn”. Đọc qua, nghe các nhà văn, nhà thơ kể, tất nhiên là mỗi người có mỗi cuộc đời, mỗi người mỗi giọng văn, nhìn chung thì người nào, lúc còn đi học, cũng có khiếu văn, giỏi văn. Nếu không thì lấy gì làm cơ sở để sau này trở thành nhà văn? Rất lô-gích và rất là tự nhiên vậy. Duy chỉ có bài của tôi hơi khác, có gì như ngược lại. Tôi kể, hồi tôi học ở trường trung học Nguyễn Văn Tố (1948 – 1950), tôi là một học sinh trung bình, về môn Văn không đến nỗi liệt vào loại kém, nhưng không có gì tỏ ra là người có khiếu văn chương. Và có một lần, bài luận văn của tôi chỉ được có một điểm trên hai mươi (1/20). Đó là kỷ niệm không quên trong đời học sinh của tôi, môn Văn.*

*Khi con tôi đọc bài văn đó, con tôi hỏi:*

*– Sao bây giờ ba là nhà văn? Và bạn bè cũng hỏi như vậy. Tôi cũng đã tự lý giải về mình, và lời giải cũng đã in vào sách rồi, xin không nhắc lại.*

*Tôi hỏi con tôi:*

*– Luận văn cô cho khó lắm hay sao mà bạn con bị không điểm.*

*– Luận văn cô cho “Trò hãy tả buổi làm việc ban đêm của bố”.*

*– Con được mấy điểm?*

*– Con được sáu điểm.*

*– Con tả ba như thế nào?*

*– Thì ba làm việc làm sao thì con tả vậy.*

*– Mấy đứa khác, bạn của con?*

*Thằng con tôi như chợt nhớ, nó liến thoắng:*

*– A! Có một thằng ba nó không hề làm việc ban đêm mà nó cũng được sáu điểm đó ba.*

*– Đêm ba nó làm gì?*

*– Nó nói, đêm ba nó toàn đi nhậu.*

*– Nó tả ba nó đi nhậu à?*

*– Dạ không phải. Ba nó làm việc ban ngày nhưng khi nó tả thì nó tả ba nó làm việc ban đêm, ba hiểu chưa?*

*– Còn thằng bạn bị không điểm, nó tả như thế nào?*

*– Nó không tả không viết gì hết, nó nộp giấy trắng cho cô.*

*– Sao vậy?*

*– Hôm trả lại bài cho lớp, cô gọi nó lên, cô giận lắm, ba. Cô hét: “Sao trò không làm bài”. Nó cúi đầu làm thinh. Cô lại hét to hơn: “Hả?”. Nó cũng làm thinh. Tụi con ngồi dưới, đứa nào cũng run.*

*– Nó là học trò loại ” cá biệt” à?*

*– Không phải đâu ba, học trò tiên tiến đó ba.*

*– Sao nữa? Nó trả lời cô giáo như thế nào?*

*Nó cứ làm thinh. Tức quá, cô mới quất cây thước xuống bàn cái chát: “Sao trò không làm bài?” Tới lúc đó nó mới nói: “Thưa cô, con không có ba”. Nghe nó nói, hai con mắt của cô con mở tròn như hai cái tô. Cô đứng sững như trời trồng vậy ba!*

*Tôi bỗng nhập vai là cô giáo. Tôi thấy mình ngã qụy xuống trước đứa học trò không có ba.*

*Sau đó cô và cả lớp mới được biết, em mồ côi cha khi vừa mới lọt lòng mẹ. Ba em hy sinh trên chiến trường biên giới. Từ ấy, má em ở vậy, tần tảo nuôi con…*

*Có người hỏi em: “Sao mày không tả ba của đứa khác”. Em không đáp, cúi đầu, hai giọt nước mắt chảy dài xuống đôi má.*

*Chuyện của đứa học trò bị bài văn không điểm đã để lại trong tôi một nỗi đau. Em bị không điểm, nhưng với tôi, người viết văn là một bài học, bài học trung thực. Sáng tạo không đồng nghĩa với bịa đặt.*

*Giữa những dòng chữ bịa đặt và trang giấy trắng, tôi xin để trang giấy trắng trung thực trên bàn viết.*

(***Bài học tuổi thơ***– **Truyện ngắn Nguyễn Quang Sáng,**NXB Văn học, 1990**)**

**VĂN BẢN 63: NGƯỜI CỦA NGÀY XƯA**

*[…] Bà không được đẹp, ăn mặc xuềnh xoàng, tên gọi cũng không sang, tên là Mặm, cụ tuần Mặm. Nhưng đã ngồi trò chuyện giữa đám đông bà luôn luôn được mọi người chú ý vì cách ăn nói tự nhiên và nhũn nhặn, lại rất hay pha trò. Bà không hề cười nhưng người nghe thì cười nghiêng ngả, phun cả nước cốt trầu vào áo nhau. Sau này tôi được nghe mẹ tôi kể, bà Mặm còn một người chị ruột tên là Mắm, mẹ mất sớm, ở với bố là canh điền, chuyên đi làm thuê cho các nhà giàu ven sông Nhuệ. Những tháng nông nhàn, cả ba bố con lại đi riu tép, chăn vịt, đan rổ rá và làm miến dong là nghề của làng. Năm mười sáu tuổi cô Mặm theo cô ruột là người nấu cơm cho một ông án để giúp việc vặt trong dinh. Ông án năm ấy còn trẻ, chưa tới bốn mươi, cũng có ý gạ gẫm cô bé, ngoài hầu thuốc hầu trà còn muốn hầu thêm cả việc chăn gối. Nhưng cô cự tuyệt và lời nói của cô không rõ là hư hay thực nhưng giới mệnh phụ đều biết cả: “Chúng con tuy nghèo nhưng là con nhà thi lễ chứ không phải phường mèo mả gà đồng, xin cụ lớn xá lỗi cho”. Một năm sau ông án cưới cô làm thiếp, có trầu cau đưa về trình làng hẳn hoi. Năm mười tám tuổi cô sinh người con trai đầu, cũng là người con duy nhất, là bố của anh em Nhân và Nghĩa thì bà chánh thất bị bệnh thương hàn mất. Cô Mặm thành vợ chánh mặc dầu còn hai bà thứ thất. Các con của mấy bà đều gọi bà kế thất là dì, về sau gọi là mẹ vì cái đại gia đình ấy từ ngày ông tuần nghỉ hưu đều trông cậy vào một tay bà chèo chống. Bà Mặm lấy chồng được năm năm mới đưa chồng về làng nhận họ, người chồng lúc này đã là tuần phủ của chính tỉnh nhà. Bà bảo xe hơi đỗ ngoài đường cái cùng chồng đi bộ về làng, thẻ ngà của chồng phải nhét phía trong vạt áo sa, là rể làng chứ không phải quan trên về kinh lý. Lại gặp lúc các cụ kỳ mục đang họp bàn việc làng ở đình, bà đưa chồng ra chào. Các cụ mời ngồi, bà ngăn lại, bảo: “Ông nhà tôi chỉ là rể làng thôi, rể làng chưa khao vọng gì thì không có chỗ ngồi ở đình, là tục lệ từ xưa, xin các cụ chớ bỏ”. Vợ chồng bà thắp hương rồi cúng một món tiền lớn để làng xây lại hai dãy nhà Tả Mạc và Hữu Mạc. Cách cư xử của bà không làm ai ngạc nhiên cả vì nhà bà tuy nghèo nhưng gia giáo rất nghiêm, con cái đi đâu, làm gì đều phải thưa trình. […]*

*Bà Mặm tuy là vợ chánh một ông tuần phủ nhưng không mấy khi bà ở dinh cụ tuần để hưởng cái vinh dự được thuộc hạ bẩm báo, kính trình cụ lớn. Bà thường ở quê chồng là đất trồng thuốc lào, mua ruộng, học nghề trồng tỉa vò ủ thuốc lào, lại biết canh cải thêm tí chút nên thuốc lào của cụ tuần Mặm nổi tiếng êm ngon một thời, các lái về mua phải chở bằng thuyền, tiền lãi bán thuốc đủ chi dùng cho việc quan của chồng và ăn tiêu của một đại gia đình hết sức đông đảo. […]. Đầu năm 55(1), Nhân mới đưa được vợ con về quê để trình với bà nội và mẹ, ra mộ thắp hương cho bố đã bị Pháp giết trong trận càn. Cô cháu dâu tâm sự với bà nội chồng: “Chúng cháu lấy nhau trong kháng chiến, bây giờ hòa bình rồi, các cô gái ở thành phố cô nào cũng đẹp, chả biết anh ấy còn thương yêu mẹ con cháu như xưa không?” Bà lão cười chảy cả nước mắt, nắm tay cháu dâu mà bảo: “Đàn ông nhà này như cái ngọn, đàn bà nhà này như cái gốc. Có bao giờ ngọn bỏ được gốc mà con lo”. Trong mấy năm phát động giảm tô và cải cách ruộng đất, ai cũng nghĩ bà cụ tuổi đã cao lại phải lo nghĩ buồn phiền nhiều sẽ khó thọ. Nhưng bà lão vẫn vui, vẫn thích nói đùa, vì bà cụ có lý lẽ riêng, có sự từng trải riêng. Cụ bảo: “Tôi nghiệm ra cứ dăm ba chục năm hay năm bảy chục năm lại có một lần thay đổi thời thế để chia lại của cải và danh vị trong thiên hạ, để có dịp ơn đền oán trả cho thuận với cái lẽ chuyển vận bù trừ của trời đất. Tôi ngày nhỏ ở với bố chỉ có cái váy đụp, bây giờ về già sống với con cháu lại được mặc cái quần lành tức là phúc đức nhiều rồi”. Năm cụ Mặm 79 tuổi trước ngày mất chừng vài tháng, nhân có giỗ ông tuần, con cháu về đông đủ, bà cụ nhờ vợ Nhân nhai giập miếng trầu rồi nhón lấy miếng trầu đã nhừ nhuyễn, thật tươi thật đỏ cho vào mồm ngậm, căn dặn con cháu:*

*– Cái họ nội nhà này giống thì tốt nhưng phúc đức đã cạn kiệt. Mấy chục đời đều có người làm quan, oán nhiều ơn ít, lấy đâu ra phúc. Được cái các nàng dâu đều là con nhà thanh bạch, phúc đức rất dầy nên giống tốt mới đơm hoa kết quả cho tới tận bây giờ. Các anh chị nuôi dạy con cháu rồi cưới vợ gả chồng cho chúng nó, nhớ lấy cái đức làm đầu, tài sắc phú quý tính sau. Ở đời chỉ có cái đức là trường tồn, càng có nhiều càng tốt, không sợ thừa. Kỳ dư những thứ khác đều phù du cả, có đấy mất đấy, phúc đấy họa đấy, không tính trước được đâu.*

*[****Lược:****Nhân vật “tôi” ra Hà Nội chơi, Nghĩa cho người đánh xe chở đi thăm thú vài nơi. Sau đó, trở về, Nghĩa mời “tôi” uống bia tại một khách sạn quen thuộc, sang trọng trên đường Lý Nam Đế nhưng “tôi” băn khoăn về những sự đổi khác của Hà Nội bây giờ].*

*Tôi bảo Nghĩa:*

*– Cái Hà Nội bây giờ không còn là của mình nữa. Nó là của các anh. Nó sẵn sàng phục vụ cho mọi tham vọng của các anh.*

*Nghĩa đưa mắt nhìn tôi nhưng vẫn ngồi lặng lẽ uống bia nhắm hạt điều. Cái thằng đến tiết kiệm nói.*

*Tôi lại hỏi:*

*– Hình như anh đang giàu lên, đang rất giàu phải không? Đã được triệu đô chưa?*

*[…] Nghĩa nói, có nhiều cơ hội đã nhìn thấy cả đống tiền trước mắt, vì tôi cũng có cái tài nhìn ra nơi ẩn trốn của đồng tiền, nhìn trước được nhiều người, chỉ giơ tay một cái là nó thuộc về mình, rất ngoạn mục, rất an toàn mà không dám, chỉ vì cái cách kiếm tiền ấy không được đạo đức cho lắm mà tôi lại chưa thể bước qua cái đường vạch của bà nội. Cụ là cô gái nghèo, thuộc lớp đáy của xã hội, bỗng chốc thành phu nhân, danh vọng và tiền bạc đều dư thừa mà không lóa mắt, không đua đòi, không chịu để mất cái phẩm giá riêng, nghĩ lại thật đáng sợ. Tôi là một thằng đàn ông không thể nói là nghèo, lại có học, lại cũng từng trải mà chịu quỳ gối trước sức mạnh kim tiền như một thằng Mít thằng Xoài(2) thì cũng hèn quá, cũng nhục quá, có phải không? Vả lại cách sống đàng hoàng của kẻ có tài đâu phải thua thiệt, cũng ra tiền đấy, ít thôi nhưng là tiền sạch, tiền bền, đồng tiền không mang họa cho người giữ nó. Rồi Nghĩa khuyên tôi nên viết về bà nội hắn, chỉ là người đàn bà tầm thường thôi nhưng cái cách ứng xử một đời không thay đổi của bà lão lại chẳng tầm thường một chút nào: biết thích ứng nhanh để hòa nhập nhưng không chịu để mất những niềm tin riêng, cái cốt cách riêng của mình.*

(Trích *Hà Nội trong mắt tôi*, Nguyễn Khải, NXB Trẻ, 2003, tr. 56 – 67)

|  |
| --- |
| ***Chú thích:****(1) Năm 55: tức 1955**(2) Thằng Mít thằng Xoài: ý nói những người không có học, kém hiểu biết*. |

**VĂN BẢN 64:**

*Chẳng ai biết lai lịch của bà, chỉ biết tên bà là Diễm. Diễm là đẹp, là diễm lệ. Ngoài vẻ đẹp, còn mang vẻ sang. Có ai gọi một củ khoai là diễm lệ đâu. Hẳn bố mẹ xưa đặt tên cho con cũng thầm ao ước sao cho con vừa đẹp lại vừa khỏi lầm than. Nhưng trông bà cả một sự nhạo báng cái mong ước đó.*

*Dáng người bà Diễm bé loắt choắt, bộ mặt nhăn nheo, gầy sạm chỉ còn hai con mắt. Bà vừa đi vừa lắc lư cái lưng còng. Chiếc đòn gánh không bao giờ rời khỏi đôi vai còm cõi của bà. Nó bám chặt lấy bà như một thứ nghiệp chướng. Chiếc đòn gánh của bà cũng thật đặc biệt. Nó nhẵn bóng. Ngay cả những vết sẹo cũng đã nhẵn bóng và cũng khó đoán tuổi như chủ nhân của nó vậy. Nó đã tồn tại cùng bà không biết tự bao giờ. Nó được đẽo gọt từ một thân tre cong hằn dấu vết của những cơn gió táp và ra đời chỉ để đón đợi đôi vai còm cõi của bà Diễm mà thôi. Nó và chủ nhân của nó hợp thành một chỉnh thể của sự bất hạnh, hợp thành biểu tượng của một thân cây vừa mới ra đời đã bị gió mưa vùi dập. Cuối hai đầu đòn gánh là đôi thùng đầy nước lắc lư theo những bước chân không đều của bà Diễm và để lại những vệt nước rỏ ròng ròng như suối nước mắt cạnh đường đi. Những lúc đôi vai được rảnh rang, đôi môi bà lại lẩm nhẩm những câu không đầu không cuối. Bà đi và nói như người lẩn thẩn, nhưng những cử chỉ của bà vẫn chính xác một cách kỳ lạ. Đến máy nước bao giờ bà cũng đi sát mép đường bên phải và lặng lẽ đợi đến lượt mình, không xin xỏ, không tranh giành.*

*Những nhà có máu mặt trong khu này thuê bà gánh nước. Họ chẳng ưa gì bà. Họ săm soi xem thùng nước bà gánh về có trong không. Có đáng đồng tiền của họ bỏ ra không. Có người nghi ngờ, bắt bà tháo cả bể nước đầy ra gánh lại, lấy cớ là bà đã lấy nước bẩn vào bể của họ. Cũng có những người trả tiền sòng phẳng, hậu hĩ là khác nhưng họ đưa tiền cho bà rồi vội quay đi như chỉ sợ dềnh dàng bà nhỡ mồm bắt chuyện thì mất cả thì giờ và mất cả thể diện nữa. Con người ta thường hay chối bỏ quá khứ, nếu quá khứ đó là không vẻ vang. Người đời nay coi nó là bệnh “sĩ”. Nếu như những năm sáu mươi của thế kỷ này người ta cố chứng minh rằng gốc gác của mình là bần cố nông thì trong những năm tám mươi người ta lại cố khoe rằng nhà mình giàu có ra sao, bịa cả những chuyện đài các rởm không biết ngượng mồm. Thôi thì cũng chẳng trách họ, âu cũng là do cách nhìn người của thời đại mà ra. Những bộ mặt đần độn trát bự son phấn vênh váo, đầy kiêu hãnh giả tạo. Và trong cơn mơ đài các sang giàu của họ, bà Diễm chỉ là một kẻ làm thuê, một người gánh nước cho nhà họ. Một thời, chúng ta đã ghê tởm những từ “con ở”, “đầy tớ”, “gái điếm”… Nhưng giờ đây, những từ đó đã và đang lặng lẽ trở về nhắc nhở người ta rằng, chúng có mặt trên đời này.*

*Vậy là bà Diễm hệt như con gà trụi lông giữa đàn công sặc sỡ. Nhưng bà gắn bó với họ, đúng hơn là với bể nước nhà họ, vì chỉ có họ mới đủ sức thuê bà gánh nước. Còn đa số “người nhà nước” trong khu này chẳng ai đủ tiền để mà thuê, dù muốn giúp bà. Cơm ăn chẳng đủ, lấy đâu ra tiền mà thuê gánh nước. Đành phải xếp hàng dài dằng dặc, hoặc thức đến hai ba giờ sáng để lấy mấy thùng nước.*

*Với đôi thùng gánh nước, cứ thế, bà Diễm đi trong đời như kẻ mộng du và rồi có lẽ với cung cách mộng du ấy bà sẽ lặng lẽ đi xuống mồ, như một hạt bụi tan biến vào không gian chẳng để lại một mảy may dấu vết.*

*(*Trích*Người gánh nước thuê,*Võ Thị Hảo*, 20 truyện ngắn chọn lọc,*

NXB Lao động, 2009, tr 291 – 293)

**VĂN BẢN 65:**

**(Bối cảnh đoạn trích:** Tường đi bộ đội hơn sáu năm không có tin tức gì. Hòa bình, anh may mắn còn sống trở về làng với gương mặt “đã chết” khó mà nhận ra. Tường về đến cây đa đầu làng Trọng Nhân thì trời đã mãn chiều. Anh tạt vào quán nước dưới gốc đa và hỏi thăm về tình hình gia đình mình sau bao năm xa cách).

*Anh bỏ mũ cối xuống chõng tre hàng nước và tháo kính râm ra khỏi mắt. Cô bé ngước nhìn lên và giật mình. Tường thấy hai mắt cô bé mở to kinh ngạc. Bát nước chè xanh trên tay cô bé sóng sánh, tướt trên nắp hộp kẹo bột.*

*– Chú mời nước ạ!*

*Cô bé chớp chớp mắt. Cô đặt bát nước trước mặt Tường rồi rót thêm.*

*– Bà ơi có khách. Bà ra trông hộ cháu.*

*Cô gái đứng dậy cầm quyển sách vào trong rất nhanh. Tường chạnh lòng, tủi thân. Anh đưa tay sờ lên mặt: thô, ráp, xù xì. Đó là cảm giác của tay anh nhận được trên khuôn mặt đã chết.*

*– Chú bộ đội quê ở đâu ta? – Bà già còng lưng chậm rãi từ trong đi ra. Tường nhận ra bà Còm. Bà già nhiều và yếu, lưng còng hơn ngày anh ở nhà.*

*– Dạ! Cháu quê tận Nghệ An. Bà ở luôn đây à?*

*– Ấy! Trước bà ở trong làng, sáng đem ra bán, tối lại dọn về. Từ ngày thằng Cu Theo có giấy báo tử, bà yếu nhiều không dọn đi, dọn về được, nghỉ luôn ở đây. Đứa cháu lúc nãy đấy, tối ra học rồi ngủ chung với bà.*

*Lòng Tường chợt se lại. Thế là thằng Cu Theo cái thằng cùng đơm lờ để đó với anh thuở nhỏ đã hy sinh. Anh còn may hơn nó là ra khỏi chiến tranh, mang được tấm thân thương tật về nhà.*

*– Giời sắp tối rồi. Nếu còn xa cứ nghỉ lại quán của bà, sáng mai đi tiếp. Khổ thân các chú bộ đội vất vả.*

*– Cảm ơn bà! Cháu là bạn anh Tường làng Trọng Nhân đây bà ạ!*

*– Giời đất ơi! Quý hóa quá! Bom đạn đã ngừng năm sáu năm rồi. Làng này chết sáu, bảy chục. Đứa nào còn sống về cả rồi. Chỉ còn mỗi thằng Tường chẳng biết sống chết ra sao chưa thấy về mà cũng không có giấy báo tử. Chuyến này chú về là ông bà Tân mừng lắm.*

*– Dạo ni ông bà Tân có khỏe không bà. O Thương vợ anh Tường bây giờ ra răng ạ…?  Anh hỏi liên tục.*

*– Ôi dào ơi! Già cả rồi! ì oặt luôn. Chú này, cái đám cô Thương ấy mà. Có khối đám đến dập dìu đấy. Ông bà Tân chỉ ưng gả con dâu cho anh giáo Mười thôi.*

*Lòng Tường thắt lại. Anh hoang mang. Tim anh đập loạn xạ. Phải về thôi! Về ngay nhà. Thương ơi! Tất cả hãy dừng lại. Anh đang về với em đây.*

*Tối chạng vạng.*

*Tường bước vội trên con đường lát gạch về làng Trọng Nhân. Hơn sáu năm đi xa, chắc bây giờ mẹ anh già lắm. Có già như bà Còm không. Anh đổi khác, mẹ anh có nhận ra không. Còn bố anh có còn đi làm thợ thùng đào, thùng đấu nữa không. Cái nghề ấy khổ lắm bố ơi. Và Thương nữa! Tường nhớ lại cây đa hai trăm tuổi đã nhiều lần chứng kiến tình yêu của anh. Ôi! Những giọt trăng lọt qua kẽ lá rơi xuống tóc, vai Thương. Mùi hương bưởi thoảng bay ra từ suối tóc mây. […]*

*Tường giật mình. Mải nghĩ, anh đã đi qua ngõ nhà mình mấy bước.[…]*

*Tường đứng trước ngõ. Nhà mình đây rồi. Tường reo to trong lòng. Ôi! Bao năm anh lặn lội khắp các nẻo chiến trường. Bao năm Tường sống trong nhớ nhung, khát khao, chờ đợi. Hình ảnh mẹ, vợ và cha lúc nào cũng đau đáu, khắc khoải trong tim. Giờ thì anh đã về đây. Về nơi đã sinh ra anh, nơi anh lớn lên và ra trận.*

*[…] Lòng anh rạo rực. Những bước chân rất nhẹ, lâng lâng*. *Gặp mẹ như thế nào nhỉ. Anh sẽ chạy nhanh đến ôm chầm lấy mẹ. Không! Anh sẽ hiu hiu nhắm mắt, hai tay đưa về trước khi dò dẫm trong sân. Cũng không! Nhìn thấy, mẹ sẽ ngã mất. […] Còn bố nữa. Anh sẽ đứng nghiêm: “Thưa bác lực điền. Con đang đeo hai huân chương chiến công trở về. Tửu lượng của bác dạo này thế nào ạ?”. Bố anh cười rạng rỡ: “Cha anh chứ! Mẹ và vợ anh hết nước mắt”. Còn Thương nữa! Anh sẽ đeo ba lô đứng chờ bên cửa buồng. […] “Không! Trái tim của anh nhưng còn gương mặt…”*

*– Chị Thương! Có tắm thì ào đi còn ăn cơm. Bà ấy không về đâu.*

*Tường bừng tỉnh. Đúng là tiếng bố rồi.*

*– Thầy cứ uống rượu trước đi. U cũng bảo con vài hôm u mới về.*

*Tiếng nói của Thương vẫn như xưa, dịu dàng và đằm thắm.*

*– Bố rất quý cái nết anh giáo Mười. Anh giáo với con ở đây bố mẹ yên tâm lúc tuổi già. Anh giáo cũng giản dị, đã đi lính rồi nên dễ thông cảm.*

*Tai Tường ù đi. Chiến tranh. Xa cách. Mất mát. Chia ly và chiến thắng. Anh rùng mình nhớ lại: ánh mắt trố ra kinh ngạc của cô gái, lời bà Còm, tiếng kêu kinh ngạc của thằng bé, cái mặt ông ác, tiếng nói của cha*.*Lòng anh quặn lại. Ngôi nhà bỗng trở nên xa lạ…*

*Tường quay đầu, khoác ba lô đi ra đường. Tường vấp ngã. Anh luống cuống ngồi dậy. Nước mắt tự nhiên ứa ra. Anh cứ đi, bước thấp, bước cao, hẫng hụt…*

*(Trích Đêm làng Trọng Nhân, Sương Nguyệt Minh, NXB Quân đội nhân dân, 1998*

**VĂN BẢN 66:**

*Một bận, đến hai ngày liền tôi không thấy anh thợ của tôi làm việc. Cái quán cắt tóc bỏ vắng hai ngày liền. Sáng ngày thứ ba vẫn thế. Và lại thấy một người đàn bà ra dọn dẹp, chứ không phải bà cụ già lòa như mọi ngày. Tôi chạy sang. Chiếc ghế cắt tóc không còn nữa. Chỉ còn chiếc gương và mấy cái chai lọ. Người đàn bà hỏi tôi:*

*– Bác đến cắt tóc?*

*– Vâng.*

*– Nhà em mấy hôm nay đang dọn cái chỗ làm mới ở phố ngoài kia. Ngày mai xong. Xin mời bác đến.*

*Vợ anh có vẻ trạc tuổi gần ba mươi. Một khuôn mặt đàn bà hiền lành. Chị vừa nói vừa bóc tấm tranh của tôi ra. Tôi gợi chuyện.*

*– Bức tranh đẹp đấy chứ, chị nhỉ?*

*Người đàn bà hơi đỏ mặt, cuốn tấm tranh lại một cách cẩn thận. Lâu sau mới đáp:*

*– Anh nhà tôi bảo: Anh bộ đội trong tờ tranh này chính là người ta vẽ anh ấy. Hồi anh ấy còn ở bộ đội trong B. Cho nên mới mua về treo.*

*– Anh ấy nói với chị thế?*

*– Vâng.*

*– Hôm trước tôi đến cắt tóc ở đây có thấy một bà cụ…*

*– Là mẹ anh nhà tôi. Thế ra bác là khách quen?*

*– Vâng. Bà cụ bị tật lâu chưa?*

*– Thưa đã lâu. Đã chín năm nay.*

*– Vì sao?*

*– Bà cụ lòa đi cũng vì anh nhà tôi. Ngày đó bỗng nhiên có tin ra nhà tôi hy sinh. Bà cụ đâm ốm. Anh ấy là con một. Bà cụ nhớ anh ấy, nửa đêm cũng trở dậy đi lang thang. Cứ khóc hoài…*

*– Bà cụ lòa từ năm nào, chị biết không?*

*– Từ 69.*

*– Từ tháng mấy?*

*– Tôi cũng không nhớ thật rõ, có lẽ khoảng giữa năm.*

*Tôi ra đến Hà Nội vào đầu tháng ba năm ấy. Nếu tôi là một người tử tế ra thì không khéo bà cụ không bị lòa, không những thế mà tôi còn có thể làm cho bà cụ khỏe ra! Chính tôi đã làm cho bà mẹ anh trở thành mù lòa?*

*[…] Tôi quyết định phải trở lại cái quán kia. Tôi quyết định phải chường cái mặt mình ra, chứ không được lẩn tránh. Tôi không cho phép tôi chạy trốn.* *Bà cụ lại ngước mắt lên nhìn tôi như lần trước khuôn mặt đờ đẫn và hoan hỉ:*

*– Thưa ông đến cắt tóc?*

*– Vâng ạ!*

*Anh thợ cắt tóc nghe mẹ lên tiếng mới quay người lại. Tôi vừa kịp nhận ra được từ nơi cặp mắt vẫn còn trẻ của anh chiếu thẳng về phía tôi một cái nhìn ban đầu soi mói, ngạc nhiên, rồi hơi nghiêm mặt lại. Nhưng những diễn biến phản ứng trên cái mặt người thợ chỉ diễn ra nhanh như một cái chớp mắt. Ngay sau đó anh lại trở lại cái vẻ mặt và cử chỉ từ tốn, điềm đạm, ân cần của một người thợ cắt tóc đứng đắn và yêu nghề.*

*Da mặt tôi tự nhiên dày cộm lên.*

*– Mời bác ngồi!*

*Tôi cố trấn tĩnh để khỏi run lập cập, bước tới ngồi vào cái ghế gỗ như một cái ghế tra điện.*

*– Bác vẫn cắt như cũ?*

*– Vâng.*

*…*

*Gần nửa năm, tôi đã để vào bức tranh sơn mài tất cả công sức và sự suy nghĩ, và trong suốt thời gian ấy, một đôi lần tôi cũng gợi lại chuyện cũ nhưng người thợ vẫn một mực cố tỏ ra chưa hề bao giờ quen biết tôi. Trở về làm một anh thợ cắt tóc cũng như lúc ở bộ đội, anh vẫn lẳng lặng sống như vậy để cho người chung quanh tự phán xét lấy những công việc đã làm. Lời đề nghị rụt rè của anh: Xin mọi người hãy tạm ngừng một phút cái nhịp sống bận bịu, chen lấn, để tự suy nghĩ về chính mình.*

(Trích truyện ngắn *Bức tranh*, Nguyễn Minh Châu, tập *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành,*1983)

**Chú thích:** **Nguyễn Minh Châu** (20 tháng 10 năm 1930 – 23 tháng 1 năm 1989), tên thật là **Nguyễn Thí**, là một nhà văn có ảnh hưởng quan trọng đối với văn học Việt Nam trong giai đoạn chiến tranh Việt Nam và thời kỳ đầu của Đổi mới. Ông là một trong những cây bút văn xuôi tiêu biểu của nền văn học Việt Nam 1954 – 1975.

**VĂN BẢN 67:**

**CHA CHỞ CON ĐI HỌC**

*Suốt thời con học mẫu giáo, chỉ có một lần ba không phải là người đến sớm nhất. Phố đang mưa, ba chạy nhanh quá, không tránh kịp chiếc xe tải bất ngờ quẹo cua, đành thắng gấp. Chiếc Cub lết đi mấy chục mét, ba ngã nằm dưới gầm xe tải. May mà thoát chết! Lồm cồm bật dậy, chạy đến trường, hối hả ẵm con, hối hả xin lỗi. Con làm thinh, nhìn mãi mặt ba, lâu lắm, chợt nói: “Ba ơi, sao trán ba có máu?”.*

*Năm con vào tiểu học, đường đến trường xa hơn. Ba vẫn chở con trên chiếc Cub cũ mèm. Buổi sáng, hễ chia tay nhau ngoài cổng trường là con nhắc: “Ba ơi! Ba cứ đứng đây nghen, ba! Khi nào con vô lớp rồi ba hãy về nghen, ba!”. “Ừ! Ba sẽ đứng đây! Đừng lo!”.*

*Con đi qua sân, đến tận hành lang phòng học vẫn quay ra, dáo dác ngó, xem ba có còn đứng đó hay không. Ba đứng nhìn cái lưng nhỏ xíu của con lẫn trong đám học trò, giơ tay thật cao cho con thấy, đợi đến khi con vào lớp mới chạy vội cho kịp giờ dạy.*

*(…)Năm con vào cấp II, trường xa thêm chút nữa. Chiếc Cub cà tàng giờ uống xăng như uống nước, tuần nào cũng phải đem đến tiệm sửa hai, ba lần, nên ba và con phải thức sớm, dẫn xe ra hẻm, đạp cho nó nổ máy, phun khói đen mù mịt một lúc mới chịu chạy êm. Ba không còn đón con sớm nhất nữa mà có khi trễ, rất trễ vì thỉnh thoảng xe xì vỏ, nghẹt xăng…*

*Một lần, mưa rất to, phố xá chìm trong nước. Xe ướt bugi, chết máy. Ba xuống xe, dặn: “Con cứ mặc áo mưa, ngồi trên xe để ba dẫn qua chỗ ngập!”. Ba lội bì bõm trong nước, đẩy xe len trong dòng người cũng đang vật vã với cảnh nước ngập đến đùi. Bỗng thấy chiếc xe nhẹ hơn, quay lại, thấy con đã cởi áo mưa, nhảy xuống từ lúc nào, cắn răng đẩy tiếp. Ba và con về đến nhà ướt mem, vậy mà vẫn nhìn nhau cười.*

*Năm con vào cấp III, trường xa lắm, mỗi ngày hai lượt đi, về hơn hai mươi cây số. Chiếc Cub đã bán cho đồng nát. Ba mua chiếc Dream mới, không còn sợ cảnh chết máy dọc đường. Con ngồi phía sau, nói đủ chuyện trên đời: chuyện nhà, chuyện trường, chuyện thầy cô, bè bạn… Có khi xe đã đến cổng trường mà chuyện còn chưa dứt. Trong tiếng mưa, tiếng còi chói tai, tiếng máy xe gầm rú, tiếng cãi vã, hò hét xô bồ giữa đám khói bụi, giữa những ngã tư, ngã năm ùn ứ người và xe giờ cao điểm, ba vẫn nghe rất rõ tiếng con liến thoắng, vì tiếng nói đó ở ngay sau lưng ba.*

*Ngày con thi đại học, ba chở con đến trường rất sớm rồi chờ ngoài cổng, chen chúc trong nhóm cha mẹ cũng ngồi chờ con, hết đứng lại ngồi. Gặp vài học sinh nộp bài ra sớm, cả nhóm nhao nhao bu lại hỏi: “Ra tác phẩm gì, con?”, “Đề khó không, con?”…Ba chạy mua một ly nước mía, đợi con ra khỏi cổng trường là vội vã đưa: “Uống đi con! Cho khỏe rồi về! Làm bài được không, con?”.Con cầm ly nước mía, ngó ba, chớp mắt mấy cái như bối rối: “Chắc không tệ ba à!”.*

*“Đâu, đưa đề ba coi!”. Con cười, lấy đề đưa cho ba. Ba cắm cúi đọc, toàn số và hình, công thức và đồ thị, chẳng biết ất giáp gì. Nhưng thôi, cứ lướt qua cho yên tâm.*

*Con đi học xa, vậy mà thỉnh thoảng, trong giấc ngủ, ba vẫn hay choàng tỉnh, hoảng hốt vì hình như đã thức dậy trễ giờ đưa con đi học. Biết rằng ở thành phố, chiếc xe là phương tiện tối hậu, nếu không con phải thức sớm, đi bộ cả quãng đường ba cây số từ ký túc xá đến lớp mới kịp giờ, nhưng cứ dụ dự mãi vì lo tình hình giao thông phức tạp, lỡ có bề nào. Cuối cùng, đành bấm bụng đem chiếc Dream lên Sài Gòn cho con đỡ chân…*

*Con ra trường rồi ở lại Sài Gòn làm việc. Ba đi thăm con, đang chờ ngoài cổng bến xe Miền Tây thì nghe con gọi. Con chạy chiếc Dream ba cho, trờ tới, với tay xách túi đồ, nói: “Lên xe đi ba! Con chở ba về”. Ba ngồi sau lưng con, đi qua chằng chịt phố xá, xe chen xe, người chen người, hoa cả mắt.*

*Con luôn miệng giải thích: “Ở đây người ta chạy nhanh lắm, không giống ở quê mình!”, “Chỗ này có quán ăn miền Tây nè ba!”, “Mình vừa qua Đầm Sen đó ba”… Ba làm thinh nghe con nói, tiếng nói không còn vang lên từ phía sau mà từ phía trước. Hết nghe rồi lại nhìn! Ba nhìn tấm lưng dài và rộng của chàng trai trẻ, rưng rưng nhớ cái lưng nhỏ xíu của con ngày mới vào tiểu học.*

*Rồi ba nhìn con đường trước mặt, dài thăm thẳm, lóa nắng, ngập khói bụi, ken đặc xe cộ, nửa ngao ngán, nửa thắc thỏm, tưởng tượng những sáng, những chiều, những tuần… con từ nhà đến chỗ làm rồi từ chỗ làm về nhà trên chiếc Dream đã rệu rã.*

*– Ráng làm có tiền đổi xe mới đi, con! Chiếc này tệ lắm rồi!*

*– Còn chạy tốt mà ba! Con ráng o bế nó, để dành chở cháu nội ba đi học!*

*Ba cười cười, mắng con: “Thằng cha mày!”*

**VĂN BẢN 69:**

 *(Lược một đoạn: Phần đầu kể lại việc nhân vật tôi đi xem phim ở rạp chớp bóng Pathé. Ở đó anh vô cùng tò mò, sửng sốt khi gặp một người phụ nữ Pháp không ngồi ở dãy ghế hạng nhất như phần đông người Pháp thường làm).*

*Người đàn bà Pháp hình như cũng nhận thấy thế, nên bà ta cố thu hình cho nhỏ bé lại, và luôn luôn cúi mặt xuống tờ chương trình để trên lòng […].*

*Tôi ngắm nhìn bà ta với một cảm tình chân thật mà tôi không ngăn cấm được. Bà ăn mặc rất giản dị, toàn một màu đen. Có lẽ bà để tang. Tang cha mẹ, người thân thích hay chồng? Không biết tại sao, tôi chắc chồng bà đã mất, để lại cho bà cô gái bé kia. Mỗi khi cô bé quay lại phía bên này, tôi lại nhận thấy hai người – hai mẹ con – giống nhau quá; cũng cái khuôn mặt trái soan, cũng mớ tóc vàng, và nhất là đôi con mắt to, đưa chậm chạp, lúc nào cũng như nhìn ra ngoài xa […].*

*Khi đèn bật sáng trong giờ nghỉ, bà dắt con đứng dậy, lách khe ghế đi ra. Đến trước mặt tôi, bà nhìn tôi một cách dịu dàng, và rất lễ phép: – Xin lỗi ông.*

*Giọng nói của bà ngọt ngào, không có chút gì kiêu ngạo. Tôi ít khi được nghe một người đầm nói với mình lễ phép như thế. Tôi chợt nghĩ đến cái lễ độ nhã nhặn của người Pháp, của những người Pháp thật, những người chưa bị cái hoàn cảnh bên này làm xấu đi. Tôi nghĩ đến cái lòng nhân từ rộng rãi, cái tình cảm dồi dào của người đàn bà Pháp, lúc nào cũng sẵn sàng tha thứ và cúi mình trên những đau khổ của người ngoài. Và tôi thấy cái ý muốn được thân thiện hiểu biết những người đàn bà ấy.*

*Tôi theo ra ngoài rạp, thấy hai mẹ con bà đứng ở đầu hè, nhìn mặt nước hồ Hoàn Kiếm phẳng lặng như tấm gương. Trong đám người đi xem không ai để ý đến bà ta cả.*

*Một đứa bé bán kẹo, lấm lét nhìn quanh để trông cảnh sát, chạy đến gần bà, giơ hộp kẹo trước mặt cô bé. Tôi nghe thấy tiếng cô bé đòi mua, rồi bà ta chọn mấy cái kẹo trong hộp đưa cho con. Vừa mở ví lấy tiền bà vừa hỏi thằng bé bán kẹo: – Bao nhiêu?*

*Đứa bé giơ ba ngón tay ra hiệu, miệng cười sung sướng: – Ba xu, bà đầm!*

*Nghe câu trả lời của đứa bé, tôi thấy bà ta mỉm cười, lấy tay xoa đầu nó và hỏi bằng tiếng Pháp: – Mày không lạnh ư, con?*

*Đứa bé nhe răng cười, lắc đầu vì không hiểu gì, rồi vội chạy vào chỗ tối bởi nó đã thấy bóng thầy cảnh sát ở đằng xa. Bà ta hơi ngạc nhiên nhìn theo, và nét mặt trở nên buồn như cũ.*

(trích “Người đầm”, *Tuyển tập Thạch Lam*, NXB Văn học, 1988, tr. 96 -98)

**Văn bản 70:**

*[…]*

*– Sao ba[1] hay đánh mắng em vậy anh?- Thằng Tèo ngồi nhấp nhổm trên lưng anh, ngây thơ hỏi.*

*– Chắc tại ba say rượu.*

*– Tại sao ba say rượu?*

*– Thì tại ba…uống rượu.*

*– Tại sao ba uống rượu?*

*Đối với Tí, đó là câu hỏi quá khó. Ở tuổi của Tí, làm sao nó biết được người lớn có vô số lý do để tìm đến hơi men, trong đó có lý do mượn rượu giải sầu. Tí không biết. Nhưng nó biết một câu tục ngữ nó vẫn nghe người lớn nói. Thế là nó vui vẻ giải thích cho em nó:*

*– Người ta thường nói “Thương cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi” đó em.*

*– Vậy ba đánh em là vì ba thương em hả anh?*

*– Chứ gì nữa.*

*– Nhưng ba đánh đau quá anh à. – Tèo sờ tay xuống mông xuýt xoa –  Em muốn ba thương em in ít thôi. Như vậy ba sẽ nhẹ tay hơn.*

*Nghe em nói mà thằng Tí rơm rớm nước mắt. Nó lớn hơn thằng Tèo bốn tuổi nên nó cũng khôn hơn. Ngay cả nó, nó cũng đâu có muốn ba nó thương nó theo kiểu ba nó thương thằng Tèo. Nó chỉ nói để em nó vui. Tự nhiên, nó thấy ân hận. Nó có cảm giác như nó đang dối gạt em mình. Tí không dám đưa tay gạt nước mắt, sợ thằng Tèo biết nó khóc. Nó xốc thằng bé trên lưng, lếch thếch đi. Tí cứ đi, đi mãi. Nó cũng chẳng biết đi đâu, chỉ khi nào mỏi chân thì thả thằng em xuống.*

*Suốt tuổi ấu thơ của mình, những chuyện mắng mỏ hay đòn roi mà thằng Tèo phải chịu một cách bất công cứ lặp đi lặp lại. Nhưng Tèo không cảm thấy khổ tâm lắm. Nó nghĩ đó là cách ba nó thương nó dù đối với nó, kiểu thương của ông thật kỳ cục và thật lòng thì nó thích ba nó thương nó theo kiểu mẹ nó thương nó hơn.[…]*

*Tí ngồi nhìn em, đầu nghĩ lung. Thỉnh thoảng nó phẩy tay đuổi mấy con ruồi đậu trên chóp mũi của thằng bé.*

*Tèo vẫn ngủ say trong nắng hè oi ả. Nó nằm mơ thấy ba nó bớt thương nó hơn. Ba nó không còn đánh nó nữa. Nếu hôm nào say xỉn, ba nó lỡ tay đánh nó thì cũng chỉ giả vờ giơ cây roi lên thật cao nhưng khi quất roi xuống mông nó, ba nó quất nhẹ hều. Y như gãi ngứa.*

*[…]*

*Thằng Tí thấy thằng Tèo vừa ngủ vừa cười, bụng không biết thằng này mơ thấy gì mà vui vẻ thế. Thắc mắc xong, nó lại ngạc nhiên: Ờ, chẳng khi nào nó thấy thằng Tèo tỏ ra buồn bã. Nó vẫn sống hồn nhiên như cây cỏ, xem chuyện nó bị ba ghẻ lạnh, đánh mắng là chuyện tự nhiên, không gì phải sầu não.*

*Nghĩ tới nghĩ lui một hồi, Tí sung sướng phát hiện ra chân lý: Chắc tại thằng Tèo là đứa có tâm hồn trong sáng, mơ mộng. Trong mắt một đứa như vậy, cuộc sống bao giờ cũng đẹp.*

(Trích *Làm bạn với bầu trời-*Nguyễn Nhật Ánh, Nhà xuất bản Trẻ, 2019)

**Nguyễn Nhật Ánh** là một trong những nhà văn nổi tiếng được nhiều người yêu mến. Những tác phẩm của ông thường rất nhẹ nhàng, dung dị và đời thường. Nhưng ẩn sau đó là triết lý nhân sinh vô cùng ý nghĩa. Mỗi một tác phẩm đọng lại trong lòng độc giả rất nhiều dư vị cảm xúc.

*Làm bạn với bầu trời* là một trong những tác phẩm thành công của Nguyễn Nhật Ánh. Câu chuyện xoay quanh Tèo – một cậu bé phải chịu đựng nhiều thương tổn và bất hạnh trong cuộc sống. Mà nguyên nhân đều xuất phát từ sự ích kỷ và sai lầm của người lớn. Mẹ Tèo sinh em ra nhưng không có khả năng nuôi nên đã gửi con lại cho chị dâu là dì Hảo, rồi đi biệt xứ.  Dượng Quế – chồng dì Hảo, đi làm ăn xa nhà. Đến khi quay trở về lại nghi ngờ xuất thân của Tèo, nghĩ em là con riêng của vợ. Bởi vậy, tuổi thơ của Tèo lớn lên trong sự nghi kỵ và ghẻ lạnh của dượng Quế. Nhưng may mắn cho Tèo, thằng Tí lại rất thương em mình. Đoạn trích dưới đây nói về việc Tí cõng Tèo chạy trốn khi Tèo bị dượng Quế đánh đòn…

**VĂN BẢN 71:**

**ĂN TRỘM TÁO**

*Ba con Xin là ông Xung hành nghề hốt thuốc Bắc. Nhà ông có dãy tủ gỗ mít đen bóng ốp sát tường, ngăn kéo san sát. Mỗi lần đến nhà con Xin, chạy nhảy ngoài sân chán tôi lại vào nhà xem ông hốt thuốc.*

*Trước tiên ông nghiêm nghị bắt mạch người bệnh với ba ngón tay, sau đó hỏi han đủ thứ, rồi ông vạch mí mắt người bệnh ra xem, bắt người bệnh thè cả lưỡi ra nữa. Những lúc đó trông ông rất oai, như một ông vua, bảo làm gì là khách làm theo răm rắp.*

*Nhưng tôi vào nhà không phải để xem ông khám bệnh. Tôi hồi hộp đợi tiết mục tiếp theo. Đó là lúc ông hốt thuốc.*

*Ông mở ngăn kéo này, hốt một nắm vỏ quýt, mở ngăn kéo kia hốt một nắm cam thảo. Có vô số ngăn như vậy, mỗi ngăn chứa một loại thảo dược khác nhau.*

*Sau khi hốt đủ các vị thuốc cần thiết, cuối cùng bao giờ ông cũng bắc ghế trèo lên thò tay vào ngăn trên cùng, bốc vài quả táo Tàu cho vào thang thuốc.*

*Quả táo Tàu to bằng ngón tay cái, khô quắt queo và đen thùi lùi nhưng cắn vào nghe sừng sực và ngọt lịm, con nít đứa nào cũng mê tơi.*

*Lần nào cũng vậy, thấy tôi đứng thập thò sau quầy ngăn giương cặp mắt thèm thuồng ra nhìn ông, thế nào ông Xung cũng lấy thêm một quả táo chìa ra trước mặt tôi, vui vẻ:*

*- Bác cho con nè.*

*Trăm lần như một, hễ tôi có mặt lúc ba con Xin hốt thuốc bao giờ tôi cũng có phần. Nhưng không phải lúc nào ông Xung cũng có khách. Những lúc đó, thèm táo quá, tôi nhìn dáo dác không thấy ai liền đánh liều bắc ghế trèo lên các ngăn tủ. Ngăn đựng táo quá cao, tôi phải chồng một lúc ba cái ghế mới vói tới.*

*Ba lần ăn vụng táo đều trót lọt.*

*Tới lần thứ tư, tôi kiễng chân mạnh quá, chồng ghế lộn nhào hất tôi lăn kềnh dưới nền nhà, ê ẩm cả người.*

*Hôm sau gặp con Xin trên lớp, mặt tôi cứ lấm la lấm lét. Tôi chờ nó chửi tôi là đồ ăn vụng. Ghét tôi, nó quăng ba chữ “đồ trộm cắp” lên đầu tôi, tôi chỉ có khóc.*

*Nhưng tôi rình nó suốt cả buổi sáng, chẳng thấy nó có thái độ gì khác lạ. Con Xin vẫn nói cười tỉnh bơ, cứ như thể nhà nó chưa từng có trộm đột nhập. Chắc là ông Xung không biết tôi đã vào nhà trộm táo. Nhìn thấy mấy chiếc nghế đổ chổng kềnh, chắc ông nghĩ do bọn chó mèo gây ra. Tôi thở phào nhẹ nhõm và vài ngày sau tôi lại lơn tơn mò sang nhà nó.*

*Chơi u, chơi cướp cờ với tụi bạn chán, đến trò trốn tìm tôi nhìn quanh không thấy đứa nào đề ý lại chui tọt vào nhà.*

*Phòng khám của ông Xung vắng hoe, ba chiếc ghế con xếp thành một hàng ngay ngắn trong góc.*

*Tôi liếc lên dãy ngăn kéo im lìm, phân vân không biết có nên bắc ghế leo lên một lần nữa không.*

*Đang lưỡng lự, ánh mắt tôi chợt chạm phải một ngăn kéo đưới thấp và lập tức mắc kẹt luôn ở đó.*

*Đó là ngăn kéo duy nhất có dán nhãn bên ngoài, độc một chữ “TÁO”.*

*Trong một phút, không khí chung quanh tôi như đông cứng lại, mọi âm thanh xôn xao vọng vào từ ngoài sân đột ngột tắt ngấm trong tai tôi.*

*Tất cả những gì tôi nghe thấy trong lúc đó là tiếng trái tim tôi đang nện thình thịch trong lồng ngực, không, không phải lồng ngực, nó đang đập binh binh ở chỗ nào khác, thấp hơn, có thê trái tim tôi vừa rơi xuống một chỗ nào đó gần dạ dày.*

*Tay chân tôi tê liệt có đến một lúc. Đến khi cử động được, điều duy nhất tôi có thể làm là vùng chạy ra khỏi nhà con Xin. Chạy tuốt ra đường. Xa thật xa.  Tôi cảm thấy xấu hỗ, cứ như thể tôi vừa bị bắt quả tang thò tay vào ngăn kéo, mặc dù tôi biết ba con Xin không trách cứ gì tôi. Thậm chí ông cố tình đổi ngăn kéo đựng táo xuống phía đưới và ghi rõ chữ “TÁO” bên ngoài đề tôi có thể dễ dàng lấy trộm.*

*Ông “vẽ đường cho hươu chạy” chẳng qua ông sợ tôi té ngã khi phải bắc ghế trèo lên cao.*

*Nhưng kể từ hôm đó tôi không bao giờ nghĩ đến chuyện lây trộm táo của ông nữa, chẳng hiểu tại sao!*

*(Nguyễn Nhật Ánh, Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh, NXB Trẻ, 2010)*

**VĂN BẢN 72:**

**GIẤY CHỨNG NHẬN NGƯỜI**

*Trên đoàn tàu, cô soát vé hết sức xinh đẹp cứ nhìn chằm chằm vào người đàn ông lớn tuổi áng chừng đi làm thuê, hạch sách:*

*-Vé tàu!*

*Người đàn ông lớn tuổi lục khắp người từ trên xuống dưới một thôi một hồi, cuối cùng tìm thấy vé, nhưng cứ cầm trong tay không muốn chìa ra.*

*Cô soát vé liếc nhìn vào tay anh, cười trách móc:*

*– Đây là vé trẻ em.*

*Người đàn ông đứng tuổi đỏ bằng mặt, nhỏ nhẹ đáp:*

*-Vé trẻ em chẳng phải ngang giá vé người tàn tật hay sao?*

*Giá vé trẻ em và người tàn tật đều bằng một nửa vé, đương nhiên cô soát vé biết. Cô nhìn kỹ người đàn ông một lúc rồi hỏi:*

*-Anh là người tàn tật?*

*-Vâng, tôi là người tàn tật.*

*-Vậy anh cho tôi xem giấy chứng nhận tàn tật.*

*Người đàn ông tỏ ra căng thẳng. Anh đáp:*

*-Tôi… không có giấy tờ. Khi mua vé cô bán vé bảo tôi đưa giấy chứng nhận tàn tật, không biết làm thế nào, tôi đã mua vé trẻ em*

*Cô soát vé cười gằn:*

*-Không có giấy chứng nhận tàn tật, làm sao chứng minh được anh là người tàn tật?*

*Người đàn ông đứng tuổi im lặng, khe khẽ tháo giầy, rồi vén ống quần lên – Tôi chỉ còn một nửa bàn chân.*

*Cô soát vé liếc nhìn, bảo:*

*– Tôi cần xem chừng từ, tức là quyển sổ có in mấy chữ “Giấy chứng nhận tàn tật”, có đóng con dấu bằng thép của Hội người tàn tật!*

*Người đàn ông đứng tuổi có khuôn mặt quả dưa đắng, giải thích:*

*– Tôi không có hộ khẩu của địa phương, người ta không cấp sổ tàn tật cho tôi. Hơn nữa, tôi làm việc trên công trường của tư nhân. Sau khi xảy ra sự cố ông chủ bỏ chạy, tôi cũng không có tiền đến bệnh viện giám định…*

*Trưởng tàu nghe tin, đến hỏi tình hình.*

*Người đàn ông đứng tuổi một lần nữa trình bày với trưởng tàu, mình là người tàn tật, đã mua một chiếc vé có giá trị bằng vé của người tàn tật …*

*Trưởng tàu cũng hỏi:*

*– Giấy chứng nhận tàn tật của anh đâu?*

*Người đàn ông đứng tuổi trả lời anh không có giấy chứng nhận tàn tật, sau đó anh cho Trưởng tàu xem nửa bàn chân của mình.*

*Trưởng tàu ngay đến nhìn cũng không thèm nhìn, cứ nhất quyết nói:*

*– Chúng tôi chỉ xem giấy chứng nhận, không xem người. Có giấy chứng nhận tàn tật chính là người tàn tật, có giấy chứng nhận tàn tật mới được hưởng chế độ ưu đãi vé người tàn tật. Anh mau mau mua vé bổ sung.*

*Người đứng tuổi bỗng thẫn thờ. Anh lục khắp lượt các túi trên người và hành lý, chỉ có bốn đồng, hoàn toàn không đủ mua vé bổ sung. Anh nhăn nhó và nói với trưởng tàu như khóc:*

*– Sau khi bàn chân tôi bị máy cán đứt một nửa, không bao giờ còn đi làm được nữa. Không có tiền, ngay đến về quê cũng không về nổi. Nửa vé này cũng do bà con đồng hương góp mỗi người một ít để mua giùm, xin ông mở lượng hải hà, giơ cao đánh khẽ, nương bàn tay cao quý, tha cho tôi.*

*Trưởng tàu nói kiên quyết:*

*– Không được.*

*Thừa dịp, cô soát vé nói với Trưởng tàu:*

*– Bắt anh ta lên đầu tàu xúc than, coi như làm lao động nghĩa vụ.*

*Nghĩ một lát, trưởng tàu đồng ý:*

*– Cũng được.*

*Một đồng chí lão thành ngồi đối diện với người đàn ông đứng tuổi tỏ ra chướng tai gai mắt, đứng phắt lên nhìn chằm chằm vào mắt vị trưởng tàu, hỏi:*

*– Anh có phải đàn ông không?*

*Vị trưởng tàu không hiểu, hỏi lại:*

*– Chuyện này có liên quan gì đến tôi có là đàn ông hay không?*

*– Anh hãy trả lời tôi, anh có phải đàn ông hay không?*

*– Đương nhiên tôi là đàn ông!*

*– Anh dùng cái gì để chứng minh anh là đàn ông? Anh đưa giấy chứng nhận đàn ông của mình cho mọi người xem xem?*

*Mọi người chung quanh cười rộ lên.*

*Thừ người ra một lát, vị truởng tàu nói:*

*– Một người đàn ông to lớn như tôi đang đứng đây, lẽ nào lại là đàn ông giả?*

*Đồng chí lão thành lắc lắc đầu, nói:*

*– Tôi cũng giống anh chị, chỉ xem chứng từ, không xem người, có giấy chứng nhận đàn ông sẽ là đàn ông, không có giấy chứng nhận đàn ông không phải đàn ông.*

*Vị trưởng tàu tịt ngóp, ngay một lúc không biết ứng phó ra sao.*

*Cô soát vé đứng ra giải vây cho Trưởng tàu. Cô nói với đồng chí lão thành:*

*– Tôi không phải đàn ông, có chuyện gì ông cứ nói với tôi.*

*Đồng chí lão thành chỉ vào mặt chị ta, nói thẳng thừng:*

*– Cô hoàn toàn không phải người!*

*– Cô soát vé bỗng nổi cơn tam bành, nói the thé:*

*– Ông ăn nói sạch sẽ một chút. Tôi không là người thì là gì?*

*Đồng chí lão thành vẫn bình tĩnh, cười ranh mãnh, ông nói:*

*Cô là người ư? Cô đưa giấy chứng nhận “người” của cô ra xem nào…*

*Mọi hành khách chung quanh lại cười ầm lên một lần nữa.*

*Chỉ có một người không cười. Đó là người đàn ông trung niên bị cụt chân. Anh cứ nhìn chân chân vào mọi thứ trước mặt. Không biết tự bao giờ, mắt anh đẫm lệ, không rõ anh tủi thân, xúc động, hay thù hận.*

**VĂN BẢN 73:**

**CÂY SA MỘC CHẾT ĐỨNG – Tống Ngọc Hân**

*[…] Vào lúc Diu tưởng mình đã kiệt sức thì chân cô chạm vào một quầng lá khô đỏ sậm lưu cữu từ bao nhiêu mùa trải rộng trước mắt. Diu ngẩng mặt. Một tán lá đỏ rực che kín cả góc trời. Gốc cây to cả chục vòng tay ôm. Dưới tán cây, những cây khoai dại mọc từng vạt xanh um và những cái dây leo óng ánh mảnh mai bám quanh cọng lá. Diu mừng ứa nước mắt. Thuốc quý đây rồi. Diu mê mải gom lá thuốc đầy cái túi vải mang theo và chuẩn bị xuống núi. Trời sắp tối. Nhưng kìa…một con suối nhỏ, nước trong vắt, róc rách hiện ra trước mắt Diu, như níu kéo. Nhìn cái thân thể nhớp nhúa, lấm lem sau gần hai ngày chui rúc trong rừng, lại nhìn khung cảnh vắng lặng xung quanh, Diu bẽn lẽn cởi bỏ váy áo, cởi bỏ xà cạp và lội xuống suối. Cô lấy tay té nước lên người một cách sảng khoái…*

*Đã đeo túi thuốc lên vai, nhưng như người bị bỏ bùa, Diu không quay lại mà liều lĩnh tiến về phía gốc cây cổ thụ màu trắng và khẽ chạm tay vào những vết nứt lớn trên vỏ cây. Diu chưa từng thấy loài cây nào đẹp, to và vững trãi đến vậy. Triệu triệu chiếc lá đỏ lăn tăn kết với nhau thành một cái ô khổng lồ, to gấp trăm gấp nghìn lần cái bầu trời mướp đắng sân nhà cô. Những tia nắng cuối ngày lọt qua tán lá dầy rơi xuống mắt Diu đỏ lựng như những giọt máu. Mắt Diu hoa lên như không nhìn thấy gì nữa. Cô nhắm mắt lại, ngồi xuống. Không thể nào cưỡng được nỗi thèm muốn ngả lưng lên đệm lá nữa rồi. Thảm lá khô êm như đệm lau và cơn gió như được chén no đã thôi gầm gào, chỉ còn khẽ chờn vờn, mơn man, mát dịu. Diu chìm vào sự vỗ về kì diệu mà lần đầu tiên cô được tận hưởng.*

*[…] Cô băng mình qua biển lửa rừng rực với hi vọng dòng suối sẽ cứu được mình. Diu cũng không thể tin là tại sao mình sống sót. Có lẽ, khi ấy, Diu chết luôn đi, còn hơn là sống. Sống với một khuôn mặt và thân hình nhì nhằng, dúm dó những sẹo. Sống mà người yêu bỏ mình đi lấy người khác. Thì sống có khác gì chết. Nhưng mà Diu lại không thể chết được. Vì bố mẹ cô đã phải bán cả trâu, cả ruộng và vay mượn khắp nơi để lấy tiền chữa chạy và cứu sống cô. Trước đây, cô rất hận Châu. Nhưng thời gian qua đi, cô lại nghĩ khác. Châu không có tội tình gì mà phải sống trọn đời trọn kiếp bên một người vợ xấu xí như cô. Với khuôn mặt bị ngọn lửa trút giận lên đến tang thương, cô không còn là Diu xinh đẹp rực rỡ như bông chuối rừng. Với đôi bàn tay biến dạng, cô không còn là Diu khéo léo với những chiếc thắt lưng hay ống tay áo thêu tơ xanh mềm như mảng cỏ xuân. Diu không còn là nỗi niềm khao khát của bao nhiêu đứa trai Huổi Tào nữa. […]*

*[…] Hình như, Diu còn nghe thấy cả tiếng thở của con thú đang rình mồi. Nếu là con thú đói, nó đã lăn xả vào cô mà banh mà xé. Diu giơ hai bàn tay ra phía trước khua khoắng với bản năng tự vệ. Rồi tay Diu chạm vào vật gì đó giống như là bàn tay người. Diu vội vàng ngoi khỏi đám lá khô và vùng dậy chạy thì bị bóng đen vô hình đè xuống. Diu cố giãy giụa để thoát ra nhưng cô càng giãy lại càng bị trói chặt bởi hai cánh tay chắc khỏe. Diu dồn hết sức vào đôi chân và đạp mạnh. Bóng đen ngã xuống thảm lá khô rào rạo. Diu vùng chạy được vài bước thì lại bị bóng đen đuổi kịp ôm lấy từ phía sau. Những ngón tay của bóng đen mù mờ giống như những sợi dây rừng cứ xiết chặt Diu lại. Diu như con nai bị trói chặt, nằm quằn quại trên lá khô chờ chết. Cả mười ngón tay ma quái rờ rẫm, sục sạo không bỏ sót vết sẹo nào trên cơ thể khiến Diu căng cứng sợ hãi. […] Diu chợt quên đi những đớn đau, cay đắng suốt mười năm. Quên đi ánh mắt đe dọa mà một người đàn bà vẫn ném vào cô những lúc hai người tình cờ đi qua nhau. Cô có cảm giác mình giống như cành củi khô bị ném vào biển lửa tình rừng rực. Cô quàng tay lên lưng người đàn ông, ghì mạnh xuống…*

*[…] Mùi giật lấy con dao từ tay Châu mà dằn dọc. “Không đi đâu cả, không phát gì nữa. Sao nó không chết luôn trong rừng đi. Còn về làm gì? Tôi chỉ muốn rắn độc cắn chết nó. Rắn không cắn chết nó thì tôi cũng giết chết nó có ngày”. Châu đứng dậy, nhìn con dao trong tay Mùi, bặm môi. Trong đầu Châu là đoạn kí ức hãi hùng bất chợt chạy về. Đó là trận cháy rừng thảm khốc. Khi Châu và mọi người băng qua cánh rừng nghi ngút khói lửa đến được nương thảo quả nhà Diu thì không thấy Diu và bóng dáng căn lều đâu cả. Mọi người chạy bổ đi các ngả. Chính Châu nhìn thấy Diu gục đầu trên một phiến đá dưới lòng suối. Toàn thân bầm dập, mặt cháy nham nhở đen và hai mắt nhắm nghiền. Châu tưởng Diu đã chết…*

*Sau bốn tháng cầu cứu khắp các thầy lang trong vùng, Diu trở về Huổi Tào. Châu là người đầu tiên đến thăm Diu. Trước mặt Châu là một hình hài lạ hoắc với những vết sẹo chạy ngang dọc trên khuôn mặt kéo hai con mắt lại gần nhau trông rất sợ, là đôi bàn tay không còn đủ mười ngón. Đó không phải là Diu xinh đẹp. Đó càng không phải là người con gái mười tám tuổi Châu yêu tha thiết, say đắm. Châu thất thểu bỏ về. Cố gắng đoạn tuyệt với những giọt nước mắt đau đớn loang ra từ hai khóe mắt kì dị. Món tiền cưới mà nhà Diu nhận của nhà Châu phải năm năm sau nhà Diu mới trả hết vì có bao nhiêu trâu bò, thóc lúa, họ bán hết đi để cứu lấy cái mạng Diu rồi…Nhưng còn những thứ Châu nợ Diu mà nhà Diu không bao giờ đòi lại được.*

*(Lược một đoạn:Sán không ưa Diu, nhân lúc Diu có thai, Sán ép bố mệ chồng đuổi Diu bị đuổi ra khỏi nhà. Diu đã phải vào rừng để giữ lấy đứa con. Sau khi đi lấy thuốc theo sự mách bảo của Diu, Sán có thai. Sán kể cho Diu nghe chuyện mình đi lên lấy thuốc bị bọn thổ phỉ hãm hiếp)*

*Diu nghe em dâu kể mà lòng đau buốt. Nước mắt cô đọng trên những ghềnh sẹo như những giọt sương nằm trong lòng chiếc lá khô quăn queo không thoát ra được, ứ đầy nhức nhối. Thằng Sùng tỉnh giấc nhìn quanh ngỡ ngàng. Nó rời khỏi lòng người đàn bà đã làm mẹ nó khóc và len lén leo lên đùi Diu. Nó đưa cả hai bàn nhỏ xíu lên mặt Diu mà vét nước mắt trên những lõm sẹo. […]*

*Mùi buột miệng than thở. “Lạ thật, em dâu nó cũng đẻ được con trai”. Mọi khi Châu vẫn im lặng. Lần này, Châu bỗng nhiên nổi cáu, liệng cái búa đang bổ củi ra vườn. “Mày chỉ muốn người ta không có con thôi. Bụng mày xấu quá”. Rồi Châu quay ngoắt người đi xuống đường. Mùi chạy theo, tới đầu cổng thì vịn vào cây sa mộc mà dừng lại. Nước mắt Mùi ứa ra. Những lời nói như dòng nước lạnh mà Châu vừa xối lên đầu Mùi khiến Mùi choáng váng. Hồi con gái, Mùi từng định ăn lá ngón khi thấy Châu yêu và đòi cưới Diu. Mùi từng rất đau lòng khi thấy bản trên bản dưới bàn tán, ca tụng vẻ đẹp và nết na của Diu, trong khi Mùi cũng xinh đẹp không kém. Châu đã chọn Diu chứ không phải Mùi cho đến tận ngày rừng cấm bị gã đốt than làm cháy một vùng rất rộng. Bao nhiêu cây cổ thụ không có chân chạy, chết đứng. Bao nhiêu con chim có cánh bay, bao nhiêu con thú có bốn chân chạy nhanh như gió, chết nằm. Tất cả đều chết. Mà Diu lại không chết mới lạ. Sống thì sống, nhưng Mùi không muốn Diu có được hạnh phúc. Thậm chí Mùi còn cầu mong đứa con của Diu bị con thú gì đó ngoài rừng chạy vào cắn chết, hoặc tha đi nữa cơ. Mùi muốn Diu đau hơn cả khi bị lửa hành hạ, đau đến mức phải ăn lá ngón mà chết đi. Nhẽ ra, Mùi chỉ đẻ hai đứa con cho đỡ khổ, nhưng vì muốn Diu tức tối đến phát điên, nên Mùi đẻ đứa thứ ba đấy. Mùi từng bắt Châu thề độc rằng. Nếu mà Châu dan díu qua lại với Diu thì cái cây sa mộc này chết đứng. Mỗi bình minh thức dậy, Mùi bước ra sân, nhìn cái cây sa mộc trước, rồi mới nhìn mặt chồng con sau. Dạo này Châu ăn nói, khóc cười rất lạ. Triền miên say. Say rồi hát vu vơ những câu hát của bọn trai chưa vợ đang bập bùng yêu đương.*

*(Lược 1 đoạn: Có người xuất hiện trước Sùng, con trai Diu, nhận làm bố, khi đi tiêm thằng bé nhìn thấy người đàn ông là bố nên không khóc nữa).*

*[…] Mùi chĩa mũi dao lên ngọn cây sa mộc, quát lớn “tùa chi tùa?”. Hai đứa mếu máo gật đầu. Thế ra mắt Mùi nhìn không nhầm. Cây sa mộc đang chết. Chết từ ngọn mà xuống. Mùi nhăm nhăm con dao trong tay, nước mắt đầm đìa. Cô ngước nhìn tán lá sa mộc lần cuối cùng rồi vung dao chém tới tấp vào gốc cây. Cây sa mộc từ từ nghiêng về phía mặt trời đang lặn rồi ngã sóng soài xuống đất. Từ trên tán lá úa vàng héo hon của nó, những giọt sương đêm cuối cùng run rẩy tuột xuống.*

*(Tống Ngọc Hân sáng tác năm 2016, In tạp chí VNQĐ, Tập  Kiều Mạch Trắng)*

***\*Vài nét về tác giả:****Tống Ngọc Hân tên thật là Tống Thị Ngọc Hân, sinh 02 tháng 9 năm 1976 tại xã Đông Lĩnh, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Chị từng theo học tại khoa Văn Trường Cao đẳng Sư phạm Vĩnh Phú nay là Đại học Hùng Vương. Hơn hai mươi năm sống gắn bó với vùng núi Sa Pa, tỉnh Lào Cai, những tác phẩm của Tống Ngọc Hân mang những chất liệu, hơi thở cuộc sống của con người miền sơn cước. Sáng tác của Tống Ngọc Hân chủ yếu là thơ, truyện ngắn và tiểu thuyết.*

**VĂN BẢN 74:**

**BẾN THỜI GIAN (Tạ Duy Anh)**

*Bà Hảo bị mù cả hai mắt từ khi tôi chưa ra đời. Tôi và cháu nội bà - cái Hoa- cùng sinh một năm. Bà Hảo đón cái Hoa về nuôi mà không chịu ra thị trấn ở với bố mẹ nó. Thế là cái Hoa trở thành bạn thân thuở bé của tôi. Chúng tôi quấn quýt với nhau như hai anh em ruột. Hàng ngày tôi đều sang với cái Hoa và hai đứa thường bí mật bày ra đủ trò tinh quái. Bà Hảo ngồi ở bờ hiên và bà luôn luôn tìm được việc gì đó vừa làm vừa canh chừng chúng tôi. Bà biết khi nào chúng tôi đang ở gần bờ ao, gióng lên một câu thật nghiêm:*

*- Cả hai đứa quay vào! Cấm chỉ ra bờ ao.*

*Tôi và cái Hoa chỉ còn biết lấm lét nhìn nhau phục tài bà. Có lần chúng tôi vờ im lặng đến cạnh bà. Đang yên trí là bà Hảo không biế thì tiếng bà thản nhiên cất lên:*

*- Giận gì nhau mà im như thóc thế?*

*Chúng tôi phá lê cười. Bà Hảo mắng yêu:*

*- A, gớm cái quân này, định trêu bà phỏng. Chúng mày có độn thổ bà vẫn biết moi lên như moi khoai ấy.*

*Chúng tôi bèn mỗi đứa một bên áp vào ngực bà:*

*- Làm sao bà trông thấy chúng cháu?*

*- Lớn lên khắc biết – bà Hảo chớp chớp cặp mắt – người ta chẳng ai chỉtoàn gặp rủi đâu.*

*Chúng tôi chỉ cảm nhận từ lời nói của bà một điều gì đó mơ hồ mà thiêng liêng. Điều chắc chắn là bà Hảo không thể nhìn thấy chúng tôi nếu bà không yêu chúng tôi như những báu vật.*

*Lớn lên, đứa trước, đứa sau cả tôi và cái Hoa cùng ra thị trấn, cách làng đúng một ngày xe ngựa.*

*Thời gian đầu chưa quen môi trường mới, cả hai đứa thường xin bố mẹ về làng thăm bà. Khi bác xà ích vui tính và tốt bụng ghìm con ngựa để tôi và cái Hoa nhảy xuống, đã thấy bà Hảo chống gậy chờ sẵn ở đó. Chúng tôi, mỗi đứa một bên dìu bà về nhà. Bà Hảo bào bà đã nghe thấy tiếng lọc cọc, lọc cọc của chiếc xe gõ từ trong giấc mơ của bà những đêm trước. Sau này tôi mới biết, chiều nào bà cũng đợi chúng tôi tại nơi chiếc xe ngựa dừng trả khách ở điểm cuối cùng.*

*Những chuyến thăm bà Hảo của chúng tôi thưa dần. Cả tôi và cái Hoa đều có lũ bạn và con đường về làng, vẫn chỉ có một ngày xe ngựa, trở nên xa mù mịt. Thảng hoặc có giỗ, tết...chỉ mình cái Hoa theo bố mẹ về. Nhưng nó lại đi ngay. Nó bảo bà Hảo rất nhớ tôi và mong tôi học hành cẩn thận. Ban đầu tôi đón nhận điều đó với một chút ân hận vì không về thăm bà. Nhưng rồi tôi quên dần nhiều thứ trong đó có cái làng hẻo lánh của mình, nơi bà Hảo vẫn ngày đêm nghe tiếng lọc cọc của xe ngựa...*

*(Lược một đoạn: Sau đó nhân vật tôi cùng Hoa đỗ đại học và ra thành phố. Tôi dần lãng quên làng nhỏ tuổi thơ. Nhưng rồi một ngày, sau những vấp ngã trên đường đời, tôi đã tìm về làng nhỏ năm xưa. Tôi đi trên chiếc xe ngựa thân quen năm nào của bác xà ích và bao kỉ niệm chợt ùa về)*

*Tôi lại dỏng tai đón nhận thứ âm thanh giống như dao động tắt dần của quả lắc đồng hồ. Lát sau thì bà Hảo hiện ra ở lối rẽ. Bà dò đường một cách chật vật, toàn bộ tinh lực hướng về bến xe ngựa. Không cầm được, tôi lao như tên bắn về phía bà:*

*- Bà! Tôi nghẹn ngào- cháu bị người ta phản bội rồi...*

*Bà Hảo lần lần từ đầu đến vai tôi như thể xem bà có đang mơ không rồi cười một cách mãn nguyện:*

*- Bố mày, lớn thế còn khóc như con nít ấy. Dễ thường suôn sẻ cả có khi nó chả thèm biết bà sống hay chết.*

*- Làm sao bà biết điều đó? – Tôi hỏi bà bằng nỗi sợ hãi.*

*- Lớn lên khắc biết – bà Hảo vẫn trả lời tôi như từng trả lời hồi tôi còn bé.*

*Tôi có cảm giác bà Hảo cũng thuộc số người quyết sống chỉ để làm việc không thể bỏ dở. Bởi vì ngay sau đó bà bảo tôi:*

*- Từ ngày mai bà có thể chết mà không luyến tiếc điều gì.*

*Tôi đứng chết lặng, cảm thấy vang lên trong lồng ngực tiếng gõ da diết và tàn nhẫn của thời gian. Trước mắt tôi giờ đây là những bến thời gian trắng xóa mà tôi sẽ phải một mình vượt qua.*

(Trích *Bến thời gian*, Tạ Duy Anh, *Truyện ngắn chọn lọc – Tạ Duy Anh*, NXB Hội nhà văn)

**VĂN BẢN 75:**

**CHIẾC LÔNG CHIM MÀU ĐỎ**

**– Nguyễn Quang Thiều –**

*(Lược một đoạn: Có bầy chim tránh rét, có một năm con chim chúa kiệt sức chết trên vườn vải, người dân chôn cất chim chúa và lấy ngày 13 tháng giêng hằng năm là ngày hội làng. Từ đó, cứ vào tháng giêng đàn chim di cư về nghỉ tại làng của Ngần đúng một đêm, hôm sau chúng về vùng đất ngập nước cách làng của Ngần khoảng 50km. Nếu ai nhặt được chiếc lông chim màu đỏ thì sẽ gặp phước lành “Người già nhặt được thì sẽ không bệnh tật và sống đến tận trăm tuổi. Trẻ con nhặt được thì ngoan ngoãn, thông minh. Con trai nhặt được thì khỏe mạnh, tài trí, làm ăn phát đạt. Và con gái nhặt được thì ngày một đẹp, một thảo hiền và sẽ lấy được người mình mong ước. Nhưng mỗi lần chim về, trong hàng ngàn chiếc lông chim rụng, chỉ có một chiếc màu đỏ”. Bom Mĩ dội, bầy chim bị chết rất nhiều nên chúng không còn trú lại một đêm ở vườn vải nữa. Ngần là cô gái kém nhan sắc, mỗi lần hội làng, cô lại thơ thẩn dọc bãi vải tìm lông chim màu đỏ, cô tìm mải miết bao năm cũng không được. Ngần vô tình gặp Thư để nghiên cứu về bầy chim. Thư luôn tin rằng bầy chim sẽ về đông hơn, nhiều hơn. Đúng như dự đoán bầy chim về rất đông đúng ngày 13 tháng giêng, hôm sau Ngần ra bãi vải nhưng không nhặt được chiếc lông chim nào, cô vô cùng buồn bã, thất vọng. Thư đem lòng yêu mến Ngần, Ngần chỉ biết khóc, hoảng sợ và đau khổ).*

*Ngần không thể nói cho Thư biết vì sao cô khóc. Cô ngước mắt nhìn Thư. Cô nhìn thấy đôi mắt Thư đang nhìn cô đắm đuối và ấm áp vô cùng. Lúc đó, Ngần muốn gào lên với Thư rằng: “Tại sao anh có thể nhìn gương mặt xấu xí của em đắm đuối như thế kia được”. Nhưng Ngần không gào lên được. Cô chỉ biết khóc. Thư kéo đầu Ngần vùi vào ngực mình và vuốt ve mái tóc cô. Và Ngần cảm nhận rõ mái tóc mình khô giòn và khét đắng. Đến khi Thư vuốt ve bàn tay mình, Ngần đã vùng khỏi vòng tay Thư và nghẹn ngào:*

*– Tại sao em lại không nhặt được chiếc lông chim màu đỏ?*

*Câu hỏi của Ngần vừa tủi thân, vừa oán hận. Thư nhìn Ngần và nhận ra tất cả. Anh thì thào:*

*– Em sẽ nhặt được, chắc chắn là nhặt được.*

*Nửa tháng sau ngày Thư đi, Ngần nhận được thư anh. Thư say sưa kể cho Ngần nghe về những bầy chim di cư trở về trong những ngày xuân ấm áp. Ngần thấy hạnh phúc và nhớ Thư vô hạn. Đêm ấy, cô đọc thư của anh bao nhiêu lần cũng không thấy chán. Nhưng khi lấy chiếc gương ra soi thì cô lại gục đầu mệt mỏi. Cô luôn luôn cảm thấy da cô khô và sạn, tóc cô cứng và khét, mắt cô hơi xếch, đôi môi lại có những vết rộp. Sao anh ấy lại yêu mình? – Cô thầm hỏi. Hay anh ấy chỉ yêu bầy chim thôi? Ngần nhận được thư của Thư, nhưng cô không viết lại cho anh.*

*[…]*

*Sau bao nhiêu năm, ngày 13 tháng giêng năm nay làng Ngần lại tổ chức đón bầy chim. Khoảng hai giờ chiều, người làng đã tụ tập kín mặt đê. Một chiếc bàn phủ gấm điều bày bánh trái, hoa quả và một chiếc lư đồng. Trầm được đốt lên tỏa hương thơm ngát. Ngần cũng có mặt trên đê. Nhưng cô đứng ở phía cuối đoàn người, khăn len che kín mặt. Với mặc cảm về sắc đẹp của mình, cô luôn luôn né tránh đám đông. Cô đứng đợi bầy chim trở về mà lòng buồn bã.*

*Khoảng ba giờ chiều thì bầy chim trở về. Chúng xuất hiện phía xa như một đám mây. Đám mây mỗi lúc một lớn. Những người đứng trên mặt đê nghe thấy tiếng đập cánh của bầy chim như tiếng mưa rào đang đổ xuống. Bầy chim có lẽ đến vài ba ngàn con ngờm ngợp đập cánh, tiếng kêu của chúng vang lên như tiếng sáo trúc rộn ràng. Bầy chim lượn một vòng quanh làng Ngần rồi từ từ đậu xuống bãi vải. Mọi người đứng trên mặt đê reo hò.*

*Ngần đứng im lặng, không chớp mắt nhìn bầy chim.*

*– Tôi đã nhìn thấy con chim chúa.*

*Nghe tiếng người nói sau lưng, Ngần quay lại và nhận ra người đàn ông cùng viện với Thư.*

*– Bác nhìn thấy thật à? – Ngần hỏi – Sao bác biết?*

*– Con chim bay ở giữa đàn. – Người đàn ông nhìn về bãi vải nói. Nó có đôi cánh dài, rộng gấp đôi những con khác. Nó bay nhanh nhưng đập cánh rất ít. Chỉ có con chim chúa mới có chiếc lông màu đỏ.*

*Câu nói của người đàn ông bỗng làm cho Ngần dâng lên một cảm xúc lạ lùng. Cô mở chiếc khăn ra. Gió xuân ấm áp phả lên mặt cô. Và từ đó cho tới khi đi ngủ, Ngần náo nức lạ thường. Ngày mai cô sẽ dậy thật sớm để đi tìm chiếc lông chim màu đỏ.*

*Ngần đã khóc nấc lên trong buổi sớm mùa xuân. Khi bước ra sân, cô thấy những chiếc lông chim rụng ngay ở sân nhà cô. Sáng sớm hôm nay, bầy chim từ bãi vải đã bay cắt qua làng cô để trở về vùng đất ngập nước. Và giữa những chiếc lông chim màu trắng là một chiếc lông chim màu đỏ như lửa. Ngần nhặt chiếc lông chim lên. Cô để chiếc lông chim trong lòng bàn tay. Chiếc lông chim khe khẽ rung lên bởi hơi thở của Ngần. Cô vội mang chiếc lông chim màu đỏ vào nhà mở chiếc khăn tay và đặt nó lên đó ngắm nhìn, lòng ngập tràn hạnh phúc.*

*Suốt ngày hôm đó, Ngần cười nói khác thường. Đến khuya, khi tin chắc mọi người đã ngủ say, Ngần rón rén trở dậy. Cô vặn to đèn, run rẩy lấy ra chiếc gương rồi lại ấp chiếc gương vào ngực, người run bắn. Cuối cùng cô đưa chiếc gương lên ngang mặt mãi lâu sau mới lấy hết can đảm và từ từ mở mắt ra. Cô nhìn vào gương. Thật kỳ lạ, cô thấy mình không hề xấu xí như ngày xưa, nước da không phải khô và sạm, mà rám nắng, khỏe mạnh, đôi môi không hề có rộp mà mọng ướt. Cô từ từ đưa tay lên mái tóc. Mái tóc cô dày và mềm mại.*

*Cô soi gương, rồi bỏ gương đi. Rồi cô lại soi, lại bỏ, mỗi lúc lòng tin về nhan sắc của mình càng mạnh mẽ.*

*Ngày hôm sau, cô đi chơi khắp làng. Bạn gái cô kéo cô lại và thì thầm: “Yêu rồi phải không?”, “Yêu ai mà yêu” – cô cãi. Bạn gái cô nói: Đừng có giấu tao, mày đẹp ra như thế này… Đúng là! “Gái phải hơi trai như thài lài…”. Cô đỏ mặt sung sướng. Cô không muốn nói về chiếc lông chim màu đỏ. Cô không tin chuyện thần tiên. Nhưng cô không lý giải được vì sao lại thế. Chỉ có điều không ai cho cô là xấu. Chỉ có cô nghĩ mình xấu xí và tự ti về nhan sắc của mình.*

*Điều ấy chỉ mình Thư biết. Và anh yêu cô lạ lùng. Anh phải kéo cô ra khỏi sự mặc cảm ghê gớm đó. Chỉ làm như thế, anh mới có được cô. Và anh đã bỏ mọi công sức lang thang đến nhiều vùng để tìm được chiếc lông chim màu đỏ. Anh đã nhờ một đồng nghiệp về làng Ngần trong mùa chim di cư trở về và bí mật thả chiếc lông chim màu đỏ xuống trước cửa nhà cô.*

*Mấy ngày sau, người đàn ông cũng ra đi. Ngần viết lá thư đầu tiên cho Thư và nhờ người đàn ông ấy chuyển giúp. Lá thư chỉ vẻn vẹn mấy dòng: “Em yêu anh. Ngày nào em cũng mong anh trở về. Hãy về với em! Ngần”.*

**VĂN BẢN 76:**

**CON CHÓ XẪU XÍ- KIM LÂN**

(Lược dẫn: Vợ của nhân vật xưng “tôi” mua một con chó, nhưng nó rất xấu xí nên chẳng ai dám đến gần. Mấy người quen của nhân vật “tôi” định bụng sẽ giết thịt nó để làm một chầu nhậu, nhưng rồi giặc đến, mọi người đều phải bỏ làng chạy giặc. Vì vướng víu nên gia đình, nhân vật “tôi” đành phải bỏ con chó lại nhà cụ bếp Móm và nhờ cụ nuôi hộ. Trước khi ra đi, vợ của nhân vật “tôi” đã xích con chó vào gốc cây để nó khỏi chạy theo).

*“Ắng!… Ắng! Ắng!…” Tiếng con chó lồng lộn, cuống quít đằng sau bước chân tôi. Nó như gọi tôi, nó như kêu cứu, như than khóc, oán trách…*

*Ra khỏi ngõ tôi thoảng nghe tiếng chị vợ cảnói với chồng:*

*– Vợ chồng nhà ấy họ đi đấy à? Này, họ bỏ lại con chó cậu ạ.*

*Và tiếng anh chồng dấm dẳn:*

*– Đến người cũng chả chắc giữ được nữa là con chó!…*

*Tôi xóc lại cái quai ba lô, bước theo hút cái bóng nhà tôi đang đi xăm xắm xuống đồi.*

*[…]*

*Tiếng con chó từ trong nhà cụ bếp Móm đưa ra vẫn nghe rõ mồn một “Ắng!… Ắng! Ắng!…”. Tiếng con chó da diết, nhọn hoắt xói vào ruột gan tôi. “Thôi để chuyến này về tao nuôi. Tao sẽ nuôi mày, tao không bỏ mày đâu…”.*

*Tôi nhủ thầm với tôi một lần nữa như vậy.*

(Lược một đoạn: sau khi giặc rút, gia đình nhân vật “tôi” về lại làng, nhưng nhân vật “tôi” đã quên bẵng con chó).

*Một hôm tôi chợt thấy cặp kính trắng lấp loáng của Đặng “cồn” từ đầu ngõ đi vào, bấy giờ tôi mới giật mình, sực nhớ đến con chó. Tôi quay lại hỏi nhà tôi:*

*– À, mình này! Con chó nhà ta đâu nhỉ? Mình chưa vào trong cụ bếp dắt nó về à?*

*Nhà tôi đứng ngẩn ra một lúc. Có lẽ nhà tôi cũng không ngờ rằng tôi đã về bằng ấy ngày giời rồi vẫn không nói chuyện con chó ấy với tôi.*

*– Nó chết rồi!… – Nhà tôi nói khe khẽ.*

*– Chết rồi? Làm sao mà chết được?…*

*Tôi trố mắt lên hỏi lại. Nhà tôi cúi mặt xuống, thở dài:*

*– Nó chết thương lắm cơ mình ạ. Không phải nó chết trong cụ bếp Móm đâu. Nó về nhà ta nó chết đấy.*

*Nhà tôi ngừng lại, cắn môi chớp chớp hai mắt nhìn ra ngoài sân. Lát sau, nhà tôi đứng dậy mời Đặng vào trong nhà, rót nước mời anh rồi mới tiếp tục câu chuyện.*

*Chao ôi! Con chó xấu xí ấy của tôi! Con chó từ lúc mua, đến lúc chết không được một lần vuốt ve! Nó đã chết một cách thảm thương và trung hậu quá. Từ hôm vợ chồng tôi gửi lại nó cho ông cụ bếp Móm, con chó không chịu ăn uống gì. Nó chỉ kêu. Nó kêu suốt ngày, suốt đêm. Một đêm, ông cụ bếp không thấy con chó kêu nữa, thì ra nó đã xổng xích đi đâu mất rồi.*

*Hôm nghe tin giặc rút, ở trong khe đồn Khau Vắt dọn về, nhà tôi tạt vào nhà cụ bếp Móm định đem con chó về nhân thể, nhưng vào đến nơi thì nó không còn đấy nữa. Lúc ấy nhà tôi cũng yên trí là con chó mất rồi. Chắc chắn nó sẽ lạc vào một trại ấp nào đấy và người ta làm thịt nó.*

*Nhưng khi nhà tôi về đến nhà, bà con xóm giềng vừa chạy sang láo nháo thăm hỏi thì, ở ngoài vườn sau, có mấy tiếng chó hú lên thảm thương và ghê rợn.*

*Từ sau bụi dứa rậm rạp, con chó khốn khổ ấy lảo đảo đi ra. Người nó run lên bần bật. Nó gầy quá, chỉ còn một dúm xương da xộc xệch, rụng hết lông. Nó đói quá, đi không vững nữa. Nó đi ngã dụi bên này, dụi bên kia. Rồi nó không còn đủ sức mà đi nữa. Nó nằm bệt trên đất, rúm người lại, lết lết về phía nhà tôi. Lúc ấy cả người nó chỉ còn có cái đuôi là còn ngó ngoáy được để mừng chủ và cái lưỡi liếm liếm vào tay chủ. Khốn nạn con chó! Được gặp chủ nó mừng quá. Từ trong hai con mắt đờ đẫn của nó mấy giọt nước chảy ra. Lát sau thì nó không liếm được nữa, cái đuôi ngoáy yếu dần, yếu dần rồi im hẳn. Nó chết.*

*Tôi tối sầm mặt lại, vừa thương xót con chó, vừa thấy xấu hổ. Quả thật tôi chỉ là một thằng tồi. Một thằng ích kỷ. Tôi chỉ nghĩ đến mình và vợ con mình. Đến như con chó mình nuôi, mình đối xử với nó có được như cái tình nghĩa của nó đối xử với mình đâu?*

*[…]*

(Trích *Con chó xấu xí,*Kim Lân, in trong *Tuyển tập Kim Lân,*Nxb Văn học)

**VĂN VẢN 77:**

**ĐẤT QUÊN (Nguyễn Huy Thiệp)**

*Lò Văn Pành là ông già nổi tiếng ở bản Hua Tát. Hơn tám mươi tuổi, hàm răng của ông vẫn còn đều tăm tắp như răng chàng trai mười bảy tuổi. Cối đá giã gạo, ông dùng một tay cử lên như bỡn. ông làm bằng ba người khác. Uống rượu cũng vậy, sức ông có thể chấp nổi muôn người. Tráng đinh trong bản Hua Tát nhìn ông kiêng nể. Ông Pành có ba vợ, tám đứa con và khoảng ba chục đứa cháu. Họ sống hòa thuận và khá sung túc. Gia đình cũng giống như những lò than, các cục than có sức tỏa ấm cho nhau nhưng rồi sau đó lại thiêu đốt nhau. Gia đình nào mà chẳng thế?*

 *Sẽ không có chuyện gì xảy ra nếu như ông Pành chỉ sống quanh quẩn ở trong thung lũng Hua Tát. Nhưng đùng một cái, ông bỗng nảy sinh ý định đi về Mường Lưm mua trâu. Thực ra nếu chỉ mua trâu chẳng phải vất vả nhiều đến thế, chỉ cần sang bản Chi, bản Mạt, ông Pành có thể mua được những con trâu cày hạng nhất. Nhưng Mường Lưm là nơi thời trẻ ông Pành ở đó. Ký ức xa xưa sống dậy trong ông.*

 *Mường Lưm là vùng đất xa xôi hẻo lánh tận cuối Châu Yên. Tiếng Thái Mường Lưm nghĩa là đất quên. ở đây có những khu rừng nguyên sinh từ thời thượng cổ, cây cối bạt ngàn, chim thú nhiều vô kể.*

 *Hôm ấy, ông Pành cưỡi ngựa đến gần Mường Lưm thì trời đã tối. Một cơn mưa đá dữ dội ập đến. Ông Pành nhìn quanh xem có chỗ nào trú được nhưng chỉ mênh mông rặt đồi cỏ gianh lá sắc như dao. Đá ở trên cao ào ào trút xuống. Con ngựa sợ hãi không chịu đi nữa, miệng nó hý vang, móng cào xuống đất.*

 *Ông Pành nhảy vội xuống ngựa, miệng chửi rủa, ông chưa bao giờ thấy trận mưa nào dữ dội đến thế. Gió to quá, những giọt mưa đá quất vào người ông đau điếng. Đêm dần ập xuống, sấm sét rền vang làm đất rung chuyển, con ngựa dứt đứt dây cương chạy vụt xuống đồi. ông Pành định đuổi theo thì bỗng nhiên thấy có bóng đen nhỏ chạy về phía minh. Ông định thần lại. Đấy là cô gái đi làm nương về, gặp mưa bất thần, nàng sợ hãi vừa chạy vừa ngã, luôn miệng kêu trời. Gặp ông Pành, nàng kiệt sức ngã quỵ vào tay ông.*

 *Mưa như trút, những cục đá văng như đạn ghém. Ông Pành đứng lom khom che chở cho cô gái, cô gái úp mặt vào hai bàn tay, toàn thân run rẩy. Cô tựa vào bộ ngực trần vạm vỡ của ông tin cậy. ông Pành an ủi:*

 *– Đừng sợ…đừng sợ…Cơn giận của Then sẽ qua đi thôi…*

 *Họ đứng như thế giữa đồi cỏ gianh, xung quanh mưa đá sấm rền. Ông Pành ngợp trong diệu huyền. Cả cuộc đời từng trải của ông, ông chưa bao giờ có cảm giác ấy. Ông biết đây chính là điều ông vẫn hằng khao khát mong tìm. Hơn cả tình yêu, hơn cả những người phụ nữ mà ông đã gặp, cảm giác này như là hạnh phúc.*

 *Khi trời mưa tạnh thì trên cao bắt đầu le lói một thứ ánh hồng mờ ảo. Cô gái ngượng ngập rút tay ra khỏi bàn tay ông Pành. Ông chưa bao giờ thấy ai lại đẹp như vậy. Nàng vùng chạy. Ông luống cuống đuổi theo, vấp ngã nhưng rồi cuối cùng ông nắm được tay nàng.*

 *– Em tên là gì? – Ông hỏi. – Ngày mai ta đến cầu hôn… Em có bằng lòng ta không? Cô gái bối rối, mãi sau nàng mới ấp úng:*

 *– Em là Muôn… Ở bản Mường Lưm…*

 *Nàng đẩy ông ra rồi chạy xuống đồi, đôi bắp chân trắng nõn nà. ông Pành ngồi thụp xuống đất, mồ hôi vã ra, bủn rủn. Một niềm sung sướng tràn ngập lòng ông. Ông nằm vật ra giữa đám cỏ gianh ướt sũng, mặc cho những con kiến đen to tướng bò lung tung trên tấm ngực trần. Ông thiếp đi cho đến lúc con ngựa tinh khôn tìm thấy ông, lấy cái miệng nóng hổi nhay nhay vào cái tai to, có những chùm lông đen loăn xoăn của ông để lôi dậy.*

 *Trưa hôm sau, ông Pành dắt ngựa vào bản tìm đến nhà Muôn. ông quỳ xuống, chồng cả đống bạc hoa xòe dự định mua trâu cho ông bố Muôn. Biết lời cầu xin của khách, bố Muôn cười vang, ông gọi vợ con và dân bản đến. Mọi người cười cợt bàn tán. Ông Pành vẫn cứ trơ trơ giữa lời nhạo báng sắc tựa dao chích. Muôn nấp sau khe cửa nhìn ra. Nàng thấy hay hay và thấy câu chuyện còn có vẻ buồn cười nữa. Quả thật, nàng đã quên khuấy đi cơn mưa đá đêm qua, những giọt nước mắt và cuộc gặp gỡ trên đồi.*

 *Một mực khăng khăng, ông Pành nhắc đi nhắc lại những lời cầu hôn. Thực quá đáng, mọi người không thể còn cười được nữa. Cuối cùng, bố Muôn đành phải đặt ra điều kiện:*

 *– Thôi được, ông muốn làm rể tôi thì ông ở đây làm sao hạ được cây gỗ lim to nhất ở đỉnh Phu Luơng mang về. Cây gỗ ấy sau này sẽ là căn nhà của ông và con Muôn đấy…*

 *Mọi người lại cười phá lên. Không ai ở đây không biết cây gỗ lim ấy, vòng gốc của cây gỗ lim tám người đứng ôm không xuể. Nó mọc trên đỉnh núi đá vôi cao đến nỗi đứng ở trên ấy nhìn xuống thì bản Mường Lưm chỉ bé như mái nhà sàn.*

 *– Được! Xin ông hãy giữ lấy lời! – ông Pành trả lời như dao chém đá.*

 *Người ta đồn rằng hôm sau ông Pành leo lên đỉnh núi, bập được nhát rìu đầu tiên vào gốc cây lim thì ông kiệt sức. Ông chết vì bị vỡ tim.*

 *Đám tang ông Pành, Muôn không đi đưa. Hôm ấy nàng bận đi chợ Yên Châu xem đám chọi gà. Chiều về nàng cũng gặp mưa, nhưng mà lần này trời không mưa đá.*

 (*Đất quên*, Nguyễn Huy Thiệp, *Truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp*, NXB Văn hoá Sài Gòn, 2007, tr.22-25)

**VĂN BẢN 78:**

**GIÓ XANH**

**– Phạm Duy Nghĩa –**

*1. Nhà tôi ở trong thung lũng. Nhiều năm trước, khi tôi còn là một cô gái nhỏ, vùng tôi ở được chứng kiến một sự lạ thường.*

*Hôm ấy là một ngày hè. Vào lúc hoàng hôn, có tiếng ù ù vọng lại từ phía chân trời. Không ai rõ là tiếng gì, trời vẫn trong xanh, lơ thơ vài cụm mây bông. Khi âm thanh lạ ấy tràn qua đồng cỏ ven hồ về đến dãy đồi dẫn vào xóm tôi, mọi người nhận ra tiếng gió và những tiếng kêu thét nổi lên. Ai nấy đều kinh hãi.*

*Gió gì mà lại có màu, một màu xanh lam đẹp không thể tưởng tượng nổi. Trong chốc lát nó nhuộm biếc mấy trái đồi khô cằn rồi ào ạt phết màu lên những rặng cây mái nhà. Đi tới đâu gió hiện rõ hình thù tới đấy, vừa đổ màu một cách hoang phí khắp núi đồi thung lũng vừa phát ra những tiếng ngân rất mỏng như khi ta búng vào một chiếc lọ pha lê.*

*Lúc đó tôi đang đứng ở hiên nhà. Chùm chuông gió reo lên lanh lảnh và cánh cửa sổ cũ kỹ bằng gỗ dẻ mở ra đóng lại liên hồi. Nhìn thấy gió cuồn cuộn thốc vào, tôi hoảng hốt đánh rơi cái gầu múc nước. Gió trườn qua tôi mỏng tang, xanh biếc. Thoảng trong gió một mùi thơm rất nhẹ, sâu kín như mùi của loài hoa dại trên núi chín năm mới nở một lần.*

*Đêm ấy dân các xóm đổ cả ra đường. Cảnh đẹp đến mức không ai ngủ nổi. Suốt đêm, gió thổi một màu xanh huyền ảo vào vườn tược, chuồng trại, biến mọi thứ nhếch nhác xập xệ thành chốn thần tiên. Trăng lên, to tròn và trắng bệch mắc trên ngọn cây dạ huyền, màu nguyệt bạch của trăng càng làm ma mị hơn màu xanh của gió. Cho đến sáng, một hương thơm kỳ lạ vẫn quấn quyện trong khắp các khu vườn, khe lũng, lẫn trong hương thôn dã của đất cùng trăm thứ mùi ngan ngát của muôn hoa.*

*2. Một cuộc họp bất thường bàn về gió lạ được triệu tập tại ủy ban xã ngay trong ngày hôm sau. Những người từng trải và có học trong vùng được mời đến. Tuy phấp phỏng lo sợ một tai họa ghê gớm nào đó sẽ tới, ai cũng thừa nhận gió đẹp đến mê hoặc lại có mùi thơm, một thứ hương lạ không giống hương của bất cứ loài cỏ cây nào mọc trong thung lũng.*

*– Có thể nó đến từ một nơi rất xa trên trái đất, đi qua một thảo nguyên nhiều hoa lạ và mang theo đến đây cả những mùi hoa này – Ông giáo già, được kính trọng vì là người duy nhất trong vùng sở hữu một chiếc phong cầm cũ rích, cùng tủ sách mối mọt ố vàng, phỏng đoán.*

*Giả thiết này được nhiều người chấp nhận. Ông giáo mỉm cười mãn nguyện:*

*– Tôi cho rằng đây là một thứ gió cổ còn sót lại ở Âu châu thế kỷ mười bảy. Nó thổi suốt từ đó đến nay và giờ mới tới Việt Nam. Trên đường đi nó bị vướng quẩn ở đâu đó, có thể là dãy Hi Mã Lạp Sơn, nên đổi hướng và đến chậm thế này.*

*Ý tưởng vĩ đại của ông giáo đã vượt ngưỡng mong đợi của mọi người. Lão này đọc nhiều nên ngộ chữ – ai đó nói vậy. Chả có cái thứ gió nào thổi suốt từ thế kỷ mười bảy đến giờ. Ông giáo chưng hửng, xẹp xuống như một con gián đất.*

*Cuộc họp kéo dài đến lúc gian nhà quánh đặc vì khói thuốc lào. Đứng nấp sau cánh cửa nghe trộm, lũ trẻ trai gái chúng tôi cũng bồn chồn. Ai cũng tỏ ra mình khôn ngoan hơn người khác, nhưng điều bí ẩn nhất – vì sao gió có màu xanh – thì từ thông minh đến ngu đần, không cái đầu nào giải mã nổi.*

*Chủ tịch xã ra chiều tư lự. Mặt nhàu nhĩ như quả trám khô, ông yêu cầu mọi người phải bình tĩnh, chờ thêm ít ngày nữa xem diễn biến của gió thế nào.*

*Trong khi ấy, ở bên ngoài, gió vẫn thổi, không ngừng xanh và không ngừng phảng phất thơm.*

*Buổi sớm, gió mềm như một hơi thở nhẹ, màu xanh lơ.*

*Về trưa gió đặc hơn, màu xanh dương. Ngồi trong nhà, tưởng chỉ cần quờ tay ra ngoài là vơ được một nắm gió xanh óng ánh. Ở những chỗ nhiều nắng nhất, có thể thấy rõ từng tảng gió trong veo, lướt thướt trôi như sóng biển. Mặt trời lên cao, gió ngả sang màu xanh biếc.*

*Khi hoàng hôn buông xuống, gió chuyển màu xanh lam. Đây là thời gian lộng lẫy nhất của gió.*

*Lác đác có những người từ tỉnh thành tìm về thung lũng của chúng tôi để chiêm ngưỡng gió lạ. Họ ở trong những cái lều cắm tạm bợ bên hồ, ăn cơm nắm và uống bia Tàu, tới lúc chiều tàn thì nhổ lều chất lên xe máy Simson, ra đi một cách vội vã.*

*Một cán bộ khoa học cũng đến vùng tôi để nghiên cứu gió. Người ấy mang theo một cái máy lạ, gọi là máy phân tích quang phổ, trèo lên ngọn đồi cao và ở lì trên đó. Nghe nói người ấy đã nhét được gió vào một cái bình thí nghiệm và xắt ra thành từng miếng để soi. Sau hai ngày, ông ta biến mất một cách bí hiểm.*

*Chủ tịch xã càng thêm tư lự. Ông cử người đi sang những vùng bên kia hồ nước mênh mông để hỏi xem gió lạ đến từ phương nào. Những con thuyền lẻ loi ra đi rồi trở về. Họ nói rằng: ở những vùng lân cận không hề xuất hiện loại gió này. Có gia đình đánh cá thấy nó hun hút thổi qua mặt hồ, nhưng xuất phát từ đâu, không ai biết.*

*3. Gió xanh thổi trong vùng đồi lũng của chúng tôi suốt mùa hè năm ấy.*

*Sau những ngày lo âu sợ hãi, mọi người dần tin đây là thứ gió vô hại, hiền lành. Trong vùng không ai chết cả. Gia súc vẫn nhởn nhơ gặm cỏ trong thung lũng, cá quẫy trên hồ, hoa mạc thi long lanh trắng khắp đồi và búp cọ vẫn vươn dài như kiếm nhọn giữa rừng xanh. Chỉ có một điều huyền bí, ai cũng cảm thấy mà không ai lý giải nổi, là trong gió có một cái gì đó khiến người ta xốn xang, náo nức lạ thường.*

*Giữa cái thời điện đóm truyền hình chẳng có, đêm nào cũng chỉ là phép cộng nhàm tẻ của trăng nhạt và tiếng chó cắn suông, cuộc sống ở vùng tôi đột nhiên biến thành ngày hội. Từ sáng đến chiều, gió xanh chan chứa khắp đồng bãi núi đồi, đẹp đến trêu ngươi, và khi ánh tà rụt rè buông, dân các xóm hối hả lùa bò lùa dê về chuồng, thồ củi thồ măng về kho, nhà nào cũng muốn ăn bữa tối đạm bạc cho nhanh để rảnh rang đón một bữa tiệc hấp dẫn hơn: bữa tiệc mắt. Đêm xuống, gió cuồn cuộn tràn qua các ô cửa khiến râu tóc mọi người trong nhà xanh lét như yêu quái trong những chuyện hoang đường, bọn trẻ nhìn ngộ nghĩnh như được vớt ra từ lọ dung dịch xanh methylen và với đám thanh niên đang thích làm đỏm chúng tôi, màu gió xanh đã làm lung linh cả những khuôn mặt ngày thường xấu xí nhất.*

*Và không biết từ khi nào, mọi công dân trong vùng đã đồng loạt mắc một căn bệnh mà không ai nghĩ là nguy hiểm: bệnh yêu đời.*

*Mùa hè năm ấy cả vùng gần như không ngủ. Trai gái dắt nhau ra hồ chơi đến sáng, người lớn rì rầm nói chuyện trong các ngõ xóm, khu vườn. Tiếng đàn guitar bập bùng suốt đêm bên hồ, tiếng sáo réo rắt đến khuya trên đồi và tiếng đàn bầu nỉ non đến sáng trên sân nhà. Xóm nào cũng phơi phới, tưng bừng không khí carnaval. Ông giáo già xóm tôi mê mải làm thơ, chủ đề chính là ca ngợi gió xanh, thơ được nhét vào những cái chai đậy kín thả xuống hồ, nhờ sóng mang đến những miền xa thông điệp về “đệ nhất kỳ quan đất nước”. Bị ông giáo lôi kéo, chị chủ nhiệm hợp tác cũng chí thú làm thơ, rồi anh đốt gạch, cậu hớt tôm riu, rồi cả vùng, người kiên trì khai thác thể tự do, người ráo riết tấn công vào lục bát. Ai cũng phát hiện ra miếng ăn là chuyện vớ vẩn tầm thường, đời sống tâm hồn mới là quan trọng. Mẹ tôi bảo: “Đói thế nào tao cũng chịu được. Non nước mình đã bao giờ đẹp thế này chăng?” Bố tôi nói: “Nhìn thấy gió xanh là sướng mắt rồi. Những ngày tao sống đây là ngày đẹp nhất”.*

*Chẳng ai ngờ được chỉ sau thời gian ngắn, gió lạ đã mang đến vùng tôi một cuộc cách mạng về tâm hồn. Trong khi bệnh yêu đời chưa hề có dấu hiệu thuyên giảm thì một căn bệnh khác lại âm thầm xuất hiện: bệnh trong sáng.*

*Người dân vùng tôi ngày đó sống rất hoang dã. Nứt ra giữa trập trùng đồi núi, thung lũng là cái chảo chứa đựng mọi tính xấu của con người. Tiếng chửi nhiều hơn tiếng chim, và đánh lộn đôi khi được coi như trò tiêu khiển. Đêm đêm, cáo từ đồi hoang mò mẫm về xóm bắt gà cũng là lúc người rình rập bên chuồng gà, chờ chủ nhà ngủ say để bắt trộm. Cáo với người cùng thi đua, tuy trong lĩnh vực này thì người khôn hơn cáo.*

*Từ ngày gió lạ về, mọi thói tật trong vùng tự dưng biến mất. Hàng loạt hiện tượng đáng kinh ngạc về tính trung thực đã xảy ra. […]*

*Không chỉ sám hối và trung thực, một bầu không khí đùm bọc và tin cậy lẫn nhau trùm lên khắp xóm làng. Tôi còn nhớ, trong suốt mùa hè tuyệt đẹp ấy, người đàn ông nào có việc phải đi vắng lâu ngày hoặc phiêu bạt xa xứ làm ăn, họ gửi vợ mình cho ông bạn hàng xóm trông nom là chuyện thường. Bạn cứ yên tâm mà đi, vợ bạn ở nhà đã có tôi lo, đêm hôm mưa bão có gì tôi sang giúp. Hết tháng bạn về vẫn thấy vợ bạn nguyên xi, không hề sứt mẻ. Chuyện ấy ở vùng tôi hoàn toàn là sự thật, dù không được ghi lại trong cuốn sử nào.*

*Còn bao điều kỳ lạ nữa, đến mức trên huyện phải cử một đoàn cán bộ về tìm hiểu vì sao dân ở xã này tốt lên một cách đáng ngờ. Đoàn cán bộ ngây ngất ngắm gió xanh lồng lộng thổi, ghi kết luận vào biên bản: “Cảnh ở đây quá đẹp, khiến con người ta không nỡ sống hèn”.*

*(Trích “Gió xanh” của Phạm Duy Nghĩa)*

**VĂN BẢN 79:**

*[…] Vậy là Lụm trở thành con cháu nhà này cũng đã được hơn ba tháng. Ông vẫn nhớ như in buổi sáng hôm ấy. Lúc trở về từ nơi tránh lũ ông thất thần nhìn nhà cửa tan hoang. Lúc đang bới trong đống đổ nát tìm nồi niêu, xoong chảo ông giật mình nhìn thấy trên bụi tre bị bão quật nằm rạp xuống bám đầy bùn đất sau cơn lũ có hình hài một con người. Nói đúng hơn đó là một đứa trẻ, quần áo nhuốm màu bùn, tay cố ôm lấy thân cây. Xứ này đâu lạ gì cảnh sau mỗi trận bão lũ lại thấy đồ đạc nhà mình trôi đi, đồ đạc nhà người ta trôi đến. Khi thì xoong nồi, khi thì cây cối, gà, vịt, khi thì quần áo, búp bê, cặp sách. Nói chung đủ cả, lẫn lộn trong bùn đất chẳng còn dùng được. Nhưng chưa bao giờ ông nghĩ thứ trôi đến sau cơn lũ lại là một thằng bé sáu tuổi, người ngợm đặc như một khối bùn.*

*Sau lũ, nguồn nước cũng ô nhiễm nặng. Những gáo nước đục ngầu không thể gột rửa hết bùn đất trên cơ thể đứa bé tội nghiệp. Ngay cả sau này cũng vậy, dù ông Vại và vợ chồng đứa con trai có yêu thương ra sao cũng không thể nào xóa đi ký ức đau buồn trong nó. Ông từng dắt thằng nhỏ ngược dòng cơn lũ tìm về nhà. Nhưng về đến nơi chỉ thấy cảnh tượng tan hoang. Người ta nói người thân thằng nhỏ đã trôi theo cơn lũ, không về. Kể từ đó thằng nhỏ trở thành con cháu trong nhà. Người làng nói chắc ông trời thương vợ chồng chị Thảo lấy nhau chục năm vẫn chưa có con nên cơn lũ đã đưa thằng nhỏ dừng lại nơi này. Từ khi có nó nhà cửa tự nhiên cứ ấm dần lên. Dù sau lũ, dựng tạm cái lều, ba con người co cụm lại bên mâm cơm đạm bạc và giấc ngủ tứ bề gió thổi. Chồng Thảo đi xuất khẩu lao động đã được gần hai năm. Ở xa, quặn lòng thương quê nhà mưa lũ. Nên Vĩnh nói số tiền anh tiết kiệm được sẽ gửi về xây một căn nhà tử tế, nền cao, móng chắc để những mùa bão sau bớt đi phần thấp thỏm, âu lo. “Hơn nữa, không thể để cho thằng nhỏ sống tạm bợ thế được. Sẽ chỉ càng khiến nó nghĩ về mất mát”. Thế là một ngôi nhà nhỏ được xây lên. Thỉnh thoảng ông Vại ới thằng nhỏ xách hộ cái xô, giữ giùm cái thang, trông giùm mấy mẻ cá đang phơi ngoài sân sợ con mèo ăn mất. Sợ nó ngồi không hay nghĩ ngợi vẩn vơ, lúc giải lao ông thường đạp xe đèo nó đi chơi làng trên xóm dưới. Mấy đứa nhỏ hàng xóm chạy sang kéo thằng Lụm chạy mất tiêu sau rặng cúc tần. Trời tối nhá nhem thằng Lụm trở về với bộ dạng lấm lem, miệng cười hở hàm răng sún chưa thay hết. Thảo vờ mắng nó vài câu chứ bụng dạ thì mừng vui quá chừng. Ít ra cũng thấy Lụm bắt đầu cười trở lại. Nửa đêm cũng ít dần những cơn ác mộng khiến thằng nhỏ bật dậy mếu máo gọi “mẹ ơi”. Nó cũng thôi bám chặt vào cột nhà mỗi khi thấy ngoài trời nổi gió.*

*[..] Cảnh tát cá đồng mới đông vui làm sao. Bà con ai cũng ghé chọn vài con cá to mua về để ăn Tết. Cá đồng ăn cỏ, nước sạch chảy lưu thông nên thơm thịt ai cũng thích. Lụm bận bịu với chiếc giỏ đựng đầy tôm tép của mình. Cô Thảo nói Lụm bán được bao nhiêu tiền đều được giữ lại để đi chợ Tết. Thằng nhỏ sướng rơn lội cả ngày dưới đồng, bùn bết từ đỉnh đầu xuống chân, chỉ hàm răng trắng thỉnh thoảng thích chí cười khanh khách. Tối về cô Thảo đun sẵn nồi nước lá, lôi Lụm ra kì cọ. Tay Thảo dừng lại bên chiếc bớt đỏ trên vai thằng nhỏ, khẽ cười bảo:*

*- Con nhìn xem, hoa đào ngoài vườn chưa kịp nở mà hoa đào trên vai con đã nở hoa rồi.*

*- Hồi trước mẹ con hay nói ai có chiếc bớt đỏ như hoa sau này nhất định sẽ hạnh phúc. Có thật vậy không cô?*

*- Đúng thế. Cô cũng tin sau này Lụm nhất định sẽ trở thành một chàng trai tươi vui, hạnh phúc. Bởi con mang cả mùa xuân đang nở thắm trên vai.*

*Lụm nhắm mắt, ngửa cổ cảm nhận sự ấm áp của từng gáo nước lá dội xuống người mình và những cánh hoa đào chầm chậm nở trên vai...*

**(Vũ Thị Huyền Trang)**

***\*Chú thích:* Tác giả: Vũ Thị Huyền Trang sinh năm 1987, tốt nghiệp Khóa 9 Khoa Viết văn và Báo chí, Đại học Văn hóa Hà Nội. Hội viên Hội VHNT tỉnh Phú Thọ.**Vũ Thị Huyền Trang là tác giả của 14 đầu sách văn học đã xuất bản, sở hữu một bộ sưu tập khá lớn các giải thưởng lớn nhỏ trong các cuộc thi sáng tác văn xuôi, truyện ngắn. Các sáng tác chủ yếu viết về đề tài gia đình và người phụ nữ. Ở chị luôn có sự yêu thương day dứt cho những số phận, những bi kịch của con người nhất là người phụ nữ và trẻ em.

Truyện “*Hoa đào nở trên vai”*: là câu chuyện cảm động, giàu giá trị nhân văn, để lại trong tâm hồn bạn đọc những ấn tượng tốt đẹp về tình cảm của con người sau mùa lũ. Đọc truyện, chắc hắn trong trái tim ta cảm thấy vô cùng ấm áp bởi tình cảm của bố con ông Vại dành cho Lụm - cậu bé bị trôi dạt theo dòng nước lũ may mắn được ông Vại cứu sống và cưu mang.

**VĂN BẢN 80:**

**MÂY TRẮNG CÒN BAY (Bảo Ninh)**

*Máy bay cất cánh trong mưa. Tiếng càng bánh xe gấp lại có vẻ mạnh hơn bình thường dội độ rung vào thân máy bay. Tôi tiếc là đã không nghe lời vợ. Đáng lý nên trả vé, đừng theo chuyến này. Ngày xấu, giờ xấu, thời tiết xấu.*

*Máy bay hẫng một cái như hụt bước. Tay vận complet ngồi bên cạnh tôi mặt nhợt đi, mắt nhắm nghiền, cặp môi run run. Tôi bấu chặt các ngón tay vào thành ghế. Con người tôi bé tí hin treo trên vực sâu đang càng lúc càng sâu thẳm.*

* *Mây ngay ngoài, các bác kìa! - bà cụ ngồi ở ghế trong cùng, kề cửa sổ, thốt kêu lên.*

*Chiếc TU đã lấy được độ cao cần thiết, bắt đầu bay bằng. Hàng chữ điện “Cài thắt lưng an toàn” đã được tắt đi. Nhưng ngoài cửa sổ vẫn cuồn cuộn mây.*

* *Mây cận quá, bác nhỉ, với tay ra là với được - Bà cụ nói - Y thể cây lá ngoài vườn.*

*Tay vận complet nhấc mi mắt lên. Môi y mím chặt, vẻ căng thẳng đổi thành quàu quạu.*

* *Vậy mà sao nhiều người họ kháo là tàu bay trỗi cao được hơn mây bác nhỉ?*

*Tay nọ làm thinh.*

* *Chả biết đâu trời đâu đất thế này biết lối nào mà về bến, thưa các bác?*

*Không được trả lời, bà cụ chẳng dám hỏi han gì thêm. Bà ngồi im, ôm chặt trong lòng một chiếc làn mây. Hình vóc bé nhỏ, teo tóp của bà như chìm lấp vào thân ghế. Khi cô tiếp viên đẩy xe đưa bữa điểm tâm đến, bà không muốn nhận khay đồ ăn. Bà bảo cơm nước lạ kiểu chẳng đũa bát gì chẳng quen, mấy lại đã ăn no bụng hồi sớm, mấy lại cũng thực tình là già chẳng có lắm tiền. Cô gái ân cần giải thích để bà cụ yên tâm rằng giá của suất ăn này đã được tính gộp trong tiền vé.*

* *Thảo nào hai lượt tàu bay những triệu bạc - bà cụ nói - Vậy mà lúc biếu già tấm vé các chú không quân cùng đơn vị với con trai già ngày nọ bảo là tốn có trăm ngàn. Các chú ấy cho già thì có, chứ còn tính ở quê đừng nói triệu với trăm ngàn, ngàn với trăm cũng khó.*

*Bà cụ hạ chiếc bàn gấp xuống xong không bày bữa ăn lên đấy. Tất cả các thứ hộp thứ gói trên khay bà dồn hết vào chiếc làn mây. Bà chẳng ăn chút gì. Lúc người ta mang đồ uống đến, bà cũng chỉ xin một cốc nước lọc. Bà hỏi cô tiếp viên:*

* *Đã sắp đến sông Bến Hải chưa con?*
* *Dạ thưa - Cô gái nhìn đồng hồ đeo tay - Còn chừng dăm phút nữa ạ. Nhưng thưa cụ vì chúng ta bay trên biển nên không ngang qua sông mà sẽ chỉ ngang qua vùng trời vĩ tuyến 17.*
* *Lát qua đấy con bật dùm già cái cửa tròn này con nhé, cho thoáng.*
* *Ấy chết, mở thế nào được ạ. Cô gái bật cười.*

*Ngoài cửa sổ nắng loé lên, cánh máy bay lấp lánh, nhưng chỉ trong chốc lát. Trên rất cao này, trời vẫn còn mây. Người tôi nôn nao như ngồi trên đu quay. Chưa chuyến nào thấy mệt như chuyến này. Có lẽ vì cơn bão đang hoành hành ở miền trung nên không trung đầy rẫy ổ gà. Máy bay chòng chành, dồi lắc, bên thân và dưới sàn khe khẽ phát ra những tiếng răng rắc như sắp rạn.*

*Tay vận complet xoè diêm châm thuốc. Là dân nghiện nhưng lúc này tôi thấy gai với khói. Lẽ ra y nên xuống phía dưới mà thả khí chứ chẳng nên phớt lờ hàng chữ “không hút thuốc” sáng nay trước mũi y như vậy, tôi sẽ uể oải thầm nghĩ, đậy tờ báo lên mặt và nhắm mắt lại.*

*Giấc ngủ thiu thiu chầm chậm trườn tới.*

* *Làm cái gì vậy? Hả! Cái bà già này!*

*Tôi giật bắn mình. Tôi bị giằng khỏi giấc ngủ không phải vì tiếng quát, tay ngồi cạnh tôi không quát to tiếng, chỉ nạt, nạt khẽ thôi, đủ nghe. Nhưng âm hưởng của nỗi hoảng hốt và sự cục cằn trong giọng y như tát vào mặt người ta. Thận trọng, tôi liếc nhìn. Khói thuốc và cặp vai to đùng của y che khuất cả bà cụ già, cả ô cửa sổ.*

* *Này, cô kia, cô nhân viên! - Y sang trọng đứng dậy mắng - Tới mà nhìn! Đây là hàng không hay là cái xô bếp? Là phi cơ hay là cái miếu thờ thế này, hả?*
* *Van bác... - Bà cụ sợ sệt - Bác ơi, van bác... Chẳng là, bác ạ, bữa nay giỗ thằng cả nhà tôi. Non ba chục năm rồi, bác ơi, tôi mới lên được đến miền cháu khuất.*

*Tay nọ gần như bước xéo lên đùi tôi, xấn ra lối đi. Bộ mặt hồng hào bừng bừng giận dữ và khinh miệt.*

*Bà cụ ngồi, lặng phắt, lưng còng xuống, hai bàn tay chắp lại, gầy guộc. Trên chiếc bàn gấp bày đĩa hoa cúng, nải chuối xanh, mấy cái phẩm oản và ba cây nhang cắm trong chiếc cốc thuỷ tinh đựng gạo. Một bức ảnh ép trong tấm kính cỡ bàn tay để dựng vào thành cốc.*

*Cô tiếp viên vội đi tới. Cô đứng sững bên cạnh tôi. Không hề kêu lên, không thốt một lời, cô lặng nhìn.*

*Máy bay vươn mình nâng độ cao vượt qua trần mây. Sàn khoang dốc lên. Cái bàn thờ nhỏ bé bỏng của bà cụ già hơi nghiêng đi. Tôi xoài người sang giữ lấy cái khung ảnh. Tấm ảnh được cắt ra từ một tờ báo, đã cũ xưa, nhưng người phi công trong ảnh còn rất trẻ.*

*Khói nhang nhả nhè nhẹ, bốc lên dìu dịu, mờ mỏng trong bầu không khí lành lạnh của khoang máy bay. Những cây nhang trên trời thẳm toả hương thơm ngát. Ngoài cửa sổ đại dương khí quyển ngời sáng.*

(*Mây trắng còn bay*, Bảo Ninh, Nguồn *https://kilopad.com/Tieu-thuyet-truyen-ngan-c197/doc-sach-truc-tuyen-may-trang-con-bay-b8820*)

**VĂN BẢN 81: ÔNG NGOẠI**

***(*Nguyễn Ngọc Tư***, Nhà xuất bản trẻ*2001.)

*“****Lược phần đầu****: Người nhà Dung đi nước ngoài, Dung sang ở với ông ngoại. Ban đầu Dung không hòa nhập được với cuộc sống mới, than thở với mẹ và người mẹ khuyên cố gắng chăm ông thay mẹ…*

*Dung anh ách lái xe về nhà ngoại, cậu đi để lại chiếc Chaly màu xanh, Dung dùng đi học. Hồi sáng này,  ông ngoại dắt xe ra đến cửa Dung hỏi:*

*– Ngoại định đi đâu*

*– Ông lên quận một chút.*

*Dung ngăn:*

*– Thôi, ngoại già rồi, không nên lái xe, có đi, con chở ông đi.*

*Ông tỏ vẻ giận, quầy quả vào nhà. Ôi, người già sao mà khổ đến vậy.*

*Thế nghĩa là có hai thế giới ở trong ngôi nhà. Thế giới của ông là mấy ông bạn già, là mấy chồng nhựt báo, là cái radio đâu hồi còn đánh nhau, là trầm tư suy ngẫm, là mảnh sân hoa trái. Thế giới của Dung là tiếng nhạc gào thét xập sinh, là sắc màu xanh đỏ, là quả đất như nằm gọn trong bàn tay. Sáng nó dậy thật sớm để nấu cơm, sau đó đi học, chiều lại học, buổi tối nó vù xe đến bạn chơi hoặc về nhà nghe mấy đứa em cãi nhau ỏm tỏi. Hai thế giới vừa giành giựt vừa hoà tan nhau.*

*Mặc dầu Dung đang ở trong thế giới của ông, mà không biết mình đang chìm dần vào đấy…*

*Có những sự thay đổi Dung không thể ngờ được. Bây giờ mỗi đêm Dung trở mình nghe  ông ngoại ho khúc khắc. Nghe cây mai nhỏ nứt mình, nảy chồi Dung nghiện hương trầm tối tối ông thắp lên bàn thờ bà ngoại. Lắm khi lũ em Dung sang, chúng nó phá phách quậy tung cả lên, Dung mắng, chúng nó trề môi “Chị hai khó như một bà già”, Dung giật mình. Có lẽ quen với cái tĩnh lặng trong sân mà mỗi chiều Dung giúp ông tưới cây, cái khoảng không xanh lạc lõng trong khói bụi, đâu đó, trên tàng me già, dăm chú chim hót líu lo Dung quen dáng  ông ngoại với mái tóc bạc, với đôi mắt hõm, cái cằm vuông, quen mỗi tháng một lần cọc cạch lên phường lương hưu. Có một điều Dung ngày càng nhận ra tiếng ho của ông ngày càng khô và rời rạc như lời kêu cứu. Chủ nhật Dung cắm cúi lau chùi bên dàn karaoke phủ bụi, ông đứng lên nheo mắt:*

*– Sao con không hát, con hát rất hay mà.- Dung thoáng ngỡ ngàng, nó hỏi:*

*– Ngoại có thích nghe không?*

*Rồi mở máy. Hôm ấy Dung rất vui, lần đầu tiên nó hát cho riêng ông nghe và quan trọng nhất là ông đã ngồi lại đấy, gật gù.*

*…*

*Hết mùa me dốt, ông cháu Dung nhặt là mai đón Tết. Cậu gửi thư và quà về. Ông ôm chầm lấy thư bảo Dung.*

*– Con đọc ngoại nghe.*

*Dung đọc một lèo, lúc ngước lên đã thấy mắt ông đỏ rưng. Ông đến bàn thờ bà, đốt nén hương, mùi trầm ngào ngạt, Dung hỏi:*

*– Ngoại thương cậu như vậy, sao không theo cậu?*

*Ông trìu mến:*

*– Ngoại muốn mỗi năm cùng con đón giao thừa và nghe con hát”.*

*( Ông ngoại,*Nguyễn Ngọc Tư*, Nhà xuất bản trẻ*2001.)

**\*Chú thích:***Nguyễn Ngọc Tư: sinh năm 1976, quê ở Cà Mau, là nữ nhà văn trẻ của Hội nhà văn Việt Nam. Nguyễn Ngọc Tư thường viết về những điều bình dị, gần gũi xung quanh cuộc sống của mình. Giọng văn chị đậm chất Nam Bộ, là giọng kể mềm mại mà thâm trầm, sâu cay về những cuộc đời éo le, những số phận chìm nổi. Cái chất miền quê sông nước ngấm vào các tác phẩm, thấm đẫm cái tình của làng, của đất, của những con người chân chất hồn hậu nhưng ít nhiều gặp những bất hạnh.**Truyện ngắn “Ông ngoại” với một cốt truyện đơn giản nhưng chủ đề, đề tài có giá trị nhân văn cao, khiến người đọc phải suy ngẫm về nhiều điều có giá trị của cuộc sống.*

**VĂN BẢN 82: GIÀN BẦU TRƯỚC NGÕ – Nguyễn Ngọc Tư**

*Tôi không thích khi cưỡi xe vào tận thềm nhà lại phải rạp mình dưới giàn bầu ấy. Chị và mẹ tôi lại ngại tóc rối. Cha tôi khó chịu khi phải dắt quan khách len lỏi bên mấy trái bầu để vào căn nhà sang trọng. Nhưng không ai dám chặt phá giàn bầu bởi nó của bà nội tôi. Bà trông nó từ hồi trong quê ra. Thoạt đầu, chị em chúng tôi thích lắm, chiều chiều lon ton xách thùng ra tưới. Chúng tôi tưới như tưới hoa. Nội cười- “Bay tưới như thằn lằn đái”. Rồi bà đổ nước soàn soạt, chúng tôi nghe theo, đổ nước soàn soạt. Dây bầu lớn. Trong cái nách mập mạp lú ra mấy trái con xanh xanh. Trái bằng đầu đũa, bằng ngón tay, cườm tay rồi to to mãi. Bữa canh đầu tiên cả nhà háo hức, nuốt tuồn tuột từng miếng bầu trong veo, ngọt lịm. Ba gật gật khen ngon, day sang trách mẹ “sao trước giờ không mua bầu mà nấu ăn bà ta?”*

*Một lần, hai lần rồi ba lần, chúng tôi ngán tận cổ. Mà, chết thật, nội tôi cứ trồng mãi, trồng mãi, giàn bầu ngày càng rộng ra choán hết khoảng sân kiểng của cha xanh rầm rì. Trái già đến vàng khô, không ai ăn, bà mang cho hàng xóm. Hàng xóm chúng tôi cũng giàu có, họ chê nhưng cũng nhận bởi họ nể cha tôi. Nhiều quá, sớm sớm, chiều chiều, nội mang ra ngõ, này cho chị xôi chè một quả: “ăn lấy thảo”, này cho bác xích lo trái bầu “về nấu cho sắp nhỏ”. Rồi bà lại trồng. Chị Lan nhăn nhó:*

*– Nội ơi, trồng chi nhiều vậy?*

*Bà nội cười, buồn buồn.*

*– Nội làm lặt vặt quen rồi. Trồng trọt để đỡ nhớ quê.*

*Ôi cái quê của nội. Cái quê heo hút muốn về phải đỉ mấy chặng xe, tàu. Cái quê mà mỗi lần về, vào cuối mùa mưa, đất bùn quến vào móng chân tôi, ém chặt thối đen. Cái quê đèn cầy, đèn cóc, đêm nhóc nhen kêu buồn nẫu ruột, mùa lũ, lơ phơ chỉ thấy mấy nóc nhà. Ba tôi nói “làm người đừng suy nghĩ hẹp hòi, đừng tưởng nơi mình sinh ra, nơi có mồ mả ông cha là quê hương, khắp đất nước này chỗ nào cũng là quê cả”. Cha tôi nói đúng và ông rước bà nội lên thành phố. Trước, ông chủ tịch đến nhà chơi, uống bia khà khà rồi nhắc: “- Lâu quá không gặp má, hôm nào chú mầy rước má lên, tội nghiệp bà già…” Cha bưng bát hương ông đi trước, bà nội lúi húi bưng bát hương chú Út theo sau. Ở nhà tôi, công việc nhàn đến mức bà thơ thẩn vào rồi lại thơ thẩn ra. Nhà cao cửa rộng, khéo đi, cả ngày chẳng ai gặp mặt ai. Chị tôi đi học cả ngày, mẹ tôi đến sở. Bà ra cửa trước, tôi vào cửa sau, bà lên lầu, cha đi xuống, gặp nhau ở lối ngõ cầu thang, nội ngó cha, nhắc “Lúc này bay bận rộn, đến không không ăn cơm ở nhà, khéo ngã bệnh nghen con”. Cha cười “má khỏi lo”. Rồi mỗi người mỗi ngả. Bà năng xuống bếp, quấn quít ở đấy. Chị bếp khoe:*

*– Bác ơi, con làm bánh tổ nè, bác cháu mình cùng ăn nghen.*

*Bà tôi gật gù khen ngon. Tôi tò mò nhón lấy một miếng ăn thử, nó ngòn ngọt dai dai. Thứ bánh nhà quê này xem ra có khác với Sandwich, chocolate. Bà làm nhiều thứ bánh lắm, không kể hết được, nào là bánh ngọt, bánh ú….toàn là bánh nhà quê, mà hình như chỉ tôi ăn, ba mẹ, chị Lan đều tránh xa xa hỏi ” Bánh đó ăn ra làm sao? ” Tôi khoe “Sáng này nội làm bánh khọt ngọt ngon lắm.”Chị Lan tròn mắt” bánh gì tên ngộ vậy?*

*Ừ, ngộ, ngộ chứ. Nội mua về cái lò đất khói tù mù. Cha tôi chê. Nội mang ra ngoài hè để đỡ ám khói tường nhà. Bà bảo: “Làm bánh khọt thì phải đốt bằng lò đất, nó mới ngon”. Bà đốt lửa, mắt già tèm nhem nước mắt mùi khói thơm thơm, cay nồng. Mùa này nhiều trái bầu khô, nội hái vào móc ruột ra, lấy cái vỏ mằn mì gọt. Lâu lâu nội đưa lên nhìn, nheo nheo mắt. Tôi hỏi, nội gọt gì. Nội cười, đưa cho tôi mảnh vỏ dầy hình trái tim nỏ xíu.*

*– Mặt dây chuyền cho tụi nhỏ đeo.*

*Tôi không nén được xuỳ một tiếng.*

*– Thời này ai đeo mấy thứ này, nội làm chỉ mất công.*

*Trong đôi mắt đùng đục của bà, tôi thấy có một nỗi buồn sâu kín. Con chị bếp dưới quê lên, bà gói dúi vào tay nó mấy mảnh bầu. Con nhỏ hớn hở, vui thiệt là vui. Cũng niềm vui ấy, con bé bán vé số lỏn lẻn cười “Bà đẽo đẹp ghê ha”. Hôm sau tôi thấy nó xúng xính xỏ cọng chỉ vào, đeo tòn ten trước cổ lạ lắm. Hình như tôi ngắm vàng ròng, cẩm thạch quen rồi. Tôi xin, bà móm mém cười “Bà để dành cho bay cái đẹp nhất nè”.*

*Tôi gói trái tim xíu xíu kia bỏ vào ngăn tủ, chị Lan trông thấy giành “cho chị đi”. Tôi lắc đầu. Chị giận bảo “chị cóc cần, ở chợ bán hàng khối”. Nhưng rồi chị quay về nài nỉ tôi . Lần đầu tiền, tôi thấy món quà của nội dễ thường đến thế.*

*Giàn bầu vẫn trước ngõ. Cha tôi đã thôi khó chịu, hay bực dọc riết rồi chai đi, chẳng biết bực là gì nữa. Nhưng khách đến nhà, ai cũng khen “anh ba có giàn bầu đẹp thiệt”. Họ săm soi, từng mảng lá cuống hoa. Khách nước ngoài còn kề má bên trái bầu xanh lún phún lông tơ mà chụp hình kỷ niệm. Mấy anh chị sinh viên đạp xe ngang dừng lại nhìn đau dấu qua rào rồi kháo nhau “Nhớ nhà quá, tụi mày ơi”. Chiều chiều, tôi ra giàn bầu xanh rượi, mơ màng nghe con ong vò vẽ trên từng phiến lá, chớp mắt nhìn chim sâu lích rích chuyển cành, chuồn chuồn rồi bướm rồi hoa thi nhau nở chấp chới. Bà nội tôi yếu hơn trước, mùa mưa bắt đầu lướt sướt đi qua. Ông chủ tịch đến chơi nhà, ôm chầm lấy nội, lắc lắc “lúc này má khoẻ không?” Nội cười xoà mà nghe nghẹn nghẹn “khoẻ, má khỏe”. Cha tôi sai chị bếp mang rượu thịt ra ông chủ tịch khóa tay:*

*– Thôi, chú bảo chị ấy nấu canh bầu ăn.*

*Cha hẩng mặt. Chị bếp lúi húi gọt bầu, mùi nước canh xông vào mũi thơm lừng. Ông chủ tịch day qua bà nội khoe “lâu quá không ăn canh bầu rồi, má!” nội cười: “má nhớ bay thích nhất là ăn bầu nấu tép bạc”. Cha dôi dợm mình “để con đi mua tôm”. Ông chủ tịch ấn vai, bảo “thôi, chú cứ ngồì xuống, anh thèm lắm rồi, không chờ chú được đâu”. Hôm ấy cả nhà tôi ăn lại bát canh ngày xưa, nghe ngọt lìm lịm lưỡi. Chị bếp ngó nội, khoái chí cười đầy hàm ý. Hình như nội tôi vui.*

*Giàn bầu thưa hẳn đi. Cái giống lạ thật. Nắng bao lâu vẫn xanh tốt, mới mưa dầm lại héo dây. Tôi đập vỡ trái bầu khô, lấy hạt ra ươm. Mùa mưa dữ dội, nội tôi bệnh, bà bị chứng tai biến não. Nội lơ ngơ, đã cười đã khóc thì không sao dừng được, tay run rẩy cầm ca nước, bát cơm cũng khó. Trời đổ mưa, sấm giật ầm ầm, nội thều thào nhắc:*

*– Sắp nhỏ đừng hứng nước mưa đầu mùa, hổng tốt. Chà, mưa vầy ngập đồng rồi, ngâm giống gieo mạ đi thôi.*

*Bà nội lẩn thơ lẩn thẩn rồi, mà hình như bà chỉ nhớ về quá khứ. Nội hay ra ngoài hiên, chăm chăm nhìn giàn bầu đang run rẩy trong gió. Bà ngồi đấy lặng lẽ, thẫn thờ, như chờ một tiếng vạc sành, một tiếng ếch kêu. Tay bà lạnh ngắt, tôi chạy vào phòng lấy lọ dầu thoa, vẫn thấy mảnh bầu trái tim màu vàng trong ngăn kéo, cái màu vàng như của rạ, của lúa, như của mái nhà lá nhỏ lơ phơ dưới nắng chiều. Giàn bầu vẫn trước ngõ, có kẻ đi qua kêu lên, “tôi nhớ nhà”. Cha tôi bảo: “có thể bứt người ta ra khỏi quê hương nhưng không thể tách quê hương ra khỏi chúng trái tim con người.” Và cha tôi lại nói đúng.*

**VĂN BẢN 83:**

*Tuy có ca thán về cha, nhưng chị Mai thương cha vô cùng. Cái dạo chị mới năm sáu tuổi, cha về phép. Một cái khung xe đạp, một con búp bê tóc vàng, vài mảnh vải cho vợ con; vậy mà cả nhà vẫn đầm ấm, hạnh phúc, vui vẻ. Cha rất quý con gái. Ngày ấy, gia đình tôi chưa chuyển lên Hà Nội ở. Chiều chiều, cha tôi dẫn con gái đi dọc triền đê nhìn đồng quê sông nước. Hình ảnh cha vận sắc phục nhà binh, đeo quân hàm đỏ chói, bàn tay to dầy thô dắt đứa con gái nhỏ bé lích chích đi tha thẩn, nhàn hạ, thanh bình trên triền đê đầy hoa cỏ may cứ đi theo chị tôi suốt tuổi thơ đến bây giờ. Nhưng, ám ảnh, sợ hãi nhất là khi cha khoác ba lô trả phép. Ngày ấy, bên chiến trường Campuchia đánh bọn Pôn Pốt vẫn đang ác liệt. Cha phải đi, bên ấy có nhiều việc đang chờ. Con gái và cha vừa ấm hơi, quen nhau thì cha đã ra đi. Cha không muốn mẹ đưa ra tận ga tàu, cha sợ những giọt nước mắt sụt sùi. Mẹ và chị tôi tiễn chân cha ra đầu làng. Cha âu yếm nhìn vợ, rồi ôm hôn con gái, cha bảo mẹ tôi: “Em và con về đi”. Cha thả con gái xuống và quay lưng rảo bước, những bước chân dài đạp trên đá mạt rào rạo, vội vã, thỉnh thoảng quay lại vẫy vẫy tay. Bỗng chị tôi khóc thét lên và cùn cụt chạy theo cha. Cha tôi quay lại ôm choàng lấy con gái. Nước mắt chị tôi nhoen nhoét vào gương mặt dãi dầu từng trải của cha. Mẹ tôi bảo: “Hay anh ở lại, mai hãy đi”. Cha tôi bảo: “Em đừng buồn. Anh mà ở lại thì anh không đi được nữa. Thôi nào con, cho bố đi nào”. Cha chuyền tay trao con gái cho vợ rồi quay gót. Lần này, bước chân ông quả quyết, thật nhanh, không ngoái đầu nhìn lại. Mẹ và chị tôi thầm thũi khóc nhìn bóng cha tôi cứ xa dần, mờ dần.*

(*Trích “Cha tôi”*, Sương Nguyệt Minh, vannghe.ninhbinh.gov.vn)